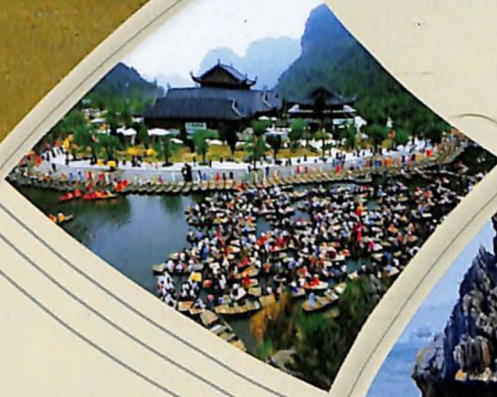


TS. NGUYỄN THỊ THỐNG NHẤT



# PHÁT TRIỂN DU LỊCH

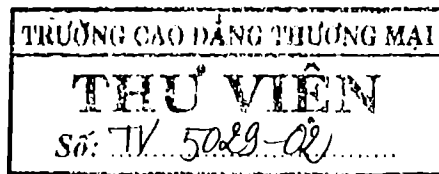
TRÊN CƠ SỞ KHAI THÁC HỢP LÝ  
GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA THẾ GIỚI VẬT THỂ



NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

TS. NGUYỄN THỊ THỐNG NHẤT

PHÁT TRIỂN DU LỊCH  
TRÊN CƠ SỞ KHAI THÁC  
HỢP LÝ GIÁ TRỊ DI SẢN  
VĂN HÓA THẾ GIỚI VẬT THỂ



NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

## LỜI MỞ ĐẦU

Hoạt động du lịch đang ngày càng trở nên phổ biến tại nhiều quốc gia trên thế giới. Xu hướng du lịch văn hóa cũng được nhiều du khách trên thế giới quan tâm. Du lịch văn hóa là loại hình du lịch đặc biệt vì nó giúp cho du khách cảm nhận được các giá trị văn hóa, có thêm những hiểu biết về vùng đất nơi mình đặt chân đến. Những tài nguyên du lịch văn hóa là nhân tố chính được đưa vào khai thác để góp phần thu hút khách du lịch trong và ngoài nước đến tham quan và nghiên cứu. Việc khai thác các tài nguyên này góp phần thúc đẩy sự phát triển du lịch ở các địa phương. Tuy nhiên, nếu không được khai thác hợp lý, các tài nguyên này sẽ ngày càng bị xuống cấp, làm suy giảm chất lượng. Hơn nữa, việc đánh giá chưa đúng đắn về các giá trị văn hóa cũng làm cho việc khai thác các tài nguyên này tràn lan và thiếu hợp lý. Việc làm thế nào để những giá trị tự nhiên và nhân văn được tái hiện, được tôn tạo, được bảo tồn và phát triển, được biến thành các giá trị kinh tế đang là vấn đề chung được quan tâm ở những nước có nhiều tiềm năng phát triển hoạt động du lịch.

Di sản văn hóa thế giới là những tuyệt tác được thừa kế từ quá khứ và có thể truyền lại cho thế hệ mai sau. Di sản văn hóa thế giới rất quan trọng vì nó gắn liền với quá khứ và hiện tại, nó giúp nhận thấy được truyền thống, tín ngưỡng, thành tựu của một đất nước và con người ở đó. Tuy nhiên, cũng giống như nhiều thứ khác, di sản văn hóa rất mỏng manh và nếu không giữ gìn cẩn thận rất dễ bị hư hại. Các địa phương có lợi thế phát triển du lịch với các di sản văn hóa thế giới được UNESCO công nhận có thể tận dụng và khai thác những nguồn tài nguyên quý giá này để phát triển du lịch. Tuy nhiên, để các tài nguyên luôn nguyên vẹn, việc khai thác phải luôn đi đôi với bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị các di sản văn hóa. Do đó vấn đề khai thác hợp lý các di sản văn hóa thế giới được đặt lên hàng đầu, phải khai thác làm sao để mang đến những lợi ích cho hiện tại mà không gây những ảnh hưởng gì cho thế hệ mai sau.

*Đà Nẵng, tháng 8 năm 2015.*

**Tác giả**

# NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

## 1. Du lịch

Hoạt động du lịch đã xuất hiện từ rất lâu trong lịch sử phát triển của loài người. Trong những năm gần đây du lịch phát triển nhanh ở nhiều nước trên thế giới. Đối với nhiều quốc gia, du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng, nguồn thu ngoại tệ lớn, là ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước.

Du lịch là một trong những hình thức di chuyển tạm thời của du khách từ một vùng này sang một vùng khác, từ một nước này sang một nước khác mà không thay đổi nơi cư trú hay nơi làm việc. Hơn nữa du lịch là một ngành kinh tế, dịch vụ có nhiệm vụ phục vụ cho nhu cầu tham quan giải trí nghỉ ngơi, có hoặc không kết hợp với các hoạt động chữa bệnh, thể thao, nghiên cứu khoa học và các nhu cầu khác. Để hoạt động du lịch có được thành công đòi hỏi phải có sự phối hợp lẫn nhau giữa khách du lịch với chính quyền địa phương, nhà kinh doanh du lịch và cộng đồng cư dân địa phương. Các chủ thể trên tác động qua lại lẫn nhau trong mối quan hệ của họ đối với hoạt động du lịch. Đối với khách du lịch, du lịch mang lại cho họ một sự hài lòng vì được hưởng một khoảng thời gian thú vị, đáp ứng các nhu cầu giải trí nghỉ ngơi thăm viếng của họ. Những khách du lịch khác nhau sẽ có những nhu cầu khác nhau với những hoạt động giải trí khác nhau. Đối với các đơn vị kinh doanh du lịch, họ xem du lịch như là một cơ hội kinh doanh nhằm thu lợi nhuận qua việc cung ứng những hàng hóa và dịch vụ du lịch. Đối với chính quyền, du lịch được xem như là một nhân tố thuận lợi đối với nền kinh tế trong lãnh thổ của mình. Chính quyền quan tâm đến số công việc mà du lịch tạo ra, thu nhập mà cư dân của mình có thể kiếm được, khối lượng ngoại tệ mà khách du lịch quốc tế mang vào cũng như những

khoản thuế nhận được từ hoạt động kinh doanh du lịch và từ khách du lịch. Đối với cộng đồng cư dân địa phương, khách du lịch được xem như là một cơ hội để tìm việc làm, tạo thu nhập nhưng đồng thời họ cũng là nhân tố hấp dẫn khách du lịch bởi lòng hiếu khách và trình độ văn hóa của họ. Như vậy cùng với sự phát triển của hoạt động du lịch, khái niệm du lịch cũng có sự phát triển từ hiện tượng đến bản chất. Tùy thuộc vào từng góc độ nghiên cứu mà người ta sử dụng khái niệm du lịch với các nội dung khác nhau.

## 2. Khái niệm phát triển du lịch

Phát triển là sự gia tăng dần của một sự vật theo hướng tiến bộ hơn, mạnh hơn (theo từ điển Oxford, 1998). Phát triển là mở mang từ nhỏ thành to, từ yếu thành mạnh. Theo ý nghĩa về mặt triết học, phát triển là sự thay đổi về lượng, biến đổi về chất. Phát triển là quá trình làm tăng thêm năng lực của con người hoặc môi trường để đáp ứng nhu cầu của con người hoặc nâng cao chất lượng cuộc sống của con người. Do đó có thể thấy rằng phát triển mang nội hàm là sự hoàn thiện về mọi mặt, từ kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường. Chính sự phát triển đã làm cho mọi điều tốt đẹp hơn, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng.

Du lịch không chỉ là một hiện tượng xã hội mà còn là một lĩnh vực kinh tế với đối tượng phục vụ là người đi du lịch. Du lịch là nhân tố quan trọng không chỉ đối với nền kinh tế mà còn với việc tạo ra công ăn việc làm, xóa đói giảm nghèo. Khi thu nhập của người dân dần tăng lên, mức sống của họ ngày càng được nâng cao, họ có thể cải thiện điều kiện sinh hoạt. Bên cạnh đó, những điều kiện sống được chú trọng để phát triển du lịch.

*Phát triển du lịch là quá trình trong đó các cơ quan Nhà nước, đơn vị kinh doanh, các tổ chức cùng phối hợp để thúc đẩy hoạt động du lịch phát triển, tạo ra những điều kiện tốt hơn cho du lịch của một địa phương, tạo ra việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống.*

## 3. Các tiêu thức đánh giá phát triển du lịch

➤ Số lượt khách du lịch đến với địa phương

Thông qua số lượt khách du lịch đến với địa phương có thể nhận

ra khả năng phát triển du lịch của địa phương đó. Số lượt khách du lịch được xác định dựa trên số lượt khách du lịch quốc tế và số lượt khách du lịch nội địa. Khi khách du lịch có khả năng về kinh tế như thu nhập tăng cao, số tiền tiết kiệm được nhiều hơn cùng với có thời gian rảnh, họ nghĩ đến việc đi du lịch để mở mang trí tuệ, tìm hiểu các nền văn hóa khác nhau và chiêm ngưỡng các danh lam thắng cảnh ở khắp nơi trên thế giới. Cùng với sự quần chúng hóa của hiện tượng du lịch, số lượt khách du lịch ngày càng đông. Đây cũng là một trong những chỉ tiêu góp phần đánh giá khả năng phát triển du lịch của một địa phương, một khu vực nào đó. Hơn nữa dựa trên số lượt khách đến có thể tính được tốc độ tăng trưởng và tốc độ phát triển số lượt khách, nhờ đó có thể biết được sự phát triển du lịch tại đó như thế nào. Tốc độ tăng trưởng lượt khách biểu hiện mức độ phát triển, sự tăng trưởng và quy mô khai thác khách của địa phương.

Các chỉ số được lựa chọn để đánh giá:

- Số lượt khách (bao gồm số lượt khách quốc tế và số lượt khách nội địa).

- Tốc độ tăng trưởng lượt khách.

- Tổng số ngày khách = Tổng số lượt khách × Số ngày lưu trú bình quân.

- Tốc độ tăng trưởng số ngày khách.

➤ Thu nhập từ hoạt động kinh doanh du lịch

Du lịch mang lại thu nhập ngày một lớn cho xã hội. Hoạt động du lịch thu hút sự tham gia của các thành phần kinh tế và mọi tầng lớp nhân dân, mang lại thu nhập không chỉ cho những đối tượng trực tiếp kinh doanh du lịch mà gián tiếp đối với các ngành liên quan, xuất khẩu tại chỗ và tạo thu nhập cho các cộng đồng dân cư địa phương. Du lịch là một ngành kinh tế mũi nhọn có tính liên ngành và liên vùng cao. Để đánh giá sự phát triển du lịch bên cạnh chỉ tiêu số lượt khách và tốc độ phát triển của số lượt khách thì thu nhập thu về từ hoạt động kinh doanh du lịch cũng như tốc độ phát triển của nó cũng phản ánh được tình hình phát triển du lịch.

Các chỉ số được lựa chọn để đánh giá:

- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh du lịch.
- Tốc độ tăng trưởng thu nhập từ hoạt động kinh doanh du lịch.

➤ Tỷ trọng đóng góp của ngành du lịch trong GDP của nền kinh tế quốc dân

Trong những năm gần đây, sự đóng góp của ngành du lịch chiếm một tỷ trọng đáng kể trong GDP của nền kinh tế quốc dân. Đây cũng là tiền đề để tăng trưởng kinh tế trong tương lai. Trong quá trình đánh giá phát triển du lịch có thể dựa vào tốc độ tăng trưởng GDP. Vì thế, có thể căn cứ vào tỷ lệ đóng góp này để đánh giá sự phát triển của du lịch.

Các chỉ số được lựa chọn để đánh giá:

- Tốc độ tăng trưởng GDP.
- Tỷ trọng đóng góp của du lịch vào GDP.

➤ Sự tăng thêm về quy mô cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, sự đa dạng phong phú của hệ thống sản phẩm du lịch

Sự sẵn sàng đón tiếp và phục vụ khách du lịch cũng là một yếu tố đánh giá sự phát triển du lịch, thể hiện ở tổ chức, và những điều kiện tiếp đón và phục vụ khách du lịch như các cơ sở lưu trú, các nhà hàng, các đơn vị vận chuyển, các phương tiện giao thông, cửa hàng, công viên, các cơ sở vui chơi giải trí, đường sá trong khu du lịch, hệ thống thoát nước, mạng lưới điện và thông tin liên lạc. Đây là những đơn vị chịu trách nhiệm chăm lo trực tiếp đến các hoạt động của việc tiếp nhận khách, đảm bảo giao thông, đảm bảo việc ăn, ở, giải trí và hàng hóa phục vụ khách du lịch. Cơ sở hạ tầng là những phương tiện vật chất của toàn xã hội. Đó là hệ thống đường sá, nhà ga, sân bay, bến cảng, đường sắt, công viên, các rạp chiếu phim, nhà hát, viện bảo tàng, các giá trị văn hóa và lịch sử của toàn xã hội. Bên cạnh đó, cần phải chú ý đến khả năng của các cơ sở này, nếu như không được chú trọng đầu tư đúng mức sẽ không có những đóng góp nhất định cho sự phát triển du lịch. Vì thế phải hết sức chú ý đến vấn đề trang bị tiện nghi, xây dựng và duy trì cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết và cơ sở hạ tầng. Căn cứ vào tình trạng

hiện tại của cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng cũng có thể đánh giá được sự phát triển du lịch của một vùng, một địa phương. Các điểm đến du lịch muốn phát triển cần phải quan tâm đến việc tạo giá trị cho điểm đến. Việc tạo ra giá trị cho điểm đến dựa vào các sản phẩm du lịch, đây chính là yếu tố quan trọng để gia tăng tính hấp dẫn của điểm đến, tăng khả năng thu hút khách hàng, tăng chi tiêu của du khách, góp phần vào việc phát triển du lịch. Sản phẩm du lịch là một sản phẩm tổng hợp bao gồm rất nhiều thành phần như chỗ ngồi trên máy bay, phòng trong khách sạn, các bữa ăn trong ngày và các cơ hội chiêm ngưỡng các danh lam thắng cảnh đẹp, cảm nhận các giá trị văn hóa đặc sắc, được hưởng một bầu không khí trong lành, tiếp xúc và tìm hiểu đời sống của cộng đồng cư dân địa phương. Những thành tố đó giúp cho du khách có được trải nghiệm du lịch và sự thỏa mãn nhu cầu một cách tối đa. Vì vậy để tăng cường sự phát triển du lịch, các nhà quản lý điểm đến cần chú ý đến hệ thống sản phẩm du lịch tại địa phương như các di tích văn hóa lịch sử, các thắng cảnh tự nhiên, môi trường, thái độ và cách ứng xử của người dân, các phương tiện giải trí, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch, hệ thống giao thông. Sự đa dạng và phong phú của hệ thống sản phẩm du lịch là yếu tố quan trọng để đánh giá sự phát triển của điểm đến. Sản phẩm du lịch cũng tăng cường sự nhận thức của du khách về hình ảnh của điểm đến, từ đó tạo điều kiện cho du khách được thỏa mãn nhu cầu du lịch một cách tối đa.

Các chỉ số được lựa chọn để đánh giá:

- Số lượng đơn vị kinh doanh lữ hành.
- Số lượng cơ sở lưu trú.

➤ Số lượng lao động tăng thêm từ phát triển du lịch

Du lịch đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế, tạo ra việc làm và làm giảm tình trạng thất nghiệp. Hoạt động kinh doanh du lịch hiện nay chủ yếu là cung cấp các dịch vụ để du khách thỏa mãn nhu cầu du lịch, một nhu cầu rất đặc biệt cần đến sự phục vụ của con người. Vì thế ngành du lịch cần đến lực lượng lao động trong du lịch. Hàng ngàn việc làm được tăng thêm mỗi năm giải quyết được một số lượng lớn việc làm cho người lao động, giảm tỷ lệ thất nghiệp, nâng cao tỷ lệ người có việc

làm, từ đó góp phần nâng cao đời sống cho người dân.

Cùng với sự phát triển của du lịch, số lượng lao động trực tiếp và gián tiếp hoạt động trong lĩnh vực phục vụ du lịch ngày càng gia tăng. Khi lượng khách du lịch tăng lên, các doanh nghiệp kinh doanh du lịch cũng như các ngành có liên quan như giao thông, môi trường, dịch vụ cần thêm cán bộ công nhân viên để đảm bảo cho việc phục vụ khách, góp phần phát triển du lịch. Số lượng lao động làm trong ngành du lịch được tăng thêm là yếu tố quan trọng để đánh giá sự phát triển du lịch của một vùng, một quốc gia.

Chỉ số được lựa chọn để đánh giá:

- Số lao động trong ngành du lịch.

# DU LỊCH VĂN HÓA VÀ DU LỊCH DI SẢN VĂN HÓA

## 1. Du lịch văn hóa

Theo Tổ chức du lịch thế giới (UNWTO) định nghĩa du lịch văn hóa là loại hình du lịch với động cơ chủ yếu là văn hóa, khách du lịch tham gia vào các tour nghiên cứu, nghệ thuật biểu diễn, các tour văn hóa, du lịch tới các lễ hội và các sự kiện văn hóa khác, thăm các di tích và di chỉ, du lịch nghiên cứu nghệ thuật dân gian và hành hương. Theo nghĩa rộng hơn, du lịch văn hóa được định nghĩa là toàn bộ những hoạt động của con người vì chúng thỏa mãn nhu cầu cần sự đa dạng, có xu hướng nâng tầm văn hóa của cá nhân và làm đầy lên kiến thức, kinh nghiệm và dẫn đến những cuộc gặp gỡ mới.

Theo Luật Du lịch Việt Nam, du lịch văn hóa là hình thức du lịch dựa vào bản sắc văn hoá dân tộc với sự tham gia của cộng đồng nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống. Khi nói đến hoạt động du lịch văn hóa, có thể nói đến các nguồn tài nguyên du lịch nhân văn có thể được lôi cuốn vào việc sử dụng cho mục đích du lịch và thoả mãn những nhu cầu của khách du lịch. Du lịch văn hóa chú trọng nhiều đến yếu tố con người, tài nguyên nhân văn và những nét độc đáo về văn hóa. Theo Công ước Quốc tế về Du lịch Văn hóa, du lịch văn hóa tạo cơ hội cho mỗi con người được trải nghiệm những gì quá khứ còn để lại, là động lực tích cực cho việc bảo vệ di sản văn hóa.

Du lịch văn hóa là một hình thức đặc biệt của du lịch, có liên quan đến văn hóa của một quốc gia hay khu vực nhằm giới thiệu cho du khách về truyền thống văn hóa của cộng đồng bản địa, lối sống của người dân, lịch sử, nghệ thuật, kiến trúc, tôn giáo tại nơi đó, du lịch văn hóa đóng một vai trò quan trọng trong phát triển ở khu vực, quốc gia đó. Du lịch

văn hóa tăng cường nhận thức của các cá nhân về sự đa dạng văn hóa, thêm hiểu biết mới về các quốc gia và nền văn hóa, có thêm kiến thức mới về các bằng chứng văn hóa có giá trị nghệ thuật cao. Thông qua hoạt động tìm hiểu và khám phá, du khách hiểu thêm về những giá trị luôn được bảo vệ và gìn giữ cho các thế hệ tương lai.

Du lịch văn hóa giúp khách du lịch thỏa mãn nhu cầu du lịch văn hóa. Khách du lịch khi tiếp cận với các di sản văn hóa sẽ gây ra những ảnh hưởng không nhỏ đến hệ sinh thái, văn hóa và lối sống của cộng đồng. Cũng giống như các loại hình du lịch khác, du lịch văn hóa có tác động đến môi trường và kinh tế, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập từ du lịch của người dân địa phương thông qua việc tiêu dùng của du khách.

Theo tác giả: *“Du lịch văn hóa là loại hình du lịch nhằm nâng cao hiểu biết của du khách về các giá trị văn hóa lịch sử đặc sắc của điểm đến, chú trọng đến trách nhiệm của người tham gia đối với các giá trị văn hóa, góp phần gìn giữ và bảo vệ nguồn tài nguyên nhân văn và đảm bảo lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa phương một cách bền vững”*.

Điều kiện quan trọng để phát triển du lịch văn hóa là các tài nguyên du lịch nhân văn, du khách khi tham gia loại hình du lịch văn hóa sẽ thu thập kiến thức về các giá trị văn hóa, tích lũy kinh nghiệm để thỏa mãn nhu cầu du lịch của mình. Đặc biệt các di sản văn hóa thường có được sự quan tâm của khách du lịch khi tham gia các hành trình du lịch văn hóa. Di sản văn hóa tượng trưng cho các công trình tổng hợp do con người tạo ra gắn liền với sự hình thành phát triển của nhân loại dưới những ảnh hưởng của môi trường tự nhiên và xã hội. Theo Luật Di sản năm 2009: “Di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”. Du lịch di sản văn hóa là một hình thức đặc biệt của du lịch văn hóa, góp phần vào việc phát hiện ra sự đa dạng văn hóa trên thế giới.

## **2. Du lịch di sản văn hóa**

Di sản văn hóa khi kết hợp với du lịch trở thành thành phần thúc

đẩy du lịch phát triển. Di sản văn hóa là nguồn tài nguyên vô giá của bất kỳ quốc gia nào, đóng vai trò vô cùng to lớn trong việc thu hút khách du lịch. Sức hấp dẫn của các di sản văn hóa luôn là yếu tố tiên quyết thúc đẩy động cơ đi du lịch của du khách. Di sản văn hóa như các điểm thu hút có giá trị là lý do chính để mọi người đến tham quan, tìm hiểu. Những sản phẩm du lịch độc đáo được tạo ra nhằm khuyến khích du khách đến với các di sản. Các di sản văn hóa với các giá trị đặc sắc được UNESCO công nhận trở thành yếu tố quan trọng trong phát triển du lịch của điểm đến. Các di sản văn hóa thế giới là những điểm tham quan được du khách lựa chọn trong chuyến đi của mình. Để khách du lịch tham gia vào các chuyến đi tham quan các di sản văn hóa, cần có sự tham gia của các bên như chính quyền địa phương nơi có di sản, các tổ chức phi chính phủ, các công ty du lịch chuyên tổ chức tour và cộng đồng cư dân địa phương. Theo ICOMOS, trong quá trình khai thác giá trị các di sản, sự tham gia và hợp tác giữa các cộng đồng địa phương hoặc bản địa đại diện, các nhà bảo tồn, các điều hành viên du lịch, chủ sở hữu tài sản, các nhà hoạch định chính sách, các nhà làm kế hoạch phát triển quốc gia và các nhà quản lý di tích là cần thiết để thực hiện được một ngành kinh doanh du lịch bền vững và nâng cao việc bảo vệ các nguồn lực của di sản cho các thế hệ tương lai. Vì thế, cần đảm bảo bảo tồn và tôn tạo các di sản, duy trì được sự toàn vẹn về văn hóa để phát triển hoạt động du lịch trong tương lai, cho công tác bảo vệ môi trường và góp phần nâng cao mức sống của cộng đồng địa phương.

Du lịch di sản văn hóa trải nghiệm những địa điểm và những hoạt động đích thực đại diện cho những câu chuyện và con người của quá khứ và hiện tại bao gồm tài nguyên lịch sử, văn hóa và tự nhiên.

Phát triển du lịch di sản văn hóa giúp bảo vệ kho báu thiên nhiên và văn hóa của đất nước và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân cũng như du khách. Du lịch di sản văn hóa có thể đem đến lợi ích cao hơn cho nền kinh tế địa phương. Du lịch văn hóa di sản sẽ đem lại sự bền vững về kinh tế khi nhận được lợi ích từ di sản. Lợi ích lớn nhất từ du lịch di sản văn hóa là tạo cơ hội gia tăng sự phát triển kinh tế của địa phương, tạo sự phát triển thịnh vượng nhưng vẫn giữ nguyên những đặc điểm của cộng đồng. Vì thế cộng đồng cần chú trọng đến việc giữ gìn và bảo tồn di sản.

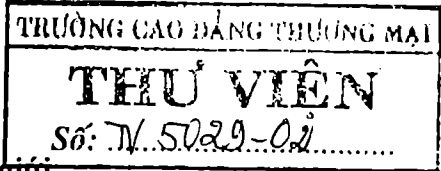
Nhìn chung các khái niệm về du lịch văn hóa, du lịch văn hóa di sản đều có sự thống nhất trên quan điểm về nội dung đề cập là: bản sắc văn hóa, trách nhiệm và lợi ích của cộng đồng, bảo vệ di sản và phát triển bền vững, tuy nhiên còn đề cập chung chung và chưa toàn diện.

Từ đó, tác giả đề xuất khái niệm du lịch di sản văn hóa:

*“Du lịch di sản văn hóa là loại hình du lịch văn hóa phụ thuộc vào các di sản văn hóa, là công cụ phát huy bản sắc văn hóa thu hút sự quan tâm của du khách để giúp họ có kiến thức sâu sắc về giá trị của các di sản văn hóa đồng thời duy trì sức sống của các di sản văn hóa bằng cách chú trọng trách nhiệm của người tham gia trong việc giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị của các di sản văn hóa đem lại lợi ích kinh tế xã hội bền vững”.*

Để du lịch di sản văn hóa trở thành thế mạnh, là tiềm năng cho hoạt động phát triển du lịch của điểm đến cần chú trọng đến quá trình khai thác giá trị các di sản văn hóa đặc sắc. Đặc biệt, các di sản văn hóa được chọn và quản lý bởi UNESCO vì những giá trị của chúng cho toàn nhân loại thì càng phải được quan tâm nhiều hơn nữa. Do đó cần quan tâm đến khai thác hợp lý giá trị các di sản văn hóa thế giới nhằm phát triển du lịch.

# NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ DI SẢN VĂN HÓA THẾ GIỚI



## 1. Khái niệm di sản văn hóa thế giới

Theo Hướng dẫn thực hiện Công ước Di sản thế giới, di sản thế giới được phân thành di sản văn hóa thế giới, di sản thiên nhiên thế giới và di sản hỗn hợp. Theo Công ước này di sản văn hóa là các di tích, đó là các tác phẩm kiến trúc, tác phẩm điêu khắc và hội họa, các yếu tố hay các cấu trúc có tính chất khảo cổ học, ký tự, nhà ở trong hang đá và các công trình có sự liên kết giữa nhiều đặc điểm, có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm lịch sử, nghệ thuật và khoa học. Hay là các quần thể các công trình xây dựng tách biệt hay liên kết lại với nhau mà do kiến trúc của chúng, do tính đồng nhất hoặc vị trí của chúng trong cảnh quan, có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm lịch sử, nghệ thuật và khoa học. Hoặc là các di chỉ bao gồm các tác phẩm do con người tạo nên hoặc các tác phẩm có sự kết hợp giữa thiên nhiên và nhân tạo và các khu vực trong đó có các di chỉ khảo cổ có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm lịch sử, thẩm mỹ, dân tộc học hoặc nhân chủng học.

Di sản văn hóa thế giới là những công trình văn hóa có được nhờ sức lao động của con người được làm từ quá khứ, đó là những công trình nổi tiếng, những kiệt tác nghệ thuật, pho tượng, đền đài, bia tưởng niệm, ngôi mộ, bức phù điêu, bản khắc, đồ trang trí, đồ trang trí nội thất, các thành phố cổ hay là những truyền thống, phong tục tập quán của địa phương, thể hiện sự sáng tạo của con người trong quá khứ và được lưu truyền đến muôn đời sau. Chúng có những giá trị mang tính toàn cầu được mọi người thừa nhận ở hiện tại nhờ những đặc điểm nổi bật của nó. Ảnh hưởng của nó đã vượt ra ngoài ranh giới quốc gia và có ý nghĩa đối với toàn thể nhân loại. Đây là những bằng chứng về sự xuất sắc của văn hóa nhân loại, là minh chứng quý giá của lịch sử với những giá trị

độc đáo, thu hút nhiều người muốn chiêm ngưỡng, thưởng thức và tìm hiểu. Mọi người biết đến những tài sản chung của nhân loại, họ tìm đến nơi có di sản, tiêu dùng và sử dụng dịch vụ tại nơi đó. Hoạt động du lịch tại nơi có di sản sẽ được khởi sắc. Vì thế các di sản văn hóa thế giới được xem là những tài nguyên du lịch hiếm có phục vụ cho phát triển du lịch. Trách nhiệm chung được đặt ra là những tài nguyên này cần được bảo vệ để các thế hệ tương lai vẫn còn biết đến.

*Vậy di sản văn hóa thế giới là những tài nguyên du lịch được thừa kế từ quá khứ, có giá trị nổi bật toàn cầu, được lưu truyền từ đời này sang đời khác cho các thế hệ tương lai và mai sau, được khai thác và phục vụ cho việc phát triển du lịch.*

## **2. Các tiêu chí đánh giá giá trị nổi bật toàn cầu**

Để được ghi vào danh sách di sản thế giới của UNESCO, một tài sản phải đáp ứng các tiêu chuẩn về văn hóa hoặc thiên nhiên theo Công ước về Di sản thế giới đã được Ủy ban về Di sản thế giới của UNESCO duyệt lại. Một di tích văn hóa phải xác thực, có ảnh hưởng sâu rộng hoặc có bằng chứng độc đáo đối với sự phát triển của nghệ thuật kiến trúc, hoặc di tích đó phải gắn liền với tư tưởng hay tín ngưỡng có ý nghĩa phổ biến, hoặc là điển hình nổi bật của một lối sống truyền thống đại diện cho một nền văn hóa nào đó. Một di chỉ thiên nhiên có thể điển hình cho một giai đoạn, các quá trình tiến hóa địa cầu, hoặc cho những biến đổi sinh thái học, hoặc bao gồm những vùng cư trú tự nhiên các loài cực kỳ nguy cấp. Di chỉ thiên nhiên có thể là một khung cảnh đẹp khác thường, một cảnh quan ngoạn mục, hoặc là một khu bảo tồn số lượng lớn các động vật hoang dã. Có 10 tiêu chí đánh giá được xác định trong đó 6 tiêu chí đầu thuộc về di sản văn hóa, còn các tiêu chí 7 đến 10 thuộc về di sản thiên nhiên.

### ***Các tiêu chí đánh giá đối với di sản văn hóa***

- Là một kiệt tác về tài năng sáng tạo của con người.
- Thể hiện sự trao đổi quan trọng các giá trị nhân loại về sự phát triển kiến trúc hay công nghệ, nghệ thuật tạo hình, quy hoạch đô thị hoặc thiết kế cảnh quan, trong một thời kỳ hoặc trong lĩnh vực văn hóa thế giới.

- Là một bằng chứng duy nhất hay ít nhất cũng là một bằng chứng đặc biệt về một truyền thống văn hóa hoặc một nền văn minh đang tồn tại hoặc đã biến mất.

- Là một minh họa điển hình về một kiểu xây dựng, một loại hình kiến trúc hoặc công nghệ hay một cảnh quan thể hiện cho các giai đoạn quan trọng trong lịch sử nhân loại.

- Là một ví dụ nổi bật về một kiểu định cư truyền thống của con người hoặc một phương pháp sử dụng đất truyền thống, đại diện cho một nền văn hoá (hoặc các nền văn hoá), hay tác động của con người đối với môi trường, đặc biệt là khi nó trở nên dễ bị tổn thương dưới tác động của những biến động không thể đảo ngược được.

- Gắn bó trực tiếp hoặc cụ thể với những sự kiện hoặc truyền thống sinh hoạt với các ý tưởng, hoặc các tín ngưỡng, các tác phẩm văn học nghệ thuật có ý nghĩa nổi bật toàn cầu.

*(Nguồn: Công ước Di sản thế giới)*

### **3. Phân loại các di sản văn hóa thế giới**

Di sản văn hóa thế giới thể hiện sự sáng tạo của con người trong quá khứ, được gìn giữ trong hiện tại để truyền lại cho các thế hệ mai sau. Di sản văn hóa thế giới cũng có giá trị thu hút khách du lịch và ngành du lịch có thể nhờ vào nó để mang lại lợi ích kinh tế cho đất nước. Tuy nhiên các di sản này rất dễ bị hư hại nếu như không biết cách gìn giữ nó. Vì thế cần thiết phải phân loại các di sản văn hóa thế giới để dễ dàng trong việc khai thác, gìn giữ và bảo tồn.

Các di sản văn hóa thế giới được phân thành các loại sau:

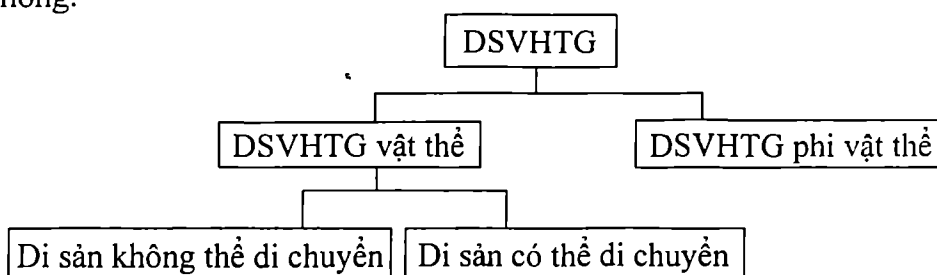
- Di sản văn hóa thế giới vật thể.
- Di sản văn hóa thế giới phi vật thể.

Di sản văn hóa thế giới vật thể là di sản tồn tại ở dạng vật chất, nghĩa là nó có thể nhìn thấy được, là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử văn hóa. Đó là các di tích văn hóa lịch sử, các tòa nhà, các tác phẩm nghệ thuật, tranh ảnh, đồ vật, bảo vật quốc gia.

Di sản văn hóa thế giới vật thể gồm di sản không thể di chuyển

(không thể di chuyển khỏi vị trí ban đầu) như các công trình kiến trúc, các đài kỷ niệm, các khu khảo cổ, các trung tâm lịch sử, các quần thể nhà cửa, các thắng cảnh văn hóa, các khu vườn lịch sử, vườn bách thảo... và di sản có thể di chuyển (có thể di chuyển dễ dàng từ nơi này sang nơi khác) như các bộ sưu tập triển lãm, các thư viện, tài liệu lưu trữ. Nội dung nghiên cứu có liên quan chủ yếu đến di sản văn hóa thế giới vật thể không thể di chuyển.

Di sản văn hóa thế giới phi vật thể là di sản tồn tại dưới dạng phi vật chất, là sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu giữ bằng trí nhớ, chữ viết, được lưu truyền bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn. Chẳng hạn như tiếng nói, chữ viết, âm nhạc, điệu múa, văn học, kịch bản, ngữ văn truyền miệng, nếp sống, lối sống, tín ngưỡng, lễ nghi, lễ hội, các truyền thống địa phương, bí quyết về nghề thủ công truyền thống, văn hóa ẩm thực, trang phục truyền thống.



Hình 1. Phân loại di sản văn hóa thế giới (Nguồn: UNESCO)

#### 4. Đặc điểm của các di sản văn hóa thế giới vật thể

Di sản văn hóa thế giới là kinh nghiệm sáng tạo trong cuộc sống của con người trước đây, gần đây và hiện nay, là yếu tố đầu vào quan trọng trong phát triển du lịch, cho biết các truyền thống, tín ngưỡng và những thành tựu của một đất nước và con người ở đó. Di sản văn hóa thế giới là tài sản của quốc gia, được phân thành di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể. Do đó các di sản văn hóa thế giới có các đặc điểm sau:

➤ **Là nguồn gốc của sự sáng tạo của con người**

Theo Luật Di sản Việt Nam, di sản văn hóa là những tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và là bộ phận của di sản văn

hóa nhân loại. Di sản văn hóa thế giới là những tinh hoa văn hóa được rút ra trong quá trình phát triển, là những thứ có giá trị, có ý nghĩa về mặt văn hóa cũng như tinh thần. Các di sản văn hóa thế giới là những di sản có tầm quan trọng quốc tế, được toàn thế giới công nhận và là sự công nhận cho quá trình sáng tạo của con người. Từ những sinh hoạt trong đời sống thường ngày, từ lối sống cho đến cách ứng xử hàng ngày đều là cơ sở cho sự sáng tạo đó. Các di sản văn hóa thế giới đều gắn liền với các phong tục tập quán, tín ngưỡng của con người. Qua quá trình tiến hoá, cùng với nhận thức ngày càng đa dạng của con người, những di sản được nâng lên thành một tầm cao mới. Bắt nguồn từ tín ngưỡng, xã hội, kinh tế, hành chính, tôn giáo nó trở thành những cảnh quan vô cùng lý thú, đánh dấu sự phát triển của một thời kỳ hay sự tiến hóa vượt thời gian. Thông qua các tác động của hoạt động kinh tế và du lịch, di sản văn hóa thế giới trở thành một phần quan trọng có những đóng góp hiệu quả cho sự phát triển du lịch.

#### ➤ *Thể hiện sự đa dạng văn hóa*

Các di sản văn hóa thế giới có rất nhiều loại khác nhau, từ các công trình xây dựng, các quần thể kiến trúc, các địa điểm có những giá trị tiêu biểu, các danh lam thắng cảnh cho đến các câu tục ngữ, ca dao, âm nhạc, múa, lối sống, cách đối nhân xử thế, chuẩn mực đạo đức, các nghi lễ cũng như các lễ hội, nghề thủ công truyền thống cũng như các tri thức dân gian, là những minh chứng hùng hồn cho những tác phẩm có giá trị vô giá. Bởi chính sự phong phú ở các loại hình mà có thể thấy các di sản văn hóa thế giới có sự đa dạng văn hóa thể hiện cho những đặc trưng của nền văn hóa đó. Đa số khách du lịch hiện nay đi du lịch đều mong muốn có sự khám phá văn hóa, vì thế yếu tố đa dạng văn hóa lại quan trọng đối với các di sản văn hóa thế giới để tăng cường khả năng thu hút khách. Tất cả đều được đưa vào khai thác để giúp du khách có được các trải nghiệm văn hóa sâu sắc, có thêm kinh nghiệm du lịch nhằm thoả mãn tối đa nhu cầu đa dạng của du khách.

#### ➤ *Có tính lịch sử*

Các di sản văn hóa thế giới được ra đời từ những thời đại khác nhau, là những sáng tạo của con người trong khoảng thời gian cụ thể,

vì thế những di sản văn hóa thế giới được đại diện cho nền văn minh và thời đại đó. Các di sản văn hóa thế giới chứa đựng không gian lịch sử nhằm truyền tải những thông tin về lịch sử, văn hóa, tư tưởng. Đây là những yếu tố quan trọng thể hiện sức hấp dẫn của di tích, lôi cuốn sự tò mò của khách. Các khách du lịch khi hiểu rõ những yếu tố này sẽ có thêm sự yêu thích đối với di sản đó.

### ➤ *Có tính truyền thống*

Các di sản văn hóa thế giới được lưu truyền từ đời này sang đời khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác, điều đó tạo nên tính truyền thống của di sản. Những di sản luôn gắn liền với những phong tục tập quán, với sự hình thành của vùng đất nơi có di sản, với những người đã gây dựng nên mảnh đất đó. Những giá trị của di sản đều được bắt nguồn từ truyền thống văn hoá dân tộc. Mỗi vùng miền, mỗi cộng đồng đều chịu sự tác động của thiên nhiên, của lịch sử để tạo nên những giá trị văn hóa ấy. Vì thế những giá trị quý giá này tồn tại và phát triển trong một không gian rộng lớn và tồn tại vượt thời gian để tạo nên những giá trị bền vững. Tính truyền thống của di sản tạo nên nội lực cho di sản ấy và cho cả khu vực nơi có di sản gia tăng khả năng sinh lợi của mình. Những giá trị truyền thống trở thành những yếu tố đặc sắc góp phần thu hút khách du lịch, là nguồn lực cho sự phát triển kinh tế xã hội ở địa phương nơi có di sản.

### ➤ *Rất dễ bị hư hỏng và dễ có nguy cơ bị mất giá trị*

Các di sản văn hóa thế giới vật thể có một đặc điểm là rất dễ dàng bị hư hỏng, bị phá hủy, bị mai một do những tác động khác nhau của con người và của thiên nhiên. Các di sản văn hóa thế giới vật thể có thể chịu ảnh hưởng của các thảm họa tự nhiên như bão, lũ, lụt, động đất, sóng thần làm ảnh hưởng đến sự tồn tại của di sản. Do đó cần có kế hoạch bảo vệ, giữ gìn các di sản, đặc biệt là các di sản có nguy cơ cao. Hơn nữa, việc các du khách tìm đến các di sản ngày càng đông đã đem đến những thách thức không nhỏ cho các di sản. Họ có thể có những tác động như tập trung quá đông ảnh hưởng đến bầu không khí, đến thảm thực vật và thậm chí còn làm hư hỏng di sản như khắc tên lên di sản, lấy đất đá từ di sản về để làm kỷ niệm. Điều này sẽ ảnh hưởng đến sự phát

triển bền vững của di sản. Vì vậy trong quá trình khai thác giá trị di sản phải đảm bảo giữ gìn được tính nguyên vẹn của di sản để đảm bảo cho hiện tại và tương lai, để di sản vẫn còn nguyên vẹn trong nhiều thế kỷ. Với đặc điểm này, trong quá trình bảo vệ điều quan trọng nhất là vẫn giữ được vẻ đẹp và tính chất của di sản, bảo tồn và khôi phục cảnh quan xung quanh di sản.

Các đặc điểm được xác định đều có liên quan đến việc lựa chọn điểm đến của khách du lịch. Các di sản văn hóa thế giới là yếu tố đầu tiên để khách lựa chọn, sau đó du khách sẽ căn cứ vào các đặc điểm của các di sản văn hóa thế giới để nhận biết sự hấp dẫn của các di sản, từ đó sẽ đánh giá và đưa ra quyết định cuối cùng đâu là điểm đến sẽ tới. Do đó có thể thấy được vai trò quan trọng của di sản văn hóa thế giới, đặc biệt là các di sản văn hóa thế giới vật thể trong phát triển du lịch. Vì thế trong quá trình khai thác giá trị di sản phục vụ du lịch, vấn đề khai thác hợp lý cần được quan tâm để di sản luôn giữ được các đặc điểm này, nhờ đó sẽ bảo tồn và đảm bảo ý nghĩa và giá trị không thể thay thế của di sản văn hóa thế giới vật thể, để có thể sử dụng di sản lâu dài trong tương lai.

# KHAI THÁC HỢP LÝ GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA THẾ GIỚI VẬT THỂ ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

## 1. Khái niệm khai thác hợp lý

Theo Mác, khai thác tức là lao động sản xuất để tạo ra giá trị thặng dư. Thông qua quá trình khai thác sẽ đem lại những lợi ích nhất định, đây là hoạt động lấy những sản vật trong thiên nhiên, tận dụng hết khả năng tiềm tàng để phục vụ cho phát triển. Khai thác là hành vi sử dụng một cái gì đó cho một mục đích nào đó. Với cách hiểu này khai thác mang ý nghĩa tương tự như sử dụng. Vậy khai thác là hành động sử dụng nguồn lực nhằm phục vụ cho một mục đích nhất định để đem lại những lợi ích trong mối quan hệ xã hội bền vững. Những nguồn lực này có thể là các tài nguyên mỏ, tài nguyên đất, đá, nước... Quá trình khai thác các tài nguyên này sẽ phục vụ cho mục đích phát triển của một quốc gia. Mỗi quốc gia và người dân của họ phải xây dựng các hệ thống quản lý tài nguyên đảm bảo nguồn của cải này phục vụ cho lợi ích phát triển và ổn định của chính họ. Khai thác tài nguyên không phải là sản xuất mà chuyển đổi loại hình của cải, của cải đó phải được bảo toàn giá trị và sinh lời.

Tuy nhiên những tài nguyên tự nhiên là không vô hạn mà chúng hữu hạn, vì thế việc khai thác cần phải hợp lý để có thể tận dụng được lâu dài và đem lại những giá trị vô giá cho nhân loại. Việc khai thác hợp lý các tài nguyên du lịch phải đảm bảo cho quá trình phát triển bền vững bởi vì phát triển bền vững liên quan đến việc sử dụng dài hạn và khả năng có thể bảo tồn được của nguồn tài nguyên. Việc khai thác hợp lý các tài nguyên sẽ đóng góp một phần đáng kể vào sự tăng trưởng kinh tế của toàn cầu và của địa phương. Do đó việc khai thác hợp lý vô cùng quan trọng đối với bất kỳ quốc gia nào. Điều quan trọng là phải biết

khai thác, khai thác như thế nào và khai thác bao nhiêu là đủ. Nhưng nếu như chỉ biết khai thác để đem lại lợi ích mà không quan tâm đến việc giữ gìn thì đó không phải là khai thác hợp lý.

Theo tác giả: *“Khai thác hợp lý là việc khai thác nhưng vẫn giữ gìn được tài nguyên, đảm bảo tài nguyên không bị hư hại và vẫn đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế, đảm bảo lợi ích cho cộng đồng và bền vững về môi trường”*.

Khai thác hợp lý nên dựa trên quan điểm phát triển bền vững, bền vững về kinh tế, bền vững về môi trường và bền vững về xã hội. Nhờ đó sẽ hạn chế sự suy thoái của tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, giữ lại được đặc thù của địa phương, tăng cường phát triển kinh tế.

## **2. Khái niệm khai thác hợp lý giá trị di sản văn hóa thế giới vật thể để phát triển du lịch**

Các di sản văn hóa thế giới vật thể (từ đây gọi là di sản vấp hóa thế giới) là những địa danh có sức thu hút mạnh mẽ đối với hàng triệu du khách trên khắp thế giới đến viếng thăm. Qua năm tháng, sự tác động từ các khách du lịch đã ảnh hưởng rất nhiều đến những di sản này. Vậy làm thế nào để các di sản này được nguyên vẹn, ít chịu sự tác động bởi du lịch là vấn đề đặt ra đối với các nhà quản lý. Khai thác hợp lý giá trị di sản văn hóa thế giới chính là vấn đề quan trọng nhất và là cách duy nhất để giữ gìn những di sản vô giá này và các di sản này vẫn được lưu truyền cho đến các thế hệ mai sau. Các di sản văn hóa thế giới độc đáo và có giá trị là yếu tố quan trọng làm nảy sinh nhu cầu du lịch của du khách. Sự phát triển các dịch vụ du lịch như lưu trú, vận chuyển, ăn uống phụ thuộc vào sự hấp dẫn của các di sản. Vì thế cần luôn quan tâm đến việc duy trì sức hấp dẫn này, luôn bảo vệ các tài nguyên phục vụ phát triển du lịch. Nhờ có khai thác hợp lý giá trị di sản văn hóa thế giới mà các di sản sẽ được bảo vệ và duy trì tốt hơn, các du khách sẽ có những chuyến thăm viếng thú vị và nhờ đó kinh tế địa phương cũng tạo đà phát triển. Việc khai thác hợp lý giá trị di sản văn hóa thế giới đảm bảo cho cộng đồng cư dân địa phương có điều kiện nâng cao thu nhập, đảm bảo đời sống kinh tế thông qua những nguồn thu từ hoạt động du lịch. Chính việc khai thác hợp lý này sẽ giữ gìn các kho báu vô giá của nhân loại.

Có thể nói rằng: “*Khai thác hợp lý giá trị di sản văn hóa thế giới vật thể là những hoạt động sử dụng các di sản văn hóa thế giới như là những nguồn lực để đem lại lợi ích cho một quốc gia, một khu vực, tăng cường giá trị của các di sản văn hóa thế giới để thúc đẩy phát triển du lịch, đóng góp vào sự phát triển kinh tế, đem lại lợi ích cho cộng đồng nhưng đồng thời vẫn có sự quan tâm đến việc bảo tồn nguyên vẹn các di sản này để đảm bảo tương lai cho các di sản văn hóa thế giới, quá trình khai thác không gây ra các tác động tiêu cực đến môi trường*”.

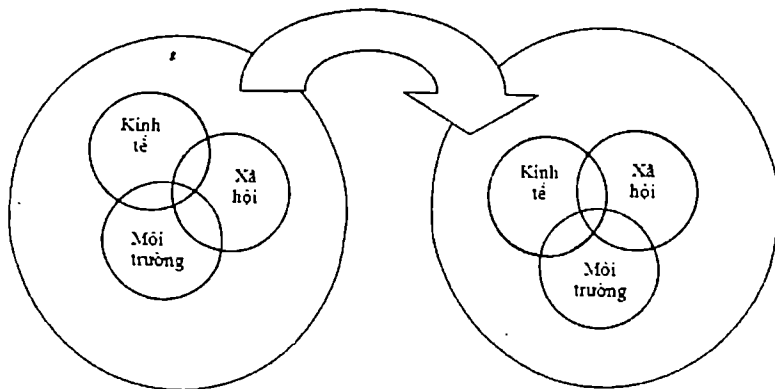
Vì vậy, để khai thác hợp lý các di sản văn hóa thế giới vật thể cần phải tăng cường giá trị của các di sản, biến những nguồn lực này thành lợi ích kinh tế, đảm bảo cộng đồng hưởng lợi từ du lịch, đồng thời có sự quan tâm đến bảo vệ môi trường để đảm bảo phát triển du lịch bền vững.

### 3. Mối quan hệ giữa khai thác hợp lý và du lịch bền vững

Phát triển bền vững là một quá trình thay đổi, trong đó việc sử dụng các tài nguyên thiên nhiên và kinh tế là phù hợp với nhu cầu của con người và thúc đẩy khả năng để đáp ứng nhu cầu tương lai (Cunha, 2003).

#### *Chuyển giao nguồn vốn kinh tế, tự nhiên, xã hội*

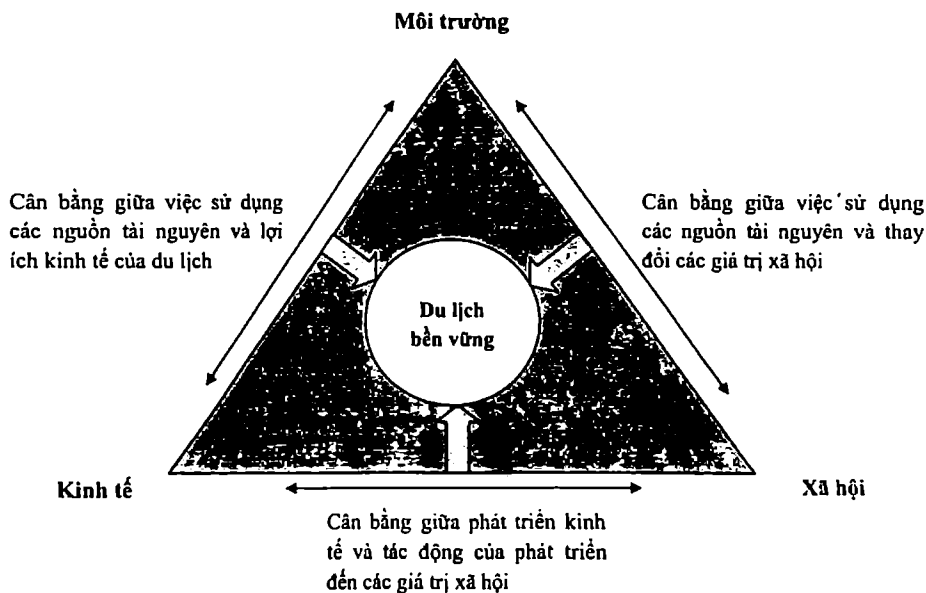
Chuyển giao nguồn vốn kinh tế,  
tự nhiên, xã hội



Hình 1. Khái niệm về phát triển bền vững (Cunha, 2003)

Du lịch đem đến những yếu tố tích cực trong quá trình phát triển, tuy nhiên nếu như không có sự kiểm soát chặt chẽ sẽ có những hậu quả

khó lường. Vì thế hiện nay xu hướng du lịch bền vững là tất yếu vì du lịch bền vững là sự phát triển du lịch đáp ứng được các nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu về du lịch của tương lai. Theo Hội đồng Du lịch Lữ hành Thế giới (WTTC) và Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO): “Du lịch bền vững là loại hình du lịch đáp ứng được nhu cầu hiện tại của du khách và của những điểm đến mà vẫn bảo đảm và cải thiện nguồn lực cho tương lai. Du lịch bền vững dẫn tới một phương thức quản lý tất cả các nguồn lực sao cho thỏa mãn nhu cầu kinh tế, xã hội, thẩm mỹ và vẫn giữ gìn được sự trọn vẹn của văn hóa và môi trường sống”. Ở Việt Nam hiện nay, khái niệm phát triển du lịch bền vững vẫn còn mới mẻ nhưng cũng đã là một kim chỉ nam định hướng phát triển ngành một cách có trách nhiệm với môi trường, với cộng đồng địa phương. Do đó, các loại hình du lịch đang phát triển hiện nay luôn có xu hướng lồng ghép nội dung tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức của du khách và người dân trong việc tham gia vào công cuộc phát triển du lịch bền vững, nỗ lực đóng góp cho sự bảo tồn và phát triển bền vững.



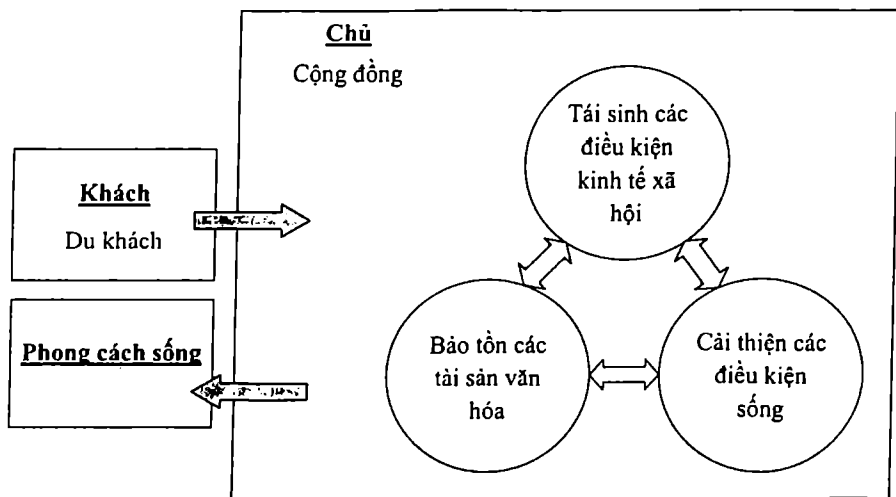
Hình 2. Tam giác du lịch bền vững (Wray et al., 2010)

Du lịch bền vững sẽ hạn chế sự suy thoái của tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, giữ lại được đặc thù của địa phương, gia tăng sự đóng góp của du lịch vào kinh tế. Để đạt được du lịch bền vững phải

xây dựng chiến lược phát triển du lịch, khai thác giá trị tài nguyên du lịch nhưng vẫn thỏa mãn các yêu cầu về kinh tế, xã hội và môi trường.

Đối với du lịch, những mục tiêu chính cho phát triển bền vững là tăng cường các giá trị tự nhiên và nhân tạo là cơ sở cho hoạt động du lịch; phù hợp với giá trị và nguyện vọng của cộng đồng trong cả ngắn hạn và dài hạn, góp phần vào đời sống và sự phát triển của cộng đồng; phát triển và xúc tiến một cách thích hợp để tạo ra sự phân biệt và cạnh tranh, thích ứng với sự thay đổi của nhu cầu hiện tại và tương lai; tăng cường sự đóng góp của du lịch vào kinh tế địa phương, khuyến khích phát triển các ngành trong dài hạn; tăng cường sức hấp dẫn của điểm đến, nâng cao hình ảnh, tăng lượng khách quay lại, tăng danh tiếng của điểm đến để tăng doanh thu du lịch (Wray et al., 2010).

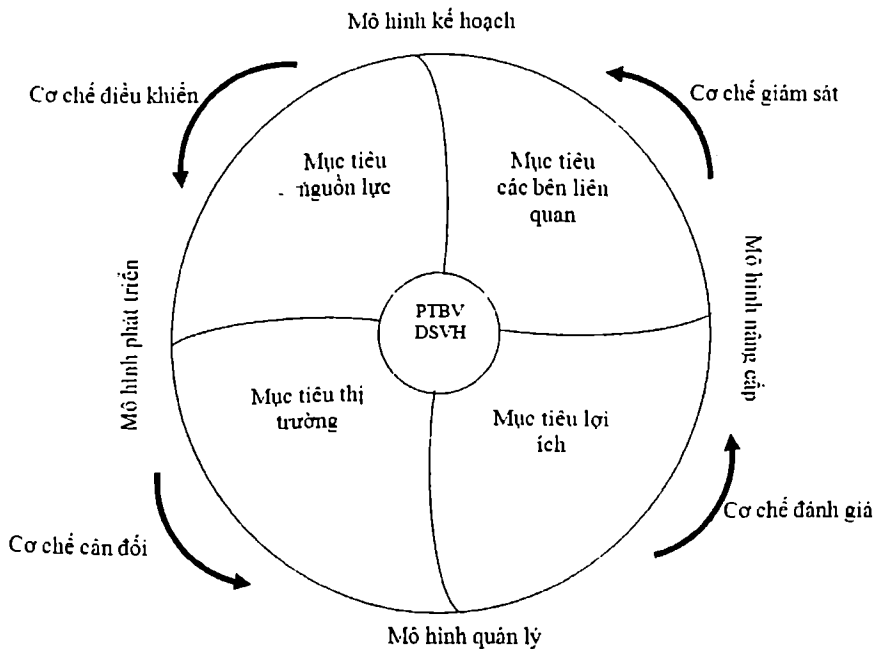
Các di sản văn hóa có tiềm năng rất lớn trong việc phát triển kinh tế, tiến bộ xã hội, là nguồn lực chính để phát triển du lịch. Việc sử dụng một cách bền vững di sản được cho là sẽ phát triển hài hòa được cả 3 mặt: (i) tái sinh các điều kiện kinh tế xã hội; (ii) cải thiện các điều kiện sống; (iii) bảo tồn được tài sản văn hóa. Du lịch mang lại một nguồn doanh thu cho cộng đồng địa phương và cộng đồng địa phương có thể sử dụng doanh thu đó cho việc bảo tồn và cải thiện đời sống thì có thể mang lại một phong cách sống độc đáo hơn thu hút du khách (Katsuhiko, 2012).



Hình 3. Phân tích mối quan hệ giữa khách (du lịch) và chủ (cộng đồng)  
(Katsuhiko, 2012)

Theo Huibin, Marzuki, Razak (2013) đã chỉ ra quy tắc chung của phát triển du lịch bền vững bao gồm bốn chiều, bốn mục tiêu, bốn mô hình và bốn cơ chế.

Trong mô hình phát triển du lịch bao gồm lập kế hoạch, phát triển, quản lý và nâng cấp liên tục dựa trên các biện pháp phát triển cụ thể có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Các biện pháp trong quá trình cùng trở thành điều kiện tiên quyết của các biện pháp trong quá trình tiếp theo. Các cơ chế đảm bảo hỗ trợ và tạo thuận lợi cho sự phát triển của di sản văn hóa như điều khiển, cân đối, giám sát và đánh giá. Theo đó, phát triển bền vững các di sản văn hóa dựa trên bốn mục tiêu chính: thứ nhất với mục tiêu nguồn lực cần chú ý tổ chức bảo tồn tốt các di sản văn hóa để bảo vệ lịch sử, thừa kế đa dạng văn hóa, giữ gìn bộ mặt truyền thống, giữ tính xác thực văn hóa, thứ hai mục tiêu các bên có liên quan bao gồm chính quyền địa phương hướng dẫn và thúc đẩy phát triển du lịch, các nhà đầu tư bên ngoài bỏ vốn, các tổ chức phi chính phủ giám sát và đưa ý kiến, ngoài ra còn có một số nhóm có liên quan khác, thứ ba mục tiêu thị trường phải phát triển thị trường mới và thâm nhập thị trường tiềm năng, thứ tư với mục tiêu lợi ích để phát triển du lịch cần xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại và ủng hộ sự tham gia của cộng đồng.



Hình 4. Mô hình 4DGPM phát triển bền vững của di sản văn hóa  
(Huibin et al., 2013)

*Bảng 1: Xác định các tiêu chí khai thác hợp lý giá trị di sản văn hóa thế giới*

<b>Nhân tố chính</b>	<b>Tiêu chí khai thác hợp lý</b>
Tăng cường giá trị của các di sản	Khai thác đầy đủ các di sản văn hóa thế giới
	Khai thác đi đôi với việc trùng tu, tôn tạo, bảo vệ các di tích và gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống, phát huy tính độc đáo của các di sản văn hóa thế giới
	Có nguồn vốn tái đầu tư để bảo vệ di sản văn hóa thế giới
Đảm bảo đem lại lợi ích kinh tế cho cộng đồng	Khai thác đảm bảo đem lại việc làm và thu nhập cho cộng đồng
	Khai thác phải kết hợp với các loại hình du lịch khác
Quan tâm đến bảo vệ môi trường tại các di sản	Chú ý đến vấn đề sức chứa trong quá trình khai thác
	Khai thác luôn đi đôi với việc bảo vệ môi trường du lịch

*Nguồn: Đề xuất của tác giả*

Để khai thác hợp lý giá trị di sản văn hóa thế giới phải thực hiện theo các tiêu chí được đề xuất. Theo đó, để tăng cường giá trị của các di sản có 3 tiêu chí, để đảm bảo đem lại lợi ích kinh tế cho cộng đồng có 2 tiêu chí và quan tâm đến chất lượng môi trường tại các di sản có 2 tiêu chí.

*• Tiêu chí 1: Khai thác đầy đủ di sản văn hóa thế giới*

Các di sản văn hóa thế giới là yếu tố tiền đề để phát triển du lịch, đem lại những nguồn lợi vô giá cho các địa phương nơi có di sản. Tuy nhiên, có được các di sản đặc sắc chỉ mới là điều kiện cần, để có đủ điều kiện phát triển du lịch thì phải biết cách khai thác đầy đủ, có nghĩa là tận dụng hết nguồn lực sẵn có, sử dụng và đưa vào khai thác một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan du lịch của du khách. Các di sản văn hóa thế giới được khai thác một cách đầy đủ có nghĩa là đủ về

số lượng, dù về chất lượng, không bỏ sót, lãng phí tài nguyên. Trên cơ sở các lợi thế về truyền thống văn hóa lịch sử, các di tích, đền đài cùng những công trình kiến trúc độc đáo đã tạo nên một bộ mặt hấp dẫn cho du lịch. Tuy nhiên, để không lãng phí tài nguyên, cần nghiên cứu xem xét để đưa vào khai thác những giá trị văn hóa đặc sắc. Đặc biệt các di sản văn hóa thế giới là những tài nguyên có giá trị độc đáo, thể hiện đặc trưng của từng vùng, miền, của từng dân tộc, do đó đây là các sản phẩm du lịch có sức thu hút cao. Chất lượng của các di sản này cũng là điều luôn luôn được chú trọng bởi vì không thể đưa vào khai thác những tài nguyên đã quá xuống cấp, bị sụp đổ hay bị hư hại. Để phát huy lợi thế trong phát triển du lịch, các di sản văn hóa thế giới cần được nghiên cứu công phu, kỹ lưỡng đồng thời lên kế hoạch đầu tư, tu bổ, nâng cấp để đưa vào phục vụ công chúng.

Để khai thác hợp lý các di sản văn hóa thế giới cần khai thác triệt để những tiềm năng và lợi thế sẵn có. Đảm bảo rằng tất cả các tài nguyên đều được đưa vào khai thác và được khai thác một cách có hiệu quả nhất. Cần chú ý rằng, khai thác di sản văn hóa thế giới phải nằm trong giới hạn và khả năng cho phép, không được khai thác vượt quá công suất, vượt quá giới hạn. Nếu không thì sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến di sản văn hóa thế giới đó, nó sẽ dần dần bị mai một, giá trị văn hóa sẽ dần dần bị phai tàn, mất đi sức hấp dẫn vốn có.

*• Tiêu chí 2: Khai thác di sản văn hóa thế giới phải luôn đi đôi với việc trùng tu, tôn tạo, bảo vệ các di tích và gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống, phát huy tính độc đáo của các di sản văn hóa thế giới*

Cùng với sự tác động của thời gian, các di tích, các công trình kiến trúc sẽ nhanh chóng bị hư hỏng trong quá trình khai thác nếu như không có sự đầu tư tôn tạo và nâng cấp. Khai thác và bảo vệ luôn đi đôi với nhau để sử dụng các nguồn lực được lâu dài. Đối với các di sản văn hóa thế giới phải luôn xem việc đầu tư nâng cấp là quan trọng hàng đầu. Các phong tục tập quán truyền thống nếu như không được lưu giữ, truyền qua các thế hệ thì các thế hệ đời sau sẽ không còn biết gì về những giá trị, những nét văn hóa đặc sắc đó nữa. Mục đích của việc bảo vệ các di sản văn hóa thế giới là giữ cho chúng tồn tại, giữ gìn nguyên vẹn để tạo ra những nét riêng để thu hút khách, góp phần vào công cuộc phát triển

du lịch bền vững. Đồng thời còn mang lại niềm tin và lòng tự hào dân tộc, bảo vệ tính đa dạng văn hóa, góp phần làm thỏa mãn nhu cầu của khách du lịch quốc tế, thích chiêm ngưỡng và tôn trọng các đặc trưng văn hoá của các dân tộc mà nước mình không có.

Việc trùng tu tôn tạo các di sản văn hóa thế giới phải được thực hiện định kỳ và thường xuyên. Tiến hành lập kế hoạch sửa chữa đối với những công trình đã xuống cấp, nguồn vốn được lấy từ thu nhập từ du lịch, dùng để tái đầu tư phục vụ cho du lịch.

Mỗi di sản văn hóa thế giới đều có những giá trị riêng, những nét độc đáo riêng mà ngành du lịch cần phải chú ý trong quá trình khai thác. Những giá trị văn hóa độc đáo, hoàn toàn khác với văn hóa của chính mình sẽ là động cơ thúc đẩy du khách đi du lịch, sử dụng các sản phẩm du lịch. Những giá trị càng độc đáo, càng sâu sắc lại càng có sức hấp dẫn. Các giá trị văn hóa tạo nên tính đặc sắc của sản phẩm, tạo nên cái hồn cho sản phẩm du lịch, là động lực thúc đẩy khách đi du lịch, thúc đẩy du khách đi từ nước này đến nước khác, từ vùng này sang vùng khác. Do đó, việc lựa chọn các di sản văn hóa thế giới đưa vào khai thác đòi hỏi có sự đầu tư nghiên cứu để đảm bảo những tiềm năng này thể hiện những nét độc đáo cũng như sức hấp dẫn của nó. Đây cũng là cách góp phần khai thác hợp lý giá trị di sản văn hóa thế giới, đảm bảo phát huy các giá trị, giữ gìn được tính truyền thống, tính lịch sử và đồng thời đảm bảo thỏa mãn nhu cầu du khách. Ngoài ra, để đảm bảo cho hoạt động bảo tồn được thuận lợi, các địa phương có di sản phải quan tâm đến việc thực hiện quy hoạch tại các di sản, từ đó có thể xác định và phân bổ vốn để bảo tồn và phát huy giá trị di sản phù hợp.

• *Tiêu chí 3: Có nguồn vốn tái đầu tư để bảo vệ di sản văn hóa thế giới*

Việc phát triển du lịch mang lại những lợi ích to lớn cho địa phương nơi có di sản. Trong quá trình du lịch, các du khách sẽ tìm tới những nơi có các di sản văn hóa thế giới để thực hiện các hoạt động du lịch tham quan của mình, nhờ đó tại đây sẽ có được nguồn thu từ việc bán vé cho khách. Du khách sẽ chấp nhận việc thu phí nếu họ biết nguồn thu này dùng để bảo vệ và bảo toàn khu di sản. Khoản thu này sẽ cung cấp ngân sách cho việc trùng tu và bảo vệ các di sản văn hóa thế

giới. Nếu như đối với các di sản, nguồn thu này không được đảm bảo sẽ làm quá trình bảo tồn và tôn tạo gặp khó khăn, mặt khác các nhà quản lý sẽ xao nhãng trong quá trình bảo vệ. Nguồn vốn thu từ bán vé cho hoạt động tham quan sẽ được trích lại để thực hiện hoạt động trùng tu, tôn tạo và bảo vệ di sản, góp phần giữ gìn các di sản được lâu dài cho các thế hệ mai sau. Tuy nhiên, để thực hiện các hoạt động trùng tu tôn tạo và bảo vệ các di sản chỉ dựa vào nguồn thu này không thôi chưa đủ mà cần phải có một số vốn lớn. Do đó, việc huy động các nguồn vốn từ các tổ chức khác nhau cả trong và ngoài nước sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình khai thác giá trị các di sản phục vụ cho phát triển du lịch. Hơn nữa, còn có nguồn vốn từ Nhà nước và Chính phủ, vốn từ ngân sách của các địa phương có di sản cũng như từ các tổ chức phi chính phủ cũng sẽ góp phần giữ gìn nguyên vẹn các di sản văn hóa thế giới, biến những giá trị độc đáo này thành nguồn lợi cho kinh tế địa phương.

• *Tiêu chí 4: Khai thác đảm bảo đem lại việc làm và thu nhập cho cộng đồng*

Mỗi loại di sản văn hóa thế giới có những đặc điểm khác nhau, do đó trên cơ sở phân loại di sản văn hóa thế giới, cần phải có các cách thức khai thác các loại di sản văn hóa thế giới cho phù hợp. Di sản văn hóa thế giới bao gồm các công trình kiến trúc, các di tích lịch sử văn hóa, các lễ hội, các phong tục tập quán, các làng nghề truyền thống cũng như các loại hình văn hoá nghệ thuật, các món ăn gắn với văn hóa của từng vùng miền. Việc khai thác giá trị di sản văn hóa thế giới theo những đặc trưng riêng đảm bảo nâng cao giá trị của tài nguyên, tạo điều kiện để thu hút khách du lịch. Đối với di sản văn hóa thế giới vật thể thì cần nghiên cứu rõ xuất xứ, những nét nghệ thuật đặc sắc, những giá trị văn hóa độc đáo để giới thiệu cho du khách. Còn đối với các lễ hội được khai thác đặc biệt dành cho mục đích du lịch là tiền đề cho các công ty du lịch, các địa phương quảng bá hình ảnh của mình. Đây cũng là dịp để đề cao và tôn vinh những giá trị văn hóa truyền thống của từng địa phương, thoả mãn nhu cầu đa dạng của nhân dân địa phương và du khách trong và ngoài nước. Để khai thác lễ hội được hợp lý, cần chú ý đến các điều kiện chính trị, văn hóa, xã hội của địa phương và nhất là cơ sở hạ tầng có đáp ứng được yêu cầu đặt ra hay không. Đồng thời, việc khai thác các lễ hội còn gắn với các làng nghề truyền thống, các loại hình nghệ

thuật và còn có các điểm tham quan khác. Khai thác các di sản văn hóa thế giới không chỉ tạo điều kiện cho các địa phương thu hút khách, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, tạo ra các sản phẩm du lịch mới mà còn mang lại những lợi ích kinh tế thiết thực cho cộng đồng dân cư.

Trong thời gian gần đây, cùng với những biến động kinh tế xã hội, hoạt động du lịch cũng đang trên đà phát triển. Trong bối cảnh chung ấy, bất cứ quốc gia nào, địa phương nào cũng đặt ra cho mình phương châm phát triển du lịch bền vững, một quá trình phát triển không có những tác động xấu ảnh hưởng đến môi trường và lãng phí tài nguyên. Du lịch đã có những đóng góp lớn cho nền kinh tế địa phương. Du lịch phát triển đã mang đến những lợi ích cho cộng đồng thông qua việc giải quyết việc làm cho người lao động, thúc đẩy giao lưu thương mại, tạo ra thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo cho địa phương. Du khách đến với địa phương sẽ tiêu dùng các sản phẩm du lịch, các dịch vụ và hàng hóa ở tại đó như tham quan bảo tàng, tham quan di sản, tìm hiểu các giá trị văn hóa bản địa, sử dụng dịch vụ lưu trú, ăn uống, vận chuyển, mua sắm các vật dụng, quần áo, giày dép, hàng lưu niệm. Điều đó tạo cơ hội để phát triển kinh tế địa phương thông qua việc bán các sản phẩm dịch vụ này. Ngoài ra nhờ có du lịch sẽ khôi phục các ngành nghề thủ công truyền thống làm ra những sản phẩm lưu niệm bán cho khách, khôi phục các món ăn đồ uống truyền thống tại địa phương. Thu nhập của người dân tại địa phương sẽ có điều kiện tăng cao, từ đó nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Người dân tại địa phương cũng tích cực hơn tham gia vào hoạt động du lịch khi họ nhận thấy rằng các hoạt động này cải thiện mức sống của họ. Vì thế để khai thác hợp lý giá trị di sản văn hóa thế giới cần đảm bảo gia tăng thu nhập từ di sản nhằm mang lại lợi ích tối đa cho cộng đồng địa phương nơi có di sản. Du lịch sẽ không mang lại lợi ích kinh tế chung cho địa phương nếu ít sử dụng các hướng dẫn viên người địa phương. Vì thế, các hướng dẫn viên tại các di sản bằng kiến thức của mình, bằng việc làm của mình sẽ có đóng góp cho quá trình khai thác hợp lý các di sản văn hóa thế giới, hướng dẫn du khách hiểu được các giá trị di sản, tuyên truyền cho du khách ý thức trách nhiệm đối với di sản để du khách cùng tham gia vào quá trình bảo vệ tốt hơn các di sản văn hóa thế giới nhằm phát triển du lịch.

• *Tiêu chí 5: Khai thác giá trị di sản văn hóa thế giới phải kết hợp*

*với các loại hình du lịch khác*

Nhu cầu du lịch văn hóa ngày nay đã trở nên phổ biến. Đây là hình thức hưởng thụ tích cực nhất bởi vì việc tìm hiểu và cảm thụ các giá trị văn hóa tạo nên sự phát triển tích cực của con người. Tuy nhiên, du lịch văn hóa sẽ đa dạng hơn, hấp dẫn hơn nếu được khai thác kết hợp với các loại hình du lịch khác như du lịch hoài niệm, du lịch tôn giáo, vui chơi giải trí và du lịch sinh thái. Sự kết hợp giữa việc khai thác giá trị các di sản văn hóa thế giới với các loại hình du lịch khác sẽ góp phần đa dạng hóa sản phẩm du lịch, tạo cơ hội cho du khách lựa chọn điểm đến. Chuyến đi của du khách không chỉ đơn thuần là tìm hiểu về di sản văn hóa thế giới mà còn là dịp để du khách có được những trải nghiệm du lịch, khám phá các tài nguyên du lịch độc đáo, hiểu thêm về vùng đất nơi du khách đặt chân đến. Sự kết hợp này sẽ gia tăng mức độ hài lòng của du khách và là yếu tố để thu hút khách quay trở lại ở những lần sau.

• *Tiêu chí 6: Chú ý đến vấn đề sức chứa trong quá trình khai thác*

Theo UNWTO (1992): Sức chứa du lịch là mức độ sử dụng của khách tham quan mà một khu vực có thể cung cấp, đáp ứng ở một mức độ cao cho du khách và để lại rất ít tác động đến nguồn tài nguyên.

Theo Nguyễn Đình Hòa và Vũ Văn Hiếu: “Sức chứa là số lượng người cực đại có thể sử dụng điểm du lịch có thể chấp nhận, không gây suy thoái hệ sinh thái tự nhiên, không gây xung đột xã hội giữa cộng đồng địa phương và du khách, không làm suy thoái nền kinh tế truyền thống của cộng đồng bản địa”.

Vậy sức chứa có thể được hiểu là khả năng chấp nhận du khách của một điểm du lịch, nếu số lượng khách đến tham quan vượt qua ngưỡng sẽ có những ảnh hưởng xấu đến kinh tế, xã hội và môi trường.

Khả năng của mỗi điểm du lịch là hạn chế do bị giới hạn bởi diện tích. Trong quá trình khai thác, trên cơ sở diện tích của mỗi di tích, phải tính toán được số lượng người tối đa mà di tích có thể đón được trong khả năng có thể, điều này liên quan đến những tiêu chuẩn tối thiểu về không gian đối với mỗi du khách cũng như đối với nhu cầu sinh hoạt của họ. Sức chứa của mỗi điểm du lịch là số lượng du khách tối đa cho phép

tham quan điểm du lịch trong một khoảng thời gian nhất định mà không gây ra bất kỳ ảnh hưởng xấu nào đến tài nguyên, đến môi trường. Việc giới hạn số lượt khách tham quan trong một ngày cũng rất cần thiết, bảo đảm cho việc không khai thác kiệt quệ tài nguyên, không gây ra bất cứ một sự suy giảm nào về những trải nghiệm của du khách, và đây cũng là yếu tố quan trọng góp phần phát triển du lịch bền vững. Bởi vì số khách vào tham quan các di tích nếu quá lớn sẽ làm tăng độ ẩm, độ mặn của mồ hôi cũng tạo ra những vết muối có thể ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn các công trình. Hơn nữa, sự tập trung quá lớn khách vào một thời điểm có thể làm tăng khí thải CO<sub>2</sub> trong không gian các công trình di tích, ảnh hưởng đến tính bền vững của những công trình này. Vì thế vấn đề sức chứa luôn luôn phải được chú ý và tính toán để đảm bảo quá trình khai thác giá trị các di sản văn hóa thế giới vẫn giữ được tính nguyên vẹn của các di tích, không có những ảnh hưởng tiêu cực ảnh hưởng đến chất lượng của các công trình. Việc giảm bớt lượng người ra vào các di sản sẽ giảm đi những tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái. Việc chú ý đến sức chứa của các di sản văn hóa thế giới cũng rất quan trọng vì nếu như để cho số du khách tham quan quá nhiều trong cùng một thời gian sẽ có những ảnh hưởng nhất định đến chất lượng của các di sản văn hóa thế giới, làm di sản văn hóa thế giới mau chóng bị hư hại. Quan tâm đến sức chứa tại các điểm du lịch sẽ làm giảm áp lực lên môi trường tại đó, lượng khách tập trung không quá đông, giảm lượng xả thải. Để đánh giá tính hợp lý trong khai thác du lịch cần dựa vào tiêu chí xác định sức chứa tại các di sản văn hóa thế giới.

• *Tiêu chí 7: Khai thác hợp lý giá trị di sản văn hóa thế giới luôn đi đôi với việc bảo vệ môi trường du lịch*

Du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp mà sự tồn tại và phát triển của nó gắn liền với môi trường. Môi trường được xem là yếu tố quyết định đến sự tồn tại của hoạt động du lịch. Giữa môi trường và du lịch luôn có sự tác động qua lại lẫn nhau. Môi trường cũng được coi là nguồn tài nguyên để phát triển du lịch. Vì vậy, để du lịch phát triển bền vững đòi hỏi có sự quan tâm thích đáng đến những vấn đề về môi trường. Việc khai thác hợp lý giá trị các di sản văn hóa thế giới luôn đề cao vai trò của công tác bảo vệ môi trường. Ngày nay, trình độ văn hóa của du khách ngày càng cao hơn, do đó trình độ nhận thức của họ

cũng cao hơn rất nhiều. Người ta đi du lịch không chỉ để thỏa mãn nhu cầu nhìn ngắm của mình mà còn có mong muốn hướng tới thiên nhiên, gần gũi hơn với môi trường, đem lại cho họ những kinh nghiệm du lịch đích thực. Đặc biệt, đối với những du khách nước ngoài đến từ những đất nước có mức sống cao thì họ rất nhạy cảm với vấn đề môi trường, những vấn đề như dịch bệnh, mất vệ sinh an toàn thực phẩm, tệ nạn xã hội vì đây chính là những yếu tố làm sức hấp dẫn của các tài nguyên du lịch mà nhất là các tài nguyên du lịch văn hóa bị giảm sút. Mặt khác, việc tập trung quá mức các phương tiện giao thông đưa khách đến tham quan sẽ dẫn đến vấn đề ô nhiễm khí thải, tiếng ồn và cả ô nhiễm môi trường tự nhiên do lượng rác thải và nước thải do du khách thải ra. Do đó, để các di sản văn hóa thế giới giữ mãi những nét hấp dẫn vốn có của nó, cần coi trọng việc bảo vệ môi trường cảnh quan, chống ô nhiễm môi trường và xem việc khai thác hợp lý giá trị các tài nguyên này như là một công cụ góp phần bảo vệ môi trường. Vì thế, để khai thác hợp lý giá trị di sản văn hóa thế giới cần chú ý đến môi trường cũng như giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho các đối tượng du khách và cho cả cộng đồng dân cư địa phương.

Môi trường là yếu tố quan trọng trong khai thác và phát triển du lịch. Việc khai thác hợp lý các tiềm năng du lịch cần hết sức đặc biệt quan tâm đến môi trường vì đây là yếu tố vô cùng nhạy cảm. Nếu không khai thác giá trị di sản văn hóa thế giới một cách hợp lý, sẽ làm suy giảm chất lượng môi trường và ảnh hưởng tới phát triển du lịch.

## **2. Xây dựng các chỉ tiêu đánh giá khai thác hợp lý giá trị di sản văn hóa thế giới để phát triển du lịch**

Ngoài đánh giá tính hợp lý trong quá trình khai thác giá trị di sản văn hóa thế giới theo những tiêu chí trên cần xây dựng hệ thống các chỉ tiêu phù hợp nhằm đảm bảo cho việc khai thác được hợp lý, các chỉ tiêu này phản ánh rõ nét hơn tình hình hoạt động du lịch tại các di sản văn hóa thế giới. Qua nghiên cứu tài liệu, tác giả đã tổng hợp các yếu tố có liên quan đến khai thác du lịch bền vững làm cơ sở xác định các chỉ tiêu đánh giá khai thác hợp lý giá trị di sản văn hóa thế giới.

Từ kết quả nghiên cứu trên, tác giả đã tham khảo ý kiến của các chuyên gia là các giảng viên du lịch, các nhà quản lý trong ngành du

lịch và tham khảo tài liệu của Tổ chức Du lịch Thế giới để xác định các chỉ tiêu đánh giá khai thác hợp lý giá trị di sản văn hóa thế giới. Đây cũng chính là các hướng dẫn quan trọng để các chủ thể khai thác du lịch như chính quyền địa phương, các công ty du lịch, cộng đồng cư dân sở tại cùng tham gia vào quá trình khai thác du lịch tại các di sản. Việc khai thác du lịch tại các di sản văn hóa thế giới được đánh giá một cách cụ thể hơn qua các chỉ tiêu được đề xuất. Những chỉ tiêu được xác định nhằm làm rõ hơn tiêu chí khai thác hợp lý giá trị di sản văn hóa thế giới. Việc đánh giá khai thác hợp lý giá trị di sản văn hóa thế giới dựa trên các tiêu chí và các chỉ tiêu sau:

**BẢNG 2: TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHAI THÁC DU LỊCH**

Vấn đề nghiên cứu	Chỉ tiêu	Người nghiên cứu	Bình luận
<i>Tăng cường giá trị, sức hấp dẫn của tài nguyên</i>	Tỷ lệ sử dụng tài nguyên	Mrnjavac và cộng sự (2008), Ortega (2002), Shilling (2000)	Tiêu chí nhằm xác định mức độ sử dụng và quản lý tài nguyên.
	Đóng góp của phát triển du lịch cho phục hồi và bảo tồn	Goodwin và cộng sự (1997), Macbeth và cộng sự (2004), UNWTO (2004)	Tiêu chí cho thấy sự quan tâm đến duy trì giá trị của tài nguyên.
	Tỷ lệ công trình kiến trúc được bảo tồn	Endresen (1999)	Tiêu chí có ý nghĩa để đánh giá mức độ quan tâm của các nhà quản lý du lịch đến việc đảm bảo giá trị của tài nguyên.
	Tốc độ tăng số du khách	Leask (2010), Mrnjavac và cộng sự (2008)	Tiêu chí không nhấn mạnh đến tăng cường giá trị của tài nguyên.

<i>Lợi ích kinh tế từ du lịch</i>	Thu nhập của dân cư	Leask (2010), Jeffrey D. Kline (2001)	Tiêu chí cho biết người dân địa phương có hưởng lợi từ hoạt động du lịch, tuy nhiên tiêu chí này có thể kết hợp với tiêu chí khác.
	Mức tăng trưởng kinh tế do du lịch đem lại	Goodwin và cộng sự (1997), Jeffrey D. Kline (2001), UNWTO (2004), Leask (2010)	Tiêu chí nhằm xác định tốc độ tăng trưởng của thu nhập từ du lịch, có ý nghĩa đánh giá cao vì sẽ cho biết mức độ phát triển du lịch tại di sản.
	Số lượng cơ sở lưu trú tăng thêm	Mrnjavac và cộng sự (2008), UNWTO (2004)	Tiêu chí cho thấy lợi ích của du lịch, đảm bảo các dịch vụ phục vụ du khách.
	Việc làm được tạo ra từ du lịch	Jennifer Stange và cộng sự	Số lượng việc làm trong du lịch tăng thêm để đảm bảo phục vụ du khách, tuy nhiên đối với các di sản, vai trò của hướng dẫn viên là quan trọng.

<i>Bảo vệ môi trường du lịch</i>	Tác động môi trường của du lịch	Goodwin và cộng sự (1997), Yabuta (2011),	Tiêu chí nhằm đánh giá ảnh hưởng của du khách đến các tài nguyên du lịch
	Đánh giá, tính toán sức chứa	Yabuta (2011), Masip (2006), UNWTO (2004), Coccossis và cộng sự (2004)	Tiêu chí nhằm xác định khả năng đón tiếp của tài nguyên, là căn cứ quan trọng trong khai thác, có ý nghĩa nghiên cứu.
	Chương trình giáo dục về du lịch bền vững	UNWTO (2004), Shilling (2000)	Tiêu chí xác định trách nhiệm của nhà quản lý du lịch trong việc mở rộng hiểu biết của du khách về tài nguyên.
	Sự hài lòng và thỏa mãn của du khách	Huibin và cộng sự (2013), WTO (2004), Leask (2010), Hawkins (2005), Lang (2004)	Tiêu chí đo lường mức độ hài lòng và thỏa mãn nhu cầu của du khách khi tham quan tài nguyên.

*Nguồn: Tổng hợp của tác giả*

**BẢNG 3:**  
**NGUỒN THAM KHẢO CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KHAI THÁC HỢP LÝ GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA THẾ GIỚI**

Nhân tố chính	Tiêu chí khai thác	Chỉ tiêu xác định	Nguồn tham khảo
<b>Tăng cường giá trị của các di sản văn hóa thế giới</b>	<i>Khai thác đầy đủ di sản văn hóa thế giới</i>	Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ các di tích được khai thác trên tổng số lượng các di tích được thống kê	Ý kiến chuyên gia, tài liệu tham khảo
	<i>Khai thác di sản văn hóa thế giới phải luôn đi đôi với việc trùng tu, tôn tạo, bảo vệ các di tích và gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống, phát huy tính độc đáo của các di sản văn hóa thế giới</i>	Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ di tích được đầu tư tôn tạo trong tổng số di tích được khai thác	Ý kiến chuyên gia, tài liệu tham khảo
		Chỉ tiêu 3: Số lượng các di tích trong khu di sản được quy hoạch cho đầu tư bảo tồn và phát huy giá trị	Ý kiến chuyên gia, tài liệu tham khảo
	<i>Có nguồn vốn tài đầu tư để bảo vệ di sản văn hóa thế giới</i>	Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ doanh thu du lịch được trích phục vụ bảo vệ trùng tu tôn tạo bảo vệ di sản văn hóa thế giới	Tài liệu của UNWTO, tài liệu tham khảo

<b>Đảm bảo lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa phương</b>	<i>Khai thác đảm bảo đem lại việc làm và thu nhập cho cộng đồng</i>	Chi tiêu 5: Số lượng các cơ sở dịch vụ phục vụ du lịch tăng thêm	Ý kiến chuyên gia, tài liệu của UNWTO, tài liệu tham khảo
		Chi tiêu 6: Sự tăng trưởng doanh thu du lịch	Ý kiến chuyên gia, tài liệu của UNWTO, tài liệu tham khảo
		Chi tiêu 7: Lực lượng hướng dẫn viên được sử dụng tại địa phương	Ý kiến chuyên gia
	<i>Khai thác giá trị di sản văn hóa thế giới phải kết hợp với các loại hình du lịch khác</i>	Chi tiêu 8: Mức độ đa dạng hóa của sản phẩm du lịch tại địa phương có di sản	Ý kiến chuyên gia

<b>Quan tâm đến chất lượng môi trường tại các di sản</b>	<i>Chú ý đến vấn đề sức chứa trong quá trình khai thác</i>	Chỉ tiêu 9: Sức chứa tại các di sản văn hóa thế giới	Tài liệu của UNWTO, tài liệu tham khảo
	<i>Khai thác hợp lý giá trị di sản văn hóa thế giới luôn đi đôi với việc bảo vệ môi trường du lịch</i>	Chỉ tiêu 10: Tác động tiêu cực đến xã hội từ du lịch	Ý kiến chuyên gia
		Chỉ tiêu 11: Mức độ ô nhiễm môi trường tại khu di sản	Ý kiến chuyên gia
		Chỉ tiêu 12: Giáo dục nâng cao nhận thức của khách du lịch về tôn trọng và bảo vệ môi trường tại di sản văn hóa thế giới	Ý kiến chuyên gia, tài liệu của UNWTO, tài liệu tham khảo
		Chỉ tiêu 13: Mức độ hài lòng của du khách	Tài liệu của UNWTO, tài liệu tham khảo

*Nguồn: Tổng hợp của tác giả*

Mỗi di sản văn hóa thế giới mang những đặc trưng riêng, có giá trị độc đáo riêng được khai thác phục vụ phát triển du lịch. Những giá trị này cần phải được quan tâm khai thác, đảm bảo sử dụng các tài nguyên quý giá hiện có để tăng cường giá trị của các di sản văn hóa thế giới, vì vậy được đánh giá dựa trên các chỉ tiêu:

➤ *Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ các di tích được khai thác trên tổng số lượng các di tích được thống kê*

Để đảm bảo khai thác đầy đủ các di sản văn hóa thế giới, cần xác định tỷ lệ các di tích được khai thác trên tổng số lượng các di tích được thống kê, nếu tỷ lệ quá thấp cho thấy việc khai thác đầy đủ chưa được quan tâm đúng mức. Trên cơ sở tham khảo ý kiến của các chuyên gia trong ngành du lịch và tài liệu, tỷ lệ này cao hơn 50% mới được đánh

giá là khai thác hợp lý.

➤ *Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ các di tích được đầu tư tôn tạo trong tổng số di tích được khai thác*

Để khai thác hợp lý di sản văn hóa thế giới cần quan tâm đến trùng tu, tôn tạo, bảo vệ các di tích và gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống, phát huy tính độc đáo của các di sản văn hóa thế giới. Số lượng các di tích được quan tâm đầu tư, tôn tạo và bảo vệ sẽ là cơ sở quan trọng trong thực hiện khai thác du lịch, đảm bảo phát triển du lịch địa phương. Nếu tỷ lệ này cao (>50%) sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phát triển du lịch, cho thấy việc khai thác du lịch tại nơi có di sản đã được hợp lý.

➤ *Chỉ tiêu 3: Số lượng các di tích trong khu di sản được quy hoạch cho đầu tư bảo tồn và phát huy giá trị*

Trong quá trình khai thác, việc quy hoạch du lịch tại các di sản sẽ do chính quyền địa phương phối hợp cùng với Ban quản lý Du lịch thực hiện để xác định các công trình chủ yếu cần được quan tâm đúng mức, được đầu tư để được giữ gìn và phát huy giá trị. Số lượng này nếu quá ít (<50% trên tổng số) cho thấy việc khai thác du lịch tại các di sản chưa được hợp lý.

➤ *Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ doanh thu du lịch được trích phục vụ trùng tu tôn tạo bảo vệ di sản văn hóa thế giới*

Để trùng tu tôn tạo bảo vệ di sản cần một nguồn vốn rất lớn mới có thể đảm bảo được công việc này. Một trong những nguồn vốn có thể giúp địa phương trang trải đầu tư đó chính là doanh thu từ hoạt động du lịch. Vốn cho hoạt động phục vụ bảo vệ trùng tu tôn tạo bảo vệ di sản văn hóa thế giới được trích ra từ nguồn thu này, tỷ lệ này càng cao cho thấy đã có sự quan tâm nhất định đến khai thác. Đây chính là sự đóng góp của ngành du lịch cho sự bảo tồn các di sản văn hóa thế giới.

➤ *Chỉ tiêu 5: Số lượng các cơ sở dịch vụ phục vụ du lịch tăng thêm*

Khi thực hiện khai thác giá trị các di sản văn hóa thế giới để phát triển du lịch sẽ có những nỗ lực để tăng lượng khách đến tham quan.

Cùng với sự gia tăng lượng khách là sự tăng lên của cầu du lịch, du khách mong muốn có các sản phẩm dịch vụ du lịch có sẵn để giúp họ có thể thỏa mãn được nhu cầu đa dạng của mình trong chuyến đi. Vì thế, các cơ sở dịch vụ phục vụ du lịch được ra đời để đáp ứng được nhu cầu của du khách. Việc quan tâm phát triển các cơ sở dịch vụ du lịch sẽ tạo điều kiện cho người dân sở tại có công việc làm, cải thiện thu nhập, nâng cao chất lượng đời sống, góp phần giải quyết sinh kế cho người dân, giúp người dân hưởng được lợi ích từ du lịch. Đây cũng chính là yếu tố có thể đánh giá được tính hợp lý trong khai thác du lịch tại các di sản văn hóa thế giới.

➤ *Chi tiêu 6: Sự tăng trưởng doanh thu du lịch*

Doanh thu du lịch có được từ việc bán vé tham quan, bán các dịch vụ để thỏa mãn nhu cầu của khách hàng trong chuyến đi. Doanh thu này có tăng trưởng chứng tỏ việc khai thác phần nào có sự hợp lý.

➤ *Chi tiêu 7: Lực lượng hướng dẫn viên được sử dụng tại địa phương*

Hướng dẫn viên là người giữ vai trò to lớn trong việc tuyên truyền về các giá trị đặc sắc của di sản đến với du khách, giúp du khách có thêm những cảm nhận về nơi đến, có thêm trải nghiệm về chuyến đi. Vì vậy việc chú trọng đến lực lượng này thể hiện tính hợp lý trong khai thác, đặc biệt cần sử dụng những người tại địa phương bởi vì họ có sự am hiểu đầy đủ và chi tiết về địa phương, do đó sẽ có những giới thiệu hấp dẫn làm du khách thích thú.

➤ *Chi tiêu 8: Mức độ đa dạng hóa của sản phẩm du lịch tại địa phương có di sản*

Sự kết hợp các loại hình du lịch tại di sản sẽ góp phần tăng tính đa dạng hóa của sản phẩm du lịch, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình khai thác du lịch.

➤ *Chi tiêu 9: Xác định sức chứa tại các di sản văn hóa thế giới*

Xác định “sức tải” hay “sức chứa” (carrying capacity) để chỉ số lượng khách du lịch tối đa mà một điểm du lịch hoặc khu du lịch có thể tiếp nhận được mà không gây tác động xấu đến môi trường và cộng

đồng xung quanh, cũng như không làm giảm đi mức độ hài lòng của khách đến tham quan. Đây cũng chính là một trong các quan điểm nhằm giới hạn lượng khách đến du lịch nhằm đảm bảo bền vững. Khái niệm này bao gồm cả các khía cạnh như sức tải vật lý (là số lượng khách tối đa mà không gian hay diện tích của điểm du lịch có thể tiếp nhận được), sức tải sinh thái (được hiểu là lượng khách tối đa mà lớn hơn sẽ vượt quá khả năng tiếp nhận của môi trường), sức tải tâm lý (là giới hạn lượng khách mà nếu vượt qua, du khách sẽ bắt đầu cảm thấy khó chịu vì sự “đông đúc”), sức tải xã hội (giới hạn về lượng du khách mà tại đó bắt đầu xuất hiện các tác động tiêu cực của du lịch đến đời sống văn hóa - xã hội của khu vực) và sức tải quản lý (là lượng khách tối đa mà điểm du lịch có khả năng phục vụ).

Theo Phạm Trung Lương, công thức chung để tính sức chứa cho một điểm du lịch như sau:

$$CPI = \frac{AR}{a}$$

a

Trong đó:

CPI: Sức chứa thường xuyên (*Instantaneous carrying capacity*)

AR: Diện tích khu vực (*Size of area*)

a: Tiêu chuẩn không gian (*diện tích cần cho 1 người*)

$$CPD = CPI \times TR = \frac{AR \times TR}{a}$$

Trong đó:

CPD: Sức chứa hàng ngày (*Daily Capacity*)

TR: Công suất sử dụng mỗi ngày (*Turnover rate of users per day*)

$$CPY = \frac{CPD}{PR} = \frac{AR \times TR}{a \times PR}$$

Trong đó:

CPY: Sức chứa hàng năm (Yearly capacity)

PR: Ngày sử dụng (Tỷ lệ ngày sử dụng liên tục trong năm)

Theo hướng dẫn của WTO, tiêu chuẩn không gian dành cho 1 khách du lịch (a) là  $4\text{m}^2$ / người trong không gian mở và  $1,2\text{m}^2$ /người trong không gian khép kín. Đối với các di sản văn hóa thế giới tại miền Trung đều là các không gian mở nên diện tích cần cho một khách du lịch là  $4\text{m}^2$ /người.

Tuy nhiên, việc tính sức chứa không thể có con số chính xác do khái niệm vừa có cả định tính vừa có cả định lượng, cho nên bên cạnh xác định sức chứa du lịch cần xác định các tác động của phát triển du lịch đến kinh tế, xã hội và môi trường.

Việc quan tâm đến môi trường trong quá trình khai thác du lịch cũng thể hiện tính hợp lý trong khai thác thông qua các tiêu chí sau:

➤ *Chi tiêu 10: Tác động tiêu cực đến xã hội từ khai thác du lịch tại di sản văn hóa thế giới*

Bên cạnh những tác động tích cực mà du lịch mang lại cho xã hội qua quá trình khai thác du lịch tại các di sản văn hóa thế giới thì còn có những tác động tiêu cực có những ảnh hưởng lớn bởi quá trình khai thác này. Lượng du khách đến nhiều làm biến đổi các giá trị văn hóa truyền thống, bản sắc văn hóa bị mai một, các giá trị truyền thống bị thương mại hóa, các tệ nạn xã hội nảy sinh, giá cả sinh hoạt cao ảnh hưởng đến đời sống của người dân, đặc biệt trong mùa vụ du lịch. Khai thác hợp lý di sản văn hóa thế giới nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực này.

➤ *Chi tiêu 11: Mức độ ô nhiễm môi trường tại các khu di sản*

Khai thác du lịch làm gia tăng lượng khách đến tham quan các di sản đã tạo nên sức ép đến khả năng đáp ứng của tài nguyên và môi trường. Lượng khách tăng lên sẽ tăng nhu cầu về nước sạch, lượng nước thải và lượng rác thải tăng lên. Nếu như không có biện pháp tốt để xử lý sẽ làm tăng ô nhiễm môi trường, gây mất cảnh quan môi trường. Ngoài ra, lượng khách đông sẽ gây ô nhiễm môi trường do khí thải của động cơ xe ô tô, xe máy, tàu, thuyền, mặt khác còn gây ô nhiễm tiếng ồn làm chất lượng môi trường tại các di sản văn hóa thế giới ngày càng

suy thoái. Lượng khách quá đông tại các di sản sẽ làm giảm mức độ thụ hưởng thẩm mỹ, thường thức các giá trị văn hóa nghệ thuật của du khách. Vì vậy việc đánh giá khai thác du lịch tại các di sản văn hóa thế giới có gây ra những bất lợi đã kể trên hay không, nếu hoàn toàn không có vấn đề gì chứng tỏ việc khai thác đã có sự hợp lý.

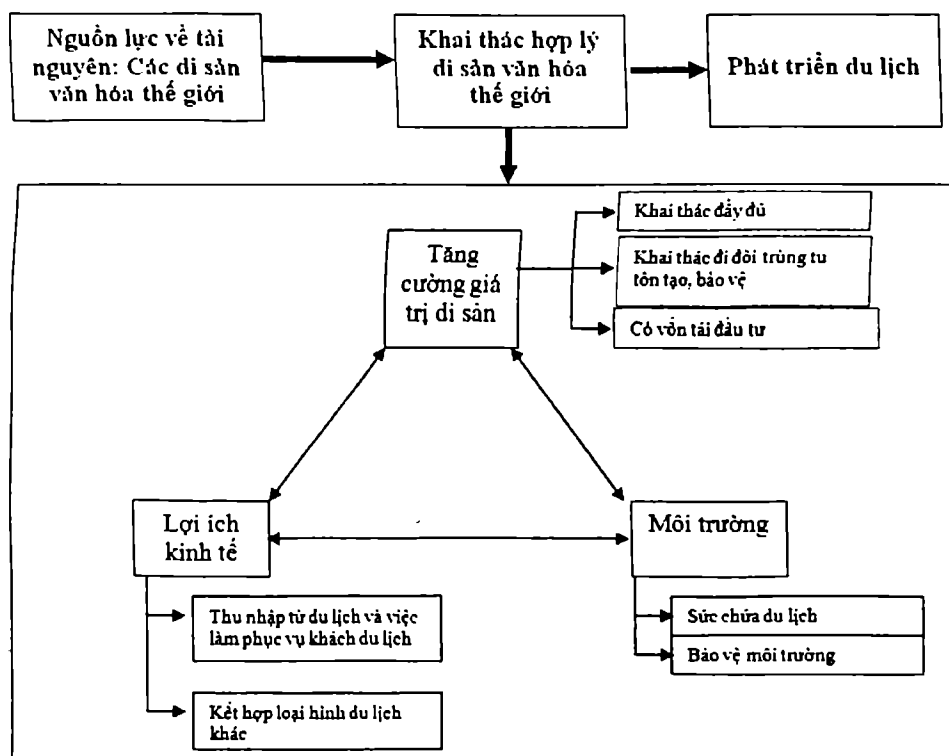
➤ *Chi tiêu 12: Giáo dục nâng cao nhận thức của khách du lịch tôn trọng và bảo vệ môi trường tại di sản văn hóa thế giới*

Du lịch văn hóa hiện nay được nhiều du khách quan tâm, vì vậy khai thác giá trị các di sản văn hóa thế giới phải quan tâm đến nhận thức của cộng đồng, của khách du lịch trong quá trình tham quan di sản. Đảm bảo đưa du lịch văn hóa trở thành yếu tố then chốt trong thu hút khách, đồng thời nâng cao ý thức của du khách trong việc bảo vệ di sản văn hóa thế giới của nhân loại, bảo vệ môi trường tại các di sản văn hóa thế giới. Việc có quan tâm đến nâng cao nhận thức của khách du lịch trong quá trình khai thác thể hiện qua các hoạt động như phổ biến các thông tin thông qua các biển chỉ dẫn, thông qua các tờ rơi, qua các chương trình giáo dục cộng đồng. Ngoài ra các công ty lữ hành và các khách sạn cũng có chương trình giáo dục ý thức các du khách khi tham quan di sản.

➤ *Chi tiêu 13: Sự hài lòng của khách du lịch*

Du lịch là một hệ thống giáo dục mở giúp con người có thêm những hiểu biết, những kiến thức mới khi học hỏi trong quá trình đi du lịch, giúp con người hiểu được sự phát triển của nhân loại. Nhu cầu của du khách là nhu cầu đặc biệt vì không những thỏa mãn được nhu cầu khám phá, hiểu biết mà còn phải thỏa mãn các nhu cầu cơ bản khác nữa. Do đó, nếu như các điểm thu hút, các điểm đến du lịch đáp ứng tốt nhu cầu du khách sẽ đem lại sự hài lòng cho họ. Sản phẩm du lịch thành công dẫn đến nhu cầu du lịch tăng, tăng sự hấp dẫn của các điểm thu hút và như vậy sẽ giúp cho khách thỏa mãn nhu cầu, từ đó sẽ có tác động đến các du khách tiềm năng. Điều này cho thấy sự quản lý khai thác du lịch đã được quan tâm, tạo được hiệu quả từ đó sẽ có tác động tích cực đến phát triển du lịch. Đây cũng là chi tiêu đánh giá sự hợp lý trong khai thác.

Từ tiêu chí và chỉ tiêu khai thác hợp lý được xác định, tác giả đề xuất mô hình khai thác hợp lý giá trị di sản văn hóa thế giới như sau:



Hình 6: Mô hình khai thác hợp lý giá trị di sản văn hóa thế giới

Các di sản văn hóa thế giới là điều kiện cần thiết cho bất kỳ địa phương nào muốn phát triển du lịch bởi vì đây là loại tài nguyên vô cùng đặc biệt, có sức hấp dẫn cao. Tuy nhiên tình hình du lịch của địa phương nơi có di sản chỉ phát triển khi các tài nguyên độc đáo này được khai thác một cách hợp lý. Nếu như không có một biện pháp khai thác hữu hiệu nào sẽ ảnh hưởng đến chất lượng di sản đồng thời làm suy giảm sự phát triển du lịch.

### 3. Ý nghĩa của việc khai thác hợp lý giá trị di sản văn hóa thế giới để phát triển du lịch

Du lịch chỉ phát triển khi các tài nguyên du lịch, đặc biệt là giá trị các tài nguyên du lịch văn hóa được khai thác. Những tài nguyên nào có giá trị sẽ có sức hấp dẫn đối với du khách và thuận lợi cho việc khai thác. Vì vậy có thể nói rằng, các tài nguyên du lịch văn hóa chính là yếu

tổ ban đầu để tạo nên sức thu hút của một điểm du lịch. Để phát triển du lịch của một vùng, một quốc gia không thể thiếu sự có mặt của các tài nguyên du lịch văn hóa. Những tài nguyên du lịch văn hóa nào có những nét độc đáo, hấp dẫn và hiếm có sẽ là những điểm thu hút khách du lịch không chỉ ở trong quốc gia đó mà còn cả trên toàn thế giới. Khi những tài nguyên có những giá trị vô cùng độc đáo, có một không hai và không thể thay thế, nó trở thành di sản được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới. Những di sản này là những tài nguyên vô cùng quý giá trong công cuộc phát triển du lịch của một quốc gia.

Tuy nhiên, vấn đề đặt ra ở đây là làm sao cho các di sản đó không những được sự quan tâm tìm hiểu và được sự yêu thích của đông đảo du khách mà còn được giữ gìn bởi chính những du khách và của chính quyền địa phương nơi có di sản văn hóa phục vụ du lịch đó. Việc khai thác hợp lý các di sản văn hóa được đặt lên hàng đầu. Giá trị các di sản văn hóa được khai thác một cách tốt nhất, góp phần đưa những nét văn hóa độc đáo của quốc gia giới thiệu cho khách du lịch năm châu biết đến, và bên cạnh đó, điều quan trọng là các di sản văn hóa này lại luôn được bảo tồn để gìn giữ cho muôn đời sau, không thể vì cái lợi trước mắt mà quên đi tương lai, nếu không giữ thì dần dần chúng sẽ bị suy giảm, các thế hệ về sau sẽ không có cơ hội được biết đến những tinh hoa văn hóa của nhân loại cũng như những dấu tích lịch sử của dân tộc.

Xu hướng du lịch của du khách ngày nay không chỉ dừng lại ở việc được nghỉ ngơi trong những nhà hàng sang trọng, được ăn những bữa ăn vừa ngon vừa đẹp mà người ta còn đòi hỏi là phải được tham quan, khám phá, tìm hiểu về những danh lam thắng cảnh, đặc biệt các di tích văn hóa lịch sử luôn là tâm điểm thu hút khách. Do đó, những di sản văn hóa nào được khai thác hợp lý sẽ để lại ấn tượng tốt đẹp trong lòng du khách, giúp họ có những cái nhìn rõ nét và sâu sắc hơn về những giá trị văn hóa còn hiện diện, làm cho họ cảm thấy thích thú và muốn quay trở lại ở những lần sau, đồng thời sự khai thác hợp lý sẽ thúc đẩy phát triển du lịch của một vùng, một quốc gia. Việc đưa các di sản văn hóa vào khai thác sẽ là tiền đề thiết yếu dẫn đến sự thành công trong hoạt động kinh doanh của ngành, tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế xã hội, đưa du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Việc khai thác hợp lý giá trị các di sản văn hóa này đóng vai trò quan

trọng trong việc hình thành các tuyến, các điểm thu hút và khơi gợi trí tò mò của du khách.

Bên cạnh đó, việc khai thác hợp lý giá trị di sản văn hóa còn giúp cho những nhà quản lý có những nghiên cứu đúng đắn trong khai thác những thế mạnh của địa phương, nhất là việc khai thác luôn đi đôi với trùng tu, tôn tạo và bảo vệ di sản văn hóa. Đồng thời luôn chú ý bảo vệ môi trường xung quanh, tạo một môi trường du lịch lành mạnh và có ảnh hưởng tích cực đến du khách, giúp du khách luôn có tâm lý thoải mái trong thưởng thức các di tích, tạo điều kiện thoải mãn nhu cầu du lịch của họ. Tuy nhiên để khai thác hợp lý du lịch văn hóa, một điều quan trọng cần phải lưu ý, đó là khai thác phải đặt trong tổng thể phát triển du lịch của một địa phương, một quốc gia, không nên tách rời bởi vì nó sẽ ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển du lịch và gây ra những bất lợi trong quá trình khai thác. Nó sẽ làm cho sản phẩm du lịch của một địa phương, một quốc gia trở nên nghèo nàn, không phong phú, không hấp dẫn, không có sức cạnh tranh và không thu hút được khách du lịch. Việc khai thác hợp lý giá trị di sản văn hóa có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển bền vững của nền kinh tế nói chung và của du lịch nói riêng. Hơn nữa, bên cạnh việc khai thác phải biết tận dụng các nguồn lực hiện có của tài nguyên và phát huy giá trị độc đáo, những nét hấp dẫn của chúng sẽ có ý nghĩa thúc đẩy tích cực cho hoạt động du lịch cũng như đem lại hiệu quả kinh tế xã hội cao từ hoạt động này.

# KINH NGHIỆM KHAI THÁC GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA THẾ GIỚI Ở MỘT SỐ NƯỚC

## 1. Kinh nghiệm khai thác giá trị các di sản văn hóa thế giới ở Trung Quốc

### 1.1. Tài nguyên du lịch của Trung Quốc

Là một quốc gia rộng lớn và giàu có về tiềm năng và tài nguyên phát triển du lịch. Trung Quốc nổi tiếng trên toàn thế giới với các điểm du lịch cảnh quan, các phong tục tập quán dân tộc phong phú, đa dạng và nhiều màu sắc.

Trung Quốc xếp hạng 99 thành phố có giá trị văn hóa và lịch sử cấp quốc gia chính để bảo tồn. Có 45 điểm du lịch và cảnh quan của Trung Quốc được UNESCO đưa vào danh sách di sản của thế giới, trong đó có 31 di sản văn hóa thế giới, 10 di sản tự nhiên thế giới và 4 di sản hỗn hợp. Lịch sử của đất nước Trung Quốc gắn liền với những sự kiện, những nhân vật, những cảnh quan nổi tiếng nên các di sản văn hóa đặc biệt là các di sản văn hóa thế giới luôn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc phát triển du lịch ở đây.

Văn hoá nghệ thuật dân gian của Trung Quốc rất phong phú và đa dạng do sự tồn tại của rất nhiều dân tộc sinh sống ở đất nước này. Nghệ thuật tuồng, nhào lộn, ca múa nhạc và nghệ thuật vẽ truyền thống của Trung Quốc cũng như nghệ thuật thư pháp là những tài nguyên du lịch vô cùng quan trọng của nước này. Ngoài ra còn có nhiều lễ hội nổi tiếng thế giới. Có đến 27 di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO đưa vào danh sách. Ngành du lịch Trung Quốc đã tạo được hệ thống cơ sở hạ tầng và dịch vụ phong phú, đa dạng để đáp ứng, phục vụ cho tất cả các nhu cầu của du khách.

Trung Quốc đã xây dựng mối quan hệ giữa ngành du lịch với các

cơ quan chức năng khác có liên quan trong khai thác các tài nguyên du lịch, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển du lịch của quốc gia. Để khai thác quản lý tài nguyên du lịch hiệu quả, Trung Quốc đã xây dựng hệ thống nguyên tắc, tiêu chuẩn, xây dựng khung pháp lý và quy hoạch các vùng địa phương làm cơ sở phát triển. Một hệ thống văn bản pháp luật cho phát triển du lịch được hình thành, trong đó quy định rõ ràng các điều khoản về quản lý và khai thác tài nguyên du lịch, chú ý đến bảo vệ tài nguyên du lịch và bảo vệ môi trường. Ngoài ra các cơ quan chủ quản quản lý du lịch tại địa phương sẽ thực hiện đánh giá và xếp hạng tài nguyên để thuận lợi trong việc đón khách. Trên cơ sở đánh giá và xếp hạng tài nguyên sẽ tiến hành lập quy hoạch cũng như ban hành điều lệ quản lý du lịch.

### ***1.2. Kinh nghiệm khai thác giá trị di sản văn hóa thế giới Tử Cấm Thành***

Tử Cấm Thành hay Cố Cung là cung điện của các triều đại từ giữa nhà Minh đến cuối nhà Thanh Trung Quốc. Diện tích Tử Cấm Thành là 720.000 m<sup>2</sup>, gồm 800 cung và 8.886 phòng, được Hoàng thành bao bọc xung quanh. Do đó, UNESCO đã xếp Cố Cung vào loại quần thể cổ bằng gỗ lớn nhất thế giới và được công nhận là Di sản thế giới tại Trung Quốc vào năm 1987. Khu Tử Cấm Thành tọa lạc tại chính nam của Quảng trường Thiên An Môn. Tử Cấm Thành được thiết kế bởi nhiều kiến trúc sư và nhà thiết kế. Công trình này được xây dựng từ năm 1406 và hoàn thành vào năm 1424. Đây là quần thể kiến trúc với quy mô lớn nhất, có giá trị nghệ thuật cao được bảo tồn hoàn chỉnh nhất ở Bắc Kinh. Trong gần 5 thế kỉ, nơi đây là nhà của các vị hoàng đế và gia đình hoàng gia, cũng như đóng vai trò là trung tâm chính trị và nghi lễ của các triều đại vua chúa Trung Hoa. Tử Cấm Thành được mở cửa phục vụ khách tham quan vào năm 1912, từ khi vua Phổ Nghi, vị hoàng đế cuối cùng của nhà Thanh thoái vị. Đến năm 1925, Bảo tàng Cố Cung được thành lập trong Tử Cấm Thành. Từ năm 1961, đây là công trình được Nhà nước ưu tiên bảo vệ theo chỉ định của Hội đồng Nhà nước theo nguyên tắc bảo tồn di tích văn hóa, kết quả là tòa nhà và các công trình phụ trợ vẫn còn nguyên vẹn. Các nhà kiến trúc trong và ngoài nước công nhận rằng thiết kế và kiến trúc của Cố Cung Bắc Kinh là một kiệt tác, là tiêu chí của truyền thống văn hóa lâu đời Trung

Quốc, thể hiện thành tựu xuất sắc về kiến trúc của các thợ Trung Quốc cách đây hơn 500 năm. Cố Cung đã trải qua hơn 580 năm kể từ khi xây xong đến nay, phần lớn kiến trúc đã cũ, nhưng những năm gần đây lượng du khách đến thăm quan Cố Cung ngày một đông, lưu lượng du khách hằng năm gần 10 triệu lượt người. Chính phủ tăng cường lãnh đạo đối với ngành du lịch, đặc biệt trong quản lý khai thác du lịch tại các di sản. Ban hành luật pháp cho ngành du lịch để khai thác và sử dụng hợp lý các tài nguyên, tạo điều kiện cho ngành du lịch phát triển. Chính phủ cũng tăng cường đầu tư vốn cho bảo vệ môi trường. Để giữ gìn Cố Cung được tốt hơn, bắt đầu từ năm 2003, chính phủ Trung Quốc bắt đầu cho trùng tu từng phần cho đến toàn diện Cố Cung, được biết, công trình trùng tu này sẽ được tiến hành liên tục trong 20 năm với số vốn lên đến 18 triệu USD. Nguồn vốn trùng tu và các chuyên gia do Quỹ bảo tồn quốc tế (WMF) cung cấp. Cố Cung là một điểm đến không thể bỏ qua đối với các du khách khi đặt chân đến Bắc Kinh. Khu vực này có diện tích rất rộng lớn, chiều dài quãng đường du khách đi từ cổng vào đến cổng ra là 7km nhưng ở đây không sử dụng bất cứ một phương tiện giao thông nào nhằm bảo vệ di sản. Ngoài ra các cung cấm dành để tham quan cũng chỉ cho khách đứng từ ngoài nhìn vào chứ không được đến gần tránh hư hại di tích. Về số lượng khách tham quan Tử Cấm Thành cũng được kiểm soát để giảm thiểu tác động tiêu cực đến di sản. Trong những năm qua, Cố Cung luôn được chú trọng đầu tư tôn tạo bảo vệ để giữ gìn nguyên vẹn tài nguyên, qua những thăng trầm thời gian cùng với những biến cố lớn nhưng Cố Cung vẫn giữ được những nét đặc trưng vốn có cho đến ngày nay. Về tổ chức quản lý, Ban quản lý Nhà cổ chịu trách nhiệm đặc biệt cho việc bảo vệ và quản lý các tòa nhà cổ bên trong Tử Cấm Thành. Các nhà quản lý thực hiện khai thác du lịch trên nguyên tắc sử dụng các tài nguyên luôn kết hợp với bảo vệ, thống nhất lợi ích xã hội, lợi ích môi trường và lợi ích kinh tế, đảm bảo tính bền vững trong khai thác du lịch.

Bài học từ khai thác du lịch tại di sản văn hóa thế giới Cố Cung: Luôn chú trọng khai thác đồng thời bảo vệ, duy trì tài nguyên quý giá của nhân loại. Việc trùng tu, tôn tạo bảo vệ di sản được quan tâm hàng đầu, tận dụng nguồn vốn được cung cấp từ các tổ chức quốc tế. Việc khai thác không gây ảnh hưởng tiêu cực đến tài nguyên, hạn chế đến

mức thấp nhất sự tiếp xúc trực tiếp giữa du khách và tài nguyên. Luôn chú trọng bảo vệ môi trường đảm bảo phát triển du lịch, không sử dụng phương tiện giao thông trong khu di sản dù có diện tích rộng lớn.

### ***1.3. Khai thác giá trị di sản văn hoá thế giới Di Hòa Viên***

Di Hòa Viên hay cung điện mùa hè - là một cung điện được xây dựng từ thời nhà Thanh, nằm cách Bắc Kinh 15 km về hướng tây bắc. Di Hòa Viên (nghĩa đen là “vườn nuôi dưỡng sự ôn hòa”) đến nay vẫn còn được bảo tồn tốt. Nơi đây nổi tiếng về nghệ thuật hoa viên truyền thống của Trung Quốc. Di Hòa Viên có lịch sử lâu đời với nhiều tên gọi, Kim Sơn Cung, Thanh Y Viên. Di Hòa Viên là một công viên nằm ở phía tây Bắc Kinh, diện tích khoảng 290 hécta, trong đó 3/4 là diện tích mặt nước. Đây là khu vui chơi giải trí nổi tiếng dành riêng cho hoàng gia của các triều đại Trung Hoa. Cho tới ngày nay, Di Hòa Viên vẫn được coi là một trong những công viên đẹp nhất thế giới và là một kiệt tác về cảnh quan thiết kế sân vườn. Di Hòa Viên được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới vào năm 1998. Hai khu vực bên ngoài cung điện tạo thành một vùng đệm hiệu quả theo hướng dẫn cho việc thực hiện Công ước Di sản thế giới. Đây là tài sản vô giá của Trung Quốc, Nhà nước đã đưa ra Luật bảo vệ di tích văn hóa và pháp luật về bảo vệ môi trường để gìn giữ tài nguyên phục vụ du lịch. Quản lý tổng thể là Trách nhiệm của Cục Di sản và Bộ Xây dựng. Việc khai thác công trình này để phục vụ cho du lịch được giao cho chính quyền Thành phố Bắc Kinh. Ban quản lý Cung điện mùa hè Di Hòa Viên được giao trách nhiệm phối hợp với chính quyền thành phố và Cục di sản để đưa ra các chương trình bảo tồn các tòa nhà, hồ và hệ thống nước có liên quan và thẩm thực vật của cung điện. Những chương trình bảo tồn được thực hiện đều sử dụng vật liệu và kỹ thuật phù hợp với thiết kế gốc ban đầu để đảm bảo tính xác thực. Qua quá trình khai thác luôn đi đôi với bảo vệ đã đảm bảo bảo tồn một cách trung thực Cung điện mùa hè. Nguồn vốn để đầu tư cho bảo tồn chủ yếu là từ tiền bán vé đối với các công trình cần tôn tạo ở mức độ nhỏ, ở mức độ lớn được thực hiện thông qua các dự án với sự phê duyệt của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền và được thực hiện bởi ngân sách nhà nước. Ngoài ra, xung quanh công trình này luôn hạn chế xây dựng làm mất vẻ đẹp mỹ quan, việc quy hoạch luôn là một điều cấp thiết. Tổng số nhân viên ở cung

điện mùa hè là 1.500 người làm nhiều công việc khác nhau, chủ yếu là các cư dân địa phương, trong đó có 30% là lực lượng hướng dẫn viên tại di sản, đây là lực lượng nòng cốt góp phần gia tăng lượng khách đến với di sản, lực lượng này luôn được bổ sung, cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Khuyến khích cho người dân được bán hàng trong khu du lịch và phải đảm bảo chất lượng hàng hóa. Nếu một điểm bán hàng nào đó không thực hiện theo đúng quy định sẽ bị phạt hoặc bị cấm kinh doanh, bị treo biển vàng trước cửa hàng, khi khách thấy biển vàng sẽ không vào mua nữa, ngoài ra người bán hàng không được chèo kéo khách hàng, ép khách mua hàng.

Bài học từ khai thác du lịch tại di sản văn hóa thế giới Di Hòa Viên: Thành lập cơ quan chịu trách nhiệm chính trong việc khai thác di sản văn hóa thế giới phục vụ phát triển du lịch. Có các chương trình bảo tồn tài nguyên hiệu quả để đảm bảo giữ gìn nguyên vẹn tài nguyên. Sử dụng nguồn nhân lực tại chỗ, đào tạo cho nhân viên để họ có thể tham gia vào các hoạt động du lịch, chú ý đến trình độ của lực lượng hướng dẫn viên. Một phần từ nguồn tiền bán vé được trích để đầu tư trùng tu tôn tạo di sản. Chú ý quan tâm đảm bảo đem lại lợi ích cho người dân trong khu vực có di sản.

## **2. Kinh nghiệm khai thác giá trị các di sản văn hóa thế giới ở Thái Lan**

### ***2.1. Tài nguyên du lịch của Thái Lan***

Thái Lan với tổng diện tích 513.115 km<sup>2</sup> và trên 54 triệu dân, có khoảng cách địa lý cân đối so với Trung Quốc và Ấn Độ, do đó có sự pha trộn và ảnh hưởng trong văn hóa. Trong các nước Đông Nam Á, Thái Lan là nước duy nhất chưa từng là thuộc địa của nước nào, do đó tính độc đáo trong văn hóa được duy trì và phát triển trong suốt 700 năm độc lập.

Tổng số tài nguyên du lịch của Thái Lan được xác định là 2.579 tài nguyên, bao gồm 1.386 tài nguyên du lịch tự nhiên, và 1.193 tài nguyên du lịch văn hóa. Các tài nguyên du lịch tự nhiên chủ yếu là các thác nước, bãi biển, núi, vườn quốc gia, hang động, công viên. Các tài nguyên du lịch văn hóa là các đền chùa, các công trình cổ và các công

trình kiến trúc cổ cũng như các trung tâm văn hóa, bảo tàng, lâu đài, nhà cổ. Từng loại tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn được xếp hạng theo 5 mức dựa vào tiềm năng phát triển du lịch với mức 1 là tài nguyên có tiềm năng cao nhất để phát triển du lịch cho đến mức 5 là tài nguyên ít có tiềm năng để phát triển du lịch. Việc xác định các tiềm năng dựa trên các chỉ số: số lượng khách du lịch (trong nước và quốc tế), tài nguyên hiện có, trang thiết bị phục vụ cho du khách như lưu trú, nhà hàng... Đối với dạng tài nguyên du lịch tự nhiên, những nơi có tiềm năng lớn nhất được xếp ở mức độ cao nhất có 67 tài nguyên và mức thứ hai là 548 tài nguyên. Các tài nguyên tiềm năng này bao gồm thác nước, rừng, các đảo san hô và chủ yếu nằm ở vịnh Andaman các vườn quốc gia. Chỉ có một số tài nguyên du lịch văn hóa được đánh giá có tiềm năng cao và được gọi là các điểm cộng đồng, các khu lịch sử và các công trình kiến trúc cổ. Thái Lan có 5 di sản thế giới được UNESCO công nhận bao gồm 3 di sản văn hóa thế giới và 2 di sản thiên nhiên thế giới.

Thái Lan đưa ra chính sách phát triển và xúc tiến du lịch, chú trọng đến bảo tồn và phục hồi nghệ thuật, văn hóa, tài nguyên du lịch song song với việc bảo vệ môi trường, ưu tiên phát triển du lịch bền vững. Thực hiện các chương trình xúc tiến quảng bá du lịch để thu hút nhiều khách quốc tế hơn tới Thái Lan.

## ***2.2. Kinh nghiệm khai thác giá trị di sản văn hóa thế giới: Thành phố lịch sử Ayutthaya***

Ayutthaya (tên đầy đủ Phra Nakhon Si Ayutthaya) là thành phố, tỉnh lỵ của tỉnh Ayutthaya ở Thái Lan. Thành phố này được thành lập năm 1350 bởi vua U - Thong và trở thành kinh đô của vương quốc Ayutthaya hay Xiêm. Thành phố cổ Ayutthaya từng là kinh đô của Thái Lan trong 417 năm. Năm 1767 thành phố bị quân đội Miến Điện phá hủy. Tàn tích của thành phố ngày nay tạo thành công viên lịch sử Ayutthaya, và được UNESCO công nhận là di sản thế giới. Thành phố lịch sử Ayutthaya nằm tại thành cổ Ayutthaya, Thái Lan, cách thủ đô Bangkok 76km về phía Bắc, bao trùm một diện tích rộng lớn tới 2.556km<sup>2</sup>. Đây là một tổ hợp di tích bao gồm rất nhiều đền, chùa, bảo tàng, v.v... Công viên hiện tại là một trong những di tích hàng năm thu hút rất đông du khách. Đây thật sự là một thành phố vĩ đại và là một trong những di tích lịch sử có

sức hấp dẫn và được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới vào tháng 12/1991.

Thành phố lịch sử Ayutthaya là một phế tích với rất nhiều đền đài, mà đặc trưng cho loại kiến trúc này đó chính là được xây dựng bằng chất liệu gạch đỏ trần. Di tích nằm bên bờ sông được hợp bởi 3 dòng sông là sông Chao Phraya, Mae Nam Lop Buri và sông Pa Sak. Đây là điểm du lịch nổi tiếng thu hút rất nhiều khách du lịch trong và ngoài nước. Thành phố lịch sử Ayutthaya được quản lý như một công viên lịch sử. Việc phát triển du lịch luôn đi đôi với việc duy trì và bảo tồn các tài nguyên, đặc biệt là các di sản văn hóa thế giới, được thực hiện theo luật về di tích cổ, nghệ thuật và bảo tàng quốc gia, được thực thi bởi Cục Mỹ thuật, Bộ Văn hóa. Ngoài việc bảo vệ pháp lý chính thức, trong năm 1993, quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát triển thành phố lịch sử Ayutthaya được ban hành với 5 chương trình chính: Khảo cổ học, lịch sử, và di tích cổ đại; Phát triển và hoàn thiện cơ sở hạ tầng; Cải thiện môi trường và cảnh quan; Phát triển và hoàn thiện cộng đồng; Tái định cư và cải thiện sử dụng đất. Ủy ban bảo vệ và phát triển di sản văn hóa thế giới thành phố lịch sử Ayutthaya ở cấp quốc gia và địa phương đã được thành lập, ngoài ra cũng có một số tổ chức phi chính phủ cũng có quan tâm đến việc bảo tồn di sản đặc biệt này. Ngân sách cho việc bảo tồn và phát triển thành phố lịch sử Ayutthaya được phân bổ từ Chính phủ và của khu vực tư nhân. Hiện nay, các công trình kiến trúc trong khu vực này được chính quyền chú ý gìn giữ, bảo tồn và khôi phục một số hạng mục (như đoạn chóp tròn trên đỉnh của ba ngôi mộ tháp). Tuy không che giấu được sự tàn phá của chiến tranh và thời gian nhưng việc bảo tồn đảm bảo di sản vẫn tồn tại như trong thế kỷ XVIII, điều đó sẽ mang lại những giá trị hiếm có của khu di sản. Ngân sách cho việc bảo tồn và quản lý thành phố lịch sử Ayutthaya được cấp phát bởi Chính phủ Thái Lan, nhưng vẫn còn rất hạn chế, không đủ để đáp ứng nhu cầu tài chính cho trùng tu di sản.

Để tham quan di sản này, du khách có thể sử dụng phương tiện như xe đạp, xe máy, xe tuk-tuk, thậm chí là đi bằng voi, mỗi tour du lịch này du khách có thể phải mất một ngày nhưng chưa chắc đã tham quan hết các công trình kiến trúc trong di tích này, nếu muốn xem hết các di tích phải mất tới ba ngày. Những công trình kiến trúc nguy nga, đồ sộ cho thấy

vẻ đẹp huy hoàng của thành phố cổ. Tuy nhiên Ayutthaya ngày nay chỉ còn lại những di sản nằm rải rác trên một diện tích rộng, nên không được quản lý thành khu vực mà được bảo quản theo từng di tích. Tại trung tâm thông tin du lịch Ayutthaya, du khách có thể xem mô hình nguyên trạng của quần thể đền chùa Ayutthaya trước khi bị tàn phá và những hình ảnh, thông tin vô cùng sống động về di tích này. Đây còn là điểm du lịch học tập của các thế hệ học sinh để biết về quá khứ đau thương của dân tộc và bài học ý nghĩa về chiến tranh và mâu thuẫn tôn giáo. Người Thái khai thác du lịch không quên bồi đắp những giá trị lịch sử cho quần thể di tích. Điều đó vừa thể hiện thái độ trân trọng quá khứ, tri ân mảnh đất lịch sử này, cũng vừa là một chiếc lược đầu tư lâu dài. Phát hành các tờ rơi giới thiệu về lịch sử của di sản văn hóa thế giới và phát hành miễn phí cho các du khách tham quan. Vấn đề vệ sinh môi trường cũng được quan tâm, quy định hướng dẫn viên và du khách đều phải mang theo mình những đồ thải mà không được phép vứt lại trong khu di sản. Ngoài ra, một hệ thống chống ngập lụt cũng đã được thiết lập thành công, đảm bảo cho di sản được tồn tại lâu dài.

Hiện nay, các nhân viên của Công viên lịch sử Ayutthaya chịu trách nhiệm thực hiện hoạt động giám sát việc bảo tồn và phục hồi thành phố lịch sử Ayutthaya. Ban Nghệ thuật hiện đang được thành lập bởi dưới sự quản lý của Tổ chức Di sản thế giới.

Bài học từ khai thác du lịch tại di sản văn hóa thế giới Thành phố lịch sử Ayutthaya: Đây là một thành phố cổ độc đáo được khôi phục lại từ phế tích những vẫn giữ được tính nguyên trạng của di sản. Việc trùng tu tôn tạo di sản được quan tâm đúng mức, sử dụng nguồn ngân sách từ chính phủ Thái Lan. Môi trường được quan tâm bảo vệ, không cho phép thải rác trong khu di sản. Du khách chỉ được phép sử dụng phương tiện thô sơ đi lại trong khu di sản. Hoạt động truyền thông cho di sản được chú trọng. Tăng cường nhận thức của cộng đồng, góp phần gìn giữ di sản.

### **3. Kinh nghiệm khai thác giá trị các di sản văn hóa thế giới ở Hàn Quốc**

#### ***3.1. Tài nguyên du lịch của Hàn Quốc***

Hàn Quốc với tổng diện tích 120.540 km<sup>2</sup>, có 45,3 triệu dân được

bao quanh bởi 3 mặt biển với đường bờ biển tương đối dài, khoảng 12.000 km, được kéo dài bởi các đảo hẹp trải dài dọc theo bờ biển. Trên 3.150 đảo có dân cư sinh sống rải rác trong vùng biển Tây và biển Nam tạo nên vẻ đẹp kỳ ảo trong làn nước biển trong xanh. Các vùng biển với cảnh quan đẹp đó hình thành nên nhiều công viên biển.

Đường bờ biển ở Hàn Quốc rất đa dạng. Ở vùng biển Tây, nơi thì có độ dốc và mức thủy triều lớn, nơi thì có các bãi tắm thoải thoải phù hợp cho các hoạt động giải trí biển. Vùng biển Nam có đường bờ biển dài với nhiều bán đảo và vịnh tạo nên các cảnh quan đẹp, với các điều kiện thuận lợi về khí hậu, thời tiết đã hình thành nên các công viên biển và phục vụ phát triển các hoạt động thể thao biển như bơi lội, tắm biển, bơi thuyền, lướt ván... Bờ biển Nam còn có những vùng có đường viền biển là núi cao, những khu vực phù hợp đánh bắt cá, câu cá... Một số nơi phù hợp phát triển du lịch sinh thái biển và các loại hình du lịch tham quan các làng chài.

Để khai thác và phát triển, các di sản thiên nhiên thế giới Hàn Quốc được phân bố theo 5 vùng lớn và 24 á vùng. Các vùng lớn chính là vùng Trung - tỉnh Kangwon; vùng Chungchung - tỉnh Chung chung; vùng Tây Nam - tỉnh Cholla; vùng Nam - tỉnh Kyongsang; vùng Cheju - tỉnh Cheju.

Mỗi vùng du lịch biển này đều có các tiềm năng lớn về phát triển du lịch và đều gắn liền với các di sản thiên nhiên thế giới trên đất liền như núi, hồ, sông và các vùng suối khoáng.

Các điểm du lịch chính của Hàn Quốc là thủ đô Seoul với 600 năm tuổi. Nơi đây rất dồi dào về di sản thiên nhiên thế giới văn hóa, lịch sử như đền chùa, miếu, điện... Đảo Cheju là khu du lịch lớn nhất Hàn Quốc, là đảo núi lửa, có khí hậu ấm áp quanh năm, nhiều tài nguyên tự nhiên như núi, thác, hang động. Điểm du lịch nổi tiếng Kyongju là kinh đô cổ của Hàn Quốc với những lăng mộ của Hoàng gia và quý tộc, nhiều chùa chiền, đây cũng được coi là cái nôi của nền văn hóa Hàn Quốc. Công viên quốc gia Sorakan nằm ở bờ Đông với những khu rừng, thác nước, bãi biển và chùa chiền cổ là một điểm du lịch nổi tiếng được du khách ưa thích.

Các di sản thiên nhiên thế giới của Hàn Quốc rất nổi tiếng, gắn với một nền văn hóa truyền thống lâu đời. Đây là những tiềm năng hiếm có cho việc phát triển du lịch, là tiền đề cho việc khai thác du lịch, phát huy những thế mạnh vốn có của đất nước xinh đẹp này. Hàn Quốc có 9 di sản văn hóa thế giới, 1 di sản thiên nhiên thế giới và 10 di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO công nhận.

### ***3.2. Kinh nghiệm trong khai thác giá trị di sản văn hóa thế giới Cung Changdeokgung***

Changdeokgung (Xương Đức Cung) là một cung điện nằm trong một công viên lớn của Seoul, Hàn Quốc. Đây là một trong năm cung vĩ đại được các vua của Triều Tiên xây dựng. Nằm giữa Seoul, thủ đô Hàn Quốc, cung Changdeokgung được xây dựng trong suốt thời đại Joseon (1395-1910) là tổng thể bao gồm nhiều gian. Công trình này đã được ghi vào danh sách Địa danh lịch sử số 122 với tổng diện tích lên đến 580.000 mét vuông, mặc dù riêng phần diện tích nền của gian cung chính không thuộc khu Hậu viên (Secret Gardens) đã chiếm diện tích 120.000 mét vuông. Công trình xây dựng cung điện này chính thức được bắt đầu từ tháng 10 năm 1404 - năm thứ 4 triều vua Taejong. Công trình xây dựng của gian chính - Jeongjeon bắt đầu vào tháng 2 năm 1405 và hoàn tất vào tháng 10 cùng năm. Nền của cung điện này ngày nay rộng hơn nền cũ, bởi trong suốt chiều dài lịch sử của cung, những vị vua kế vị luôn tiến hành mở rộng diện tích của cung. Cung Changdeok là một địa điểm rất được yêu thích của các đời vua trong các triều đại. Cung Changdeokgung là cung duy nhất hoàn toàn mang đậm phong cách của Triều Tiên. Sau thời kỳ Nhật chiếm đóng bắt đầu từ năm 1910, một số phần của nền cung điện đã được thay đổi, một số đã bị phá hủy hoặc thậm chí bị đưa sang Nhật Bản. Cũng như các cung điện khác, cung Changdeok cũng có rất nhiều gian phụ bị di dời, trên nền chính cũng bị mất đi nhiều tính chất xác thực của nó. Cung Changdeok có một vị trí lý tưởng, phía Đông lại là cung Changgyeonggung, phía Đông Nam là Jongmyo (đền lưu giữ bài vị và đền thờ tổ tiên hoàng tộc), phía Tây là nơi ở chính thức, cung Gyeongbokgung. Việc xây dựng cung cũng đã được cân nhắc kỹ lưỡng để công trình có thể có được tầm nhìn đa dạng khi được chiêm ngưỡng ở các góc độ khác nhau. Các tòa nhà của cung Changdeokgung được tái tạo liên tục, các tòa nhà và các yếu tố tự nhiên

của khu vườn phía sau đã duy trì hình thức ban đầu của nó. Công việc này đang được thực hiện bằng cách sử dụng phương pháp truyền thống và các tài liệu, và dựa trên bằng chứng và nghiên cứu lịch sử, nhờ đó mới có một cung Changdeokgung như ngày nay. Trong các hệ thống cung điện của Hàn Quốc, chỉ có cung Changdeokgung được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới vào tháng 12 năm 1997. Các tiêu chí để được công nhận là (ii) (iii) và (iv). Ngày nay, đây là một nơi có sức hấp dẫn rất lớn đối với các khách du lịch từ khắp nơi đến Hàn Quốc, chỉ với vé có giá 10.000 KRW, du khách có thể tham quan một vòng các cung điện Gyeongbokgung, Changdeokgung, Changgyeonggung, Deoksugung và Jongmyo Shrine. Nếu du khách không mua vé trọn gói có thể mua vé lẻ với giá 3.000 KRW. Cung Changdeokgung được mở cửa hàng ngày trừ thứ hai để bảo dưỡng. Hơn nữa, cung điện còn được mở cửa ban đêm 2 lần 1 tháng để cho du khách có thể ngắm nhìn được vẻ đẹp lộng lẫy của cung điện vào ban đêm. Một tour tham quan cung điện được giới hạn ở con số 100 người. Một trang web về cung điện này cũng được xây dựng để cung cấp thông tin cho du khách gần xa được biết ([www.cdg.go.kr](http://www.cdg.go.kr)). Ngoài ra, trên cơ sở các chương trình truyền thông do Bộ Văn hóa và Du lịch thực hiện đã quảng bá hình ảnh và tên tuổi của cung điện đến các du khách trong và ngoài nước. Bên cạnh đó luôn quan tâm đến việc đào tạo và giáo dục cho các nhà quản lý và các hướng dẫn viên du lịch, thiết lập hệ thống hợp tác giữa trường học, cộng đồng với Ban quản lý khu di sản để thực hiện hoạt động giáo dục, tăng cường nhận thức của người dân, đảm bảo cho việc phát triển du lịch bền vững.

Bài học từ khai thác du lịch tại di sản văn hóa thế giới cung Changdeokgung: Hàn Quốc đã chú trọng khai thác các tài nguyên văn hóa vật thể, đặc biệt là các di sản văn hóa thế giới, các chính sách đúng đắn được thực hiện đã quản lý tốt, khôi phục và bảo tồn các tài nguyên vô giá này. Trong quá trình khai thác luôn chú trọng đến hoạt động truyền thông về di sản, giáo dục để tăng cường nhận thức của cộng đồng về giá trị di sản. Có đưa ra quy định về thời gian hoạt động của di sản (mở cửa các ngày trừ thứ hai trong tuần) và hạn chế số người tham quan trong một lượt. Quan tâm nâng cao chất lượng của đội ngũ hướng dẫn viên.

#### **4. Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam**

Bài học thứ nhất: Tăng cường khả năng khai thác các tài nguyên

du lịch văn hóa, đặc biệt là các di sản văn hóa thế giới để góp phần phát triển du lịch, tăng trưởng kinh tế, đẩy mạnh việc thu hút khách du lịch. Ban hành hệ thống pháp luật cho ngành du lịch để chuẩn hóa các hoạt động du lịch. Xây dựng hệ thống nguyên tắc, tiêu chuẩn và xây dựng khung pháp lý và quy hoạch các vùng và địa phương. Tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương trong việc khai thác, bảo vệ và tôn tạo các di sản.

Bài học thứ hai: Thực hiện việc phân loại, đánh giá và xếp hạng các tài nguyên. Bảo vệ nghiêm ngặt tài nguyên, khai thác hợp lý, duy trì và phát triển các tài nguyên du lịch văn hóa, đặc biệt là các di sản văn hóa thế giới. Khai thác những yếu tố độc đáo trong văn hóa để phục vụ cho việc phát triển du lịch. Phân công trách nhiệm cho cơ quan chịu trách nhiệm chính trong việc khai thác và tôn tạo di sản.

Bài học thứ ba: Tăng cường nhận thức của cộng đồng, của khách du lịch về giá trị của các di sản thế giới, đặc biệt là các di sản văn hóa thế giới. Giáo dục ý thức của cộng đồng trong việc góp phần bảo vệ nguyên vẹn các di sản. Thực hiện phát triển du lịch bền vững. Chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch, đặc biệt chú trọng đến lực lượng hướng dẫn viên tại các di sản vì đây là lực lượng nòng cốt có ý nghĩa trong việc cung cấp những giá trị cần thiết cho du khách, góp phần gia tăng lượng khách đến các di sản.

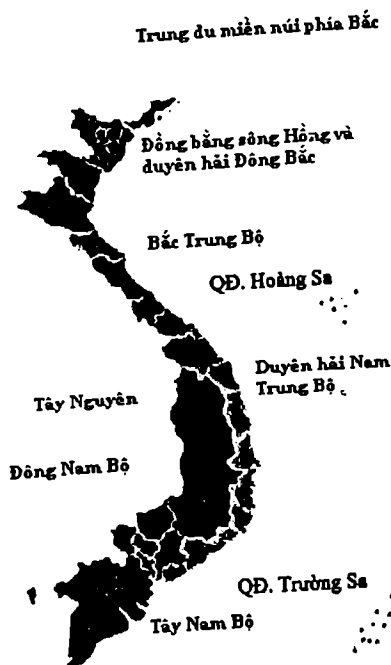
Bài học thứ tư: Xây dựng các chiến dịch marketing hiệu quả, thực hiện hoạt động truyền thông về di sản giúp cho các du khách trên thế giới biết đến các di sản, hiểu được về giá trị của các di sản, tăng cường sự phát triển du lịch tại các nơi có di sản văn hóa thế giới. Chú trọng thực hiện hoạt động liên kết giữa ngành du lịch với các ngành khác, hợp tác quốc tế về du lịch với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Bài học thứ năm: Sử dụng một phần doanh thu từ việc bán vé tham quan cho việc giữ gìn, tôn tạo và bảo vệ các di sản văn hóa thế giới.

Bài học thứ sáu: Hạn chế sử dụng các phương tiện giao thông đi lại trong các khu di sản, hạn chế số người trong 1 lượt tham quan di sản văn hóa thế giới.

# CÁC LỢI THẾ PHÁT TRIỂN DU LỊCH MIỀN TRUNG VIỆT NAM

## 1. Đặc điểm tự nhiên



Trong phát triển chung của du lịch Việt Nam, khu vực miền Trung được đánh giá là một khu vực đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển du lịch của cả nước, có những đặc điểm về lịch sử, văn hóa đặc sắc, hội tụ những ưu thế không nơi nào có được. Trong phạm vi nghiên cứu của tác giả, miền Trung bao gồm 2 vùng du lịch là vùng du lịch Bắc Trung Bộ và duyên hải Nam Trung Bộ, có phía Bắc giáp đồng bằng Sông Hồng và duyên hải đông bắc; và Trung du miền núi phía Bắc; phía Nam vùng giáp các tỉnh vùng Đông Nam Bộ; phía Đông

giáp Biển Đông; phía Tây giáp các tỉnh thuộc Tây Nguyên.

Là dải đất được bao bọc bởi những dãy núi chạy dọc bờ phía Tây và sườn bờ biển phía Đông, Trung Bộ là vùng có chiều ngang theo hướng Đông - Tây hẹp nhất Việt Nam (khoảng 50km), nằm trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Theo Chiến lược Phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 đã xác định các vùng du lịch: Vùng trung du, miền núi Bắc Bộ; vùng đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc; vùng Bắc Trung bộ gồm các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế; vùng duyên hải Nam

Trung Bộ gồm Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận; vùng Tây Nguyên; vùng Đông Nam Bộ; vùng đồng bằng sông Cửu Long. Các tỉnh Duyên hải miền Trung kéo dài từ Thanh Hóa đến Bình Thuận có diện tích 95.815 km<sup>2</sup>, bằng 28,92% diện tích cả nước.

Về mặt địa lý, các tỉnh trải dài với các địa hình khác nhau, chủ yếu là đồi núi và bờ biển. Các dãy núi đâm ngang ra biển tạo nên những cảnh đẹp kỳ vĩ, tạo điều kiện cho sự phát triển du lịch. Nhưng nhìn chung, miền Trung là nơi có khí hậu khắc nghiệt, chịu nhiều thiên tai như bão, lũ, lụt và gió Lào khô nóng. Hình thành và phát triển trên một địa bàn phức tạp, giữa các tỉnh trong vùng có khí hậu hoàn toàn khác nhau, tạo cho thiên nhiên vùng này một sắc thái đa dạng, độc đáo. Miền Trung là một nơi có nhiều tiềm năng để phát triển hoạt động du lịch. Thiên nhiên vừa ưu đãi vừa tạo ra những thử thách khắc nghiệt cho mảnh đất và con người ở đây. Những yếu tố thuận lợi và khó khăn ấy đan xen trong một tổng thể tự nhiên tạo ra sự đa dạng cho con người và các yếu tố văn hóa xã hội tồn tại và phát triển.

## **2. Đặc điểm kinh tế**

Miền Trung là mảnh đất giàu tiềm năng và lợi thế với 5 tỉnh kinh tế trọng điểm gồm Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định. Các khu vực kinh tế này không chỉ có vai trò là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực miền Trung và Tây Nguyên mà còn có vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cả nước về địa lý, kinh tế, chính trị, văn hóa và an ninh quốc phòng. Các khu kinh tế mới thành lập đem lại cho khu vực những ưu thế vô cùng to lớn như Lăng Cô, Chân Mây, Dung Quất, Chu Lai, Nhơn Hội, Vân Phong. Các nơi này đã thu hút được một lượng lớn các nhà đầu tư với cơ chế chính sách thông thoáng, mức ưu đãi đầu tư tương đối cao, được đánh giá là điểm đến hấp dẫn của nhà đầu tư. Nhiều chương trình xúc tiến thương mại và hội nhập quốc tế được tiến hành sôi động và đạt nhiều kết quả.

## **3. Đặc điểm văn hoá xã hội**

Miền Trung nằm trong không gian văn hóa Chăm-pa, đến năm

1471 mới thuộc lãnh thổ Đại Việt. Đây là vùng trung tâm đầu não của vương quốc Chămpa cả về chính trị, quân sự lẫn văn hóa. Các nghệ sĩ Chăm được ca ngợi là những người có đôi bàn tay khéo léo, có óc sáng tạo và khiếu thẩm mỹ độc đáo, thể hiện trên các công trình kiến trúc đền tháp ở rải rác khắp trên mảnh đất miền Trung, từ Mỹ Sơn, An Nhơn, Nha Trang, Bình Thuận và cả nghệ thuật điêu khắc tượng đá. Đây là những tác phẩm nghệ thuật thể hiện tài hoa của dân tộc Chămpa. Nét đặc sắc thể hiện trong từng đường nét, những hoa văn, những tượng thần và cả trong cách xây dựng tài tình các đền tháp. Trong cách sống và sinh hoạt của người miền Trung phần nào chịu ảnh hưởng của người Chăm, từ kỹ thuật canh tác, cách thiết kế nhà cửa và cả một số dụng cụ. Các lễ hội và các điệu dân ca cũng có ảnh hưởng qua lại với văn hóa của người Chăm. Vì thế, có thể thấy rằng văn hóa của người miền Trung có những nét đa dạng và đặc sắc, không nơi nào có được, tạo cho nơi đây một sức hấp dẫn, lôi cuốn các dòng du khách đến tham quan và tìm hiểu.

Một trong những lợi thế quan trọng của miền Trung là tiềm năng về du lịch. Trong khi cả nước có 10 di sản thế giới thì miền Trung là nơi hội tụ của các di sản thế giới: Thành nhà Hồ, Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, Quần thể di tích Cố đô Huế, nhã nhạc cung đình Huế, đô thị cổ Hội An, Thánh địa Mỹ Sơn và không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên. Trong đó nhã nhạc cung đình và công chiêng Tây Nguyên được xem là kiệt tác di sản văn hóa phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại.

Việt Nam là một đất nước có nền văn hóa lâu đời, đa dạng, giàu bản sắc, bao gồm văn hóa của nhiều vùng, miền và nhiều dân tộc khác nhau. Khu vực miền Trung nổi tiếng với những con người, với những chiến công và với những danh thắng, di tích. Vùng đất miền Trung là nơi sản sinh ra những người con nổi tiếng, những tướng tài trong chiến tranh, những danh nhân văn hóa của đất nước đã đi vào lịch sử của dân tộc. Mặt khác, miền Trung lại có những quan hệ nhất định với khu vực miền núi Tây Nguyên mặc dù ở đây có sự khác biệt văn hóa rõ rệt. Điều đặc biệt khác nữa của miền Trung là thành phần đa dân tộc mang những giá trị tinh hoa tạo nên khuôn mặt văn hóa đa dạng, đem lại một gia tài văn hóa vô giá cho nhân loại. Cả nước có 54 dân tộc anh em, nhưng tại miền Trung có nhiều dân tộc sinh sống. Mỗi dân tộc có một lịch sử và

một bản sắc văn hóa khác nhau, nhưng chính những cái riêng đó cùng hoà nhập tạo nên một cái chung thống nhất, tạo nên sự phong phú đa dạng của văn hóa miền Trung.

Với những đặc điểm khác biệt này vừa tạo điều kiện thuận lợi cho du lịch miền Trung trong quá trình phát triển du lịch đồng thời cũng làm cho du lịch miền Trung đối mặt với những khó khăn. Tuy vậy với các lợi thế về số lượng di sản văn hóa thế giới đã thúc đẩy số lượng khách du lịch đến miền Trung ngày càng tăng.

#### **4. Các di sản văn hóa thế giới vật thể ở miền Trung**

Các di sản văn hóa thế giới được UNESCO công nhận tại Việt Nam hầu hết đều ở miền Trung. Điều này tạo nên lợi thế cạnh tranh mạnh mẽ của du lịch miền Trung. Những di sản đặc sắc có giá trị độc đáo là lý do quan trọng để thu hút du khách đến miền Trung.

##### **➤ *Quần thể di tích Cố đô Huế***

Những di tích kiến trúc của Cố đô Huế được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới vào năm 1993. Đây là nơi còn lưu giữ, bảo tồn những giá trị văn hóa cung đình gồm hệ thống thành quách, cung điện, lăng tẩm và cả một kho tàng âm nhạc của các vua triều Nguyễn. Trong thời kỳ phong kiến của Việt Nam, Huế là trung tâm văn hóa chính trị của nhà nước phong kiến trong hơn 400 năm. Nét đặc trưng của văn hóa ở Huế còn là sự kết hợp hài hòa giữa văn hóa dân gian và văn hóa cung đình. Những điệu hò, điệu lý dân gian đã được tiếp thu và cải biên phục vụ cho vua chúa trở thành ca múa nhạc cung đình có giá trị nghệ thuật cao và đã được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại theo tiêu chí (IV).

##### **➤ *Đô thị cổ Hội An***

Hội An là một thành phố nổi tiếng nằm bên bờ sông Hoài. Nơi đây từng là một thương cảng sầm uất, là trung tâm buôn bán lớn của vùng Đông Nam Á, một trong những nơi cập bến của các thương thuyền vùng Viễn Đông được các thương nhân Nhật Bản, Trung Quốc, Bồ Đào Nha, Ý... biết đến từ thế kỷ XVI, XVII với các mặt hàng như tơ lụa, gốm sứ, yến sào... Hội An là điểm trung chuyển của con đường tơ lụa

và gộp sứ xuyên đại dương trong thế kỷ XVII-XVIII giữa các nước phương Tây và phương Đông. Tuy nhiên cho đến nay, do sự bồi lấp của sông Cổ Cò, cửa sông Cửa Đại ngày càng bị thu hẹp đã làm suy thoái cảng thị Hội An.

Hiện nay nơi đây vẫn còn những dãy phố cổ hầu như nguyên vẹn mặc dù đã trải qua bao cuộc chiến tranh. Các ngôi nhà đều có kiến trúc hình ống được làm từ nhiều loại gỗ quý, cột nhà chạm trổ hoa văn cầu kỳ. Với kiến trúc độc đáo, tinh xảo mang nhiều phong cách văn hóa khác nhau của các nước khác nhau như Trung Quốc, Nhật Bản đã làm cho Hội An có một nét rất riêng, đặc biệt và hiếm có. Ngoài ra, Hội An còn có thêm một kiến trúc có phong cách hiện đại của người Pháp do đã có thời gian họ sang định cư tại nơi này. Đây là những kho tàng vô cùng quý báu được giữ gìn qua bao thế hệ, có giá trị trong việc phát triển hoạt động kinh doanh du lịch và thu hút khách. Người có công lớn trong việc phát hiện - tái phát hiện Hội An là kiến trúc sư Ba Lan Kazimier Kwiatkowski (Kadich). Ông đã khám phá ra một quần thể di sản kiến trúc văn hóa có giá trị lớn về nhiều mặt. Năm 1985, khu phố Hội An được Bộ Văn hóa - Thông tin cấp Bằng Di tích Lịch sử Văn hóa cấp Quốc gia. Tháng 1 năm 1996, được UNESCO chọn là nơi tổ chức “*Hội nghị tập huấn quản lý di sản khu vực Châu Á Thái Bình Dương*” với sự tham gia của 30 nước. Tháng 1 năm 1999, UNESCO đã cử đặc phái viên đến Hội An để kiểm tra công tác chuẩn bị hồ sơ xin xếp hạng di sản. Ngày 4 tháng 12 năm 1999, Hội An chính thức được UNESCO công nhận là “*Di sản văn hóa thế giới*” theo tiêu chí (II) và (V). Năm 2000, Hội An được UNESCO trao giải thưởng “*Dự án kiệt xuất về bảo tồn Di sản thế giới*” trong cuộc thi Di sản Châu Á - Thái Bình Dương do UNESCO tổ chức.

### ➤ *Khu đền tháp Mỹ Sơn*

Khu đền tháp Mỹ Sơn được các vị vua xây dựng để tỏ lòng thành kính tổ tiên và làm nơi thờ tự. Ngôi đền đầu tiên được xây dựng tại Mỹ Sơn làm bằng gỗ và được dựng vào khoảng thế kỷ IV. Ngôi đền bằng gạch đầu tiên được xây dựng vào thế kỷ VII và trở thành thánh đường của vương quốc Chăm-pa. Các kiến trúc muộn nhất ở Mỹ Sơn được xây dựng vào đầu thế kỷ VIII, sau đó hầu như Mỹ Sơn không còn được xây

dựng gì nữa. Do hoàn cảnh lịch sử, kinh đô của vương quốc Chăm đời sâu vào phía nam và quần thể tháp Chăm ở Mỹ Sơn dần bị bỏ hoang phế, quá trình bị bỏ hoang bắt đầu từ thế kỷ XV.

Đến năm 1898, một người Pháp là M.C Paris đã tình cờ phát hiện ra khu di tích bị bỏ hoang ở Mỹ Sơn. Sau đó nơi đây được phát quang và tổ chức khai quật khảo cổ học nghiên cứu, mọi người gọi khu di tích này là “Thung lũng thần linh”. Đến năm 1904, những tài liệu căn bản nhất để tìm hiểu về Mỹ Sơn như văn bia và kiến trúc đã được các nhà khoa học công bố trên tập san của Viện nghiên cứu Viễn đông – Pháp. Từ đó Mỹ Sơn mới được giới khoa học trên thế giới chính thức quan tâm. Tuy nhiên do chiến tranh nên từ năm 1945 không có nhà khoa học nào có dịp đến Mỹ Sơn để tham quan nghiên cứu. Cũng từ đó di tích này bị bỏ hoang phế hoàn toàn, những tác phẩm nghệ thuật vô giá của nhân loại bị bỏ mặc cho thời gian và bom đạn tàn phá.

Sau ngày đất nước được thống nhất, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng đã tranh thủ sự giúp đỡ của Bộ Văn hóa Thông tin cùng nhiều ban ngành liên quan và các tổ chức quốc tế đã tiến hành trùng tu, tôn tạo di tích để khôi phục lại phần nào dáng vẻ uy nghi của quần thể tháp cổ có niên đại hơn mười thế kỷ này. Khu di tích Mỹ Sơn từ đó trở thành một điểm tham quan hấp dẫn đối với khách du lịch, đặc biệt là khách du lịch nghiên cứu.

Tháng 12-1999, cùng với Hội An, quần thể di tích Chăm ở Mỹ Sơn được UNESCO công nhận là di sản văn hóa theo tiêu chí (II) và (III).

### ➤ *Thành nhà Hồ*

Thành nhà Hồ<sup>(1)</sup> (hay còn gọi là thành Tây Đô, thành An Tôn, thành Tây Kinh hay thành Tây Giai) là kinh đô nước Đại Ngu (quốc hiệu Việt Nam thời nhà Hồ), nằm trên địa phận nay thuộc tỉnh Thanh Hóa. Đây là tòa thành kiên cố với kiến trúc độc đáo bằng đá có quy mô lớn hiếm hoi ở Việt Nam, có giá trị và độc đáo nhất, duy nhất còn lại ở Đông Nam Á và là một trong rất ít những thành lũy bằng đá còn lại trên thế giới. Thành được xây dựng trong thời gian ngắn, chỉ khoảng 3 tháng

(1) <http://www.thanhnhahoa.vu/tabid/97/Di-tich-Thanh-Nha-Ho.aspx?ArticleId=798>.

(từ tháng Giêng đến tháng 3 năm 1397). Cho đến nay, dù đã tồn tại hơn 6 thế kỷ nhưng một số đoạn của tòa thành này còn lại tương đối nguyên vẹn. Ngày 27 tháng 6 năm 2011, sau 6 năm đệ trình hồ sơ, Thành nhà Hồ đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới dựa trên các tiêu chí (II) và (IV).

## TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI MIỀN TRUNG VIỆT NAM

Miền Trung Việt Nam là nơi có nguồn tài nguyên du lịch đa dạng và phong phú đã thu hút được một số lượng lớn khách du lịch đến đây. Mặc dù số lượng còn khá khiêm tốn nhưng cũng đã chứng tỏ được một tiềm năng dồi dào cho sự phát triển du lịch trong tương lai. Lượng khách du lịch đến miền Trung không ngừng tăng lên qua các năm. Những năm trước, có lúc số lượt khách giảm một cách đáng kể do ảnh hưởng của dịch bệnh (năm 2003) nhưng những năm sau này tình hình đã được cải thiện do Việt Nam đã khống chế được dịch. So với các nước trong khu vực, Việt Nam là nước có tình hình an ninh chính trị ổn định nên đây là sự lựa chọn số một của du khách và miền Trung là điểm đến không thể bỏ qua trong hành trình. Lượng khách du lịch đến miền Trung giai đoạn 2000 – 2012 luôn tăng và ổn định với tốc độ tăng bình quân 9,7%/năm. Tốc độ phát triển số lượt khách qua các năm luôn tăng, tốc độ phát triển số lượt khách chỉ ra cho thấy một tiềm năng sáng lạn của du lịch Việt Nam. Điểm đến Việt Nam luôn là sự lựa chọn số một của du khách vì nơi đây không chỉ có những cảnh đẹp hấp dẫn, độc đáo mà tình hình an ninh chính trị ở nơi đây được coi là an toàn nhất khu vực. Chính những yếu tố đó đã luôn thu hút du khách gần xa.

Khu vực miền Trung lại là nơi tập trung rất nhiều danh lam thắng cảnh của đất nước, các di sản văn hóa thế giới tập trung hết ở miền Trung, tiếp cận cũng dễ dàng thuận lợi hơn, tạo điều kiện cho việc thu hút khách du lịch. Các tỉnh có số lượt khách thu hút được khá cao như Nghệ An, Thanh Hóa, Bình Thuận, Quảng Nam, Khánh Hòa, Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế có số lượt khách trên 2 triệu lượt trong năm 2012. Tổng số lượt khách du lịch đến các tỉnh miền Trung đạt hơn 29 triệu lượt khách trong năm 2012. Thời gian qua mặc dù đã có sự chú ý đến

việc phát triển các cơ sở hạ tầng phục vụ cho du lịch nhưng đầu tư về chưa thỏa đáng. Các cơ sở lưu trú trong mùa cao điểm du lịch thiếu trầm trọng khiến cho một số lượng lớn khách không thể thực hiện được chuyến du lịch của mình, các hãng lữ hành cũng không đặt được ch máy bay khiến chuyến đi bị trì hoãn. Hơn nữa, trong mùa cao điểm giá cả các dịch vụ đều tăng cao bất thường. Bên cạnh đó, vấn đề quảng bá cho du lịch của khu vực vẫn còn thiếu, nếu chỉ dựa trên việc quảng bá của ngành du lịch cả nước thì vẫn chưa đủ sức thu hút khách mà cần phải đề ra một chiến lược marketing du lịch nhằm tăng cường khả năng phát triển của khu vực. Chính những điều này làm tốc độ tăng số lượt khách đến miền Trung không cao, tốc độ tăng năm 2012 so với năm 2011 chỉ đạt 13,5%.

*Bảng 1: Tỷ trọng khách quốc tế và khách nội địa đến miền Trung so với cả nước giai đoạn 2010 - 2012*

Loại khách	ĐVT	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Khách quốc tế đến Việt Nam	Lượt khách	5.049.855	6.014.032	6.847.678
Khách quốc tế đến miền Trung	Lượt khách	3.354.610	3.884.438	4.616.482
Tỷ trọng khách quốc tế đến miền Trung so với khách quốc tế đến Việt Nam (%)	%	66,42	64,59	67,42
Khách nội địa đến Việt Nam	Lượt khách	28.000.000	32.000.000	32.500.000
Khách nội địa đến miền Trung	Lượt khách	18.119.687	21.699.361	24.422.927
Tỷ trọng khách nội địa đến miền Trung so với khách nội địa đến Việt Nam (%)	%	64,71	67,81	75,15

*Nguồn: Tổng Cục Du lịch và Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch các tỉnh miền Trung*

Số lượt khách du lịch quốc tế đến miền Trung ngày càng tăng trong đó khách du lịch quốc tế đến Quảng Nam là nhiều nhất do nơi đây có đô thị cổ Hội An, một điểm đến du lịch hấp dẫn, là sự lựa chọn hàng đầu của nhiều du khách, bên cạnh Thánh địa Mỹ Sơn cũng thu hút nhiều du khách quốc tế. Tốc độ tăng trưởng số lượt khách quốc tế năm 2012 so với năm 2010 là 37,6%. Đối với khách du lịch nội địa, miền Trung là điểm đến được nhiều du khách chọn lựa, số lượt khách du lịch nội địa đến miền Trung luôn tăng qua các năm với tốc độ tăng bình quân là 16%/năm. Các tỉnh có lợi thế về biển luôn là các tỉnh thu hút được khách nội địa nhiều như Thanh Hóa, Nghệ An, Đà Nẵng, Quảng Nam, Khánh Hòa, Bình Thuận, Thừa Thiên Huế.

Số lượt khách quốc tế và nội địa đến miền Trung cũng chiếm một tỷ lệ khá cao so với tổng số khách đến Việt Nam. Năm 2000, tỷ lệ khách quốc tế đến miền Trung so với khách quốc tế đến Việt Nam chiếm tỷ lệ 35,08% thì đến năm 2010, tỷ lệ này là 66,42% và tăng lên 67,42% vào năm 2012. Tỷ lệ số lượt khách du lịch nội địa năm 2000 là 33,58% đã chiếm đến 64,71% trong năm 2010 và tăng lên đến 75,15% trong năm 2012 so với tổng số lượt khách nội địa của cả nước. Điều đó chứng tỏ được rằng miền Trung có sức hấp dẫn kỳ lạ đối với du khách, thôi thúc họ đến nơi đây để chiêm ngưỡng và thưởng thức.

Hoạt động du lịch thu hút sự tham gia của các thành phần kinh tế và mọi tầng lớp nhân dân, mang lại thu nhập không chỉ cho những đối tượng trực tiếp kinh doanh du lịch mà gián tiếp đối với các ngành liên quan, xuất khẩu tại chỗ và tạo thu nhập cho cộng đồng dân cư địa phương.

Tại Việt Nam, tốc độ tăng trưởng nhanh về thu nhập: năm 1990 thu nhập xã hội từ du lịch mới đạt 1.350 tỷ đồng thì đến năm 2010, con số đó đạt 96.000 tỷ đồng, gấp trên 70 lần, năm 2011 tổng thu nhập du lịch của cả nước là 130.000 tỷ đồng, tăng 23% so với năm 2010, năm 2012 tổng thu nhập du lịch là 160.000 tỷ đồng, tăng 23,07% so với năm trước. Tại miền Trung, so với năm 2000, thu nhập xã hội từ du lịch năm 2012 đã tăng gấp 6 lần.

Tại miền Trung, doanh thu từ hoạt động du lịch đã có những bước phát triển vững chắc. Trong những năm qua, doanh thu du lịch tăng

nhanh đáng kể, năm 2011 doanh thu đạt 15.107 tỷ đồng, tăng 23,44% so với năm 2010 và năm 2012 đạt 18.675 tỷ đồng, tăng 23,62% so với năm 2011. Doanh thu này có được chủ yếu từ dịch vụ lữ hành, dịch vụ lưu trú và một số dịch vụ có liên quan đến du lịch.

*Bảng 2. Thu nhập xã hội từ du lịch tại khu vực miền Trung giai đoạn 2000-2012*

Năm	Thu nhập xã hội từ du lịch (ngàn tỷ đồng)	Tốc độ tăng (+), giảm (-) (%)
Năm 2000	6,09	—
Năm 2001	7,18	17,90
Năm 2002	8,05	12,12
Năm 2003	7,7	-4,35
Năm 2004	9,1	18,18
Năm 2005	10,5	15,38
Năm 2006	17,85	70,00
Năm 2007	19,6	9,80
Năm 2008	22,4	14,29
Năm 2009	24,5	9,38
Năm 2010	25,4	3,67
Năm 2011	30,48	20,00
Năm 2012	36,57	19,98

*Nguồn: Văn phòng Đại diện Bộ VH-TT-DL tại miền Trung*

Khách du lịch quốc tế và khách nội địa ở Việt Nam đều dành phần lớn chi phí cho ăn uống và lưu trú. Theo điều tra của Tổng cục Thống kê về chi tiêu của du khách năm 2009, mức chi tiêu bình quân của một du khách quốc tế tự sắp xếp đi là 91,24 USD/ngày khách, chi tiêu cho lưu trú và ăn uống khoảng gần 50% tổng chi tiêu. Mức chi tiêu trung bình của một du khách nội địa tự sắp xếp đi là 703,47 ngàn đồng/ngày khách (tương đương 35 USD/ngày khách). Cơ cấu chi tiêu của khách nội địa gồm 24,3 % cho lưu trú, 23,6% cho ăn uống, 24,4% cho đi lại, 5,5% cho tham quan, 13,9% cho mua hàng hóa, 2,7% cho vui chơi giải trí, 0,8%

cho y tế và 4,7% cho các hoạt động khác. Chi tiêu ngoài tour của khách du lịch nội địa đi theo tour 257,23 ngàn đồng/ngày khách (tương đương 13 USD/ngày khách).

Theo UNWTO, năm 2012, ngành du lịch thế giới đã xác lập kỷ lục mới – lượng khách du lịch đã vượt quá 1 tỷ người (tăng 4% so với năm 2011). Con số này đã củng cố vị trí của ngành du lịch như là một trong những lĩnh vực kinh tế lớn nhất, chiếm 9% GDP toàn cầu, 1/12 chỗ làm, 30% xuất khẩu dịch vụ và tới 45% xuất khẩu của các nước kém phát triển nhất trên thế giới. Dự báo du lịch thế giới sẽ tiếp tục tăng trưởng một cách bền vững trong những năm tới, đạt 1,4 tỷ lượt khách trong năm 2020 và 1,8 tỷ lượt năm 2030. Du lịch phát triển đã góp phần tăng tỷ trọng GDP của ngành du lịch trong khu vực dịch vụ. Ở đâu du lịch phát triển, ở đó đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt, tạo ra khả năng tiêu thụ tại chỗ cho hàng hóa và dịch vụ, thúc đẩy các ngành khác phát triển; khôi phục nhiều lễ hội và nghề thủ công truyền thống; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế cả nước và từng địa phương, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo và vươn lên làm giàu, mở rộng giao lưu giữa các vùng, miền trong nước và với nước ngoài. Theo Tổng Cục Du lịch Việt Nam, thu nhập du lịch năm 2012 là 160 nghìn tỷ đồng, đóng góp trực tiếp của du lịch Việt Nam năm 2012 vào GDP 5,5%.

*Bảng 3. Cơ cấu kinh tế khu vực miền Trung giai đoạn 2000 - 2012*

*ĐVT: %*

	Năm 2000	Năm 2005	Năm 2008	Năm 2012
1. Nông, lâm, thủy sản	34,2	29,2	27,1	26,9
2. Công nghiệp - Xây dựng	25,6	31,6	35,7	35,0
3. Du lịch - Dịch vụ	40,02	39,2	37,2	38,1

*Nguồn: Niên giám Thống kê 2000, 2005, 2008, 2012*

Trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu kinh tế của miền Trung đã có sự chuyển dịch tích cực theo hướng tăng công nghiệp, du lịch dịch vụ và giảm nông - lâm - ngư - nghiệp, nhờ đó đã tạo nên lợi thế cạnh tranh của khu vực, trong đó phần đóng góp của

du lịch dịch vụ vào GDP khá cao.

*Bảng 4: GDP<sup>(1)</sup> của khu vực miền Trung qua các năm 2009 – 2012*

Chỉ tiêu	ĐVT	2009	2010	2011	2012
GDP cả nước	Tỷ đồng	789.670	843.210	892.875	937.786
GDP miền Trung	Tỷ đồng	105.923	115.324	125.849	138.165
GDP miền Trung /GDP cả nước	%	13,41	13,68	14,09	14,7
Tăng trưởng GDP miền Trung	%	-	8,88	9,12	9,79

*Nguồn: Xử lý theo số liệu do Tổng cục thống kê cung cấp*

*Bảng 5. Tỷ trọng đóng góp của du lịch vào GDP miền Trung qua các năm 2009 - 2012*

*ĐVT : %*

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Tỷ trọng đóng góp của du lịch vào GDP miền Trung	9,5	10,61	12,00	13,5
Tỷ trọng đóng góp của du lịch miền Trung vào GDP cả nước	1,2	1,5	1,8	1,99

*Nguồn: Xử lý theo số liệu do Tổng cục thống kê cung cấp*

Vị thế kinh tế của miền Trung ngày càng được cải thiện, tốc độ tăng trưởng GDP của khu vực miền Trung ngày càng cao. Năm 2011, GDP của miền Trung là 125.849 tỷ đồng, chiếm 14,09% so với GDP của cả nước. Năm 2012 GDP của miền Trung đạt 138.165 tỷ đồng, chiếm 14,7% so với GDP của cả nước. Tốc độ tăng trưởng GDP miền Trung bình quân giai đoạn 2009 – 2012 là 9%/năm. Đây là mức tăng

(1) GDP theo giá hiện hành.

trường khá cao, cao gần gấp 2 lần so với tỷ lệ tăng trưởng bình quân của cả nước. Tỷ trọng đóng góp của du lịch vào nền kinh tế này càng ổn định. Trong những năm tới, du lịch miền Trung phần đầu trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của toàn khu vực. Ngành du lịch đóng góp tỷ trọng cao vào GDP của miền Trung, năm 2009 chiếm tỷ trọng 9,5% thì đến năm 2012, tỷ trọng đạt 13,5%. So với GDP của cả nước thì phần đóng góp của du lịch miền Trung vẫn còn rất nhỏ bé.

*Bảng 6. Số lượng lao động trong ngành du lịch miền Trung giai đoạn 2000 – 2012*

*ĐVT: người*

Năm	Tổng số lao động		Lao động trực tiếp		Lao động gián tiếp	
	Số lượng	TĐPT (%)	Số lượng	TĐPT (%)	Số lượng	TĐPT (%)
2000	77.228	-	25.002	-	52.226	-
2001	88.827	115,02	27.398	109,58	61.429	117,62
2002	96.645	108,80	30.115	109,92	66.530	108,30
2003	109.075	112,86	33.190	110,21	75.885	114,06
2004	122.219	112,05	36.208	109,09	86.011	113,34
2005	130.305	106,62	38.872	107,36	91.433	106,30
2006	138.165	106,03	43.505	111,92	94.660	103,53
2007	173.259	125,40	49.709	114,26	123.550	130,52
2008	189.210	109,21	53.680	107,99	135.530	109,70
2009	203.983	107,81	58.784	109,51	145.199	107,13
2010	227.010	111,29	64.688	110,04	162.323	111,79
2011	254.450	112,09	72.875	112,66	181.575	111,86
2012	275.635	108,33	81.015	111,17	194.620	107,18

*Nguồn: Văn phòng đại diện Bộ Văn hóa Thể thao Du lịch tại miền Trung*

Để đáp ứng nhu cầu du khách cần có sự phục vụ du lịch được cung cấp bởi các nhân viên. Với số lượng khách du lịch đến miền Trung

ngày càng tăng đòi hỏi cần có lực lượng lao động trong ngành du lịch tăng. So với năm 2000, số lượng lao động trong ngành du lịch miền Trung tăng 3,5 lần, tốc độ tăng bình quân là 11,3%/năm giai đoạn 2000 - 2012. Lao động trực tiếp trong ngành du lịch chiếm khoảng 30% trong tổng số với tốc độ tăng bình quân là 10,3%/năm. Nguồn nhân lực này giữ vai trò quyết định sự thành công của ngành du lịch bao gồm những người làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch, những người trực tiếp đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực cho ngành du lịch và cán bộ công nhân viên làm việc trong các công ty du lịch, các hãng lữ hành, các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú, vận chuyển khách, dịch vụ hỗ trợ du lịch trên toàn quốc.

Lao động trực tiếp trong ngành du lịch chiếm khoảng 30% trong tổng số với tốc độ tăng bình quân là 10,3%/năm. Nguồn nhân lực này giữ vai trò quyết định sự thành công của ngành du lịch bao gồm những người làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch, những người trực tiếp đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực cho ngành du lịch và cán bộ công nhân viên làm việc trong các công ty du lịch, các hãng lữ hành, các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú, vận chuyển khách, dịch vụ hỗ trợ du lịch trên toàn quốc.

Chất lượng phục vụ được xem là chìa khóa để đem lại thành công cho ngành du lịch, nâng cao tính hấp dẫn và tính cạnh tranh cho ngành du lịch miền Trung. Tuy nhiên tỷ lệ lao động có chuyên môn, nghiệp vụ về du lịch còn thấp. Số lượng lao động trong ngành du lịch chưa qua đào tạo chiếm hơn 70% tổng số lao động của miền Trung. Phần lớn cán bộ quản lý có trình độ đại học nhưng chỉ có 35,8% được đào tạo chuyên ngành du lịch. Đây là một hạn chế rất lớn trong quá trình phát triển du lịch miền Trung.

Số lượng cơ sở dịch vụ phục vụ du lịch tại miền Trung trong thời gian qua đã tăng lên đáng kể. Các đơn vị kinh doanh lữ hành có vai trò quan trọng trong thu hút khách đến miền Trung. Số lượng doanh nghiệp kinh doanh lữ hành quốc tế năm 2012 của cả nước là 1.132 đơn vị, trong đó số lượng doanh nghiệp lữ hành quốc tế tại miền Trung là 167 đơn vị, chiếm 14,7% so với cả nước. Tuy vậy, hoạt động kinh doanh lữ hành còn mang tính nhỏ, lẻ, thiếu chuyên nghiệp đã ảnh hưởng không nhỏ

đến hiệu quả hoạt động kinh doanh lữ hành của cả khu vực.

*Bảng 7: Số lượng đơn vị kinh doanh lữ hành quốc tế qua các năm 2011 - 2012*

*ĐVT: cơ sở*

Loại hình doanh nghiệp	Năm 2011			Năm 2012		
	Số DNLHQT cả nước	Số DNLHQT miền Trung	Tỉ lệ so với cả nước (%)	Số DNLHQT cả nước	Số DNLHQT miền Trung	Tỉ lệ so với cả nước (%)
DN nhà nước	13	10	66,67	9	7	66,67
DN cổ phần	327	46	14,24	371	54	15,13
DN liên doanh	15	3	18,75	15	3	18,75
CTY TNHH	621	80	13,29	731	102	13,60
DN tư nhân	4	1	25,00	6	1	25,00
Tổng cộng	980	140	14,58	1.132	167	14,91

*Nguồn: Tổng Cục Du lịch và Sở VH-TT và DL các tỉnh miền Trung*

Mặt khác, sự phối hợp liên kết giữa các công ty lữ hành tại miền Trung chưa chặt chẽ, tình trạng khai thác thị trường khách du lịch còn mang tính địa phương, chưa tạo được hiệu quả cao trong khai thác du lịch. Việc quản lý của các cơ quan chức năng còn lỏng lẻo đã dẫn đến tình trạng đầu tư chui, các công ty du lịch của Trung Quốc, Hàn Quốc ngang nhiên hoạt động kinh doanh du lịch, cạnh tranh với các doanh nghiệp lữ hành ở địa bàn miền Trung nhưng vẫn không bị nhắc nhở nhiều, điều đó đã gây ra những khó khăn nhất định cho ngành lữ hành tại đây.

Bảng 8: Số lượng cơ sở lưu trú cả nước và miền Trung qua các năm 2011 – 2012

*ĐVT: cơ sở*

Năm và số lượng CSLT	Năm 2011		Năm 2012		So sánh 2012/2011	
	Số lượng	Số buồng	Số lượng	Số buồng	Mức tăng trưởng số CSLT (%)	Mức tăng trưởng số buồng (%)
Tổng cả nước	13.756	256.739	15.381	277.661	11,81	8,15
Khách sạn 5 sao	48	12.121	57	13.494	18,75	11,33
Khách sạn 4 sao	126	15.517	147	17.903	16,67	15,38
Khách sạn 3 sao	273	18.990	335	22.802	22,71	20,07
Miền Trung	3.403	72.763	3.618	78.138	6,31	7,39
Khách sạn 5 sao	16	3.168	18	3.581	12,5	13,03
Khách sạn 4 sao	49	4.733	50	4.883	2,04	3,17
Khách sạn 3 sao	98	6.186	106	6.721	8,16	8,65

*Nguồn: Tổng Cục Du lịch, Sở VH-TT và DL các tỉnh miền Trung*

Bên cạnh các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành còn có các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú. Ngành khách sạn và kinh doanh lưu trú ở Việt Nam ngày càng phát triển và đáp ứng tốt nhu cầu của du khách. Đến nay cả nước có 13.500 cơ sở lưu trú với 285.000 buồng lưu trú, trong đó có 6.425 cơ sở lưu trú và 152.000 số buồng được xếp hạng, mức tăng trưởng số lượng cơ sở lưu trú năm 2011 là 3,85% và mức tăng trưởng số buồng là 7,55% so với năm 2010.

Năm 2012, số lượng khách sạn ở miền Trung chiếm tỷ lệ 23,52%

so với cả nước, số lượng buồng chiếm tỷ lệ 28,14%. Trong đó, có 12,4% số cơ sở lưu trú, 28,2% số phòng được xếp hạng, số khách sạn có quy mô dưới 20 phòng chiếm khoảng 80% tổng số cơ sở lưu trú trong vùng. Năm 2000, cả nước chỉ có 3.267 cơ sở lưu trú với 72.200 phòng; so với năm 2000, số cơ sở lưu trú năm 2012 tăng 4,7 lần, số buồng tăng 3,8 lần. Năm 2000, số cơ sở lưu trú chỉ chiếm 9% so với cả nước.

*Bảng 9: Tỷ lệ cơ sở lưu trú ở miền Trung so với cả nước qua các năm 2011 - 2012*

*ĐVT: %*

	Năm 2011		Năm 2012	
	Tỷ lệ CSLT so với cả nước	Tỷ lệ số buồng so với cả nước	Tỷ lệ CSLT so với cả nước	Tỷ lệ số buồng so với cả nước
Miền Trung	24,7	27,5	23,5	28,1
KS 5 sao	33,3	26,1	31,6	26,5
KS 4 sao	38,9	30,5	34,0	27,3
KS 3 sao	35,9	32,7	31,6	29,5

*Nguồn: Tổng Cục Du lịch, Sở VH-TT và DL các tỉnh miền Trung*

Số khách sạn từ 3 đến 5 sao chiếm tỷ lệ 33,3% so với tổng số năm 2011 đến năm 2012 tỷ lệ này là 31,6%. Tỷ lệ này giảm sút là do có một số dự án chủ đầu tư gặp khó khăn về vốn nên không triển khai được, từ đó ảnh hưởng đến số lượng cơ sở lưu trú. Khu vực miền Trung là nơi được xem như là một điểm đến lý tưởng cho tất cả các du khách, do đó các nhà cung cấp trong khu vực này luôn tìm cách mang đến cho khách hàng của mình những giá trị tuyệt hảo bằng cách đưa ra những dịch vụ có chất lượng, thỏa mãn mọi nhu cầu của du khách.

## HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN DU LỊCH VÀ LIÊN KẾT DU LỊCH TẠI MIỀN TRUNG

Hoạt động xúc tiến du lịch nhằm mục đích gia tăng khả năng thu hút khách của điểm đến. Các chiến dịch xúc tiến du lịch được thực hiện tạo động lực thúc đẩy lượng người mua tiềm năng hướng về điểm đến. Hoạt động tuyên truyền quảng bá là công cụ cốt lõi để thực hiện chiến dịch này nhằm giới thiệu các giá trị đặc sắc của các di sản văn hóa thế giới tại các địa phương đến với thế giới nhằm định vị, tạo thương hiệu cho điểm đến. Những thương hiệu thành công sẽ gia tăng sự nhận biết của khách hàng.

Miền Trung có lợi thế để phát triển du lịch khi sở hữu đến 4 di sản văn hóa thế giới vật thể và 2 di sản văn hóa thế giới phi vật thể. Các di sản văn hóa thế giới là yếu tố đặc sắc của địa phương, là sản phẩm du lịch cốt lõi góp phần gia tăng khả năng thu hút khách và là lý do chính để du khách lựa chọn là điểm tham quan trong hành trình. Vì thế một chương trình tuyên truyền quảng bá hiệu quả sẽ kích thích được nhu cầu du khách, tạo ra những mong đợi của du khách về chuyến viếng thăm. Trong thời gian qua, một số chiến dịch tuyên truyền được thực hiện như chương trình năm du lịch quốc gia được tổ chức tại các địa phương với các chủ đề khác nhau. Năm 2006 được tổ chức tại Quảng Nam với chủ đề “Một điểm đến, hai di sản văn hóa thế giới”, năm 2011 được tổ chức ở Phú Yên và các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ với chủ đề “Du lịch biển đảo”, năm 2012 được thực hiện tại Thừa Thiên Huế và các tỉnh duyên hải Bắc Trung Bộ với chủ đề “Du lịch di sản”. Các chương trình này được thực hiện nhằm tăng cường hoạt động quảng bá và khai thác giá trị các tài nguyên du lịch có liên quan đến chủ đề. Tuy nhiên, hiệu quả của các chương trình này trong thời gian qua vẫn chưa mang lại hiệu quả như mong đợi.

Ngoài ra, một số hoạt động xúc tiến khác đã được triển khai như: tổ chức roadshow, famtrip, chương trình quảng bá du lịch, tổ chức các chương trình du lịch làm quen dành cho các hãng lữ hành và báo chí đến miền Trung như Thái Lan, Nhật, Trung Quốc và Singapore; tổ chức hội nghị khách hàng tại TP. HCM và Hà Nội; phát hành cẩm nang du lịch, bản đồ du lịch, phim du lịch bằng nhiều thứ tiếng Việt, Anh, Trung Quốc, Nhật, Thái Lan. Công tác liên kết hợp tác phát triển du lịch giữa ba địa phương Thừa Thiên Huế - Đà Nẵng - Quảng Nam đã được quan tâm đẩy mạnh qua việc liên kết xúc tiến, giới thiệu: “Ba địa phương - Một điểm đến” bằng các hình thức tổ chức roadshow, tham gia hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước. Hơn nữa, để thực hiện chương trình truyền thông hiệu quả có thể sử dụng nhiều cách thức khác nhau như quan hệ công chúng, tổ chức sự kiện, tham gia hội chợ du lịch quốc tế, các tờ rơi, tập gấp, các bài báo nhằm PR cho các di sản văn hóa thế giới. Tuy nhiên, do hạn chế về kinh phí thực hiện nên việc quảng bá tại miền Trung còn manh mún, mờ nhạt, nội dung quảng bá thiếu hấp dẫn, chưa đủ sức thu hút khách. Ngoài ra, du lịch miền Trung còn tham gia vào các hội chợ du lịch quốc tế nhưng vẫn chưa tạo được ấn tượng đối với du khách tiềm năng. Nếu thực hiện tốt hoạt động truyền thông quảng bá di sản văn hóa thế giới, cung cấp đầy đủ thông tin về di sản cho khách du lịch năm bắt cũng sẽ góp phần khai thác giá trị các di sản văn hóa thế giới này một cách hợp lý.

Tiềm năng du lịch của miền Trung tuy phong phú đa dạng nhưng các tỉnh vẫn chưa có một giải pháp liên kết đúng đắn nhằm phát triển hơn nữa hoạt động kinh doanh du lịch tại khu vực này. Lợi ích dễ nhận thấy nhất của liên kết là sự thuận lợi trong khai thác thị trường khách, tiết kiệm chi phí và tăng cường tính hấp dẫn của khu vực. Với thế mạnh và những đặc thù riêng, mỗi địa phương cần có sự phối hợp liên kết với nhau để phát huy hiệu quả tiềm năng này, đem lại nguồn thu đáng kể cho ngành du lịch và cho đất nước, góp phần phát triển kinh tế xã hội, nâng cao mức sống của người dân. Du lịch chỉ phát triển khi có sự liên kết giữa các địa phương có các thế mạnh về du lịch khác nhau. So với các địa phương khác trên cả nước, khu vực miền Trung là nơi có nhiều tiềm năng du lịch với những vẻ đẹp độc đáo và vô cùng đặc sắc để có thể tiến hành khai thác nhiều loại hình du lịch khác nhau. Từ Thanh Hóa

đến Hà Tĩnh có thể mạnh về du lịch lịch sử, văn hóa, du lịch nghỉ dưỡng biển như Lam Kinh, di sản văn hóa thế giới Thành nhà Hồ, khu di tích Kim Liên, mộ đại thi hào Nguyễn Du, các khu nghỉ dưỡng biển Cửa Lò, Thiên Cầm, Sầm Sơn. Bên cạnh đó, từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi lại tập trung khai thác các thế mạnh về di sản văn hóa, di tích lịch sử cách mạng, đặc biệt là sự gắn kết giữa các giá trị thiên nhiên và các giá trị văn hóa. Các giá trị văn hóa đặc sắc như di sản văn hóa kiến trúc Kinh thành Huế, đô thị cổ Hội An, khu di tích Mỹ Sơn, khu Thành cổ Quảng Trị - một di tích cách mạng nổi tiếng cùng với các giá trị thiên nhiên đặc sắc như di sản thiên nhiên thế giới động Phong Nha - Kẻ Bàng, trục du lịch sinh thái Lăng Cô - Bạch Mã - Hải Vân - Sơn Trà - Bà Nà - Đà Nẵng đã tạo nên những tuyến du lịch độc đáo, hấp dẫn. Hơn nữa, biển Đà Nẵng được đánh giá là một trong những bãi biển đẹp nhất thế giới cũng là nền tảng để phát triển loại hình du lịch biển và hình thành các khu du lịch biển mang tầm cỡ quốc tế. Vùng du lịch này đồng thời cũng là cửa ngõ vào Việt Nam của tuyến hành lang Đông Tây nên loại hình du lịch Canavan cũng được chú trọng phát triển theo đường từ Thái Lan, Lào, Campuchia vào Việt Nam. Trong khi đó tiểu vùng du lịch duyên hải Trung Bộ từ Thừa Thiên Huế đến Bình Thuận lại có thể mạnh nổi trội nhất là du lịch biển, đã có các khu du lịch biển hiện đại, có quy mô lớn đạt tiêu chuẩn quốc tế như Đại Lãnh, vịnh Văn Phong, Ninh Chữ, Cà Ná, Phan Thiết, Mũi Né. Những bản sắc và những giá trị văn hóa độc đáo là thế mạnh ở nơi đây. Có thể thấy rằng tiềm năng du lịch của khu vực miền Trung là vô cùng to lớn, tuy nhiên mỗi địa phương lại có một thế mạnh và những đặc thù khác nhau. Do đó khi và chỉ khi có sự phối hợp liên kết giữa các địa phương với nhau thì những tiềm năng này mới phát huy hiệu quả, đem lại nguồn thu đáng kể cho ngành du lịch và cho đất nước, góp phần phát triển kinh tế xã hội, nâng cao mức sống của người dân. Thực tế hoạt động liên kết hiện nay ở tại miền Trung vừa thiếu vừa yếu, giữa các tỉnh vẫn chưa thấy được những thế mạnh riêng để đa dạng hóa sản phẩm, xây dựng các tour tuyến du lịch. Công tác liên kết của các tỉnh chưa được triển khai đồng bộ, cạnh tranh nhau chứ không hợp tác với nhau. Mặc dù có chú ý đến khai thác giá trị các tài nguyên du lịch và các tuyến điểm du lịch nhưng vẫn theo tình trạng mạnh ai nấy làm. Đây là trở ngại lớn cho phát triển du lịch miền Trung.

Từ trước đến nay cũng có một số ý tưởng được đặt ra nhằm thực hiện sự liên kết nhưng vẫn chưa cụ thể, chưa được đi sâu nên vẫn chưa bứt phá tạo điều kiện cho các doanh nghiệp và các địa phương tìm kiếm các cơ hội kinh doanh trong lĩnh vực du lịch. Dự án “Con đường di sản miền Trung” là một ví dụ điển hình, tuy có mục đích rõ ràng nhưng việc triển khai không đồng bộ, thiếu chặt chẽ và thực chất đó chỉ là việc tự liên kết với nhau giữa các doanh nghiệp chứ chưa có sự tham gia của chính quyền và các cấp quản lý. Con đường Di sản miền Trung là chương trình du lịch được thực hiện với mục tiêu là kết nối các di sản thế giới tại khu vực miền Trung đặc biệt là kết nối các di sản văn hóa thế giới tại Huế như quần thể di tích Cố đô Huế, Nhã nhạc cung đình Huế và các di sản văn hóa thế giới tại Quảng Nam như Thánh địa Mỹ Sơn, Đô thị cổ Hội An. Con đường di sản miền Trung được tổ chức nhằm khai thác giá trị các di sản văn hóa thế giới kết hợp với việc khai thác lợi thế du lịch ở miền Trung như du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch làng nghề, đồng thời kêu gọi sự liên kết của các tỉnh miền Trung nhằm đẩy mạnh sự phát triển du lịch, đem lại lợi ích cho các địa phương và cho cộng đồng. Tuy nhiên qua thời gian thực hiện vẫn chưa có được sự thành công như mong đợi, đó là do công tác quản lý còn nhiều bất cập, lỏng lẻo, chưa có sự thống nhất trong liên kết, chưa xác định được chủ thể chịu trách nhiệm trong liên kết vì thế chưa thể phát huy tối đa lợi thế của di sản thế giới tại miền Trung. Hơn nữa trong quá trình khai thác du lịch hiện nay các địa phương còn mang tính địa phương hóa, mạnh ai nấy làm, mang tư tưởng cục bộ, không có sự hỗ trợ lẫn nhau giữa các địa phương làm cho Con đường di sản không mang lại hiệu quả cao. Ngoài ra hiện nay tại khu vực miền Trung cơ sở hạ tầng chưa hiện đại và đồng bộ, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch chưa đáp ứng được nhu cầu du khách, chất lượng dịch vụ kém, sản phẩm du lịch còn nghèo nàn, nguồn nhân lực phục vụ du lịch còn thiếu và yếu, không đầu tư nhiều cho hoạt động quảng bá du lịch. Đây là những yếu tố ảnh hưởng rất lớn đến Con đường di sản miền Trung. Do vậy, vấn đề đặt ra ở đây là phải liên kết, du lịch chỉ phát triển khi có sự liên kết giữa các địa phương có các thế mạnh về du lịch khác nhau. Vì thế để tạo ra thương hiệu hấp dẫn du khách cần hết sức quan tâm đến việc liên kết giữa các địa phương để tạo ra sự đồng bộ trong phát triển du lịch, góp phần khai thác lợi thế

của từng địa phương, tạo ra những sản phẩm hấp dẫn thu hút ngày càng nhiều khách du lịch đến miền Trung. Nếu như vấn đề liên kết giữa các địa phương, các ngành, các doanh nghiệp được giải quyết một cách dứt điểm thì khi đó nội lực và tiềm năng sẽ được phát huy mạnh mẽ, tạo ra được hình ảnh chung cho cả khu vực cũng như tạo sự hấp dẫn cho du khách, góp phần vào việc tăng tốc phát triển du lịch cho toàn khu vực.

Việc liên kết du lịch thực ra không phải là một vấn đề khó làm nhưng vì khó tìm ra được tiếng nói chung giữa các địa phương đã làm ảnh hưởng đến công tác này. Trong thời gian qua, các địa phương khi tổ chức các sự kiện du lịch đều không có sự thông tin lẫn nhau, không hợp tác với nhau dẫn đến việc các sự kiện đều diễn ra cùng thời gian, du khách đến với tỉnh này lại không biết ở tỉnh kia đang có sự kiện gì. Chẳng hạn như trong lúc Thừa Thiên Huế đang tổ chức lễ hội “Lăng Cô huyền thoại biển” thì ở Đà Nẵng cũng đang tổ chức “Lễ hội văn hóa Đà Nẵng”, và ở tỉnh này cũng không có một băng rôn quảng cáo nào để cho du khách biết đến sự kiện ở tỉnh kia, như vậy hiệu quả cũng giảm đi rất nhiều. Nếu như có sự liên kết chặt chẽ với nhau giữa các địa phương thì sẽ không có tình trạng đó xảy ra, các lễ hội được tổ chức sẽ có hiệu quả cao hơn và lượng khách thu hút được sẽ nhiều hơn.

# TÌNH HÌNH KHAI THÁC THỊ TRƯỜNG KHÁCH TẠI CÁC DI SẢN VĂN HÓA THẾ GIỚI

Trong những năm qua, các địa phương có các di sản đều quan tâm đến việc khai thác để phát triển du lịch. Hệ thống cơ sở hạ tầng được quan tâm xây dựng và nâng cấp, thực hiện việc quy hoạch, chỉnh đốn và tái thiết kế quy hoạch đô thị. Bên cạnh đó để tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho việc tham quan du lịch của du khách, tại các di sản đều có bộ phận chịu trách nhiệm quản lý du lịch. Danh tiếng các di sản ngày càng lan nhanh, hoạt động du lịch ngày càng phát triển và đã đạt được nhiều thành tích.

## **1. Tình hình khai thác thị trường khách tại di sản văn hóa thế giới Đô thị cổ Hội An**

Tình hình phát triển du lịch ở Hội An trong những năm qua đã được chú trọng đúng mức. Khả năng khai thác du lịch được phản ánh qua số lượng khách đến Hội An. Số lượt khách đến Hội An có sự biến động qua các năm. Số khách quốc tế chiếm tỷ trọng xấp xỉ số khách nội địa trong tổng số. Số lượt khách quốc tế có lưu trú chiếm tỷ trọng cao trong tổng số, chiếm tỷ trọng 76,4% (năm 2011) và tăng 9,8% so với năm 2010 với giá trị tuyệt đối là tăng 43.688 lượt khách, năm 2012 tỷ trọng này là 78,1%. Với sự hấp dẫn vốn có, số khách đến tham quan Hội An ngày càng tăng. Số khách tham quan chủ yếu là khách du lịch nội địa, không lưu lại qua đêm, chiếm tỷ trọng 69,4% năm 2010 và tăng lên 79,2 % năm 2011.

So với số lượt khách đến Hội An năm 2000, số lượt khách đến Hội An năm 2012 tăng lên rất nhiều. Năm 2000, Hội An đón 197.440 lượt khách thì đến năm 2012 số lượt khách đến Hội An là 1.375.000 lượt khách, tăng 6,9 lần, trong đó tổng số lượt khách quốc tế tăng 6,6

lần, tổng số lượt khách nội địa tăng 7,2 lần. Tốc độ tăng trưởng số lượt khách bình quân giai đoạn 2000 - 2012 là 15%/năm. '

*Bảng 1. Cơ cấu số lượt khách du lịch đến Hội An từ năm 2010 - 2012*

*ĐVT: Lượt khách*

Năm	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
	SL khách	Cơ cấu (%)	SL khách	Cơ cấu (%)	SL khách	Cơ cấu (%)
Tổng lượt khách	1.284.941	100	1.462.180	100	1,375,000	100
<i>Khách quốc tế</i>	631.934	49,2	739.850	50,6	662.500	48,1
<i>Khách nội địa</i>	653.007	50,8	722.330	49,4	712.500	51,9
Lượt khách lưu trú	584.737	100	638.029	100	657.000	100
<i>Khách quốc tế</i>	443.836	78,2	487.524	76,4	513.000	78,1
<i>Khách nội địa</i>	140.901	21,8	150.506	23,6	144.000	21,9
Lượt khách tham quan	700.204	100	824.151	100	718.000	100
<i>Khách quốc tế</i>	188.098	26,9	252.326	30,6	149.000	20,8
<i>Khách nội địa</i>	512.106	73,1	571.825	69,4	568.000	79,2

*Nguồn: Phòng Thương mại Du lịch Hội An*

Dù đối mặt với những khó khăn nhưng số khách du lịch đến Hội An vẫn tăng qua các năm, chỉ tăng nhẹ vào 2003 và giảm ở năm 2009 do khủng hoảng kinh tế với tỷ lệ không đáng kể. Năm 2011 tổng số khách tăng 13,79% so với năm 2010, tương ứng tăng 177.239 lượt khách, nhưng đến năm 2012 giảm 5,96% so với năm 2011, tương ứng với giảm 87.179 lượt khách. Số lượt khách tham quan có tăng trong năm 2011 nhưng giảm ở năm 2012, năm 2011 chỉ tăng 17,7%, so với năm 2010, đến năm 2012 đã giảm 12,88% . Lượt khách lưu trú năm 2011 tăng

9,11% so với năm 2010, tương ứng với tăng 53.292 lượt khách, năm 2012 chỉ tăng 2,97% so với năm 2010, tương ứng với tăng 18.971 lượt khách. Điều đó cho thấy rằng lượng khách lưu trú trong những năm qua ở Hội An có tăng lên đáng kể, đó là do ở đây thời gian qua đã chú trọng đến việc xây dựng và nâng cấp các cơ sở lưu trú, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho khách du lịch trong chuyến hành trình của mình.

Hội An là điểm đến du lịch hấp dẫn không chỉ đối với khách du lịch quốc tế mà còn rất hấp dẫn đối với khách du lịch nội địa. Số lượt khách du lịch nội địa đến Hội An có phần giảm, đó là do khó khăn chung của nền kinh tế. Số lượt khách nội địa năm 2011 tăng 10,62% so với năm 2010 thì đến năm 2012 đã giảm 1,36% so với năm 2011. Chính quyền thành phố Hội An đã có những chính sách đúng đắn để lưu giữ, kéo dài thời gian lưu trú như đưa ra các sản phẩm du lịch như “Đêm phố cổ”, bán vé cho khách tham quan khu phố cổ vào ban đêm, tổ chức khu phố đêm, đêm rằm phố cổ, du lịch thường ngoạn nghề đánh bắt cá trên sông Hoài, dịch vụ phục vụ du khách mùa nước lũ, tăng thêm ngày phố không có tiếng động cơ cũng như tổ chức tốt một số sự kiện văn hóa-du lịch trên địa bàn. Hội An liên tiếp được cộng đồng du lịch quốc tế bình chọn vào top 10 các thành phố du lịch nổi tiếng trên thế giới trong các năm qua.

Với danh tiếng và các sản phẩm du lịch có giá trị đã thu hút nhiều du khách đến đây. Đi cùng với chỉ tiêu tổng lượt khách là chỉ tiêu tổng số ngày khách, đây là hai chỉ tiêu có mối quan hệ mật thiết với nhau, phản ánh tình hình khai thác các dịch vụ lưu trú trên địa bàn thị xã Hội An.

Trong những năm gần đây, tỷ lệ khách lưu trú đã chiếm một tỷ lệ khá cao trong tổng số khách đến Hội An. So với năm 2000, tổng số ngày khách năm 2012 đã tăng hơn 10 lần, thời gian lưu lại bình quân từ 1,1 đã tăng lên 2,31 ngày khách. Năm 2000, bình quân ngày khách lưu trú đối với khách du lịch quốc tế là 1,07 ngày và tăng đến 2,49 ngày năm 2012. Năm 2000, bình quân ngày khách lưu trú đối với khách du lịch nội địa 1,12 ngày và tăng đến 1,64 ngày năm 2012. Có được kết quả trên đó là do thời gian gần đây Hội An đã chú trọng xây dựng các khu du lịch và khu nghỉ dưỡng cao cấp nhằm tới phân khúc thị trường khách du lịch

quốc tế và khách có thu nhập cao nên lượng khách lưu lại có tăng lên, khách có lưu trú chủ yếu là khách du lịch quốc tế và do có nhiều sản phẩm du lịch đặc sắc đã hấp dẫn khách đến Hội An, kéo dài thời gian lưu trú. Các chương trình khai thác thị trường khách đã thực sự có hiệu quả, các điểm du lịch tại Hội An đã thực sự hấp dẫn khách và kéo khách ở lại, đồng thời nhờ có sự quan tâm đến chất lượng dịch vụ nên đã nâng cao số lượt khách lưu trú. Đây là tín hiệu đáng mừng cho thu hút khách du lịch quốc tế đến Hội An. Công suất sử dụng buồng giường trong thời gian qua luôn đạt ở mức 80%.

Hội An là nơi có nhiều tiềm năng du lịch văn hóa, đồng thời là di sản văn hóa thế giới được cả thế giới công nhận nên lượng khách quốc tế đến tham quan tìm hiểu nhiều. Một số thị trường trọng điểm có tác động lớn đến việc khai thác du lịch tại Hội An.

➤ Châu Âu: Khách đến từ châu Âu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng số khách quốc tế đến Hội An, chiếm 47,96% năm 2012. Từ trước đến nay, thị trường này vẫn được xem là thị trường mục tiêu của Hội An, đặc biệt ở thị trường này khách Pháp, khách Anh và khách Đức luôn chiếm tỷ trọng cao nhất. Du lịch Hội An luôn hấp dẫn khách quốc tế nhờ những nét độc đáo và cổ kính.

➤ Khách Đông Bắc Á: Gồm các nước Nhật; Trung Quốc, Triều Tiên, Hồng Kông, Đài Loan. Du khách các nước này đến Việt Nam và đặc biệt là đến Hội An vì những dấu ấn lịch sử, văn hóa, kiến trúc của một số nước trên vẫn còn lưu giữ tại Hội An. Du khách này có xu hướng tăng nhẹ.

➤ Khách Đông Nam Á: Đây là khu vực các nước đang phát triển gồm Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Singapore. Đông Nam Á đang là khu vực thị trường phát triển nhất thế giới hiện nay nên có thể xem đây là thị trường tiềm năng trong thời gian đến. Lượng khách này năm 2011 tăng 14,06% so với năm 2010 nhưng năm 2012 giảm 1,3% so với năm 2011.

➤ Khách Mỹ: thị trường Mỹ cũng là thị trường trọng điểm của du lịch Hội An, năm 2011 đã tăng 35,31% so với năm 2010, nhưng đến năm 2012 đã giảm 12,74% so với năm 2011. Lượng khách này được

xem là một thị trường tiềm năng bởi vì lượng khách Mỹ đến Việt Nam vì nhiều lý do, đó là do họ muốn thăm lại chiến trường xưa và tìm hiểu đất nước Việt Nam, một đất nước được nhắc đến nhiều ở Mỹ. Từ khi quan hệ Việt - Mỹ được bình thường hóa, Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ được ký kết, Việt Nam gia nhập WTO đã tạo điều kiện cho người Mỹ đến Việt Nam tìm kiếm cơ hội làm ăn, tìm một chỗ đứng trên thị trường Việt Nam và nhất là tại khu vực miền Trung.

➤ Khách Úc: là thị trường lâu dài và ít biến động, tuy tốc độ tăng có giảm nhưng tỷ trọng vẫn gần như không đổi, vẫn ở mức xấp xỉ 9% qua các năm.

## **2. Tình hình khai thác thị trường khách tại di sản văn hóa thế giới Khu đền tháp Mỹ Sơn**

Di sản văn hóa thế giới Khu đền tháp Mỹ Sơn (Quảng Nam) là điểm dừng chân lý tưởng của khách quốc tế và điểm tham quan hấp dẫn đối với khách nội địa. Trong những năm qua, lượng khách đến Mỹ Sơn ngày càng tăng chứng tỏ khả năng hấp dẫn khách của nơi đây, và còn có sức hấp dẫn đặc biệt đối với du khách quốc tế. Đa số các du khách đến đây đều muốn khám phá vẻ đẹp của khu đền tháp cổ kính với sự độc đáo về văn hóa, kiến trúc.

Khu đền tháp cổ là một sản phẩm du lịch có một không hai của Việt Nam nói chung, của tỉnh Quảng Nam nói riêng đang được tập trung khai thác để thu hút du khách, đặc biệt là khách quốc tế, lượng khách này chiếm một tỷ lệ cao trong tổng số khách du lịch đến Mỹ Sơn. Năm 1997, số lượt khách du lịch đến Mỹ Sơn chỉ ở mức 22.272 lượt. Năm 1999, lượng khách tham quan chỉ 39.172 lượt thì đến năm 2012 đã tăng lên 236.886 lượt, tăng hơn 6 lần. Bình quân mỗi ngày khu di tích đón từ 500 - 700 khách, cuối tuần hoặc lễ tết tăng đến 1.200 - 1.500 khách. Số lượt khách đến Mỹ Sơn tăng dần qua các năm. Điểm thu hút này được đông đảo khách du lịch quốc tế quan tâm, tỷ trọng khách du lịch quốc tế cao. Năm 2006, Sở Du lịch Quảng Nam phối hợp với Ban Quản lý di tích và Du lịch Mỹ Sơn mở cửa đón du khách khám phá vẻ đẹp huyền ảo, thú vị của khu đền tháp cổ kính trong không gian đêm, với sản phẩm du lịch mang tên “Đêm Mỹ Sơn huyền ảo”, tuy nhiên do những hạn chế về cơ sở vật chất nên chương trình du lịch này vẫn chưa có sức thu hút

mạnh mẽ đối với khách du lịch, chưa tạo ra sự đột phá trong thu hút khách. Đến năm 2007 chương trình này tạm ngừng phục vụ.

Năm 2012, hoạt động du lịch tại Mỹ Sơn có sự khởi sắc, lượng khách du lịch đến Mỹ Sơn tăng 13,33%, trong đó số lượt khách quốc tế tăng 18,35%, khách nội địa tăng 4,66% so với năm 2011. Tốc độ tăng bình quân của số lượt khách quốc tế giai đoạn 2000 – 2012 là 16%, của số lượt khách nội địa là 22,6 %. Đó là do Mỹ Sơn có sức hấp dẫn mãnh liệt đối với các du khách do những giá trị độc đáo hiếm có. Đây là điểm du lịch được nhiều khách du lịch lựa chọn trong chuyến hành trình của mình.

### **3. Tình hình thu hút khách du lịch tại di sản văn hóa thế giới Quần thể di tích Cố đô Huế**

Trong những năm vừa qua, mặc dù liên tục bị ảnh hưởng bởi nhiều sự kiện kinh tế - xã hội bất lợi trong và ngoài nước, ngành du lịch thành phố Huế vẫn tiếp tục duy trì được sức hấp dẫn đối với khách du lịch nội địa và quốc tế, tiếp tục đạt được tốc độ tăng trưởng ổn định. Kể từ khi được công nhận là di sản văn hoá thế giới năm 1993, nơi đây đã trở thành một điểm thu hút hấp dẫn đối với khách du lịch trên thế giới và trong khu vực.

Số lượt khách du lịch đến Huế ngày càng tăng, các cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho du lịch cũng đã được chú trọng đầu tư. Hiện nay, điểm đến du lịch này là một nơi du lịch vô cùng hấp dẫn của Việt Nam. Với nguồn tài nguyên du lịch vô giá tạo nên những sản phẩm du lịch văn hóa, thế mạnh không chỉ của riêng Huế mà còn có ý nghĩa đối với sự phát triển của Du lịch Việt Nam.

Nét nổi bật của Huế là hệ thống di tích cố đô đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới. Phong cách kiến trúc tạo cảnh tinh tế của cung đình Huế còn đạt đến sự hài hòa tuyệt mỹ làm say lòng du khách đến đây. Vì thế số lượng khách đến với Huế ngày càng tăng.

Số lượt khách đến Huế qua các năm có sự biến động về tỷ trọng khách nhưng có xu hướng tương tự nhau ở năm 2000 và năm 2012. Tổng số khách du lịch đến Huế giai đoạn 2000 - 2012 tăng gấp 3,69 lần. Điều đó chứng tỏ rằng, Huế sở hữu một báu vật vô giá là di sản kinh

thành Huế, có sức hấp dẫn sâu sắc đến du khách. Những năm gần đây, cùng với sự quảng bá rầm rộ về du lịch của quốc gia, Huế đã được nhiều người biết đến hơn và là điểm đến được lựa chọn của nhiều khách du lịch trên toàn thế giới.

*Bảng 2. Tổng lượt khách đến thành phố Huế qua các năm từ 2000 -2012*

*ĐVT: lượt khách*

Năm	Tổng số khách	Khách quốc tế		Khách nội địa	
		Số khách	Cơ cấu (%)	Số khách	Cơ cấu (%)
2000	470.000	195.000	41,49	275.000	58,51
2001	560.500	232.500	41,48	328.000	58,52
2002	663.000	272.000	41,03	391.000	58,97
2003	610.000	210.000	34,43	400.000	65,57
2004	760.000	260.000	34,21	500.000	65,79
2005	1.050.000	369.000	35,14	681.000	64,86
2006	1.230.000	436.000	35,45	794.000	64,55
2007	1.517.790	666.590	43,92	851.200	56,08
2008	1.680.007	790.757	47,07	889.250	52,93
2009	1.430.000	601.113	42,04	828.887	57,96
2010	1.486.433	612.463	41,2	873.970	58,8
2011	1.604.350	653.856	40,76	950.494	59,24
2012	1.732.000	722.800	41,73	1.009.200	58,27

*Nguồn: Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Thừa Thiên Huế*

Huế có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch, là điểm đến hấp dẫn được cả khách du lịch quốc tế và khách du lịch nội địa lựa chọn. Đa số khách đến đây là để tham quan các di tích trong Kinh thành Huế. Quần thể Di tích Cố đô Huế luôn có sức hấp dẫn, chiếm được sự quan tâm đối với khách du lịch gần xa đến chiêm ngưỡng những gì còn sót lại của chế độ phong kiến triều Nguyễn, những tinh hoa đặc sắc chứa đựng những

giá trị độc đáo đem lại sự thú vị cho các du khách trong và ngoài nước. Số lượt khách đến Huế có sự tăng trưởng qua các năm với tốc độ tăng bình quân 12,3%/năm. Số lượt khách quốc tế năm 2012 tăng 10,54% so với năm 2011 và tăng 270,67% so với năm 2000, số lượt khách nội địa năm 2012 tăng 6,18% so với năm 2011 và tăng 266,98% so với năm 2000. Có được kết quả này là nhờ chính sách kích cầu của Nhà nước trong thời kỳ khó khăn nhằm thúc đẩy khách đi du lịch.

Việc tăng cường quảng bá và chú trọng đến cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch cùng với việc chú trọng tôn tạo và giữ gìn các di tích sẽ phát triển bền vững du lịch tại đây. Thời gian lưu lại bình quân của du khách cũng là một vấn đề lớn cần được quan tâm, mặc dù số lượng phòng ở Huế nhiều, điểm tham quan phong phú nhưng vẫn chưa giữ chân được khách.

*Bảng 3. Tổng số ngày khách đến Huế qua các năm 2000 - 2012*

*ĐVT: Ngày khách*

Năm	Ngày khách			Số ngày lưu trú bình quân (ngày)		
	Tổng	Quốc tế	Nội địa	Tổng	Quốc tế	Nội địa
2000	900.000	370.000	530.000	1,91	1,9	1,93
2001	1.090.000	450.000	640.000	1,94	1,94	1,95
2002	1.290.900	529.000	761.900	1,95	1,94	1,95
2003	1.180.000	410.000	770.000	1,93	1,95	1,93
2004	1.490.000	510.000	980.000	1,96	1,96	1,96
2005	2.080.000	729.000	1.351.000	1,98	1,98	1,98
2006	2.472.000	872.000	1.600.000	2,01	2,00	2,02
2007	3.081.540	1.376.320	1.705.220	2,03	2,05	2,01
2008	3.468.479	1.689.979	1.778.588	2,07	2,14	2,00
2009	2.929.248	1.214.248	1.715.000	2,02	2,04	2,04
2010	3.002.595	1.252.082	1.750.513	2,02	2,065	2,07
2011	3.269.750	1.333.970	1.935.780	2,06	2,04	2,1
2012	3.585.240	1.492.582	2.092.658	2,07	2,06	2,07

*Nguồn: Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Thừa Thiên Huế*

Giai đoạn 2000 – 2012, tốc độ tăng bình quân số ngày lưu lại của khách đến Huế là 0,68%/năm. Năm 2000 chỉ có 1,91 ngày đã tăng lên 2,02 ngày năm 2010, năm 2011 là 2,06 ngày và 2,07 ngày năm 2012. Khách nội địa có thời gian lưu lại tương đương với khách quốc tế, năm 2000 là 1,93 ngày, đến năm 2009 là 2,04 ngày, năm 2010 là 2,07 ngày, năm 2011 là 2,10 ngày và năm 2012 là 2,07 ngày. Tuy nhiên, so với Hội An thì thời gian lưu lại bình quân của khách còn thấp.

Trong cơ cấu khách, lượng khách quốc tế đến từ châu Âu chiếm tỷ trọng cao nhất, trong đó thị trường chính là Pháp, Anh, Đức chiếm đến 27,99% năm 2011 và 23,72% năm 2012. Đây là những nước có nền văn hóa khác xa với văn hóa phương Đông nên mọi người rất thích đến đây để tham quan, chiêm ngưỡng và khám phá những điều thú vị. Lượng khách Việt kiều cũng chiếm một tỷ lệ đáng kể, số khách này đến Huế để khám phá những giá trị lịch sử của cha ông. Bên cạnh đó, lượng khách đến từ châu Á bao gồm các thị trường chính là Thái Lan, Trung Quốc, Đài Loan và Nhật Bản cũng khá đông, mặc dù có sự tương đồng về văn hóa nhưng Huế vẫn có sự khác biệt để thu hút khách.

Khách quốc tế đến tham quan Huế từ khắp nơi trên thế giới. Các thị trường chính như Thái Lan, Pháp, Úc, Đức, Mỹ, Anh, Nhật Bản, Trung Quốc, Canada, Đài Loan, ngoài ra còn có một số thị trường khác. Thị trường khách Thái Lan có tỷ trọng dẫn đầu trong năm 2012 là 16,71%, đó là do thuận lợi về các thủ tục, về tuyến đường nên du khách Thái Lan dễ đến với Huế. Đặc biệt năm 2010 có tổ chức Lễ hội Festival Huế đã thu hút lượng lớn khách du lịch quốc tế và kiều bào tham dự. Năm 2011 với Festival nghề truyền thống đã thu hút được nhiều khách quốc tế đến tham gia, khẳng định vị thế là thành phố Festival đặc trưng của Việt Nam. Hơn nữa chính quyền đã triển khai tổ chức thành công nhiều hoạt động trong năm Du lịch Quốc gia Duyên hải Bắc Trung bộ và Festival Huế 2012 đã thu hút một lượng khách du lịch lớn đến với Huế.

#### **4. Tình hình khai thác thị trường khách tại di sản văn hóa thế giới Thành nhà Hồ**

Thanh Hóa là địa phương giàu tài nguyên du lịch với các di tích thắng cảnh, có thể trở thành điểm đến với nhiều điểm du lịch hấp dẫn cho du khách. Trong thời gian qua, mặc dù còn rất nhiều khó khăn,

thách thức nhưng được sự quan tâm của Tổng cục Du lịch và của tỉnh, cùng với sự nỗ lực vươn lên, ngành du lịch Thanh Hóa cũng đã đạt được những kết quả nhất định nhưng còn rất thấp, chưa tương xứng với tiềm năng du lịch vốn có của địa phương. Đặc biệt, tốc độ phát triển tuy có nhanh nhưng giá trị tuyệt đối thấp; cơ sở hạ tầng chưa được đầu tư đồng bộ, chất lượng dịch vụ, phục vụ du lịch yếu, chất lượng lao động thấp. Di sản văn hóa thế giới Thành nhà Hồ được UNESCO công nhận vào tháng 6-2011 đã làm tăng tính hấp dẫn của du lịch Thanh Hóa. Di sản văn hóa thế giới Thành nhà Hồ đóng vai trò quan trọng, là nguồn tài nguyên vô giá cho việc khai thác, phục vụ phát triển du lịch.

Lượng khách đến với Thành nhà Hồ tăng đáng kể, nhất là sau lễ đón bằng. Sau khi Thành nhà Hồ được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới, chiến dịch tuyên truyền, quảng bá hình ảnh di sản cũng được đẩy mạnh. Bên cạnh đó, chính quyền tỉnh đã triển khai đầu tư nâng cấp các tuyến đường chính về khu di sản, đường nội thành đã tạo điều kiện thuận lợi cho du khách tham quan. Trước khi được công nhận là di sản văn hóa thế giới, số khách đến tham quan Thành nhà Hồ rất ít, chỉ khoảng 10-15 lượt khách mỗi ngày, chiếm phần lớn trong số đó là học sinh, sinh viên, các nhà nghiên cứu về văn hóa, lịch sử.

*Bảng 4. Số lượt khách đến di sản văn hóa thế giới Thành nhà Hồ qua các năm 2010 - 2012*

*ĐVT: lượt khách*

Chi tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	TĐPT 2011/2010(%)	TĐPT 2012/2011(%)
Tổng số lượt khách	11.000	20.000	56.061	181,82	280,31
Số khách quốc tế	212	376	1.000	177,36	265,96
Số khách nội địa	10.788	19.624	55.061	181,91	280,58

*Nguồn: Trung tâm Bảo tồn Di sản Thành nhà Hồ*

Năm 2012, số lượt khách đã tăng gấp 5 lần so với năm 2010, tăng gần 3 lần so với năm 2011. Tuy nhiên, số khách này vẫn chưa tương

xứng với tiềm năng, đó là do dịch vụ hỗ trợ trong khu di sản vẫn chưa được đầu tư để đáp ứng nhu cầu của du khách, chưa xứng tầm của di sản văn hóa thế giới, chưa có các loại hình dịch vụ để tạo sức hút mạnh mẽ cho di sản, chưa có các khu vui chơi, nghỉ ngơi giữ chân du khách ở lại dài ngày. Việc quan tâm đầu tư cho di sản văn hóa thế giới Thành nhà Hồ sẽ đáp ứng được nhu cầu đa dạng của du khách, hơn nữa sẽ tăng thu nhập cho người dân địa phương, góp phần làm tốt công tác bảo tồn.

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có 1.535 di tích lịch sử, văn hóa, trong đó có 145 di tích lịch sử Quốc gia (có 2 di tích quốc gia đặc biệt), nhưng trên địa bàn tỉnh chỉ có 94 hướng dẫn viên. Trong đó có 76 hướng dẫn viên nội địa (chiếm 80,9%) và 18 hướng dẫn viên quốc tế (chiếm 19,1%). Qua đó cho thấy sự chênh lệch giữa số điểm du lịch di tích lịch sử, văn hóa (1.535) và số hướng dẫn viên (94) là quá lớn. Về trình độ đào tạo thì hiện nay trên địa bàn tỉnh mới chỉ có 55 hướng dẫn viên có trình độ đại học, 20 hướng dẫn viên trình độ cao đẳng và 10 hướng dẫn viên trình độ trung cấp. Hiện nay đội ngũ thuyết minh của Trung tâm Bảo tồn Di sản thành Nhà Hồ có 6 thuyết minh viên đều có trình độ đại học. Tuy nhiên, trong đó chỉ có 3 thuyết minh viên sử dụng thành thạo 1 thứ tiếng nước ngoài (tiếng Anh). Đội ngũ những người làm công tác thuyết minh, hướng dẫn có ý nghĩa rất quan trọng và cần thiết nhằm góp phần thúc đẩy sự phát triển của du lịch, giúp du khách nói chung, nhất là du khách quốc tế hiểu sâu về những giá trị lịch sử, văn hóa của mỗi địa danh, điểm đến. Nhờ có hoạt động hướng dẫn, thuyết minh, sản phẩm du lịch được hoàn chỉnh, chất lượng hơn. Vì vậy hoạt động thuyết minh hướng dẫn cần được chú trọng hơn tại di sản văn hóa thế giới Thành nhà Hồ.

# ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ TRONG KHAI THÁC GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA THẾ GIỚI ĐÔ THỊ CỔ HỘI AN NHẪM PHÁT TRIỂN DU LỊCH

Miền Trung là nơi giàu tiềm năng du lịch, đặc biệt nơi đây còn sở hữu các di sản văn hóa thế giới vật thể như Đô thị cổ Hội An, Thánh địa Mỹ Sơn, Quần thể di tích Cố đô Huế, Thành nhà Hồ. Đây là những nguồn lực thúc đẩy sự phát triển du lịch của địa phương nơi có di sản nói riêng, của miền Trung nói chung. Trong thời gian qua, chính quyền địa phương đã có sự quan tâm nhất định đến việc khai thác du lịch tại các di sản này. Tuy nhiên việc khai thác vẫn còn nhiều vấn đề đáng bàn, vì thế cần có sự đánh giá về tính hợp lý trong hoạt động khai thác du lịch tại các di sản văn hóa thế giới.

## **1. Tăng cường giá trị của các di sản văn hóa thế giới**

### ***1.1. Khai thác đầy đủ di sản văn hóa thế giới***

Hội An là một thành phố thuộc tỉnh Quảng Nam có nhiều khu phố cổ được xây từ thế kỷ XVI và vẫn còn tồn tại gần như nguyên vẹn đến nay. Hiện nay chính quyền sở tại đang tích cực khôi phục các di tích, đồng thời phát triển thành một thành phố du lịch. Hội An đã được công nhận là đô thị loại III và đã được công nhận là thành phố trực thuộc tỉnh Quảng Nam.

Đến nay, khu phố cổ Hội An vẫn bảo tồn gần như nguyên trạng một quần thể di tích kiến trúc cổ gồm nhiều công trình nhà ở, hội quán, đình chùa, miếu mạo, giếng cầu, nhà thờ tộc, bến cảng, chợ... và những con đường phố hẹp chạy ngang dọc tạo thành các ô vuông kiểu bàn cờ. Đô thị cổ Hội An được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới vào năm 1999, vẫn giữ gìn hầu như nguyên vẹn văn hóa vật thể và phi

vật thể của đô thị - cảng xưa. Đây được xem như một bảo tàng sống về kiến trúc và lối sống đô thị. Sự tồn tại một đô thị như Hội An là trường hợp duy nhất ở Việt Nam và cũng hiếm thấy trên thế giới. Trong những năm qua Hội An luôn là nơi thu hút các khách du lịch trong và ngoài nước đến tham quan tìm hiểu. Tuy nhiên nếu như chỉ thu hút mà không chú ý đến việc khai thác hợp lý thì các di tích nơi đây sẽ xuống cấp và không giữ được hồn phố cổ với không gian và thời gian đã có hàng trăm năm.

*Bảng 1: Phân loại các di tích ở Hội An*

*ĐVT: Cái*

<b>Loại di tích</b>	<b>Số lượng</b>
Nhà cổ	1.068
Chùa	19
Miếu thờ thần linh	43
Đình	23
Nhà thờ tộc	38
Hội quán	5
Giếng nước cổ	11
Cầu	1
Ngôi mộ cổ	44
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.252</b>

*Nguồn: Trung tâm quản lý bảo tồn di sản văn hóa Hội An*

Theo số liệu thống kê của Trung tâm bảo tồn di tích Hội An, đến nay Hội An có 1.360 di tích, danh thắng, trong đó 93% là di tích kiến trúc nghệ thuật, trong số đó có 28 di tích đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp bằng công nhận di tích cấp quốc gia, 41 di tích được xếp hạng cấp tỉnh, 108 di tích được tỉnh Quảng Nam ra quyết định bảo vệ trùng tu. Riêng trong khu vực I của đô thị cổ Hội An, thuộc phường Minh An, hiện có đến 1.107 di tích kiến trúc, trong đó có 46 di tích xếp loại đặc biệt, 94 di tích loại I, số còn lại là di tích loại II, III và loại IV. Đặc biệt, có đến 932 di tích thuộc sở hữu của tư nhân và tập thể, chiếm

hơn 84% tổng số di tích tại Hội An hiện nay. Tuy nhiên hiện nay số lượng các di tích được khai thác vẫn còn rất hạn chế, Những di tích nổi tiếng được nhiều người biết đến là những điểm hấp dẫn có sức thu hút lớn, bên cạnh đó vẫn còn nhiều di tích trong đô thị cổ vẫn chưa được quan tâm khai thác. Chỉ có 142 di tích đang được khai thác hiện nay ở Hội An. Việc khai thác các di tích tại di sản văn hóa thế giới Hội An chưa đầy đủ. Phần lớn các di tích đang bị nấm mốc và mối mọt gây hư hại, đó cũng là nguyên nhân làm cho các di tích mau chóng bị xuống cấp và cũng là lý do chính mà các di tích hiện nay không thể khai thác phục vụ cho du khách. Các di tích như miếu Thần Nông, miếu Hà Tân, Văn Thánh, miếu Cẩm Phô, miếu Xuân Quang, miếu Ngũ Hành Cẩm Phô... bị chiếm không gian để buôn bán, dùng vật dụng che chắn tùy tiện làm mất mỹ quan. Các di tích khác như mộ Trần Ngọc Sơn, Hội An Tiên tự thành “nhà kho” vì chất chứa trong lòng đủ loại hàng hóa, vật dụng. Các di tích không ai chăm sóc, dọn dẹp nên mất vệ sinh nghiêm trọng. Nhiều di tích giếng xưa, mộ cổ cũng bị chiếm dụng hoặc trong tình trạng không ai ghé tới như giếng Tứ Tộc, giếng trước nhà 685 Hai Bà Trưng, giếng đá Trà Quế, giếng Đùi, mộ ông Nguyễn Văn Điền, khu mộ kiến trúc Pháp ở khối Bàu Đưng (phường Thanh Hà) và đặc biệt là mộ Cai phủ tàu Chu Kỳ Sơn (ở phường Sơn Phong), một di tích có giá trị khá đặc biệt liên quan đến quá trình hình thành, phát triển thương cảng Hội An đã được xếp hạng di tích cấp tỉnh. Nếu những di tích này được đưa vào khai thác phục vụ phát triển du lịch sẽ góp phần phát triển kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân nhưng việc này cho đến nay vẫn chưa được quan tâm đến.

*Bảng 2: Kết quả kiểm định trung bình tổng thể (One-Sample T-test) về đánh giá của khách về số lượng các di tích được tham quan tại Hội An*

Tiêu thức nghiên cứu	Số du khách cho ý kiến	Giá trị trung bình	Giá trị kiểm định	PP kiểm định	Mức ý nghĩa	Kết quả kiểm định	Kết luận
Số lượng các di tích được tham quan nhiều	213	3,0798	4	One sample T-test	.000	Có đủ bằng chứng thống kê để bác bỏ giả thiết Ho	Chưa đồng ý

*Nguồn: Xử lý của tác giả*

Ghi chú: Thang điểm Likert: từ 1 – 5 từ rất không đồng ý đến rất đồng ý.

Giả thiết Ho: Du khách đồng ý số lượng di tích được tham quan nhiều.

Theo khảo sát của tác giả, kết quả kiểm định trung bình tổng thể (one-sample t-test) cho thấy là với độ tin cậy 95%, có đủ bằng chứng thống kê để bác bỏ giả thuyết Ho; kết hợp với giá trị trung bình mẫu, có thể nói khách tham quan nói chung cho rằng số lượng các di tích được tham quan chưa nhiều.

Để đánh giá tính hợp lý trong khai thác giá trị của các di sản văn hóa thế giới cần dựa trên các tiêu chí đánh giá sau:

\* Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ các di tích được khai thác trên tổng số lượng các di tích được thống kê

Tại di sản văn hóa thế giới Đô thị cổ Hội An, có khoảng 1.360 di tích, danh thắng nhưng chỉ có 136 di tích được đưa vào khai thác phục vụ du lịch, chiếm tỷ lệ 10%.

Nhận xét: Với tỷ lệ các di tích được đưa vào khai thác so với tổng số di tích được thống kê còn khá thấp tại Đô thị cổ Hội An cho thấy việc khai thác các giá trị độc đáo phục vụ du lịch tại các di sản văn hóa thế giới chưa đầy đủ, việc khai thác chưa được hợp lý.

***1.2. Khai thác giá trị di sản văn hóa thế giới phải luôn đi đôi với việc trùng tu, tôn tạo, bảo vệ các di tích và gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống, phát huy tính độc đáo của các di sản văn hóa thế giới***

Hơn 10 năm qua, kể từ khi Hội An được công nhận là di sản văn hóa thế giới, công tác quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị di sản đã có những thành quả lớn. Để góp phần bảo vệ các giá trị di sản, tỉnh Quảng Nam đã thành lập Trung tâm bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An, làm tham mưu trong lĩnh vực nghiên cứu, bảo tồn, hợp tác quốc tế và phát huy giá trị của di sản. Tỉnh Quảng Nam cũng đã nghiêm túc thực hiện quản lý và khai thác giá trị các di tích; chú trọng thực hiện xã hội hóa, giáo dục cộng đồng thông qua các chương trình có quy mô lớn như hoạt động giao lưu, lễ hội, triển lãm, xuất bản ấn phẩm, làm phim tài liệu, tham

gia hội chợ... Bên cạnh đó, tỉnh cũng thành lập Văn phòng tư vấn trùng tu di tích và thực hiện quản lý di sản văn hóa Hội An bằng chương trình phần mềm tin học. Nhờ vậy, Đô thị cổ Hội An đã được UNESCO trao tặng các giải thưởng “Dự án kiệt xuất về hợp tác bảo tồn Đô thị cổ Hội An”, “Phát triển du lịch và bảo tồn di sản văn hóa” và “Bảo tồn làng mạc truyền thống Kim Bồng”. Được sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế và nỗ lực của địa phương, tỉnh Quảng Nam đã đạt nhiều kết quả trong công tác quản lý bảo tồn, trùng tu và nghiên cứu khoa học để phát huy giá trị của hai di sản văn hóa thế giới. Cùng với những nỗ lực trong việc bảo vệ và giữ gìn di sản, chính quyền Hội An cũng đưa ra quy định việc sửa chữa, nâng cấp, xây dựng trong khu phố cổ phải có giấy phép, đảm bảo nguyên tắc trùng tu di tích, thậm chí không được xây dựng khách sạn trong khu phố cổ, không được sơn vôi tường hay lát gạch men trên nền nhà, chiều cao mỗi ngôi nhà là phải tuân thủ theo quy định chung. Nhờ công tác bảo tồn được thực hiện tốt mà di sản văn hóa thế giới Đô thị cổ Hội An đã thực sự trở thành động lực cho sự phát triển kinh tế – xã hội, góp phần đắc lực vào sự phát triển của ngành kinh tế, du lịch, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của nhân dân, và cũng nhờ vậy mà chính quyền thành phố mới có thêm điều kiện để bảo vệ, tu bổ và giữ gìn các di tích.

*Bảng 3: Bảng tiêu chí phân loại mức độ giá trị bảo tồn di tích*

<b>Loại</b>	<b>Tiêu chí</b>
Loại đặc biệt và loại I	Bảo tồn được yếu tố gốc của các hạng mục công trình, có nhiều chi tiết mỹ thuật, kiến trúc độc đáo. Các yếu tố có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa, khoa học.
Loại II	Bảo tồn cơ bản được các yếu tố gốc của hạng mục công trình, các yếu tố này có giá trị về lịch sử, văn hóa, khoa học.
Loại III	Bảo tồn được mái ngói truyền thống và một số yếu tố gốc của hạng mục công trình, các yếu tố này có một số giá trị về lịch sử, văn hóa, xã hội.
Loại IV	Những công trình được xây, đúc bê tông theo kiểu hiện đại thuộc vào thời kỳ Pháp thuộc, có mái bằng bê tông hoặc lợp bằng vật liệu khác không phải là ngói âm dương.

*Nguồn: Trung tâm quản lý bảo tồn di sản văn hóa Hội An*

Trung tâm quản lý và bảo tồn di sản văn hóa Hội An đã phân loại các di tích ở Hội An căn cứ theo mức độ bảo tồn về giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học nhằm mục đích xác định giá trị và nguồn kinh phí hỗ trợ và tu bổ, sửa chữa các di tích một cách hợp lý. Chính quyền địa phương ban hành cơ chế hỗ trợ kinh phí dựa trên cơ sở các tiêu chí phân loại mức độ và giá trị bảo tồn.

Đối với các công trình kiến trúc cổ loại đặc biệt và loại I, khi tu bổ phải tuân thủ nguyên tắc giữ công năng vốn có của từng bộ phận và toàn bộ công trình, phải bảo tồn nguyên trạng các yếu tố gốc, phải đảm bảo tính chính xác từng chi tiết.

Đối với các công trình loại 2, nếp nhà trước phải giữ nguyên trạng hoặc phục hồi các yếu tố gốc; phần còn lại phía sau, tùy theo vị trí, đặc điểm của từng công trình và kiến trúc tứ cận, các nếp nhà có thể được cải tạo nội thất, mái phải lợp ngói âm dương và không được coi nới thêm. Đối với các công trình loại 3, nếp nhà trước phải giữ lại, tu bổ, tôn tạo hoặc phục hồi hệ mái, mặt tiền cùng các mặt bên và kết cấu nội thất theo kiểu truyền thống. Phần còn lại phía sau, tùy thuộc vào vị trí, đặc điểm của công trình đó và các kiến trúc tứ cận, được cải tạo nội thất, hoặc coi nới thêm theo nguyên tắc hài hòa với cảnh quan khu phố cổ nhưng mái phải lợp ngói âm dương.

*Bảng 4: Số lượng các di tích theo mức độ giá trị bảo tồn*

*DVT: cái*

Loại di tích	Đặc biệt	Loại I	Loại II	Loại III	Loại IV	Tổng cộng
Nhà cổ	10	89	223	336	410	1.068
Chùa	19	0	0	0	0	19
Miếu thờ thần linh	43	0	0	0	0	43
Đình	23	0	0	0	0	23
Nhà thờ tộc	38	0	0	0	0	38
Hội quán	5	0	0	0	0	5
Giếng nước cổ	11	0	0	0	0	11
Cầu	1	0	0	0	0	1
Ngôi mộ cổ	44	0	0	0	0	44
Tổng cộng	194	89	223	336	410	1.252

*Ng.ôn: Trung tâm quản lý bảo tồn di sản văn hóa Hội An*

Đối với các công trình còn lại, khi sửa chữa, cải tạo, xây mới phải lợp ngói âm dương; mặt tiền, nền hài hoà với cảnh quan khu phố cổ; phần còn lại phía sau tùy thuộc vào đặc điểm của các kiến trúc tứ cận và vị trí, độ cao vốn có của công trình, các nếp nhà có thể được coi nới thêm theo nguyên tắc hài hoà với cảnh quan khu phố cổ và không che khuất các công trình kiến trúc xung quanh có giá trị (loại đặc biệt, 1, 2).

Trong số các di tích hiện có ở Hội An thì có đến 22,6% di tích thuộc loại đặc biệt và loại 1; 17,8% di tích loại 2; 26,8% thuộc loại 3 và 32,7% thuộc loại 4, hầu hết là di tích nhà cổ (chiếm 35% trên tổng số).

Mọi sinh hoạt của người dân đều diễn ra trong lòng di sản, người dân sinh sống trong các ngôi nhà cổ, bố trí không gian sinh hoạt riêng, đồng thời đây là yếu tố thể hiện phần hồn của kiến trúc. Việc bảo tồn các di sản đã được chú trọng nhiều. Nhiều chuyên gia nước ngoài đã đến Hội An để cùng với chính quyền và nhân dân thành phố tìm các giải pháp bảo tồn và tôn tạo khu phố cổ.

Tuy nhiên công tác bảo tồn hiện nay cũng có không ít vấn đề đáng lo ngại và có những ảnh hưởng không nhỏ đến di sản văn hóa thế giới này. Việc bảo vệ, tôn tạo di tích và phần hồn của phố cổ Hội An, trùng tu, tu bổ các ngôi nhà cổ còn rất nhiều khó khăn do hạn chế về kinh phí. Chính quyền thành phố cố gắng huy động kinh phí bằng nhiều nguồn để tiếp tục tu bổ, có các phương án trùng tu cụ thể phù hợp với từng điều kiện, hoàn cảnh và trường hợp khác nhau. Theo Trung tâm bảo tồn di sản văn hóa Hội An thì đến nay có 15 nhà cổ đang bị xuống cấp nghiêm trọng, có nguy cơ sụp đổ bất cứ lúc nào và chưa thể thực hiện trùng tu, đó là do các ngôi nhà cổ này là sở hữu của tư nhân, có nhiều người cùng làm chủ nên chưa thể xác định cụ thể người chịu trách nhiệm chính đứng ra vay kinh phí tu bổ nên công tác trùng tu các di tích nhà cổ còn gặp nhiều khó khăn, kinh phí trùng tu phải bỏ ra cao gấp 3-4 lần so với xây dựng mới. Một khó khăn nữa hiện nay đặt ra trong quá trình trùng tu là yếu tố về tính chính xác đòi hỏi tuân thủ cả trong nguyên vật liệu sử dụng, để tu bổ một di tích, cần số lượng lớn ngói, gạch, gỗ, vôi vữa truyền thống. Hiện nay, trên địa bàn địa phương, gạch, ngói (ngói cong đất nung truyền thống) không đảm bảo về số lượng, chất lượng và cả

về kích thước vật liệu. Nguồn gỗ để phục vụ cho tu bổ cũng bị khan hiếm do cấm khai thác rừng, và gỗ tu bổ di tích ở Hội An thường là gỗ kiền kiền Quảng Nam. Vữa vôi truyền thống do không còn sản xuất nên được thay thế bằng vữa ba-ta, pha trộn giữa xi măng, cát và vôi bột hiện có bán sẵn trên thị trường, do đó công tác trát vữa, lợp mái ngói âm dương bằng vữa vôi với vật liệu được pha trộn không đảm bảo yêu cầu về độ dẻo kết dính, sự co giãn vật liệu không đồng đều trong quá trình sử dụng dẫn đến hiện tượng co ngót, ngày càng xuất hiện nhiều vết nứt, hờ, kéo theo là sự thấm dột mái vào mùa mưa dẫn đến sự nhanh xuống cấp của di tích. Hơn nữa, kinh nghiệm, chuyên môn của đội ngũ thợ thi công, đội ngũ cán bộ kỹ thuật quản lý vẫn còn nhiều hạn chế, nhận thức, hiểu biết về giá trị di tích chưa đủ cũng là tác nhân gây trở ngại, khó khăn cho công tác tu bổ, thậm chí làm sai lệch giá trị di tích. Hiện nay việc trùng tu tôn tạo các di tích mới chỉ chú trọng thực hiện trong khu phố cổ, trong khi đó khu vực ngoài phố cổ vẫn còn có nhiều di tích thiếu sự quản lý chăm sóc, chưa phát huy những giá trị văn hóa quý báu phục vụ phát triển du lịch.

Một vấn đề mới đặt ra cho thành phố là hiện nay đang diễn ra việc mua bán chuyên nhượng những ngôi nhà cổ. Theo thống kê sơ bộ đã có 21 ngôi nhà cổ trên tuyến đường Trần Phú của phố cổ đã bị chuyển nhượng mua bán. Số nhà cổ này có tuổi trung bình là 150 năm. Nhiều ngôi nhà cổ do người từ các địa phương khác đến mua lại hoặc những người giàu có sở tại mua để làm cơ sở kinh doanh. Điều này khiến chính quyền thành phố gặp rất nhiều khó khăn trong việc bảo vệ “phần hồn” của di tích bởi toàn bộ kiến trúc bên trong, không gian thờ tự và nếp sinh hoạt của người dân trong những ngôi nhà cổ đã bị thay đổi, văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể không còn hòa quyện, ảnh hưởng xấu đến toàn bộ hệ thống di sản văn hóa Hội An. Sự phai nhạt, mất dần các tập quán, lối sống truyền thống, các không gian sinh hoạt gia đình và không gian linh thiêng trong các ngôi nhà cổ đã phá vỡ “cái hồn” của di sản. Trước thực trạng này, lãnh đạo thành phố đã đề xuất một cơ chế tài chính đặc thù là Nhà nước sẽ mua lại những ngôi nhà cổ và có thể cho đại diện của gia đình chủ cũ thuê lại tiếp tục sinh sống, bảo quản. Số tiền này có thể sử dụng từ nguồn thu du lịch nếu được phép. Bên cạnh đó thành phố cũng chủ trương người Hội An gốc mua nhà cổ để kinh

doanh phải thực hiện đúng quy hoạch. Ngoài ra thành phố cũng có quy định kịp thời để tránh tình trạng các nhà vườn ở khu vực ngoại ô cũng sẽ bị chia lô để bán, phá vỡ cảnh quan, môi trường của đô thị cổ.

Những giá trị văn hóa lâu đời ở Hội An luôn được các du khách quan tâm tìm hiểu. Nét đặc sắc riêng có của Hội An làm bao du khách gần xa muốn đến để tận mắt chiêm ngưỡng. Các khách du lịch đến đây tìm hiểu cấu tạo của công trình kiến trúc này cùng với những chi tiết trang trí của ngôi nhà, chính điều đó đã đem lại cho du khách những trải nghiệm thú vị. Biết được những giá trị độc đáo này, chính quyền thành phố và người dân cùng chung sức để cùng nhau phát huy những giá trị đặc trưng của di sản phục vụ cho việc phát triển du lịch. Mỗi di sản đều có những nét độc đáo riêng, hình ảnh riêng, giá trị riêng của mình. Và những yếu tố nếu được phát hiện chính xác sẽ là những nhân tố lớn đóng góp vào sự phát triển du lịch của địa phương. Hiện, khu di sản có 16.000 người sinh sống, lối sống của người dân ở tại đây sẽ là những yếu tố độc đáo vô cùng quý giá mà du khách mong muốn được khám phá.

Theo kết quả khảo sát, kết quả kiểm định trung bình tổng thể (one-sample t-test) cho thấy là với độ tin cậy 95%, có đủ bằng chứng thống kê để bác bỏ giả thuyết  $H_0$ ; kết hợp với giá trị trung bình mẫu, có thể nói khách tham quan đã có cảm nhận tốt về giá trị đặc sắc của các công trình kiến trúc ở Hội An.

*Bảng 5: Kết quả kiểm định trung bình tổng thể (One-Sample T-test) về đánh giá của khách về di sản được tham quan tại Hội An*

Tiêu thức nghiên cứu	Số du khách cho ý kiến	Giá trị trung bình	Giá trị kiểm định	PP kiểm định	Mức ý nghĩa	Kết quả kiểm định	Kết luận
Các công trình kiến trúc có giá trị đặc sắc	213	4,1033	4	One sample T-test	.000	Có đủ bằng chứng thống kê để bác bỏ giả thiết $H_0$	Rất đồng ý

*Nguồn: Xử lý của tác giả*

Ghi chú: Thang điểm Likert: từ 1 – 5 từ rất không đồng ý đến rất

đồng ý.

Giả thiết Ho: Du khách đồng ý các công trình kiến trúc có giá trị đặc sắc.

\* Chi tiêu 2: Tỷ lệ các di tích được đầu tư tôn tạo trong tổng số các di tích được khai thác

Theo thống kê từ Trung tâm Quản lý và Bảo tồn di sản văn hóa Hội An thì từ năm 1999-2012 đã có 180 di tích được đầu tư tu bổ với kinh phí hơn 70 tỷ đồng, trong đó địa phương hỗ trợ 51,7% trong toàn bộ kinh phí tu bổ, trong đó hỗ trợ từ các tổ chức nước ngoài chiếm 9%. Có 32 di tích được phía Nhật tài trợ tu bổ, ngoài ra còn có 155 di tích được hỗ trợ tu bổ và 1.895 lượt chủ di tích tự tu bổ, sửa chữa nhỏ với kinh phí gần 8 tỷ đồng. Trên 250 di tích kiến trúc ở phố Bạch Đằng và Phan Châu Trinh đã được vẽ ghi hiện trạng, lập hồ sơ, quy hoạch chi tiết phục vụ cho công tác quản lý bảo tồn và trùng tu. Trong số 10% các di tích được đưa vào khai thác thì hầu hết đều được quan tâm trùng tu, tu bổ và bảo tồn, mặc dù còn nhiều khó khăn trong quá trình tu bổ nhưng chính quyền và người dân Hội An đều nỗ lực trong bảo tồn các giá trị vô giá. Tỷ lệ các di tích được đầu tư tôn tạo so với tổng số các di tích được khai thác hơn 100% (180/136), đó là do có nhiều nhà ở của dân không được khai thác phục vụ cho du lịch nhưng vẫn được chú trọng đầu tư tôn tạo bảo vệ.

\* Chi tiêu 3: Số lượng các di tích được quy hoạch cho đầu tư bảo tồn và phát huy giá trị

Hiện nay tại Hội An lập kế hoạch quy hoạch để đầu tư bảo tồn và phát huy giá trị di sản, có tổng cộng 1.252 di tích cần được bảo tồn trong đó có 194 di tích đặc biệt, 89 di tích loại I, 223 di tích loại II, 336 di tích loại III và 410 di tích loại IV.

### ***1.3. Có nguồn vốn tái đầu tư để bảo vệ di sản văn hóa thế giới***

Quá trình khai thác bền vững di sản luôn đòi hỏi đi đôi với việc trùng tu, bảo vệ và tôn tạo di tích. Để làm được điều này cần có một nguồn vốn lớn và có được sự đồng thuận từ nhân dân. Trong 7 năm qua (2005 – 2012), tỉnh Quảng Nam đã đầu tư hơn 130 tỷ đồng cho công tác bảo tồn, tu bổ 2 di sản văn hóa thế giới là Đô thị cổ Hội An và Khu đền

tháp Mỹ Sơn. Trong điều kiện còn nhiều khó khăn, thường xuyên phải gánh chịu thiệt hại nặng nề của thiên tai, những năm qua, tỉnh Quảng Nam – một trong số ít các tỉnh, thành phố có 2 di sản văn hóa thế giới đã quyết tâm lớn đầu tư cho công tác quản lý, nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị của 2 di sản này. Đó cũng là một thuận lợi lớn cho chính quyền Hội An trong quá trình khai thác giá trị di sản để phát triển du lịch. Mọi người dân Hội An đều cùng tham gia tích cực bảo vệ di sản, tránh xâm hại di sản. Trong thời gian qua, hoạt động trùng tu tôn tạo di tích tại Hội An được lấy từ ngân sách của tỉnh cũng như được tài trợ từ các tổ chức quốc tế khác, chẳng hạn như quỹ Công chúa Clause – Hà Lan tài trợ 22.000 euro để tu bổ nhà sau của di tích kiến trúc số 14 đường Nguyễn Thái Học. Ngoài ra, còn có nguồn vốn từ hoạt động xã hội hóa, một số cư dân là chủ các di tích tự nguyện bỏ tiền tu bổ, sửa chữa để tham gia giữ gìn di sản, trong đó phần của Nhà nước hỗ trợ từ 40 – 75% kinh phí. Hơn nữa, tại Hội An cũng có một nguồn vốn rất lớn để thực hiện hoạt động bảo vệ di sản văn hóa thế giới này, đó là tiền từ việc bán vé tham quan các di tích. Với phương châm “lấy di sản nuôi di sản”, 75% tiền từ việc bán vé được trích ra để nộp vào quỹ bảo tồn trùng tu di tích.

*Bảng 6: Quỹ trùng tu tu bổ di sản văn hóa thế giới Đô thị cổ Hội An qua các năm 2010 – 2012*

*ĐVT: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Doanh thu bán vé tham quan	32,09	43,13	54,26
Nộp quỹ bảo tồn trùng tu di tích	24,068	32,348	40,695

*Nguồn: Trung tâm quản lý bảo tồn di sản văn hóa Hội An*

Từ năm 1995 đến nay, qua hơn 17 năm thực hiện phương án phát hành vé chung cho cả khu Di sản, với nhiều phương thức tổ chức, thay đổi nhiều nội dung chương trình, tập trung nâng cao chất lượng phục vụ để thu hút khách du lịch; mặc dù có gặp nhiều nguyên nhân khách quan ảnh hưởng đến hoạt động tham quan như thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng về kinh tế thế giới toàn cầu... nhưng lượng khách đến mua

vé tham quan hàng năm đều tăng; tổng số tiền vé bán được năm 2012 là 54,26 tỷ đồng, nộp vào quỹ bảo tồn - trùng tu di tích 40,695 tỷ đồng, trong đó có 10-12% chi trả cho các chủ di tích tư nhân và tập thể. Từ năm 1995 đến 2012, riêng chính quyền thành phố Hội An cũng đã đầu tư 65 tỷ đồng để tu bổ 167 di tích, đây là một con số khiêm tốn nhưng cũng đã thể hiện nỗ lực của thành phố.

\* Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ doanh thu du lịch được trích phục vụ trùng tu tôn tạo bảo vệ di sản văn hóa thế giới

Tại di sản văn hóa thế giới Đô thị cổ Hội An, với phương châm “lấy di sản nuôi di sản”, 75% tiền từ việc bán vé được trích ra để nộp vào quỹ bảo tồn trùng tu di tích.

## **2. Đảm bảo lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa phương**

### **2.1 Khai thác đảm bảo đem lại việc làm và thu nhập cho cộng đồng**

Các công trình kiến trúc ở Hội An đều có tuổi thọ cao, các kiến trúc cổ kính này đều do bàn tay tài hoa của các nghệ nhân tạo nên. Tuy nhiên, trải qua nhiều thế kỷ, qua nhiều cuộc chiến tranh, các công trình đã ít nhiều bị hư hại. Vậy để biến kho tàng vô giá này thành của cải, cần biết cách khai thác và bảo vệ nó. Phố cổ Hội An là di sản văn hóa vật thể nên việc khai thác nhưng vẫn giữ được cái hồn của phố cổ là một điều đáng làm. Hơn nữa, phố cổ Hội An là một bảo tàng sống vì vẫn còn những người dân còn làm ăn sinh sống trong lòng phố cổ nên chính quyền cũng đã cùng với người dân cùng chung tay góp sức giữ gìn di sản được nguyên vẹn để đem lại lợi ích kinh tế. Tuy nhiên cho tới nay việc nghiên cứu kỹ lưỡng về di tích vẫn chưa được thực hiện bài bản để đưa ra cách thức khai thác phù hợp nhất.

Hoạt động du lịch tại Hội An trong thời gian qua cũng có những bước phát triển vượt bậc, góp phần vào nguồn thu ngân sách của địa phương, GDP ngành du lịch-dịch vụ chiếm 67% tổng GDP thành phố. Để thúc đẩy cho sự phát triển của ngành kinh tế du lịch – dịch vụ Hội An, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của người dân, tăng thêm điều kiện để bảo tồn, tu bổ di tích, hoạt động tổ chức hướng dẫn tham quan di sản văn hóa thế giới cũng là một nhiệm vụ trọng tâm của thành

phố, đáp ứng cho việc bảo tồn và phát huy tài sản quý giá này. Trong quá trình khai thác phục vụ du lịch phải đem lại lợi ích kinh tế cho các bên liên quan như doanh nghiệp du lịch, người dân sở tại và địa phương đảm bảo cho sự phát triển bền vững. Để đem lại lợi ích cho cộng đồng, chính quyền địa phương đã thực hiện thanh toán cho chủ di tích từ 2000 đồng đến 3000 đồng cho mỗi ô vé nước ngoài và 1000 đồng đối với mỗi ô vé của khách nội địa. Ngoài ra, một số nhà cổ có đủ điều kiện, được sự đồng ý của chính quyền địa phương đã khai thác phục vụ khách lưu trú qua đêm, dịch vụ lưu trú homestay được nhiều du khách trong và ngoài nước ưa thích, trở thành một sản phẩm du lịch độc đáo của phố cổ, góp phần tạo thu nhập, cải thiện sinh kế của người dân Hội An, để người dân có thể hưởng lợi trực tiếp từ du lịch. Ngoài ra các dịch vụ khác cũng rất phát triển ở Hội An.

*Bảng 7: Số lượng các cửa hàng trong khu phố cổ Hội An năm 2012*

*DVT: cửa hàng*

Loại cửa hàng	Số lượng
Cửa hàng vải và may mặc	180
Cửa hàng lưu niệm, tranh nghệ thuật và thủ công mỹ nghệ	202
Cửa hàng giày dép, túi xách, lồng đèn	91
Cửa hàng tổng hợp	207
Tổng cộng	751

*Nguồn: Trung tâm quản lý bảo tồn di sản văn hóa Hội An*

Các căn nhà nằm trên mặt tiền 4 con đường có lưu lượng khách du lịch lớn tại Hội An được sử dụng làm cửa hàng-cửa hiệu, chủ yếu được sử dụng phục vụ khách du lịch, làm dịch vụ như kinh doanh khách sạn, nhà trọ, nhà hàng, bán đồ lưu niệm, không có cơ sở nào thuê kinh doanh để mở cửa hàng phục vụ dân địa phương. Theo điều tra của tổ chức JICA (The Japan International Cooperation Agency; Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản) có 35,1% trong số căn nhà đó được cho người khác thuê lại để kinh doanh, trong đó, gần 64% số người thuê không có nhiều quan hệ sâu xa với phố cổ, điều này cho thấy phần nào sự hạn chế trong

việc hưởng lợi từ di sản của người dân Hội An. Các nghề may, làm lồng đèn truyền thống trở thành kế sinh nhai của người dân phố cổ, giúp họ có được nguồn thu nhập ổn định cuộc sống.

\* Chi tiêu 5: Số lượng các cơ sở dịch vụ du lịch tăng thêm

Để đảm bảo đem lại lợi ích cho cộng đồng địa phương trong quá trình khai thác du lịch, các cơ sở dịch vụ phục vụ du lịch được chú trọng tăng cường để thỏa mãn nhu cầu du khách.

*Bảng 8: Phát triển dịch vụ lưu trú tại Hội An qua các năm 2005- 2012*

Loại cơ sở lưu trú	ĐVT	Năm 2005	Năm 2008	Năm 2012
Homestay nhà cổ	Cơ sở	1	3	5
Số phòng	Phòng	1	8	17
Homestay nhà vườn	Cơ sở	0	4	16
Số phòng	Phòng	0	14	50
Khách sạn	Cơ sở	69	78	94
Số phòng	Phòng	2.329	2.892	3.809

*Nguồn: Phòng Thương mại Du lịch Hội An và Chi cục Thống kê TP. Hội An*

Trong khu phố cổ ở Hội An có đến 751 cửa hàng các loại phục vụ khách du lịch. Thành phố Hội An hiện nay có cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch khá đầy đủ và hiện đại. Đến nay, toàn tỉnh có 113 khách sạn với 4.622 phòng, chủ yếu tập trung tại Hội An với 94 khách sạn, trong đó: 3 khách sạn 5 sao, 11 khách sạn 4 sao, 11 khách sạn 3 sao, 22 khách sạn 2 sao và 34 khách sạn 1 sao và các khách sạn đạt tiêu chuẩn. Hơn nữa, dịch vụ lưu trú homestay cũng đã đem lại một nguồn thu đáng kể cho người dân. Hiện nay tại Hội An có 5 nhà cổ và 16 nhà vườn phục vụ lưu trú homestay. Ngoài ra, đến năm 2012 tại Hội An có 94 khách sạn với 3809 phòng đã đáp ứng nhu cầu lưu trú của du khách. Cơ sở lưu trú homestay nhà cổ năm 2012 tăng gấp 5 lần so với năm 2005, cơ sở lưu trú homestay nhà vườn năm 2012 tăng 4 lần so với năm 2008, trong khi năm 2005 chưa có cơ sở nào, tốc độ phát triển khách sạn năm 2012

so với năm 2008 là 20,5%. Tuy vậy du khách đánh giá không cao về dịch vụ du lịch tại Hội An.

*Bảng 9: Kết quả kiểm định trung bình tổng thể (One-Sample T-test) về đánh giá của khách du lịch về dịch vụ tại Hội An*

Tiêu thức nghiên cứu	Số du khách cho ý kiến	Giá trị trung bình	Giá trị kiểm định	PP kiểm định	Mức ý nghĩa	Kết quả kiểm định	Kết luận
Giá cả phải chăng	213	3,1127	4	One sample T-test	.000	Đủ bằng chứng thống kê để bác bỏ giả thiết Ho	Chưa đồng ý
Thái độ phục vụ tốt, nhiệt tình	213	2,9859	4	One sample T-test	.000	Đủ bằng chứng thống kê để bác bỏ giả thiết Ho	Không đồng ý

*Nguồn: Xử lý của tác giả*

Ghi chú: Thang điểm Likert: từ 1 – 5 từ rất không đồng ý đến rất đồng ý.

Giả thiết Ho: Du khách đồng ý các dịch vụ du lịch tại Hội An có giá cả phải chăng.

Giả thiết Ho: Du khách đồng ý thái độ phục vụ tốt, nhiệt tình.

\* Chỉ tiêu 6: Sự tăng trưởng doanh thu du lịch

Hội An là một điểm du lịch trọng điểm của quốc gia, trong thời gian qua Hội An đã thu hút một lượng khách du lịch khá lớn đến đây, đem lại nguồn thu không nhỏ cho ngành du lịch của thành phố.

Sau khi có “tuyên bố Hội An về hợp tác thúc đẩy du lịch” của APEC, du khách đến Hội An tăng nhanh thì đồng thời với việc gia tăng đó là mức độ tiêu dùng của du khách cũng tăng theo.

Năm 2000, doanh thu du lịch Hội An đạt 164 tỷ đồng thì đến năm 2012 đã đạt 951 tỷ, gấp 5,8 lần, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2000 – 2012 là 16%/năm. Mặc dù kinh tế thế giới và trong nước

có nhiều khó khăn nhưng tình hình kinh doanh du lịch của Hội An có kết quả tích cực. Tuy số lượt khách du lịch đến Hội An có chiều hướng giảm, đặc biệt là giảm lượng khách du lịch quốc tế làm doanh thu từ khách này giảm theo, nhưng bù lại khách quốc tế đến Hội An có sử dụng dịch vụ lưu trú tăng và tiêu dùng các dịch vụ cao hơn. Hội An còn có các loại hình du lịch có tiềm năng như sinh thái, nghỉ dưỡng, biển đảo, văn hóa, hội nghị được chú trọng, nhờ đó đã làm cho doanh thu du lịch không ngừng tăng lên. Tốc độ tăng doanh thu năm 2011 là 12,96% so với năm 2010 và năm 2012 so với năm 2011 là 18,58%. Để nền kinh tế thành phố phát triển đồng đều thì các cấp, ban ngành liên quan nên chú ý đến công tác quảng bá về những sự kiện, lễ hội được tổ chức tại Hội An để thu hút được đông đảo du khách đến tham gia, đồng thời chú trọng công tác tuyên truyền, quảng bá, tăng cường các tờ rơi áp phích, brochure đến tay du khách.

*Bảng 10: Doanh thu du lịch tại Hội An giai đoạn 2000 - 2012*

*ĐVT: Tỷ đồng*

<i>Năm</i>	<i>Doanh thu du lịch</i>	<i>Tốc độ tăng giảm (%)</i>	<i>Năm</i>	<i>Doanh thu du lịch</i>	<i>Tốc độ tăng giảm (%)</i>
2000	164	—	2007	550	8,91
2001	219	33,54	2008	628	14,18
2002	246	12,33	2009	624	-0,64
2003	271	10,16	2010	710	13,78
2004	299	10,33	2011	802	12,96
2005	403	34,78	2012	951	18,58
2006	505	25,31			

*Nguồn: Phòng Thương mại - Du lịch Thành phố Hội An*

Sự phát triển du lịch đã kéo theo sự phát triển của nền kinh tế. Trong cơ cấu kinh tế của thành phố Hội An, tỷ trọng đóng góp của ngành Thương mại – Du lịch luôn chiếm tỷ trọng cao, chiếm 67,4% năm 2012.

Cơ cấu của thành phố Hội An chủ yếu dựa vào thương mại du lịch, công nghiệp xây dựng khi 2 ngành này có tỷ trọng hơn 90%.

*Bảng 11: Cơ cấu kinh tế của thành phố Hội An qua các năm 2010 – 2012*

*ĐVT: %*

Các lĩnh vực	Năm 2000	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Thương mại – Du lịch	53,2	66,7	67,0	67,4
Công nghiệp – Xây dựng	29,6	22,1	22,5	22,4
Nông nghiệp – Lâm nghiệp – Thủy sản	17,2	11,2	10,5	10,2

*Nguồn: Phòng Thương mại và Du lịch Hội An*

\* Chỉ tiêu 7: Lực lượng hướng dẫn viên được sử dụng tại địa phương

Lực lượng hướng dẫn viên tại các di sản nếu được đào tạo tốt sẽ là nguồn lực quý giá và là lợi thế cho việc quảng bá các di sản với việc cung cấp cho du khách những trải nghiệm đặc biệt, gây ấn tượng mạnh đối với du khách, làm cho di sản trở nên hấp dẫn hơn những điểm đến tương tự khác trong khu vực. Các hướng dẫn viên di sản sẽ cung cấp các thông tin cần thiết nhằm giúp cho du khách và người dân địa phương nâng cao hiểu biết về các giá trị của di sản để nâng cao ý thức bảo tồn di sản. Tại Hội An và Mỹ Sơn, UNESCO đã áp dụng chương trình đào tạo thí điểm hướng dẫn viên theo chuẩn quốc tế, riêng lực lượng hướng dẫn viên ở Huế sẽ được đào tạo trong thời gian tới. Kết quả chương trình này đã cung cấp những kiến thức toàn diện về di sản thế giới, cùng các kiến thức đặc thù của từng điểm cho chính quyền địa phương và hơn 100 hướng dẫn viên. Qua đó đóng góp những nguyên tắc cơ bản và hành động cụ thể cho việc quản lý, bảo vệ và khắc phục những khó khăn do tốc độ tăng trưởng nhanh chóng trong hoạt động du lịch, đồng thời cải thiện chất lượng thông tin tại điểm đến cho du khách.

Với 3.500 lao động làm việc tại các doanh nghiệp du lịch, chiếm 31% tổng số lao động trực tiếp tham gia trong ngành du lịch - dịch vụ, trong đó số lao động được đào tạo chuyên môn cao từ đại học đến sau đại học chưa nhiều, hiện chỉ có 20%. Có 1.225 lao động đã qua đào tạo nghiệp vụ du lịch, chiếm 35%. Lực lượng trong ngành du lịch rất trẻ,

93% có độ tuổi dưới 45 (theo số liệu của phòng Thương mại Du lịch Hội An), được đào tạo chuyên môn và ngoại ngữ, có thể đáp ứng yêu cầu lao động hiện tại.

*Bảng 12: Kết quả kiểm định trung bình tổng thể (One-Sample T-test) về đánh giá của khách du lịch về hoạt động thuyết minh tại Hội An*

Tiêu thức nghiên cứu	Số du khách cho ý kiến	Giá trị trung bình	Giá trị kiểm định	PP kiểm định	Mức ý nghĩa	Kết quả kiểm định	Kết luận
Phong cách hướng dẫn	213	3,6368	3	One sample T-test	.000	Đủ bằng chứng thống kê để bác bỏ giả thiết Ho	Tốt
Thái độ phục vụ	213	3,3558	3	One sample T-test	.000	Đủ bằng chứng thống kê để bác bỏ giả thiết Ho	Tốt
Cách truyền đạt thông tin	213	3,3662	3	One sample T-test	.000	Đủ bằng chứng thống kê để bác bỏ giả thiết Ho	Tốt
Am hiểu các giá trị	213	3,5070	3	One sample T-test	.000	Đủ bằng chứng thống kê để bác bỏ giả thiết Ho	Tốt

*Nguồn: Xử lý của tác giả*

Ghi chú: Thang điểm Likert: từ 1 – 5 từ rất không tốt đến rất tốt.

Giả thiết Ho: Du khách cho rằng phong cách hướng dẫn bình thường.

Giả thiết Ho: Du khách cho rằng thái độ phục vụ bình thường.

Giả thiết Ho: Du khách cho rằng cách truyền đạt thông tin bình thường.

Giả thiết Ho: Du khách cho rằng hướng dẫn viên am hiểu các giá trị ở mức bình thường.

Tuy nhiên, đội ngũ lao động quản trị doanh nghiệp hầu hết đều là người đến từ các địa phương khác và nước ngoài. Hơn nữa, lực lượng

hướng dẫn viên ở Hội An còn thiếu và yếu, có hơn 126 hướng dẫn viên thuộc Văn phòng hướng dẫn Hội An, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu du khách. Ở Hội An vẫn chưa chú trọng sử dụng đội ngũ hướng dẫn viên tiềm năng là những người dân phố Hội luôn yêu mến Hội An, mong muốn được truyền những kiến thức và tình yêu Hội An của mình đến với các du khách. Hướng dẫn viên truyền tải được đúng giá trị và ý nghĩa của di sản sẽ đóng góp thiết thực vào công tác bảo tồn và phát huy giá trị của di sản đối với tất cả cộng đồng và khách tham quan. Dựa trên khảo sát, với mức ý nghĩa 95%, kết quả kiểm định cho thấy du khách phần nào đánh giá tốt về hoạt động thuyết minh tại Hội An.

## ***2.2. Khai thác giá trị các di sản văn hóa thế giới phải kết hợp với các loại hình du lịch khác***

\* Chi tiêu 8: Mức độ đa dạng hóa của sản phẩm du lịch tại địa phương có di sản

Khu đô thị cổ được công nhận là di sản văn hóa thế giới là một thuận lợi cho Hội An trong quá trình phát triển du lịch. Hội An là điểm đến du lịch nổi tiếng, hấp dẫn, an toàn, thân thiện với bạn bè và du khách gần xa, luôn đứng trong danh sách những thành phố được yêu thích tại châu Á và cả trên thế giới trong nhiều năm. Việc khai thác giá trị di sản này đã phát huy được tiềm năng và thế mạnh vốn có của Hội An đồng thời đã đưa được những giá trị đặc sắc đến với công chúng. Ngoài ra, ở khu vực lân cận vẫn còn nhiều di tích mang những vẻ đẹp riêng đang được du khách khám phá. Việc phát huy các giá trị di sản vật thể và phi vật thể, khai thác tốt tiềm năng du lịch văn hoá, lễ hội, sinh thái làng quê, sông nước, làng nghề, du lịch nghỉ dưỡng là một lợi thế của Hội An trên con đường phát triển. Một chương trình du lịch tham quan phố cổ kết hợp với tham quan các làng nghề truyền thống như làng gốm Thanh Hà, làng mộc Kim Bồng, làng rau Trà Quế, làng dệt Mã Châu, làng đúc đồng Phước Kiều cùng người dân khám phá những vẻ đẹp đích thực ở đây đã đem đến nhiều trải nghiệm cho du khách. Những câu ca, điệu hò, dân ca bài chòi chỉ riêng có ở Hội An cũng đem đến cho họ nhiều sự thú vị. Cùng kết hợp với các công ty du lịch đưa các chương trình du lịch này vào khai thác đã gia tăng sự hấp dẫn của điểm đến Hội An. Các tour du lịch như “Một ngày làm ngư dân phố Hội”, “Một ngày

làm nông dân"... đã làm phong phú thêm hệ thống sản phẩm du lịch, đa dạng hóa các loại hình du lịch, gia tăng sự yêu thích của du khách đối với Hội An.

### **3. Quan tâm đến chất lượng môi trường tại các di sản**

#### ***3.1. Chú ý đến vấn đề sức chứa trong quá trình khai thác***

Kinh nghiệm từ các nước trong hoạt động khai thác du lịch là cần thiết phải chú ý đến sức chứa của các di sản trong quá trình khai thác du lịch. Chẳng hạn đối với việc khai thác các Kim Tự Tháp ở Ai Cập, người ta hạn chế số lượt khách tham quan mỗi lượt cũng như số lượt khách cả ngày để tránh làm hư hại di tích, mỗi ngày số lượt khách hạn chế ở con số 400 người vì người ta lo ngại rằng sự tập trung du khách quá đông và mồ hôi cộng với khí CO<sub>2</sub> do họ thải ra sẽ ảnh hưởng đến độ bền của di tích.

Trong thời gian qua, việc khai thác giá trị di sản văn hóa thế giới đô thị cổ Hội An đã chưa tính đến vấn đề này. Với diện tích vòng vện 0,5km<sup>2</sup> nhưng lượng khách trong các khu phố cổ rất đông, đặc biệt trong những thời điểm vào mùa vụ du lịch. Lượng khách đến tham quan Hội An nhiều và tập trung hầu hết tại khu phố cổ cộng với người dân bản địa dẫn đến tình trạng cơ sở hạ tầng quá tải. Điều này đã làm hạn chế phần nào tính hấp dẫn của di sản, với số lượng du khách quá đông tập trung tại các di tích trong đô thị cổ đã làm ảnh hưởng đến khả năng thưởng ngoạn, làm họ khó có thể thưởng thức hết những vẻ đẹp và các giá trị đặc sắc trong khu di sản.

\* Chi tiêu 9: Xác định sức chứa tại các di sản văn hóa thế giới

Nhìn chung, trong quá trình khai thác du lịch tại các di sản văn hóa thế giới thời gian qua chưa bàn đến vấn đề sức chứa, điều đó cho thấy có sự chưa hợp lý trong khai thác. Vì thế cần phải tính toán sức chứa của mỗi di sản văn hóa thế giới để xác định số lượng người tối đa tham quan di sản trong cùng một thời gian. Do đó khi du khách tập trung đông tại các di tích làm ảnh hưởng đến việc tham quan của du khách khác. Theo kết quả kiểm định và khảo sát thực tế cho thấy đôi khi vào cùng một thời điểm, số lượng du khách tập trung quá đông tại các điểm tham quan hay trên đường đi cũng như tập trung tại các điểm

mua sắm đã ảnh hưởng đến chất lượng của chuyến tham quan của du khách.

*Bảng 13: Kết quả kiểm định trung bình tổng thể (One-Sample T-test) về đánh giá của khách du lịch về sự tập trung du khách tại di sản*

Tiêu thức nghiên cứu	Giá trị trung bình	Giá trị kiểm định	Kết luận
Du khách tập trung quá đông trên đường đi	3,6948	4	Không có ý kiến
Du khách tập trung quá đông tại các di tích	4,2723	4	Rất đồng ý
Du khách tập trung quá đông tại các điểm mua sắm	3,2113	4	Không có ý kiến
Du khách đồng ảnh hưởng đến việc tham quan	4,2488	4	Rất đồng ý

*Nguồn: Xử lý của tác giả*

Ghi chú: Thang điểm Likert: từ 1 – 5 từ rất không đồng ý đến rất đồng ý.

Giả thiết Ho: Khách du lịch đồng ý du khách tập trung quá đông trên đường đi.

Giả thiết Ho: Khách du lịch đồng ý du khách tập trung quá đông tại các di tích.

Giả thiết Ho: Khách du lịch đồng ý du khách tập trung quá đông tại các điểm mua sắm.

Giả thiết Ho: Khách du lịch đồng ý du khách đồng ảnh hưởng đến việc tham quan.

### **3.2. Khai thác hợp lý các di sản văn hóa thế giới luôn đi đôi với việc bảo vệ môi trường du lịch**

Du lịch và môi trường có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, môi trường là tiền đề để phát triển du lịch và du lịch cũng có tác động ngược trở lại đối với môi trường. Việc phát triển du lịch sẽ có rất nhiều ảnh hưởng tới môi trường, tác động trực tiếp đến tài nguyên. Đây là những tác động một chiều và có gây ra những ảnh hưởng xấu đến hoạt động

du lịch và ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch bền vững. Nếu quá trình hoạt động khai thác du lịch được thực hiện tùy tiện, thiếu quy hoạch, thiếu căn cứ khoa học sẽ làm tài nguyên môi trường, đa dạng sinh học bị suy giảm, ô nhiễm môi trường tăng lên. Nhìn chung, trong thời gian qua, việc khai thác du lịch tại các di sản văn hóa thế giới có thuận lợi là do tình hình an ninh trật tự được đảm bảo, không có các tệ nạn xã hội xảy ra, du khách yên tâm khi đi du lịch. Du khách đánh giá cao về tình hình an ninh trật tự tại các di sản, theo kết quả kiểm định, du khách không đồng ý tình trạng này xảy ra tại các di sản (với mức kiểm định bằng 4, và mức ý nghĩa  $<0,05$ , giá trị trung bình bằng 2,5/5 tại Hội An. Bên cạnh đó vẫn có những ảnh hưởng tiêu cực đến xã hội mà đây chính là những rào cản ảnh hưởng đến thu hút khách.

\* Chi tiêu 10: Tác động tiêu cực đến xã hội từ khai thác du lịch.

Việc khai thác du lịch tại đô thị cổ Hội An trong thời gian qua gặp những vấn đề khó khăn. Lượng khách du lịch đến ngày càng đông, năm 2012 đã đón hơn 1,3 triệu lượt khách, đó là một điều đáng mừng nhưng cũng đáng lo đối với môi trường và ảnh hưởng đến các di tích. Khách đến đây không chỉ để chiêm ngưỡng những công trình kiến trúc độc đáo mà còn để được tìm hiểu những giá trị văn hóa lâu đời tại đây. Với mật độ khách như vậy, mỗi ngày có hàng trăm, hàng nghìn lượt người qua Chùa Cầu làm cho chiếc cầu luôn bị quá tải, các di tích luôn đông người và bị đe dọa đến tính bền vững. Mật độ kinh doanh buôn bán quá đông đúc các phố cổ cũng dễ gây ô nhiễm môi trường. Vì thế thành phố chủ trương giảm mật độ dân cư ra ngoài các khu phố cổ bằng cách mở rộng các điểm du lịch ra sông, eo biển và chung quanh thành phố.

\* Chi tiêu 11: Tình hình ô nhiễm môi trường tại khu di sản

Chùa Cầu, biểu tượng nổi tiếng của Hội An, là linh hồn của phố cổ thu hút hàng ngàn du khách tham quan mỗi ngày. Tuy vậy, kênh Chùa Cầu bị ô nhiễm trầm trọng, bốc mùi gây ảnh hưởng đến cảnh quan di tích và làm xấu Hội An trong mắt du khách. Mặc dù đã có nhiều cuộc họp, những cuộc tọa đàm và nhiều hội thảo khác bàn về vấn đề này nhưng chưa đến bây giờ vẫn chưa tìm ra phương án khắc phục. Kênh Chùa Cầu hứng chịu các loại nước thải ngày càng nhiều nên trở thành kênh nước đen và ô nhiễm trầm trọng. Nguyên nhân là do nước thải từ

các hộ dân và doanh nghiệp, nhà hàng, khách sạn thải nước chưa qua xử lý trực tiếp ra cống dọc theo các tuyến đường Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Phan Châu Trinh, Trần Hưng Đạo. Sự ô nhiễm này đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến du lịch Hội An, ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững. Bên cạnh đó, có 20 thuyền du lịch và hơn 100 thuyền nhỏ phục vụ khách du lịch đi trên sông Hoài chở người và hàng hóa đã gây ô nhiễm tiếng ồn đáng kể, ảnh hưởng đến đời sống người dân và gây bất lợi cho hệ động vật ở khu vực ven sông. Hơn nữa, ý thức của người dân chưa tốt nên việc xả rác và xả các loại chất thải thường xuyên xảy ra, thiếu lắp đặt thùng rác tại các nơi công cộng cũng là một hạn chế lớn.

*Bảng 14: Kết quả kiểm định trung bình tổng thể (One-Sample T-test) về đánh giá của khách du lịch về môi trường tại di sản*

Tiêu thức nghiên cứu	Giá trị trung bình	Giá trị kiểm định	Kết luận
Nước thải không có mùi	3,0188	4	Không đồng ý
Nước thải không bị ứ đọng	3,1080	4	Không đồng ý
Không có rác thải trên đường đi	3,1127	4	Không đồng ý
Có thùng rác đặt tại nơi dễ nhìn thấy	3,3005	4	Không đồng ý
Không có tiếng ồn tại các khu vực công cộng	3,7042	4	Không đồng ý
Có nhà vệ sinh công cộng	3,2911	4	Không đồng ý
Nhà vệ sinh sạch sẽ, không có mùi	3,4977	4	Không đồng ý

*Nguồn: Xử lý của tác giả*

Ghi chú: Thang điểm Likert: từ 1 – 5 từ rất không đồng ý đến rất đồng ý.

Giả thiết  $H_0$ : Khách du lịch đồng ý nước thải không có mùi. Giả thiết  $H_0$ : Khách du lịch đồng ý nước thải không bị ứ đọng.

Giả thiết Ho: Khách du lịch đồng ý không có rác thải trên đường đi.

Giả thiết Ho: Khách du lịch đồng ý có thùng rác đặt tại nơi dễ nhìn thấy.

Giả thiết Ho: Khách du lịch đồng ý không có tiếng ồn tại các khu vực công cộng.

Giả thiết Ho: Khách du lịch đồng ý có nhà vệ sinh công cộng.

Giả thiết Ho: Khách du lịch đồng ý nhà vệ sinh sạch sẽ, không có mùi.

\* Chỉ tiêu 12: Giáo dục nâng cao nhận thức của khách du lịch tôn trọng và bảo vệ môi trường tại di sản văn hóa thế giới

Việc nâng cao ý thức của du khách trong việc bảo vệ di sản văn hóa thế giới của nhân loại, bảo vệ môi trường tại các di sản văn hóa thế giới là điều đáng được quan tâm. Lực lượng hướng dẫn viên tại các di sản là những người chịu trách nhiệm chính trong vấn đề này. Ngoài ra các công ty lữ hành và các khách sạn cũng có chương trình giáo dục ý thức các du khách khi tham quan di sản. Đặc biệt ở Hội An đã có chương trình giáo dục cộng đồng tại các trường học thông qua các chương trình ngoại khóa dành cho học sinh các cấp.

\* Chỉ tiêu 13: Mức độ hài lòng của khách du lịch tham quan di sản

Theo kết quả điều tra của tác giả, du khách đã có đánh giá sau khi đến tham quan các di sản dựa trên các nội dung sau: giá trị văn hóa tại di sản, cơ sở hạ tầng, môi trường, hoạt động thuyết minh hướng dẫn, các dịch vụ, tình hình an ninh trật tự, thái độ của người dân địa phương, tại di sản, giá vé, mức độ tập trung du khách, biển chỉ dẫn du lịch tại điểm tham quan, cơ sở hạ tầng tại di sản văn hóa, môi trường tại di sản văn hóa.

Thông qua kết quả kiểm định với mức ý nghĩa 5% cho thấy du khách đều hài lòng khi đến tham quan các di sản văn hóa thế giới. Nhìn chung, du khách tham quan đô thị cổ Hội An có mức độ hài lòng và rất hài lòng chiếm 90,1%.

*Bảng 15: Kết quả kiểm định trung bình tổng thể (One-Sample T-test) về mức độ hài lòng của khách du lịch tham quan di sản*

Tiêu thức nghiên cứu	Số du khách cho ý kiến	Giá trị trung bình	Giá trị kiểm định	PP kiểm định	Mức ý nghĩa	Kết quả kiểm định	Kết luận
Mức độ hài lòng về chuyến tham quan (đ/v khách du lịch đến Hội An)	213	4,1221	4	One sample T-test	.005	Có đủ bằng chứng thống kê để bác bỏ giả thiết Ho	Rất hài lòng

*Nguồn: Xử lý của tác giả*

Ghi chú: Thang điểm Likert: từ 1 – 5 từ rất không hài lòng đến rất hài lòng.

Giả thiết Ho: Khách du lịch hài lòng về chuyến tham quan di sản.

# ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ TRONG KHAİ THÁC GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA THẾ GIỚI KHU ĐỀN THÁP MỸ SƠN NHẪM PHÁT TRIỂN DU LỊCH

## 1. Tăng cường giá trị của các di sản văn hóa thế giới

### 1.1. Khai thác đầy đủ di sản văn hóa thế giới

Tại địa bàn tỉnh Quảng Nam, ngoài Đô thị cổ Hội An còn có một di sản văn hóa thế giới nữa là Khu đền tháp Mỹ Sơn được công nhận là di sản văn hóa thế giới năm 1999, tuy nhiên nơi đây đang hư hỏng nặng. Trước những cơn mưa, nắng khắc nghiệt và qua thời gian, di tích Mỹ Sơn đang dần có nguy cơ bị sập đổ. Khí hậu khắc nghiệt và mưa lũ là những mối đe dọa rất lớn đối với di sản này, đồng thời cũng đem lại những mối nguy hiểm cho khách tham quan các tháp. Đó chính là thách thức lớn đối với hoạt động khai thác du lịch hiện nay ở Mỹ Sơn.

Cách đây khoảng 100 năm, các nhà nghiên cứu phát hiện quần thể tháp Chăm ở Mỹ Sơn và đã xác định còn 70 di tích đền tháp. Đến bây giờ, trải qua các cuộc chiến tranh, thiên tai và các tác động tàn phá của thời gian, khu di tích này chỉ còn khoảng hai mươi đền tháp. Cùng với những thăng trầm của lịch sử và sự tác động của thời gian, tuổi thọ của các công trình đang giảm sút. Việc khai thác các công trình này cũng đáng lo ngại bởi vì với sự sụp đổ hiện nay của các tháp thì không thể phục vụ cho việc tham quan của du khách được. Tháp E7 là kiến trúc duy nhất của khu E còn khá nguyên vẹn so với các đền tháp khác trong nhóm thì hiện nay phần cửa ở phía Bắc bị sập, tường rạn nứt nhiều chỗ, nghiêng lệch. Ngoài ra các tháp E3, E4 cũng đang ở trong tình trạng tương tự. Tại các tháp E7, E3, ban quản lý phải cấm bằng cấm không cho du khách vào các tháp tham quan bởi không đảm bảo an toàn tính

mạng do nguy cơ sụp đổ bất ngờ. Không chỉ ở nhóm tháp E mà tại khu nhóm tháp A, B cũng đang bị nghiêng lệch như tháp B2, B3, tháp B3 có nguy cơ đổ sập cao nhất. Trong quá trình phát lộ tháp F1 để nghiên cứu đã phát hiện chân đế rạn nứt nên đã ngừng lại. Do những khó khăn này nên cho đến nay, mặc dù đây vẫn là di sản có sức thu hút đối với khách du lịch, đặc biệt là khách quốc tế nhưng chúng ta có thể thấy rõ ràng rằng việc khai thác đầy đủ di sản này là điều không thể. Vì vậy, việc khai thác đi đôi với trùng tu, tôn tạo, bảo vệ nguyên trạng di tích là điều nên làm.

Theo kết quả khảo sát, kết quả kiểm định trung bình tổng thể (one-sample t-test) cho thấy là với độ tin cậy 95%, có đủ bằng chứng thống kê để bác bỏ giả thuyết  $H_0$ ; kết hợp với giá trị trung bình mẫu, có thể nói khách tham quan không đồng ý với nhận định số lượng các di tích được tham quan nhiều.

*Bảng 1: Kết quả kiểm định trung bình tổng thể (One-Sample T-test) về đánh giá của khách về số lượng các di tích được tham quan tại Mỹ Sơn*

Tiêu thức nghiên cứu	Số du khách cho ý kiến	Giá trị trung bình	Giá trị kiểm định	PP kiểm định	Mức ý nghĩa	Kết quả kiểm định	Kết luận
Số lượng các di tích được tham quan nhiều	134	2,9179	4	One sample T-test	.000	Có đủ bằng chứng thống kê để bác bỏ giả thiết $H_0$	Không đồng ý

*Nguồn: Xử lý của tác giả*

Ghi chú: Thang điểm Likert: từ 1 – 5 từ rất không đồng ý đến rất đồng ý.

Giả thiết  $H_0$ : Du khách đồng ý số lượng di tích được tham quan nhiều.

Để đánh giá tính hợp lý trong khai thác giá trị của các di sản văn hóa thế giới cần dựa trên các tiêu chí đánh giá sau:

\* Chi tiêu 1: Tỷ lệ các di tích được khai thác trên tổng số lượng

các di tích được thống kê

Tại di sản văn hóa thế giới Thánh địa Mỹ Sơn có đến 70 di tích đền tháp nhưng bây giờ chỉ còn lại 20 di tích đền tháp, chiếm tỷ lệ 28%, trong số 20 di tích đền tháp còn lại gần như đang rơi vào tình trạng hư hỏng nặng.

Nhận xét: Với tỷ lệ các di tích được đưa vào khai thác so với tổng số di tích được thống kê còn khá thấp tại Khu đền tháp Mỹ Sơn cho thấy việc khai thác các giá trị độc đáo phục vụ du lịch tại các di sản văn hóa thế giới chưa đầy đủ, việc khai thác chưa được hợp lý.

***1.2. Khai thác giá trị di sản văn hóa thế giới phải luôn đi đôi với việc trùng tu, tôn tạo, bảo vệ các di tích và gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống, phát huy tính độc đáo của các di sản văn hóa thế giới***

Tỉnh Quảng Nam có nhiều lợi thế để phát triển du lịch, bên cạnh một di sản văn hóa thế giới Đô thị cổ Hội An cổ kính còn có một di sản văn hóa thế giới khác là Mỹ Sơn trầm mặc. Năm 1999, UNESCO công nhận Thánh địa Mỹ Sơn là di sản văn hóa thế giới của nhân loại với hai tiêu chuẩn: Là điển hình nổi bật về sự giao lưu văn hoá với sự hội nhập vào văn hoá bản địa. Những ảnh hưởng văn hoá bên ngoài, đặc biệt là nghệ thuật kiến trúc Ấn Độ giáo từ tiểu lục địa Ấn Độ, phản ánh sinh động tiến trình phát triển của lịch sử văn hoá Chăm pa trong lịch sử văn hoá Đông Nam Á. Khu đền tháp Mỹ Sơn có niên đại từ rất lâu, tháp đầu tiên được xây dựng vào cuối thế kỷ IV và các tháp tiếp theo được liên tiếp xây dựng cho đến thế kỷ XII, các đền tháp mang nhiều phong cách khác nhau như phong cách cổ, phong cách Hòa Lai, phong cách Đông Dương, phong cách Mỹ Sơn A1, phong cách Ponagar, phong cách Bình Định. Đây là những kiệt tác của nghệ thuật kiến trúc Champa với những hoa văn trang trí, tượng điêu khắc mang những nét đẹp nhẹ nhàng, thanh thoát nhưng tinh tế. Người xưa đã để lại một kho tàng có giá trị vô giá, đó không chỉ là giá trị lịch sử, giá trị nghệ thuật mà còn có cả giá trị về kiến trúc vật liệu. Vì vậy, những giá trị này cần phải được phát huy trong quá trình khai thác để có thể đóng góp cho dự phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Tuy nhiên các tháp hiện nay còn lại đều là phế tích. Những công trình này đòi hỏi sự bảo tồn cấp thiết, nếu muộn hơn sẽ không có cơ hội cứu được. Đền tháp Chăm không chỉ chứa những

giá trị văn hóa mà còn chứa cả những giá trị kỹ thuật mà công nghệ thời nay vẫn chưa giải quyết được. Đây là điểm du lịch nổi tiếng đối với khách du lịch trong và ngoài nước. Để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của du khách, di tích này cần được bảo vệ nghiêm ngặt. Cho đến ngày nay, các phương án trùng tu tôn tạo di tích này vẫn chưa thể thực hiện được do chưa thể nghiên cứu được về cách xây dựng, loại gạch sử dụng, chất lượng và phương pháp kiến trúc xây tháp của người Champa cổ. Việc trùng tu tôn tạo và tu bổ di tích Mỹ Sơn đang rơi vào tình trạng bế tắc. Việc bảo tồn hiện nay chỉ mới dừng ở việc thu thập dữ liệu khoa học, do đó việc trùng tu cần phải chờ đợi thời gian dài nữa mới có đủ các cứ liệu khoa học. Cho đến nay vẫn chưa có được lời giải về bí mật xây dựng đền tháp nên việc phát huy tính độc đáo của di sản còn gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, các di tích hiện nay đang trong tình trạng hư hỏng trầm trọng và không thể chờ đợi được nữa. Nếu như không có những biện pháp tích cực sẽ ảnh hưởng đến không gian kiến trúc của quần thể di tích tháp Mỹ Sơn, đồng thời cũng sẽ ảnh hưởng đến sự nguyên vẹn của di tích. Điều này cũng sẽ ảnh hưởng đến sự thoả mãn nhu cầu của các thế hệ mai sau.

Trong công tác trùng tu hiện nay cũng gặp nhiều bất cập. Việc nghiên cứu chưa kỹ lưỡng về kiến trúc và kết cấu của các tháp đã vội vàng tiến hành trùng tu nên dẫn tới tình trạng các tháp mất liên kết và có nguy cơ bị đổ sập cao hơn. Do đó phải dừng lại và dựng mái che chống đỡ cho các tháp. Sự xuống cấp và hư hại của Mỹ Sơn là điều đã lường trước. Tuy vậy, nếu như không có một biện pháp bảo tồn nào được thực hiện thì di sản này sẽ nhanh chóng bị mất đi, bị lu mờ và sẽ không trở thành điểm du lịch hấp dẫn du khách nữa.

Vấn đề trùng tu bảo tồn di sản văn hóa thế giới Mỹ Sơn là vấn đề cấp bách đặt ra đối với tỉnh Quảng Nam cũng như chính quyền sở tại, các dự án trùng tu bảo tồn được quan tâm. Đã có dự án bảo tồn nhóm tháp G Mỹ Sơn được triển khai bởi nhà nghiên cứu người Ý từ năm 2004. Dự án Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị Khu di tích Mỹ Sơn giai đoạn 2008-2020 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cũng đã được triển khai, dự án được chia thành 2 giai đoạn: Giai đoạn I từ 2008-2012, giai đoạn II từ 2013-2020. Tổng kinh phí đầu tư là 282 tỷ đồng, bao gồm nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và nguồn tài trợ của các tổ chức,

cá nhân trong nước và quốc tế. Hiện tại, các nhà tài trợ đang tiếp tục kêu gọi, tìm thêm nguồn kinh phí đầu tư cho giai đoạn III của dự án. Các bước tiến hành trùng tu từ giai đoạn I, II và sắp tới giai đoạn III đều được thực hiện nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn quốc tế.

Sự đổ nát của các đền tháp qua các cuộc chiến tranh và qua thời gian làm cho nơi đây đang bị xuống cấp nặng nề. Du khách không cảm nhận được hết các giá trị độc đáo của di sản, điều đó cũng là một trở ngại rất lớn trong quá trình thu hút khách du lịch. Kết quả kiểm định với độ tin cậy 95% cho thấy khách du lịch không đồng ý cho rằng các công trình kiến trúc có giá trị đặc sắc và được trùng tu tốt. Do đó, trong thời gian tới cần quan tâm tới việc tổ chức quản lý, sử dụng nhằm phát huy các giá trị của Khu di sản, đặc biệt là khai thác tiềm năng về dịch vụ du lịch - văn hóa như một nhân tố tác động tích cực trở lại phục vụ mục đích bảo tồn có hiệu quả Khu di sản, góp phần thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, phát triển bền vững của toàn vùng nói riêng và của cả nước nói chung.

*Bảng 2: Kết quả kiểm định trung bình tổng thể (One-Sample T-test) về đánh giá của khách về di sản được tham quan tại Mỹ Sơn*

Tiêu thức nghiên cứu	Số du khách cho ý kiến	Giá trị trung bình	Giá trị kiểm định	PP kiểm định	Mức ý nghĩa	Kết quả kiểm định	Kết luận
Các công trình kiến trúc có giá trị đặc sắc	134	2,9701	4	One sample T-test	.000	Có đủ bằng chứng thống kê để bác bỏ giả thiết Ho	Không đồng ý
Các di tích được trùng tu tốt	134	3,2164	4	One sample T-test	.000	Có đủ bằng chứng thống kê để bác bỏ giả thiết Ho	Không đồng ý

*Nguồn: Xử lý của tác giả*

Ghi chú: Thang điểm Likert: từ 1 – 5 từ rất không đồng ý đến rất đồng ý.

Giả thiết Ho: Du khách đồng ý các công trình kiến trúc có giá trị đặc sắc.

Giả thiết Ho: Du khách đồng ý các di tích được trùng tu tốt.

\* Chi tiêu 2: Tỷ lệ các di tích được đầu tư tôn tạo trong tổng số các di tích được khai thác

Tại di sản văn hóa thế giới Mỹ Sơn, vấn đề trùng tu đang gặp bế tắc do chưa tìm hiểu được cách thức xây dựng tháp, chưa hiểu kỹ lưỡng về kiến trúc và kết cấu, điều đó làm cho việc tôn tạo bảo vệ di sản gặp nhiều khó khăn, số lượng tháp được trùng tu còn rất ít.

\* Chi tiêu 3: Số lượng các di tích được quy hoạch cho đầu tư bảo tồn và phát huy giá trị

Tại di sản văn hóa thế giới Mỹ Sơn, vấn đề trùng tu đang gặp bế tắc do chưa tìm hiểu được cách thức xây dựng tháp, chưa hiểu kỹ lưỡng về kiến trúc và kết cấu, điều đó làm cho việc tôn tạo bảo vệ di sản gặp nhiều khó khăn, số lượng tháp được trùng tu còn rất ít.

### ***1.3. Có nguồn vốn tái đầu tư để bảo vệ di sản văn hóa thế giới***

Tại Mỹ Sơn, hoạt động trùng tu tôn tạo di sản cũng đã được chú trọng. Tháng 1.2004, Dự án bảo tồn nhóm tháp G Mỹ Sơn được triển khai với tổng kinh phí 812.000 USD do Chính phủ Ý tài trợ. Nhóm tháp G gồm 5 tháp đã bị hư hại nặng, chỉ còn lại đền thờ G1 mang phong cách Bình Định (thế kỷ XII-XIII). Đây là dự án trong chương trình hợp tác 3 bên: Việt Nam - UNESCO - Ý. Bà Patrizia Zolese, Cố vấn về văn hóa của UNESCO đồng thời là giáo sư Đại học Milan cùng các sinh viên của mình đã không quản thời tiết khắc nghiệt ở lại Mỹ Sơn hàng tháng trời mỗi năm với những công việc âm thầm và khó nhọc. Mục tiêu của Dự án bảo tồn là cứu vãn, ngăn chặn quá trình hủy hoại toàn bộ các di tích hiện còn ở Mỹ Sơn, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên toàn khu vực mà trước mắt là ưu tiên bảo tồn các di tích gốc. Đồng thời, đề xuất các giải pháp quản lý và phát huy giá trị Khu di sản phù hợp với điều kiện hiện nay, liên hệ và gắn kết với các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội khác trong khu vực. Tháp G sau khi trùng tu xong sẽ được đưa vào khai thác phục vụ du lịch trong năm 2013.



Việc bảo vệ sự nguyên vẹn của Khu di sản là một thách thức đặt ra hiện nay bởi vì chưa có được những kỹ thuật cơ bản để trùng tu các di tích này, mặt khác những bí mật về kết cấu kiến trúc của người xưa vẫn chưa khám phá được. Việc trùng tôn, tôn tạo và bảo tồn Khu di sản đòi hỏi phải có một số vốn rất lớn, tuy nhiên, việc trùng tu bảo tồn khu di sản nếu như chỉ phụ thuộc vào nguồn thu bán vé là một điều không thể.

\* Chi tiêu 4: Tỷ lệ doanh thu du lịch được trích phục vụ trùng tu tôn tạo bảo vệ di sản văn hóa thế giới

Tại di sản văn hóa thế giới Thánh địa Mỹ Sơn, doanh thu từ bán vé tham quan còn khá thấp, đạt 10,7 tỷ đồng trong năm 2011, nếu như chỉ phụ thuộc vào nguồn thu bán vé để trùng tu khu di sản này là một điều không thể bởi vì phải cần một số vốn khá lớn mới có thể làm được điều này.

## **2. Đảm bảo lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa phương**

### ***2.1 Khai thác đảm bảo đem lại việc làm và thu nhập cho cộng đồng***

Do có các đặc điểm khác biệt nên hoạt động khai thác phục vụ du lịch tại Khu đền tháp Mỹ Sơn được thực hiện theo cách thức khác. Vành đai xung quanh Mỹ Sơn có diện tích 1.200 ha kể cả khu đền tháp và khu rừng nguyên sinh nhưng đến nay khu rừng này đã bị khai thác nhiều. Để bảo tồn di sản khỏi sự tác động của thiên nhiên, những khu rừng mới đã được trồng làm vành đai bảo vệ.

Trong quá trình khai thác hiện nay, việc khai thác phải phù hợp với đặc điểm di sản, nếu không có những cách thức khai thác đúng đắn thì khu di sản này sẽ không còn nguyên vẹn. Việc khai thác giá trị di sản này trong thời gian qua mặc dù cũng đã được chính quyền địa phương và các cấp quan tâm đến nhưng cách khai thác vẫn chưa phù hợp. Trùng tu nhưng lại không có kế hoạch trùng tu cũng như phương pháp cụ thể, ý thức của con người cũng chưa tốt trong việc bảo vệ vành đai của di sản. Việc khai thác không chỉ đơn thuần là thu hút khách tới, dẫn khách đi tham quan khu đền tháp mà còn phải cung cấp thêm thông tin để họ hiểu thêm về những giá trị vô giá ở đây đồng thời giúp cho họ nhận

thức được trách nhiệm cùng chung tay giữ gìn di sản này. Bên cạnh việc quan tâm đến khai thác và phát triển bền vững di sản thì trong những năm vừa qua, chính quyền địa phương tại đây đã có sự quan tâm đến cơ sở hạ tầng tại Khu di sản. Tuyến đường ĐT601 đến đầu Khe Thè đã được nâng cấp, nâng cao khả năng tiếp cận với các di tích cho du khách. Điều này cũng đã nâng cao khả năng thu hút khách của Mỹ Sơn. Tuy nhiên cho đến nay, chỉ qua một thời gian ngắn, đường sá đã bị xuống cấp nghiêm trọng, điều đó đã làm du khách thất vọng khi đến Mỹ Sơn. Hơn nữa, trong khu di sản còn thiếu các bảng hướng dẫn bằng tiếng Việt để giúp cho các du khách có thể tự tìm hiểu các thông tin cần thiết. Hoạt động phục vụ du lịch tại khu di sản cũng có hạn chế, trong khi buổi sáng từ 9 giờ đến 11 giờ không thể phục vụ hết du khách thì buổi chiều lại vắng khách không có khách để phục vụ. Ngoài ra, công tác quảng bá vẫn chưa có sự đầu tư đúng đắn, chưa có trang web riêng về di sản Mỹ Sơn để cho khách truy cập thông tin.

Từ khi được công nhận là di sản văn hóa thế giới, lượng khách đến Mỹ Sơn ngày càng tăng, hoạt động khai thác được chú trọng nhưng thực tế tại Mỹ Sơn thời gian qua việc biến tài nguyên quý giá này thành lợi ích kinh tế cho cộng đồng vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Xung quanh Mỹ Sơn gần như không có một dịch vụ nào để phục vụ khách du lịch, các sản phẩm du lịch không được chú trọng phát triển nên không thể khuyến khích người dân tham gia, làm hạn chế thu nhập của cộng đồng từ du lịch. Khách du lịch đến tham quan di sản hầu như không có ai lưu trú lại qua đêm, khách không mất nhiều chi phí khi tham quan di sản. Một số lễ hội được chú trọng đưa vào khai thác nhưng chỉ được thực hiện trong một thời gian ngắn. Người dân ở khu vực xung quanh di sản không hề được hưởng lợi từ di sản này.

\* Chỉ tiêu 5: Số lượng các cơ sở dịch vụ du lịch tăng thêm

Tại Mỹ Sơn, người dân không được hưởng lợi gì từ du lịch mang lại do không có các cơ sở dịch vụ phục vụ du lịch.

\* Chỉ tiêu 6: Sự tăng trưởng doanh thu du lịch

Mặc dù có những nét hấp dẫn riêng biệt song Mỹ Sơn khá kén khách hơn Hội An, vì nơi đây chưa có một cơ sở lưu trú đạt yêu cầu nào



phục vụ dịch vụ lưu trú cho du khách. Vì thế doanh thu du lịch ở Mỹ Sơn chủ yếu là từ việc bán vé và các dịch vụ khác.

*Bảng 3. Doanh thu du lịch tại Mỹ Sơn qua các năm 2000 - 2012*

*ĐVT: Triệu đồng*

	Doanh thu	Tốc độ tăng (%)
Năm 2000	3.000	
Năm 2005	6.000	100
Năm 2010	10.500	75
Năm 2011	10.700	1,90
Năm 2012	14.000	30,8

*Nguồn: Ban Quản lý di tích và du lịch Mỹ Sơn*

Năm 2000, một năm sau ngày Mỹ Sơn được công nhận là di sản văn hóa thế giới, lượng khách đến tham quan vẫn còn khiêm tốn, vì vậy doanh thu du lịch còn ở mức thấp, chủ yếu là từ tiền bán vé tham quan và dịch vụ chuyên chở khách. Năm 2010, doanh thu tại Mỹ Sơn đạt 10,5 tỷ đồng, năm 2011, doanh thu đạt 10,7 tỷ đồng, tốc độ chỉ đạt 1,9%, đến năm 2012, tốc độ tăng doanh thu đã đạt 30,8%. Doanh thu năm 2012 tăng 4,67 lần so với năm 2000. Với mức doanh thu này vẫn còn quá thấp, không đủ để thực hiện các hoạt động trùng tu, bảo vệ, phát huy giá trị di sản. Để tăng doanh thu du lịch cần cải thiện cơ sở hạ tầng và dịch vụ ở Mỹ Sơn, chính quyền cần có sự quan tâm thích đáng, kêu gọi đầu tư từ các nhà đầu tư trong và ngoài nước để thực hiện tốt việc bảo tồn di sản.

\* Chỉ tiêu 7: Lực lượng hướng dẫn viên được sử dụng tại địa phương

Tại Mỹ Sơn, lực lượng hướng dẫn viên tại chỗ có 12 người nhưng giờ cao điểm vẫn không đáp ứng kịp nhu cầu của du khách, không sử dụng lực lượng hướng dẫn viên tại địa phương. Tuy vậy lực lượng hướng dẫn viên ở đây cũng đã để lại những tình cảm tốt đẹp đối với du khách thông qua các hoạt động thuyết minh phục vụ khách.

*Bảng 4: Kết quả kiểm định trung bình tổng thể (One-Sample T-test) về đánh giá của khách du lịch về hoạt động thuyết minh tại Mỹ Sơn*

Tiêu thức nghiên cứu	Số du khách cho ý kiến	Giá trị trung bình	Giá trị kiểm định	PP kiểm định	Mức ý nghĩa	Kết quả kiểm định	Kết luận
Phong cách hướng dẫn	134	3,2239	3	One sample T-test	.001	Đủ bằng chứng thống kê để bác bỏ giả thiết Ho	Tốt
Thái độ phục vụ	134	3,1716	3	One sample T-test	.005	Đủ bằng chứng thống kê để bác bỏ giả thiết Ho	Tốt
Cách truyền đạt thông tin	134	3,1940	3	One sample T-test	.002	Đủ bằng chứng thống kê để bác bỏ giả thiết Ho	Tốt
Am hiểu các giá trị	134	3,2015	3	One sample T-test	.001	Đủ bằng chứng thống kê để bác bỏ giả thiết Ho	Tốt

*Nguồn: Xử lý của tác giả*

Ghi chú: Thang điểm Likert: từ 1 – 5 từ rất không tốt đến rất tốt.

Giả thiết Ho: Du khách cho rằng phong cách hướng dẫn bình thường.

Giả thiết Ho: Du khách cho rằng thái độ phục vụ bình thường.

Giả thiết Ho: Du khách cho rằng cách truyền đạt thông tin bình thường.

Giả thiết Ho: Du khách cho rằng hướng dẫn viên am hiểu các giá trị ở mức bình thường.

## **2.2 Khai thác giá trị các di sản văn hóa thế giới phải kết hợp với các loại hình du lịch khác**

\* Chỉ tiêu 8: Mức độ đa dạng hóa của sản phẩm du lịch tại địa phương có di sản

Năm 1999, Khu đền tháp Mỹ Sơn đã được UNESCO chọn là một trong các di sản thế giới. Song song với việc quan tâm đến nâng cao tính hấp dẫn và khả năng khai thác thị trường khách của Mỹ Sơn, việc quan tâm đến một số loại hình du lịch khác mang lại cho nơi đây một loại hình du lịch vô cùng đặc trưng, đó là du lịch văn hóa lễ hội. Mỹ Sơn chứa đựng những giá trị vật chất và tinh thần to lớn, những giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể cực kỳ đặc sắc. Đây là loại hình du lịch văn hoá lễ hội đang dần có sức thu hút rất lớn đối với du khách, có mặt trong nhiều tour du lịch lớn cả trong và ngoài nước. Điều này chứng tỏ sự quan tâm đúng đắn của chính quyền địa phương, giúp cho điểm du lịch ngày càng được nổi tiếng hơn và hấp dẫn hơn. Sự ra đời và phục vụ du khách rất có hiệu quả của đội văn nghệ dân gian Chăm ở Mỹ Sơn chính là một trong những biểu hiện cụ thể cho việc khai thác loại hình du lịch này. Các lễ hội “Đêm Mỹ Sơn huyền ảo”, “Mùa xuân bên tháp cổ” được tổ chức đã góp phần gia tăng số lượt khách đến Mỹ Sơn. Nhờ có sự kết hợp này mà trong những năm qua, Mỹ Sơn luôn là điểm du lịch hấp dẫn và lý thú đối với khách du lịch trong và ngoài nước. Tuy nhiên các lễ hội này đang dần khai thác, chỉ còn lại đội văn nghệ dân gian phục vụ khi khách có yêu cầu.

### **3. Quan tâm đến chất lượng môi trường tại các di sản**

#### ***3.1. Chú ý đến vấn đề sức chứa trong quá trình khai thác***

Khu đền tháp Mỹ Sơn thuộc xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, cách thành phố Đà Nẵng khoảng 69 km và cách thành phố Trà Kiệu khoảng 20 km, là tổ hợp bao gồm nhiều đền đài Chăm Pa, trong một thung lũng đường kính khoảng 2 km, bao quanh bởi đồi núi. Khu di tích Mỹ Sơn bao gồm toàn bộ thung lũng Mỹ Sơn giới hạn bằng các đỉnh núi bao quanh thung lũng như đỉnh núi Văn Chỉ, Hòn Ngang, Đá Bèo, Kỳ Vĩ, Mật Mã. Phạm vi nghiên cứu quy hoạch là toàn bộ Khu đền tháp Mỹ Sơn, các cánh rừng trên sườn núi phía trong thung lũng Mỹ Sơn, khu vực xây dựng các công trình quản lý và dịch vụ thuộc khu Mỹ Sơn - Thạch Bàn với tổng diện tích là 11,58 km<sup>2</sup>. Khu vực bảo vệ I có tổng diện tích 0,3246 km<sup>2</sup>, khu vực bảo vệ II có tổng diện tích 11,2554 km<sup>2</sup>. Trong hoạt động khai thác du lịch tại Mỹ Sơn, vấn đề sức chứa chưa được bàn đến.

\* Chi tiêu 9: Xác định sức chứa tại các di sản văn-hóa thế giới

Nhìn chung, trong quá trình khai thác du lịch tại các di sản văn hóa thế giới thời gian qua chưa bàn đến vấn đề sức chứa, điều đó cho thấy có sự chưa hợp lý trong khai thác. Vì thế cần phải tính toán sức chứa của mỗi di sản văn hóa thế giới để xác định số lượng người tối đa tham quan di sản trong cùng một thời gian. Do đó khi du khách tập trung đông tại các di tích làm ảnh hưởng đến việc tham quan của du khách khác. Theo kết quả kiểm định và khảo sát thực tế cho thấy đôi khi vào cùng một thời điểm, số lượng du khách tập trung quá đông tại các điểm tham quan hay trên đường đi cũng như tập trung tại các điểm mua sắm đã ảnh hưởng đến chất lượng của chuyến tham quan của du khách.

*Bảng 5. Kết quả kiểm định trung bình tổng thể (One-Sample T-test) về đánh giá của khách du lịch về sự tập trung du khách tại di sản*

Tiêu thức nghiên cứu	Giá trị trung bình	Giá trị kiểm định	Kết luận
Du khách tập trung quá đông trên đường đi	3,1866	4	Không có ý kiến
Du khách tập trung quá đông tại các di tích	3,2687	4	Không có ý kiến
Du khách tập trung quá đông tại các điểm mua sắm	3,1418	4	Không có ý kiến
Du khách đông ảnh hưởng đến việc tham quan	3,2910	4	Không có ý kiến

*Nguồn: Xử lý của tác giả*

Ghi chú: Thang điểm Likert: từ 1 – 5 từ rất không đồng ý đến rất đồng ý.

Giả thiết  $H_0$ : Khách du lịch đồng ý du khách tập trung quá đông trên đường đi.

Giả thiết  $H_0$ : Khách du lịch đồng ý du khách tập trung quá đông tại các di tích.

Giả thiết  $H_0$ : Khách du lịch đồng ý du khách tập trung quá đông

tại các điểm mua sắm.

Giả thiết Ho: Khách du lịch đồng ý du khách đồng ảnh hưởng đến việc tham quan.

### ***3.2. Khai thác hợp lý các di sản văn hóa thế giới luôn đi đôi với việc bảo vệ môi trường du lịch***

\* Chi tiêu 10: Tác động tiêu cực đến xã hội từ khai thác du lịch.

Việc phát triển du lịch đã ảnh hưởng đến môi trường di sản Khu đền tháp Mỹ Sơn. Sự tập trung quá đông người tại những khu vực này có thể đem đến những nguy cơ làm cho di sản bị hư hỏng và bị biến dạng nặng thêm do tiếng ồn, khói bụi. Môi trường thiên nhiên truyền thống của một số khu di sản bị biến dạng một phần do các công trình xây dựng bao quanh khu di sản không phù hợp với quy hoạch truyền thống của khu di tích về vị trí, màu sắc, hình dáng. Không gian của di sản bị lấn chiếm để làm nhà ở, cơ sở dịch vụ, nhà hàng, khách sạn, công sở và sử dụng vào những mục đích gây bất lợi cho di sản.

\* Chi tiêu 11: Tình hình ô nhiễm môi trường tại khu di sản

Môi trường của di sản văn hóa thế giới Mỹ Sơn bị ô nhiễm do sự phát triển du lịch, sự tập trung quá đông người trong mùa lễ hội, mà chưa có những biện pháp quản lý bảo vệ cần thiết, chưa xây dựng được một kế hoạch hoạt động du lịch bền vững tại các khu di sản. Sở dĩ có những hiện tượng trên là do sự thiếu đồng bộ, thiếu ý thức và thiếu quan tâm đến việc bảo tồn di sản của một số ngành, địa phương trong quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng các cơ sở sản xuất. Vì thế cần phải quan tâm đến bảo vệ môi trường di sản để đảm bảo sự phát triển bền vững khu di sản này.

\* Chi tiêu 12: Giáo dục nâng cao nhận thức của khách du lịch tôn trọng và bảo vệ môi trường tại di sản văn hóa thế giới

Tuy nhiên, mục tiêu giáo dục vẫn chưa đạt được do thiếu các tài liệu tuyên truyền tại các di sản. Tại các di sản chưa có các tờ rơi hay tập gấp có các thông tin giúp du khách nhận thức rõ hơn trách nhiệm của mình trong quá trình tham quan tại di sản. Hệ thống biển báo hướng dẫn tại các di sản vẫn còn nghèo nàn, chưa giúp nâng cao ý thức của du

khách trong bảo vệ môi trường và bảo vệ di sản. Mức độ hài lòng của du khách về biển chỉ dẫn không cao, theo kết quả kiểm định, với mức ý nghĩa 5%, mức độ đồng ý của du khách là 3,5/5.

\* Chỉ tiêu 13: Mức độ hài lòng của khách du lịch tham quan di sản

Theo kết quả điều tra của tác giả, du khách đã có đánh giá sau khi đến tham quan các di sản dựa trên các nội dung sau: giá trị văn hóa tại di sản, cơ sở hạ tầng, môi trường, hoạt động thuyết minh hướng dẫn, các dịch vụ, tình hình an ninh trật tự, thái độ của người dân địa phương, tại di sản, giá vé, mức độ tập trung du khách, biển chỉ dẫn du lịch tại điểm tham quan, cơ sở hạ tầng tại di sản văn hóa, môi trường tại di sản văn hóa.

Thông qua kết quả kiểm định với mức ý nghĩa 5% cho thấy du khách đều hài lòng khi đến tham quan các di sản văn hóa thế giới. Nhìn chung, du khách tham quan Thánh địa Mỹ Sơn có mức độ hài lòng và rất hài lòng chiếm 85,8%.

*Bảng 6. Kết quả kiểm định trung bình tổng thể (One-Sample T-test) về mức độ hài lòng của khách du lịch tham quan di sản*

Tiêu thức nghiên cứu	Số du khách cho ý kiến	Giá trị trung bình	Giá trị kiểm định	PP kiểm định	Mức ý nghĩa	Kết quả kiểm định	Kết luận
Mức độ hài lòng về chuyên tham quan (đ/v khách du lịch đến Mỹ Sơn)	134	4,0149	4	One sample T-test	.830	Chưa đủ bằng chứng thống kê để bác bỏ giả thiết Ho	Hài lòng

*Nguồn: Xử lý của tác giả*

Ghi chú: Thang điểm Likert: từ 1 – 5 từ rất không hài lòng đến rất hài lòng.

Giả thiết Ho: Khách du lịch hài lòng về chuyên tham quan di sản.

# ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ TRONG KHAI THÁC GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA THẾ GIỚI QUẦN THỂ DI TÍCH CỔ ĐÔ HUẾ NHẪM PHÁT TRIỂN DU LỊCH

## 1. Tăng cường giá trị của các di sản văn hóa thế giới

### 1.1. Khai thác đầy đủ di sản văn hóa thế giới

Huế là một nơi giàu tiềm năng du lịch. Huế có hệ thống lăng tẩm, thành quách có giá trị độc đáo để khai thác du lịch. Quần thể di tích Cố đô Huế được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới năm 1993. Theo Trung tâm bảo tồn Cố đô Huế, di sản văn hóa Huế là một phức hợp di tích mang nhiều giá trị về lịch sử, văn hóa, nghệ thuật và cả giá trị về kinh tế bao gồm kiến trúc thành quách, hoàng cung, đền đài, lăng tẩm, đậm màu sắc dân tộc, tín ngưỡng phương Đông và phong cảnh tự nhiên. Khi nguyên vẹn, quần thể di tích ở Huế có gần 1.500 công trình tập trung trong 19 khu di tích quan trọng. Tuy nhiên qua thời gian, biến động lịch sử và các cuộc chiến tranh hiện Huế chỉ còn 468 công trình di tích và hầu hết bị hư hỏng đòi hỏi phải trùng tu bảo quản. Trong số đó có nhiều công trình kiến trúc có giá trị lịch sử có giá trị, tiêu biểu như kinh thành Huế, đặc biệt là khu Đại Nội, lăng tẩm của 9 vị vua, đàn Nam Giao, Hồ Quyền, Điện Hòn Chén. Với những tiềm năng vô cùng quý giá này, Huế có những điều kiện vô cùng thuận lợi trên con đường phát triển du lịch. Với số lượng di tích khổng lồ như vậy nhưng đến hiện nay, số lượng di tích được khai thác tại Cố đô Huế không nhiều, nhiều nơi đã trở thành phế tích như hồ Tịnh Tâm, điện Voi Ré, di tích Hồ Quyền... Đây đều là những di tích có giá trị cao tuy nhiên lại không được chú trọng bảo vệ. Trong thời gian tới nếu chính quyền các cấp không có những biện pháp kịp thời để phục hồi các di tích đang bị phế tích hóa

thì các những di tích độc đáo này sẽ dần đi vào quên lãng. Theo Trung tâm bảo tồn di tích Cố đô Huế có 253 công trình di tích được sử dụng để khai thác phục vụ du lịch. Cố đô Huế là nơi có nhiều tiềm năng về du lịch, tuy nhiên hiệu quả đạt được chưa tương xứng với tiềm năng. Đó là do thời gian qua chính quyền thành phố Huế đã chưa có những chỉ đạo sâu sát, chưa biết cách khai thác các thế mạnh độc đáo và những giá trị quý giá nơi đây để Huế trở thành nơi có sức thu hút mãnh liệt đối với các đối tượng khách hàng. Hiện nay, du khách tới Huế chủ yếu là tham quan Đại Nội và một số lăng tẩm, trong khi đó còn có rất nhiều các di tích đặc sắc có giá trị độc đáo lại chưa được quan tâm tới khai thác để phục vụ khách du lịch.

Theo kết quả khảo sát, kết quả kiểm định trung bình tổng thể (one-sample t-test) cho thấy là với độ tin cậy 95%, có đủ bằng chứng thống kê để bác bỏ giả thiết  $H_0$ ; kết hợp với giá trị trung bình mẫu, có thể nói khách tham quan nói chung cho rằng số lượng các di tích được tham quan chưa nhiều.

*Bảng 1: Kết quả kiểm định trung bình tổng thể (One-Sample T-test) về đánh giá của khách về số lượng các di tích được tham quan tại Huế*

Tiêu thức nghiên cứu	Số du khách cho ý kiến	Giá trị trung bình	Giá trị kiểm định	PP kiểm định	Mức ý nghĩa	Kết quả kiểm định	Kết luận
Số lượng các di tích được tham quan nhiều	188	3,0426	4	One sample T-test	.000	Có đủ bằng chứng thống kê để bác bỏ giả thiết $H_0$	Không đồng ý

*Nguồn: Xử lý của tác giả*

Ghi chú: Thang điểm Likert: từ 1 – 5 từ rất không đồng ý đến rất đồng ý.

Giả thiết  $H_0$ : Du khách đồng ý số lượng di tích được tham quan nhiều.

Để đánh giá tính hợp lý trong khai thác giá trị của các di sản văn hóa thế giới cần dựa trên các tiêu chí đánh giá sau:

\* Chi tiêu 1: Tỷ lệ các di tích được khai thác trên tổng số lượng các di tích được thống kê

Tại di sản văn hóa thế giới Quần thể di tích cố đô Huế, tỷ lệ các di tích được khai thác là 253/468, chiếm tỷ lệ là 54%.

Nhận xét: Tại di sản văn hóa thế giới Cố đô Huế, tỷ lệ các di tích được khai thác là 54% cho thấy thời gian qua, chính quyền đã có chú trọng đến khai thác các công trình di tích mang những nét độc đáo riêng của Huế, tăng cường giá trị của di sản, đã thực hiện khai thác hợp lý.

***1.2. Khai thác giá trị di sản văn hóa thế giới phải luôn đi đôi với việc trùng tu, tôn tạo, bảo vệ các di tích và gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống, phát huy tính độc đáo của các di sản văn hóa thế giới***

Năm 1993, quần thể di tích cố đô Huế được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới. Từ đó, nơi đây đã có sự chuyển mình mạnh mẽ, hoạt động du lịch có những bước khởi sắc, lượng khách du lịch đến ngày càng đông. Chính quyền trung ương và địa phương đã có những thiết chế pháp lý nhằm bảo vệ khu di sản Huế. Công tác tu bổ di tích được chú trọng thực hiện tuân thủ nghiêm túc Công ước quốc tế về bảo tồn di tích, Luật Di sản Văn hóa và các Quy chế bảo quản tu bổ phục hồi di tích lịch sử văn hóa - danh lam thắng cảnh, các quy định trong xây dựng cơ bản, đảm bảo sự chuẩn mực về bảo tồn và tính chính xác của các công trình. Hơn nữa, Thủ tướng Chính phủ đã đưa ra quyết định khẳng định quan điểm bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Cố đô Huế, với ba mục tiêu phải bảo tồn là văn hoá vật thể, phi vật thể và cảnh quan thiên nhiên gắn liền với đô thị. Việc quan tâm bảo tồn và tôn tạo các di tích đã được chú trọng, từ đó đến nay, các công trình di tích quan trọng đều đã được bảo quản cấp thiết và gia cố chống hư hại.

Song song với công tác trùng tu di tích, các ngành nghề thủ công truyền thống phục vụ công tác tu bổ cũng được chú trọng bảo tồn. Cụ thể là xưởng sản xuất vật liệu truyền thống của Trung tâm bảo tồn di tích Cố đô Huế đã sản xuất thành công và cung cấp ngói tráng men thanh lưu ly và hoàng lưu ly cho gần 30.000m<sup>2</sup> mái lợp của các cung điện. Đây là xưởng sản xuất duy nhất trong cả nước cung ứng được thường xuyên 70 chủng loại vật liệu đặc thù khác nhau phục vụ cho việc

trùng tu di tích. Ngoài ra, các ngành nghề sơn thếp, hội họa, lắp ghép sành sứ, mộc, đúc đồng truyền thống và các nghệ nhân làm thủ công của địa phương cũng đã nhân cơ hội này được phục hồi.

Huế là một nơi mang nhiều vẻ đẹp độc đáo riêng có, nơi đây có nhiều điều mới lạ và thú vị để du khách khám phá. Trong lòng di sản Huế còn có rất nhiều di tích, mỗi công trình di tích đều mang những nét đẹp riêng. Vẻ đẹp Huế không nơi nào có được và những giá trị của nó là độc nhất vô nhị, không có gì thay thế được. Những công trình di tích ở Huế vừa có giá trị về mặt lịch sử, vừa có giá trị về kiến trúc, thẩm mỹ. Tuy nhiên, di sản vẫn phải đối mặt với nhiều vấn đề khó khăn, cụ thể là áp lực về đô thị hoá và phát triển giao thông. Các đợt mưa bão, lũ lụt hàng năm làm nguy hại đến các công trình và hai bên bờ sông. Đặc biệt, khu vực có di tích ở phía tây - nam của thành phố Huế - kể cả khu vực bờ sông Hương - đã và đang bị ảnh hưởng bởi việc mở rộng đường giao thông, xây dựng các khu nghỉ mát du lịch, sân golf, đường tránh, khai thác đá, xây dựng trường học... Ở Thừa Thiên - Huế có nhiều đơn vị, ban, ngành liên quan đến công việc quản lý và bảo vệ di sản, nhưng lại thiếu sự phối hợp và sự điều phối chung, cũng như chưa xác định được những ưu tiên về bảo tồn và phát triển mang tính chiến lược. Sự phối hợp thiếu đồng bộ giữa cơ quan, ban ngành quản lý liên quan; thiếu các công cụ và trang thiết bị hiện đại phục vụ cho công việc quản lý khu di sản tại Trung tâm bảo tồn di tích Cố đô Huế làm cho vấn đề phát triển du lịch bền vững là vấn đề nan giải đặt ra với chính quyền Thừa Thiên Huế.

Các di tích còn tồn tại ở Huế giúp cho du khách biết đến triều đại phong kiến cuối cùng đã tồn tại ở Việt Nam. Triều Nguyễn đã để lại một di sản văn hoá khá đồ sộ về quy mô, loại hình di tích và chúng vẫn đang còn gắn bó với các nhân chứng sống. Các công trình di tích mang kiến trúc rất độc đáo, có tính thẩm mỹ cao.

Tuy nhiên những giá trị độc đáo và tinh túy này lại không được coi trọng nhiều trong quá trình khai thác, chưa phát huy hết giá trị vốn có để xem đây là thế mạnh để khai thác phục vụ khách du lịch. Các di tích Huế đang chứa đựng nhiều bí ẩn đang chờ du khách khám phá nhưng chính quyền thành phố Huế chưa quan tâm đến việc phát huy

những giá trị này. Du khách đến Huế đi tham quan Ngọ Môn, các lăng tẩm chùa chiền, và cũng chỉ có những sản phẩm du lịch khai thác những giá trị đặc trưng này nhưng lại quên đi những giá trị độc đáo khác nữa, chẳng hạn điện Voi Ré, công trình độc đáo không chỉ có ý nghĩa về mặt lịch sử mà còn mang đậm ý nghĩa giáo dục, đề cao tinh thần trọng nghĩa của dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, hiện nay, điện Voi Ré đã bị xuống cấp nghiêm trọng và có nguy cơ biến mất hầu hết các dấu tích kiến trúc nếu không sớm bảo tồn, phục hồi. Vì vậy cần có sự điều tra nghiên cứu sâu rộng của các nhà nghiên cứu cùng với lãnh đạo địa phương để xác định các giá trị văn hóa đặc sắc, độc đáo, phân loại các di sản để những giá trị này còn lưu lại mãi mãi, và là động lực quan trọng khiến du khách muốn tới đây và khám phá.

*Bảng 2: Kết quả kiểm định trung bình tổng thể (One-Sample T-test) về đánh giá của khách du lịch về di sản được tham quan tại Huế*

Tiêu thức nghiên cứu	Số du khách cho ý kiến	Giá trị trung bình	Giá trị kiểm định	PP kiểm định	Mức ý nghĩa	Kết quả kiểm định	Kết luận
Các công trình kiến trúc có tính thẩm mỹ cao	188	4,0745	4	One sample T-test	.118	Chưa đủ bằng chứng thống kê để bác bỏ giả thiết Ho	Đồng ý

*Nguồn: Xử lý của tác giả*

Ghi chú: Thang điểm Likert: từ 1 – 5 từ rất không đồng ý đến rất đồng ý.

Giả thiết Ho: Du khách đồng ý các công trình kiến trúc có tính thẩm mỹ cao.

\* Chi tiêu 2: Tỷ lệ các di tích được đầu tư tôn tạo trong tổng số các di tích được khai thác

Tại di sản văn hóa thế giới Cố đô Huế, từ năm 1997 đến năm 2012

đã có 132 công trình di tích được tu bổ, đó là thành quả lớn của Trung tâm bảo tồn di sản cố đô. Tỷ lệ di tích được đầu tư tôn tạo so với tổng số di tích được khai thác là 132/253 di tích, chiếm tỷ lệ 52,17%. Đây cũng là một con số cho thấy đã có sự hợp lý trong khai thác phục vụ phát triển du lịch. Ngoài ra Nhã nhạc cung đình Huế cũng được chú ý bảo tồn.

\* Chi tiêu 3: Số lượng các di tích được quy hoạch cho đầu tư bảo tồn và phát huy giá trị

Tại di sản văn hóa thế giới Cố đô Huế, tổng kinh phí dự tính cho công việc trùng tu tôn tạo bảo vệ di sản giai đoạn 2010 - 2020 là 2.469,5 tỷ đồng, bao gồm: kinh phí bảo tồn, tu bổ phục hồi di tích là 163,127 tỷ đồng; kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng và tái định cư: 674,83 tỷ đồng, kinh phí bảo tồn văn hóa phi vật thể là 120 tỷ đồng và kinh phí tôn tạo cảnh quan môi trường là 43,40 tỷ đồng (Theo Đề án Đề án điều chỉnh quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di tích Cố đô Huế giai đoạn 2010-2020 của Thủ tướng Chính phủ). Các công trình và cơ sở hạ tầng bị hư hại từ 40% đến 70% đều được lập dự án tu bổ, trong đó có 80 công trình được tiến hành với nhiều mức độ khác nhau. Tu bổ từng phần (điện Long An, Ngọ Môn, điện Thái Hoà, điện Long Ân, Kỳ Đài), tu bổ hoàn nguyên (cửa Quảng Đức, cung Diên Thọ, điện Minh Thành, hệ thống kè hồ Kim Thủy), tu bổ, tôn tạo thích nghi và tái sử dụng (Duyệt Thị Đường, hệ thống sân Đại Triều, quảng trường Ngọ Môn...). Nâng cấp hạ tầng để tạo điều kiện cho việc quản lý, bảo vệ và tham quan ở khu vực Đại Nội, cải tạo và nâng cấp hệ thống chiếu sáng tại các lăng Minh Mạng, Tự Đức, Khải Định, đàn Nam Giao...

### ***1.3. Có nguồn vốn tái đầu tư để bảo vệ di sản văn hóa thế giới***

Ngày 7/6/2010, tại Hà Nội, thay mặt Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân đã ký quyết định số: 818/QĐ-TTg phê duyệt Đề án điều chỉnh quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di tích Cố đô Huế giai đoạn 2010-2020. Nội dung của quyết định thông qua 4 điều, trong đó nêu bật lên quan điểm “Quần thể di tích Cố đô Huế và Nhã nhạc Cung đình Huế là tài sản vô giá của quốc gia đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa của nhân loại; bảo tồn toàn vẹn di sản văn hóa thế giới Cố đô Huế là bảo tồn tài sản văn hóa của dân tộc, đồng thời góp phần gìn giữ và làm phong phú thêm kho tàng văn hóa

của nhân loại; công cuộc bảo tồn và phát huy giá trị di tích Cố đô Huế phải quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời tuân thủ các công ước quốc tế về bảo tồn di sản văn hóa nhân loại”. Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trung ương với vốn hỗ trợ có mục tiêu về văn hóa của Chính phủ, vốn Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa...; ngân sách địa phương bao gồm vốn của tỉnh, vốn từ nguồn thu phát huy giá trị di tích từ Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế và vốn từ nguồn thu hợp pháp khác; vốn tài trợ và các nguồn huy động hợp pháp khác trong và ngoài nước. Việc xác định chính thức tổng mức vốn đầu tư sẽ căn cứ vào các dự án đầu tư cụ thể được thẩm định và phê duyệt. Trong năm 2012, Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế đã thực hiện 64,164 tỉ đồng trong lĩnh vực trùng tu, đạt 106,9 % kế hoạch tu bổ của năm, trong đó có phần tài trợ của Quỹ Di tích Thế giới (World Monuments Fund). Nhiều công trình sau khi tu bổ đã giữ nguyên giá trị vốn có như cụm các công trình lăng Gia Long, điện Biểu Đức - Lăng Thiệu Trị, Thái Bình Lâu (Đại Nội), hệ thống hành lang Từ Cẩm Thành, điện Long An, nhà Tế Từ, Xiển Võ Từ. Từ năm 1992 - 2012, tổng cộng nguồn ngân sách tài trợ 7.205.849 USD được huy động từ nhiều nguồn khác nhau từ sự hỗ trợ của các Chính phủ và tổ chức quốc tế, có 39 công trình được tài trợ trùng tu.

*Bảng 3: Hoạt động trùng tu tu bổ di sản văn hóa thế giới Cố đô Huế qua các năm 2010 - 2012*

*ĐVT: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Nộp quỹ trùng tu từ tiền bán vé	62,88	70,4	83,65
Kinh phí trùng tu	52,792	59,016	64,164

*Nguồn: Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế*

Hàng năm, ngoài vốn được Trung ương cấp và vốn kêu gọi tài trợ từ các tổ chức quốc tế, Trung tâm bảo tồn di tích Cố đô Huế còn nộp tiền vào quỹ trùng tu, chiếm 80% tiền bán vé tham quan của đơn vị, kinh phí này được sử dụng phục vụ cho công tác bảo tồn.

\* Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ doanh thu du lịch được trích phục vụ trùng tu tôn tạo bảo vệ di sản văn hóa thế giới

Tại di sản văn hóa thế giới Cố đô Huế, 80% doanh thu bán vé được trích để thực hiện trùng tu tôn tạo di sản.

## **2. Đảm bảo lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa phương**

### ***2.1 Khai thác đảm bảo đem lại việc làm và thu nhập cho cộng đồng***

Quần thể di tích Cố đô Huế với nhiều công trình kiến trúc, lăng tẩm, đền đài, chùa chiền mang những giá trị đặc trưng nổi bật. Bên cạnh đó còn có các loại hình văn hóa khác mang dấu ấn của riêng Huế như Nhã nhạc cung đình, nghệ thuật âm thực, các trò chơi dân gian. Vì vậy, trong quá trình khai thác phải biết đến những giá trị độc đáo nhất, đặc sắc nhất, tinh túy nhất để tận dụng khai thác, biến chúng thành những sản phẩm du lịch có giá trị, đem lại hiệu quả kinh doanh cao. Vì vậy phải nắm bắt được thị hiếu khách hàng để đưa ra những cách thức khai thác phù hợp nhất. Với các di tích mang những giá trị độc đáo nổi bật thì nên tiếp tục nghiên cứu để tìm ra những giá trị của nó để phát huy hơn nữa những giá trị lịch sử và giá trị văn hóa kiến trúc, nghệ thuật vốn có. Tuy nhiên điều này chính quyền Huế chưa làm được. Đa số khách đến Huế đều mong muốn có thêm những hiểu biết về các giá trị văn hóa, hiểu thêm về vùng đất nơi họ đặt chân đến nhưng du khách đã thất vọng khi đến với Huế.

Theo đánh giá của các chuyên gia Viện Nghiên cứu phát triển du lịch, Huế hiện nằm trong nhóm đầu về mức độ hấp dẫn du lịch của cả nước thế nhưng Festival Huế - một sản phẩm du lịch độc đáo, được tổ chức thường niên trong tháng 6 đến nay đã 6 kỳ với quãng thời gian hơn 10 năm vẫn chưa thu được hiệu quả như mong muốn về mặt thu hút khách du lịch. Đó là do hoạt động xúc tiến quá yếu, phân tán, không tập trung đúng thị trường, lạc hậu về công nghệ và thiếu chuyên nghiệp. Năng lực cạnh tranh điềm đến và năng lực cạnh tranh doanh nghiệp còn thấp. Hơn nữa, công tác tuyên truyền và sự nhận thức về di sản của người dân, cán bộ còn yếu.

Để hưởng lợi từ du lịch, cộng đồng cư dân cũng có góp phần

trong việc cung cấp các sản phẩm hàng hóa dịch vụ phục vụ nhu cầu du khách, tuy nhiên chưa có sản phẩm mang đặc trưng du lịch Huế. Các trung tâm trưng bày sản phẩm hàng thủ công mỹ nghệ Huế, Trung tâm trưng bày làng nghề đúc đồng, và các điểm kinh doanh hàng lưu niệm ở các điểm di tích đã cung cấp các sản phẩm hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống. Tuy nhiên một số mặt hàng truyền thống của Huế vẫn chưa được chú trọng phát triển như rượu Minh Mạng thang, phần nư cung đình là sản phẩm khá nổi tiếng và hấp dẫn du khách nhưng chỉ sản xuất mạnh ở thành phố Hồ Chí Minh và ở nước ngoài, trong lúc đó sản xuất ở Huế với quy mô rất hạn chế. Một số hộ tham gia loại hình du lịch ca Huế trên sông Hương phục vụ khách nhưng do không chuyên nghiệp trong tổ chức, không bài bản nên hiệu quả vẫn chưa cao.

\* Chi tiêu 5: Số lượng các cơ sở dịch vụ du lịch tăng thêm

Đối với du lịch Huế, chỉ tính trong giai đoạn từ 2005-2012 toàn ngành đã phát triển nhanh về cơ sở lưu trú, từ 122 cơ sở với 3.747 phòng và 7.179 giường ban đầu, sau sáu năm đã tăng lên 313 cơ sở với 7.284 phòng và 13.246 giường. Giai đoạn 2000-2012 số cơ sở lưu trú tăng 247%, số phòng 179,7% tăng và số giường tăng 154,4%. Số lượng cơ sở lưu trú đã đáp ứng nhu cầu du khách. Công suất sử dụng phòng năm 2012 là 70,4%.

*Bảng 4: Số lượng cơ sở lưu trú tại Thành phố Huế qua các năm 2005 - 2012*

Chi tiêu	ĐVT	Năm 2000	Năm 2005	Năm 2012
Cơ sở lưu trú	Cơ sở	90	122	313
Số phòng	Phòng	2.604	3.747	7.284
Số giường	Giường	5.207	7.179	13.246

*Nguồn: Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Thừa Thiên Huế*

Để đáp ứng nhu cầu du khách, ngoài các cơ sở đáp ứng nhu cầu lưu trú còn có các cơ sở phục vụ một số dịch vụ như giải khát, bán hàng lưu niệm tại các điểm tham quan trong khu di sản, tuy nhiên những mặt hàng lưu niệm mang đặc trưng riêng của Huế rất ít.

Ngoài ra, còn có các đơn vị, cá nhân có thuyền du lịch tham gia

phục vụ hoạt động dịch vụ biểu diễn ca Huế trên sông Hương, đây là một dịch vụ rất nhiều du khách yêu thích khi đến Huế, đến nay có 120 thuyền du lịch phục vụ ca Huế. Với các dịch vụ phục vụ du lịch, du khách cho rằng giá cả chưa phải chăng và thái độ phục vụ chưa tốt, chưa nhiệt tình.

*Bảng 5: Kết quả kiểm định trung bình tổng thể (One-Sample T-test) về đánh giá của khách du lịch về dịch vụ tại Huế*

Tiêu thức nghiên cứu	Số du khách cho ý kiến	Giá trị trung bình	Giá trị kiểm định	PP kiểm định	Mức ý nghĩa	Kết quả kiểm định	Kết luận
Giá cả phải chăng	188	3,1223	4	One sample T-test	.000	Đủ bằng chứng thống kê để bác bỏ giả thiết Ho	Chưa đồng ý
Thái độ phục vụ tốt, nhiệt tình	188	3,0106	4	One sample T-test	.000	Đủ bằng chứng thống kê để bác bỏ giả thiết Ho	Chưa đồng ý

*Nguồn: Xử lý của tác giả*

Ghi chú: Thang điểm Likert: từ 1 – 5 từ rất không đồng ý đến rất đồng ý.

Giả thiết Ho: Du khách đồng ý các dịch vụ du lịch tại Hội An có giá cả phải chăng.

Giả thiết Ho: Du khách đồng ý thái độ phục vụ tốt, nhiệt tình.

\* Chỉ tiêu 6: Sự tăng trưởng doanh thu du lịch

Huế có một quá trình phát triển tăng đều trong các năm. Năm 2003 tốc độ tăng trưởng của doanh thu âm do dịch SARS trên thế giới, nhưng sang năm 2004 du lịch đã có sự hồi phục, đến năm 2011 tốc độ tăng trưởng doanh thu đã đạt được là 23,83% so với năm trước, năm 2012 doanh thu du lịch tăng 24,95% so với năm 2011. Sở dĩ năm 2012 doanh thu tăng nhanh là do các sự kiện được tổ chức đã thu hút được nhiều khách đến Huế. Chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng doanh thu

năm 2012 là doanh thu lưu trú với 51,6%, doanh thu lữ hành chiếm tỷ trọng 30,1%, trong khi đó doanh thu bán vé tham quan và các dịch vụ chiếm tỷ trọng 8,5%, còn lại là doanh thu khác chiếm 9,8%. Phần lớn tiền thu về từ bán vé tham quan sẽ được trích để đầu tư tôn tạo các di tích nhưng với phần thu quá nhỏ này đã ảnh hưởng rất nhiều đến việc trùng tu do hạn chế kinh phí.

Những bước tiến đáng kể trong hoạt động kinh doanh du lịch tại Huế thể hiện qua bảng số liệu sau:

*Bảng 6: Doanh thu du lịch Huế qua các năm 2000 - 2012*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Năm	Thực hiện	Tốc độ tăng (%)	Năm	Thực hiện	Tốc độ tăng (%)
2000	190.000	—	2007	1.060.270	44,98
2001	232.000	22,11	2008	1.143.500	7,85
2002	302.000	30,17	2009	1.203.450	5,24
2003	280.000	-7,28	2010	1.338.530	11,22
2004	368.000	31,43	2011	1.657.496	23,83
2005	543.400	47,66	2012	2.071.000	24,95
2006	731.300	34,58			

*Nguồn: Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Thừa Thiên Huế*

Trong những năm qua, cơ cấu kinh tế của Huế có chuyển dịch qua các năm theo hướng tăng tỷ trọng của ngành Công nghiệp – Xây dựng, Thương mại – Dịch vụ và giảm tỷ trọng của ngành nông nghiệp – lâm nghiệp – thủy sản, ngành thương mại dịch vụ chiếm tỷ trọng cao nhất.

*Bảng 7. Cơ cấu kinh tế của Thành phố Huế 2000 - 2012*

*DVT:%*

<i>Các lĩnh vực kinh tế</i>	Năm 2000	Năm 2005	Năm 2012
Thương mại – Du lịch	44,4	43,1	48,0
Công nghiệp – Xây dựng	32,2	35,9	41,1
Nông nghiệp – Lâm nghiệp – Thủy sản	23,4	21,0	10,9

*Nguồn: Ủy ban nhân dân Thành phố Huế*

Trong cơ cấu kinh tế của Thành phố Huế, tỷ trọng của ngành Thương mại Du lịch tăng từ 44,4% năm 2000 đến 48% năm 2012, tỷ trọng các ngành Công nghiệp xây dựng và nông lâm ngư giảm. Đặc biệt, Thừa Thiên Huế chú trọng phát huy giá trị di sản Cố đô Huế để đẩy mạnh phát triển du lịch. Vấn đề quản lý và khai thác giá trị di sản này là một vấn đề quan trọng được chính quyền quan tâm.

\* Chi tiêu 7: Lực lượng hướng dẫn viên được sử dụng tại địa phương

Lực lượng lao động trong du lịch tại Huế hiện nay đã lên đến 8.100 người, trong đó có 800 hướng dẫn viên đã được cấp thẻ, trong đó có 250 thẻ hướng dẫn viên nội địa và 550 thẻ hướng dẫn viên quốc tế.

*Bảng 8. Kết quả kiểm định trung bình tổng thể (One-Sample T-test) về đánh giá của khách du lịch về hoạt động thuyết minh tại Huế*

Tiêu thức nghiên cứu	Số du khách cho ý kiến	Giá trị trung bình	Giá trị kiểm định	PP kiểm định	Mức ý nghĩa	Kết quả kiểm định	Kết luận
Phong cách hướng dẫn	188	3,1383	3	One sample T-test	.008	Chưa đủ bằng chứng thống kê để bác bỏ giả thiết $H_0$	Bình thường
Thái độ phục vụ	188	3,1011	3	One sample T-test	.039	Chưa đủ bằng chứng thống kê để bác bỏ giả thiết $H_0$	Bình thường
Cách truyền đạt thông tin	188	3,1170	3	One sample T-test	.017	Chưa đủ bằng chứng thống kê để bác bỏ giả thiết $H_0$	Bình thường
Am hiểu các giá trị	188	3,1223	3	One sample T-test	.012	Chưa đủ bằng chứng thống kê để bác bỏ giả thiết $H_0$	Bình thường

*Nguồn: Xử lý của tác giả*

Ghi chú: Thang điểm Likert: từ 1 – 5 từ rất không tốt đến rất tốt.

Giả thiết Ho: Du khách cho rằng phong cách hướng dẫn bình thường.

Giả thiết Ho: Du khách cho rằng thái độ phục vụ bình thường.

Giả thiết Ho: Du khách cho rằng cách truyền đạt thông tin bình thường.

Giả thiết Ho: Du khách cho rằng hướng dẫn viên am hiểu các giá trị ở mức bình thường.

Việc tuyên truyền về di sản đến các du khách còn phụ thuộc rất nhiều vào các hướng dẫn viên nhưng ở Huế hiện nay, tình trạng hướng dẫn viên tại các nơi khác dẫn đoàn đến Huế rất phổ biến, không sử dụng lực lượng hướng dẫn viên tại địa phương. Điều đó không những gây thất thu cho ngành du lịch mà còn ảnh hưởng đến việc tuyên truyền cho di sản độc đáo này. Theo kết quả kiểm định cho thấy lực lượng hướng dẫn viên tại Huế không có được sự đánh giá cao từ du khách.

## ***2.2. Khai thác giá trị các di sản văn hóa thế giới phải kết hợp với các loại hình du lịch khác***

\* Chỉ tiêu 8: Mức độ đa dạng hóa của sản phẩm du lịch tại địa phương có di sản

Các du khách đi du lịch thường mong muốn chuyến đi của mình ngoài sự khám phá, tìm hiểu về các giá trị văn hóa còn kết hợp với những hình thức du lịch khác. Vì thế ngoài khám phá những giá trị đặc sắc của các công trình kiến trúc kinh thành Huế thì nhã nhạc cung đình Huế, ẩm thực cung đình, ca Huế, văn hóa nghệ thuật dân gian truyền thống sẽ làm vừa lòng du khách. Đặc biệt, Thừa Thiên-Huế chú trọng phát huy giá trị di sản của Cố đô Huế để phát triển du lịch gắn với thúc đẩy các ngành tiểu thủ công nghiệp, làng nghề truyền thống, phát triển mạng lưới dịch vụ thương mại tổng hợp, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động. Ngoài ra, hàng trăm ngôi chùa Phật tại Huế là một tiềm năng lớn để phát triển loại hình du lịch tâm linh. Huế còn sở hữu rừng quốc gia Bạch Mã nên còn có thể phát triển loại hình du lịch sinh thái.

Với nguồn tài nguyên du lịch đã và đang khai thác, du lịch Huế có thể phục vụ khách bằng những sản phẩm mang bản sắc Việt Nam. Du khách có thể tham quan nơi hoạt động, ăn ở của các vua Nguyễn, tham quan các khu lăng tẩm, nơi an nghỉ đời đời của các vua nhà Nguyễn, được thưởng thức hàng trăm món ngự thiện, có đủ sơn hào hải vị, được xem các vở tuồng cổ hàng đầu của Việt Nam, nghe và xem Nhã nhạc đã được ghi vào danh sách di sản thế giới, được thưởng thức ca Huế trên sông Hương, được tĩnh dưỡng tinh thần trong không khí Thiền dưới bóng những ngôi chùa Phật, tại các kiến trúc phong cảnh trong các khu lăng mộ các vua đầu triều Nguyễn. Hơn nữa, khách du lịch có thể khám phá các không gian nhà vườn ở Huế, tìm hiểu đời sống của các loài động thực vật hoang dã tại vườn quốc gia Bạch Mã, được đắm mình trong làn nước suối Thanh Tân. Vì vậy, du khách đến Huế có thể tận hưởng được những giá trị quý giá và tuyệt vời, khám phá thêm nhiều điều bí ẩn thú vị. Ngoài ra, du lịch Thừa Thiên-Huế tập trung vào bốn dòng sản phẩm đặc trưng “Cùng khám phá Huế,” “Đến Huế tạo trải nghiệm cho riêng mình,” “Tận hưởng với Huế,” “Hành trình qua thời gian” đã gia tăng sức hấp dẫn của Huế, tăng khả năng thu hút khách du lịch. Huế còn là xứ sở của ẩm thực, từ ẩm thực đường phố đến ẩm thực cung đình, vì vậy du lịch tham quan các di sản kết hợp với du lịch ẩm thực sẽ là yếu tố tạo ấn tượng tốt đối với du khách khi đến với Huế.

Đa số các du khách khi đến tham quan di sản đều có tham gia nghe ca múa nhạc, đây là yếu tố độc đáo nên có giá trị thu hút khách rất cao, đặc biệt ca múa nhạc tại Huế tỷ lệ khách tham gia cao do đây là một loại hình nghệ thuật đặc sắc. Hơn nữa, sự khác biệt về văn hóa ẩm thực, các món ăn đặc trưng vùng miền đã làm cho du khách thích thú, với sự đa dạng và phong phú trong chế biến, du khách muốn được thưởng thức tinh hoa của các nghệ nhân ẩm thực, đặc biệt ẩm thực Huế được du khách đánh giá cao. Bên cạnh đó tham gia lễ hội và tham quan các làng nghề cũng là những yếu tố để du khách có thêm trải nghiệm du lịch.

### **3. Quan tâm đến chất lượng môi trường tại các di sản**

#### ***3.1. Chú ý đến vấn đề sức chứa trong quá trình khai thác***

Với không gian rộng lớn của các di tích trong kinh thành Huế có thể phục vụ cho một số lượng lớn du khách đến tham quan và tìm hiểu.

Tuy vậy, trong quá trình khai thác cần chú trọng đến vấn đề sức chứa và giới hạn số lượt người tham quan di tích trong cùng một thời gian để đảm bảo tính bền vững và khai thác lâu dài. Tuy nhiên, cho đến nay vấn đề này vẫn còn bỏ ngỏ chưa được chú ý đến.

\* Chi tiêu 9: Xác định sức chứa tại các di sản văn hóa thế giới

Nhìn chung, trong quá trình khai thác du lịch tại các di sản văn hóa thế giới thời gian qua chưa bàn đến vấn đề sức chứa, điều đó cho thấy có sự chưa hợp lý trong khai thác. Vì thế cần phải tính toán sức chứa của mỗi di sản văn hóa thế giới để xác định số lượng người tối đa tham quan di sản trong cùng một thời gian. Do đó khi du khách tập trung đông tại các di tích làm ảnh hưởng đến việc tham quan của du khách khác. Theo kết quả kiểm định và khảo sát thực tế cho thấy đôi khi vào cùng một thời điểm, số lượng du khách tập trung quá đông tại các điểm tham quan hay trên đường đi cũng như tập trung tại các điểm mua sắm đã ảnh hưởng đến chất lượng của chuyến tham quan của du khách.

*Bảng 9. Kết quả kiểm định trung bình tổng thể (One-Sample T-test) về đánh giá của khách du lịch về sự tập trung du khách tại di sản*

Tiêu thức nghiên cứu	Giá trị trung bình	Giá trị kiểm định	Kết luận
Du khách tập trung quá đông trên đường đi	3,1596	4	Không có ý kiến
Du khách tập trung quá đông tại các di tích	3,6968	4	Không có ý kiến
Du khách tập trung quá đông tại các điểm mua sắm	3,2926	4	Không có ý kiến
Du khách đông ảnh hưởng đến việc tham quan	3,9468	4	Đồng ý

*Nguồn: Xử lý của tác giả*

Ghi chú: Thang điểm Likert: từ 1 – 5 từ rất không đồng ý đến rất đồng ý.

Giả thiết Ho: Khách du lịch đồng ý du khách tập trung quá đông trên đường đi.

Giả thiết Ho: Khách du lịch đồng ý du khách tập trung quá đông tại các di tích.

Giả thiết Ho: Khách du lịch đồng ý du khách tập trung quá đông tại các điểm mua sắm.

Giả thiết Ho: Khách du lịch đồng ý du khách đông ảnh hưởng đến việc tham quan.

### ***3.2. Khai thác hợp lý các di sản văn hóa thế giới luôn đi đôi với việc bảo vệ môi trường du lịch***

\* Chi tiêu 10: Tác động tiêu cực đến xã hội từ khai thác du lịch.

Hiện nay, khách du lịch tại Huế luôn bị làm phiền bởi lực lượng buôn bán hàng rong. Tình trạng này luôn luôn diễn ra, điều này đã để lại những ấn tượng rất xấu trong lòng du khách, làm mất ấn tượng về thành phố du lịch, mất đi hình ảnh đẹp về con người Huế khiến cho họ không muốn quay trở lại Huế ở những lần sau, điều đó cũng sẽ ảnh hưởng đến khả năng phát triển du lịch trong tương lai của Huế. Việc chào mời ép buộc du khách mua hàng là hành vi thiếu văn hóa, đã làm cho du khách không hài lòng khi đến Huế. Tuy vậy nó không nằm trong hành vi vi phạm pháp luật nên không có chế tài xử lý theo quy định pháp luật. Vì thế, với những đối tượng này thì việc giáo dục vẫn là chính, để họ tiếp tục kinh doanh làm ăn và thực hiện việc đảm bảo mỹ quan trật tự văn hóa du lịch.

\* Chi tiêu 11: Tình hình ô nhiễm môi trường tại khu di sản

Một vấn đề vô cùng quan trọng nhưng đang bị bỏ qua, đó là chưa chú trọng đến khu vực vệ sinh ở các điểm tham quan di tích tại Huế, vệ sinh chưa đảm bảo khiến du khách, đặc biệt là khách nước ngoài không thể chịu được. Đây là việc tuy nhỏ nhưng đã và đang gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hình ảnh du lịch Huế, bởi chắc chắn không có du khách nào có thể quay lại những di tích với những nhà vệ sinh không sạch sẽ như vậy. Du khách có những đánh giá không tốt về môi trường tại di sản.

\* Chi tiêu 12: Giáo dục nâng cao nhận thức của khách du lịch tôn trọng và bảo vệ môi trường tại di sản văn hóa thế giới

Hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức du khách về du lịch có trách nhiệm với môi trường chưa được chú trọng tuyên truyền rộng rãi, thiếu các tài liệu và tờ rơi phổ biến cho du khách.

\* Chi tiêu 13: Mức độ hài lòng của khách du lịch tham quan di sản

Theo kết quả điều tra của tác giả, du khách đã có đánh giá sau khi đến tham quan các di sản dựa trên các nội dung sau: giá trị văn hóa tại di sản, cơ sở hạ tầng, môi trường, hoạt động thuyết minh hướng dẫn, các dịch vụ, tình hình an ninh trật tự, thái độ của người dân địa phương, tại di sản, giá vé, mức độ tập trung du khách, biển chỉ dẫn du lịch tại điểm tham quan, cơ sở hạ tầng tại di sản văn hóa, môi trường tại di sản văn hóa.

Thông qua kết quả kiểm định với mức ý nghĩa 5% cho thấy du khách đều hài lòng khi đến tham quan các di sản văn hóa thế giới. Nhìn chung, du khách tham quan Quần thể di tích Cố đô Huế có mức độ hài lòng và rất hài lòng chiếm tỷ lệ 80,3%.

*Bảng 10. Kết quả kiểm định trung bình tổng thể (One-Sample T-test) về mức độ hài lòng của khách du lịch tham quan di sản*

Tiêu thức nghiên cứu	Số du khách cho ý kiến	Giá trị trung bình	Giá trị kiểm định	PP kiểm định	Mức ý nghĩa	Kết quả kiểm định	Kết luận
Mức độ hài lòng về chuyến tham quan (đ/v khách du lịch đến Huế)	188	3,9681	4	One sample T-test	.524	Chưa đủ bằng chứng thống kê để bác bỏ giả thiết Ho	Hài lòng

*Nguồn: Xử lý của tác giả*

Ghi chú: Thang điểm Likert: từ 1 – 5 từ rất không hài lòng đến rất hài lòng.

Giả thiết Ho: Khách du lịch hài lòng về chuyến tham quan di sản.

# ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ TRONG KHAI THÁC GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA THẾ GIỚI THÀNH NHÀ HỒ NHẪM PHÁT TRIỂN DU LỊCH

## 1. Tăng cường giá trị của các di sản văn hóa thế giới

### *1.1. Khai thác đầy đủ di sản văn hóa thế giới*

Thành nhà Hồ tại Thanh Hóa được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới vào tháng 6 năm 2011. Đây là di sản có giá trị độc đáo nhưng để biến nó thành một sản phẩm du lịch hấp dẫn để thu hút khách cần có sự nghiên cứu để đưa vào phục vụ khách du lịch như khai quật khảo cổ trục đường Hoàng gia từ cửa Nam đến cửa Bắc, khảo cổ Đàn tế Nam Giao, xác định quy mô và vị trí điện Hoàng Nguyên (Chính điện trong Hoàng thành). Theo TS. Đỗ Quang Trọng Giám đốc Trung tâm Bảo tồn di sản Thành nhà Hồ thì mặt bằng kiến trúc của Thành nhà Hồ trải qua hơn 600 năm nhưng đến nay vẫn còn tương đối nguyên vẹn, đây là di tích kinh đô cổ nhất ở nước ta còn nguyên vẹn cả về kiến trúc bề mặt và các lớp hiện vật, di vật nằm trong lòng đất chưa khai quật. Trải qua thời gian, cùng với sự tác động của thời tiết và chiến tranh, nhiều di tích đã bị sụp đổ như Đàn Nam Giao, nhiều hạng mục đã xuống cấp nhưng bức tường thành hầu như còn nguyên vẹn. Vì thế việc khai thác ở giai đoạn ban đầu chưa thể đầy đủ, vẫn đang trong quá trình nghiên cứu để giải mã những bí ẩn của Thành nhà Hồ.

\* Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ các di tích được khai thác trên tổng số lượng các di tích được thống kê

Tại di sản văn hóa thế giới Thành nhà Hồ, hiện nay chỉ còn bức tường thành là còn nguyên vẹn, đa số những công trình kiến trúc khác bị sụp đổ, bị chôn vùi, tỷ lệ di tích được đưa vào khai thác khá thấp.

Nhận xét: Với tỷ lệ các di tích được đưa vào khai thác còn khá ít tại Thành nhà Hồ cho thấy việc khai thác các giá trị độc đáo phục vụ du lịch tại các di sản văn hóa thế giới chưa đầy đủ, việc khai thác chưa được hợp lý.

***1.2. Khai thác giá trị di sản văn hóa thế giới phải luôn đi đôi với việc trùng tu, tôn tạo, bảo vệ các di tích và gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống, phát huy tính độc đáo của các di sản văn hóa thế giới***

Đối với di sản Thành nhà Hồ, Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã cam kết với Ủy ban Di sản thế giới (WHC) về thực hiện chiến lược bảo tồn và quản lý Di sản thế giới Thành nhà Hồ. Tuy nhiên hiện nay vẫn còn tình trạng các hộ dân xây dựng trái phép và lấn chiếm đất thuộc khu vực bảo vệ I - Di sản văn hoá thế giới Thành nhà Hồ, điều đó đã đi ngược nội dung cam kết của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá với Ủy ban Di sản thế giới đồng thời vi phạm các quy định của UBND tỉnh Thanh Hoá về bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị Di sản văn hoá thế giới. Giá trị của Thành nhà Hồ là một công trình kỳ vĩ bởi kỹ thuật và nghệ thuật xây dựng đá lớn và sự kết hợp các truyền thống xây dựng độc đáo có một không hai ở Việt Nam, khu vực Đông Á và Đông Nam Á trong thời kỳ cuối thế kỷ XIV, đầu thế kỷ XV. Nhờ kỹ thuật xây dựng độc đáo, sử dụng các vật liệu bền vững, đặc biệt là các khối đá lớn, Thành nhà Hồ được bảo tồn rất tốt trong cảnh quan thiên nhiên hầu như còn nguyên vẹn (theo GS.TSKH Lưu Trần Tiêu, Chủ tịch Hội đồng Di sản Văn hóa Quốc gia).

\* Chi tiêu 2: Tỷ lệ các di tích được đầu tư tôn tạo trong tổng số các di tích được khai thác

Tại di sản văn hóa thế giới Thành nhà Hồ, đang ở bước đầu khai thác, việc trùng tu tôn tạo chưa được chú trọng nhiều.

\* Chi tiêu 3: Số lượng các di tích được quy hoạch cho đầu tư bảo tồn và phát huy giá trị

Tại DSVHTG Thành nhà Hồ, đang ở bước đầu khai thác, việc trùng tu tôn tạo chưa được chú trọng nhiều.

***Có nguồn vốn tái đầu tư để bảo vệ di sản văn hóa thế giới***

So với các di sản khác, giá vé tham quan di sản thế giới Thành nhà Hồ khá thấp. Hiện nay giá vé vào thăm quan thành chỉ 10.000đ/người

lớn và 5.000đ/trẻ em, nhưng thực tế khách đến tham quan Thành nhà Hồ rất ít, vẫn chỉ là người nghiên cứu và 1 bộ phận cán bộ làm công tác liên quan đến Thành nhà Hồ, còn lại hơn nửa là du khách chủ yếu là khách vãng lai, tây “ba lô” và những người yêu thích giá trị lịch sử.

*Bảng 1: So sánh giá vé vào cửa tham quan các di sản văn hóa thế giới (áp dụng vào thời điểm tháng 12/2012)*

Giá vé tham quan	Phố cổ Hội An	Mỹ Sơn	Cố Đô Huế	Thành nhà Hồ
Khách nước ngoài	120.000 đ/ 6 điếm	100.000 đ/ 1 điếm	80.000 đ/ 1 điếm	10.000 đ/ 1 điếm
Khách trong nước	60.000 đ/ 3 điếm	60.000 đ/ 1 điếm	55.000 đ/ 1 điếm	5.000 đ/ 1 điếm
Khách nước ngoài trẻ em			20.000 đ/ 1 điếm	
Khách trong nước trẻ em			10.000 đ/ 1 điếm	

*Nguồn: Trung tâm quản lý bảo tồn di sản văn hóa Hội An, Ban Quản lý di tích và du lịch Mỹ Sơn, Trung tâm bảo tồn di tích Cố đô Huế, Trung tâm bảo tồn di sản Thành nhà Hồ.*

Với một lượng doanh thu từ bán vé vào cửa quá thấp sẽ không có đủ nguồn để thực hiện trùng tu tôn tạo di tích, do đó cần phải dựa rất nhiều vào các nguồn tài trợ từ bên ngoài mới đủ khả năng để thực hiện việc giữ gìn và phát huy giá trị di sản.

\* Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ doanh thu du lịch được trích phục vụ trùng tu tôn tạo bảo vệ di sản văn hóa thế giới

Tại di sản văn hóa thế giới Thành nhà Hồ doanh thu bán vé quá thấp, không đủ cho việc trùng tu mà phải trông chờ vào các nguồn tài trợ khác.

## **2. Đảm bảo lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa phương**

### **2.1 Khai thác đảm bảo đem lại việc làm và thu nhập cho cộng đồng**

Thành nhà Hồ nằm trên địa bàn xã Vĩnh Tiến và Vĩnh Long, huyện

Vĩnh Lộc tỉnh Thanh Hóa. Hiện nay có 260 hộ dân sinh sống trong khu vực này và chủ yếu bằng nghề nông. Cho đến nay việc khai thác giá trị di sản này vẫn chưa đem lại lợi ích cho người dân địa phương. Khách đến tham quan chỉ để ngắm các bức tường thành, nghe kể các câu chuyện lịch sử, ngắm các cổ vật rồi sau đó đi về, không có gì để giữ khách lưu lại lâu hơn.

\* Chi tiêu 5: Số lượng các cơ sở dịch vụ du lịch tăng thêm

Tại Thành nhà Hồ, người dân không được hưởng lợi gì từ du lịch mang lại do không có các cơ sở dịch vụ phục vụ du lịch.

\* Chi tiêu 6: Sự tăng trưởng doanh thu du lịch

Tại Thành nhà Hồ, tiền bán vé tham quan là không đáng kể.

\* Chi tiêu 7: Lực lượng hướng dẫn viên được sử dụng tại địa phương

Tại di sản văn hóa thế giới Thành nhà Hồ có 6 hướng dẫn viên trong đó có 3 người có trình độ đại học.

## ***2.2. Khai thác giá trị các di sản văn hóa thế giới phải kết hợp với các loại hình du lịch khác***

\* Chi tiêu 8: Mức độ đa dạng hóa của sản phẩm du lịch tại địa phương có di sản

Với di sản văn hóa thế giới Thành nhà Hồ, sau một thời gian dài đệ trình hồ sơ UNESCO đã công nhận những giá trị độc đáo với những đặc trưng riêng. Từ khi được công nhận, di sản đã đón hàng ngàn lượt khách đến tham quan, tìm hiểu. Vì thế, chính quyền tỉnh Thanh Hóa nói chung, Ban quản lý di sản Thành nhà Hồ nói riêng đều quan tâm đến việc khai thác và phát huy giá trị độc đáo của di sản Thành nhà Hồ. Vì thế cần có những nỗ lực đem lại sự hài lòng cho du khách, đáp ứng đúng nhu cầu và mong muốn của khách du lịch. Việc đa dạng hóa các loại hình du lịch sẽ tạo thành sản phẩm du lịch độc đáo trên cơ sở khai thác tiềm năng di sản cùng với khai thác các thế mạnh về du lịch vốn có của Thanh Hóa như biển Sầm Sơn, khu du lịch sinh thái biển Hải Tiến, vườn quốc gia Bến En, khu du lịch Hàm Rồng, các địa danh như khu di tích lịch sử Lam Kinh, động Từ Thức, suối cá thần Cẩm Lương, đền

thờ Lê Hoàn, khu di tích lịch sử đền Bà Triệu... Khách du lịch đến với Thành nhà Hồ bên cạnh được tham gia vào loại hình du lịch văn hóa, lịch sử còn có cơ hội thực hiện du lịch sinh thái, ẩm thực, làng nghề, tìm hiểu đời sống văn hóa của người dân địa phương. Sản phẩm du lịch càng độc đáo sẽ góp phần gia tăng sức hấp dẫn của điểm đến. Tổ chức gắn kết các tour, tuyến du lịch đã có, đồng thời mở thêm các tour điểm du lịch mới, coi trọng việc nâng cao chất lượng điều hành tour để du khách được thỏa mãn nhu cầu hưởng thụ các sản phẩm du lịch, giúp du khách hiểu biết về vẻ đẹp, nét độc đáo, giá trị kiến trúc lịch sử, văn hóa và quy mô của kinh đô xưa. Đây là những khâu then chốt để đưa di sản văn hóa thế giới Thành nhà Hồ đến được với nhiều du khách, các tầng lớp nhân dân trong nước và quốc tế. Tuy nhiên hiện nay việc kết hợp các loại hình du lịch vẫn chưa triệt để.

### **3. Quan tâm đến chất lượng môi trường tại các di sản**

#### ***3.1. Chú ý đến vấn đề sức chứa trong quá trình khai thác***

Thành nhà Hồ gồm 3 bộ phận: La thành, Hào thành và Hoàng thành. La thành là vòng ngoài cùng, có chu vi khoảng 4 km. Hào thành được đào bao quanh bốn phía ngoài nội thành, cách chân thành theo các hướng khoảng 50m. Đây là công trình có nhiệm vụ bảo vệ nội thành. Hoàng thành được xây dựng trên bình đồ gần vuông, với hai mặt đông-tây dài 883,5m, hai mặt nam-bắc dài 870,5m, với diện tích khoảng 769.086m<sup>2</sup>. Đây là di sản văn hóa thế giới mới được công nhận, bước đầu được khai thác nên vấn đề sức chứa chưa được bàn đến.

\* Chi tiêu 9: Xác định sức chứa tại các di sản văn hóa thế giới

Nhìn chung, trong quá trình khai thác du lịch tại các di sản văn hóa thế giới Thành nhà Hồ thời gian qua chưa bàn đến vấn đề sức chứa, điều đó cho thấy có sự chưa hợp lý trong khai thác.

#### ***3.2. Khai thác hợp lý các di sản văn hóa thế giới luôn đi đôi với việc bảo vệ môi trường du lịch***

\* Chi tiêu 11: Tình hình ô nhiễm môi trường tại khu di sản

Tại Thành nhà Hồ, ô nhiễm môi trường trầm trọng do bãi rác sinh hoạt thị trấn Vĩnh Lộc đã tồn tại nhiều năm nay nằm cạnh ngay tại khu

vực Đền tể Nam Giao thuộc Di sản văn hóa thế giới Thành nhà Hồ. Bãi rác này đã gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ảnh hưởng đến đời sống của người dân và gây mất mỹ quan khu vực Thành nhà Hồ.

\* Chi tiêu 12: Giáo dục nâng cao nhận thức của khách du lịch tôn trọng và bảo vệ môi trường tại di sản văn hóa thế giới

Chưa có chương trình cụ thể trong giáo dục nâng cao nhận thức của khách du lịch tôn trọng và bảo vệ môi trường tại di sản văn hóa thế giới.

# **ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC GIÁ TRỊ CÁC DI SẢN VĂN HÓA THẾ GIỚI VẬT THỂ NHẪM PHÁT TRIỂN DU LỊCH**

## **1. Tổng kết các chỉ tiêu đánh giá phát triển du lịch tại miền Trung**

Các di sản văn hóa thế giới là những nguồn lực quan trọng tạo ra các sản phẩm du lịch đặc sắc, thu hút khách du lịch trong và ngoài nước. Với các di sản văn hóa thế giới hiện có tại miền Trung đã làm cho ở đây trở thành nơi dừng chân của nhiều du khách. Hoạt động khai thác du lịch tại các di sản văn hóa thế giới đã làm tăng lượng khách đến, các dịch vụ được cung cấp giúp khách thỏa mãn nhu cầu du lịch đã khuyến khích chi tiêu của họ, từ đó góp phần thúc đẩy du lịch miền Trung phát triển. Kết quả này là tất yếu nhờ vào nỗ lực của các nhà quản lý du lịch trong quá trình khai thác các nguồn lực. Tuy nhiên, tốc độ phát triển bình quân qua các giai đoạn chưa cao, chưa xứng với tiềm năng vốn có.

*Bảng 1: Tổng kết các chỉ tiêu đánh giá sự phát triển du lịch miền Trung*

*ĐVT: %/năm*

Chỉ tiêu phát triển du lịch miền Trung	Giai đoạn 2000 - 2012
Tốc độ tăng trưởng số lượt khách	9,7
Tốc độ tăng số lượt KQT	16,4
Tốc độ tăng số lượt VNĐ	17,3
Tốc độ tăng thu nhập từ hoạt động du lịch	17,2
Tốc độ tăng số lượng lao động trong ngành du lịch	11,3

*Nguồn: Xử lý theo số liệu của Văn phòng Đại diện Bộ VH-TT-DL tại miền Trung*

Tốc độ tăng trưởng bình quân của tổng số lượt khách đến miền Trung giai đoạn 2000 – 2012 chỉ đạt 9,7%/năm, trong đó tốc độ tăng bình quân số lượt khách quốc tế là 16,4%/năm và tốc độ tăng bình quân số lượt khách nội địa là 17,3%/năm. Bên cạnh đó, tốc độ tăng thu nhập từ hoạt động du lịch vẫn thấp cho thấy nơi đây chưa có những sản phẩm mang tính đột phá để khách tăng chi tiêu của họ. Theo đó, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch cũng tăng lên để đáp ứng nhu cầu du khách, các cơ sở kinh doanh lữ hành cũng tăng. So với năm 2000, số lượng cơ sở lưu trú tại miền Trung năm 2012 đã tăng 12,3 lần, cơ sở kinh doanh lữ hành tăng 2,6 lần. Việc tăng trưởng có tăng về mặt số lượng nhưng theo đánh giá của Tổng cục Du lịch thì chất lượng chưa đảm bảo. Hơn nữa, để đánh giá sự phát triển du lịch còn dựa vào tỷ lệ đóng góp của du lịch và GDP, ngành du lịch đóng góp tỷ trọng cao vào GDP của miền Trung, năm 2009 chiếm tỷ trọng 9,5% thì đến năm 2012, tỷ trọng đạt 13,5%. So với GDP của cả nước thì phần đóng góp của du lịch miền Trung vẫn còn rất nhỏ bé. Lực lượng lao động trong ngành du lịch tăng bình quân 11,3%/năm nhưng vẫn chưa đáp ứng đủ để phục vụ du khách.

## **2. Đánh giá chung hoạt động khai thác giá trị các di sản văn hóa thế giới nhằm phát triển du lịch**

Nhìn chung trong những năm qua, chính quyền các địa phương nơi có các di sản có chú trọng nhiều đến việc khai thác hợp lý di sản văn hóa thế giới, đặc biệt là chú trọng rất nhiều đến tăng cường phát huy giá trị của các di sản văn hóa thế giới, công tác giữ gìn, bảo vệ, trùng tu và tôn tạo các di tích, đảm bảo hoạt động khai thác đem lại lợi ích cho cộng đồng và quan tâm đến bảo vệ môi trường. Hoạt động khai thác giá trị các di sản nhằm phát triển du lịch trong thời gian qua đã đạt được một số thành tựu sau:

Thứ nhất, về tăng cường giá trị của các di sản văn hóa thế giới, hoạt động khai thác trong thời gian qua đã chú trọng đến phát huy các giá trị độc đáo và đặc sắc của di sản văn hóa thế giới, có cách thức khai thác phù hợp với từng loại di sản văn hóa thế giới. Ngoài ra công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể được đặt lên hàng đầu, nguồn kinh phí được sử dụng cho công tác này được huy động từ nhiều nguồn khác nhau. Tuy đây là số tiền không nhỏ nhưng chính quyền địa

phương luôn nỗ lực hết sức mình để hoàn thành sứ mệnh đã được Chính phủ và nhân dân giao phó.

Thứ hai, việc khai thác du lịch tại các di sản văn hóa thế giới đã phần nào đem lại lợi ích kinh tế cho cộng đồng, người dân địa phương có được việc làm nhờ sự phát triển du lịch, đời sống nhân dân được cải thiện và ổn định. Riêng người dân tại Hội An và Huế đã hưởng lợi trực tiếp từ di sản.

Thứ ba, môi trường chính trị, trật tự an toàn xã hội nơi có các di sản luôn tốt, đây là một thuận lợi vô cùng to lớn cho các địa phương trong quá trình khai thác và phát triển du lịch, đóng góp vào quá trình phát triển bền vững du lịch.

Bên cạnh đó, việc khai thác du lịch tại các di sản thế giới có những hạn chế sau:

Thứ nhất đó là do đặc điểm đa dạng và tính phức tạp của hệ thống di sản thế giới, mỗi di sản đều có những đặc điểm khác biệt làm cho việc khai thác gặp nhiều khó khăn, phát huy giá trị di sản phục vụ phát triển du lịch còn nhiều bất cập. Hơn nữa tình trạng phát huy giá trị di sản, khai thác tiềm năng du lịch tại khu vực di sản sai mục đích, thương mại hóa các giá trị, khai thác quá mức cho phép giá trị các di sản.

Thứ hai, việc đầu tư bảo tồn, phát triển tài nguyên du lịch, bảo tồn di sản phục vụ du lịch còn manh mún, dàn trải, thiếu đồng bộ; quản lý đầu tư phát triển, kinh doanh dịch vụ du lịch còn thiếu tính chuyên nghiệp.

Thứ ba, thiếu cơ chế tạo điều kiện để cộng đồng dân cư khu vực di sản tham gia đầu tư phát triển du lịch, cũng như khai thác văn hóa, nghệ thuật dân gian, ngành, nghề thủ công truyền thống phục vụ du lịch, lợi ích kinh tế cho cộng đồng từ du lịch còn hạn chế.

Thứ tư, quản lý nhà nước trong phát triển du lịch tại khu vực di sản cũng còn nhiều mặt bất cập. Các chủ thể khách du lịch chưa rõ ràng, chủ yếu là chính quyền địa phương nơi có di sản, các đối tượng khác chưa được quan tâm đúng mức trong quá trình khai thác.

Thứ năm, môi trường tại các nơi có di sản vẫn chưa được đảm bảo, ô nhiễm môi trường gây ảnh hưởng xấu đến xã hội và du khách.

Thứ sáu, hoạt động truyền thông cho các di sản vẫn còn chưa được chú trọng nhiều. Các địa phương vẫn chưa thật sự liên kết với nhau trong việc thực hiện quảng bá cho các di sản. Việc tổ chức các chiến dịch, các sự kiện để thu hút khách đạt hiệu quả không cao. Vẫn chưa tạo được một dấu ấn nào thật sự ấn tượng với du khách để thu hút khách đến nhiều hơn. Vai trò của các hướng dẫn viên chưa thật sự được phát huy.

Vấn đề phát triển du lịch trên cơ sở phát huy các giá trị tài nguyên du lịch trong đó có di sản thế giới là nhiệm vụ cấp bách và phức tạp. Vì vậy cần có một số giải pháp nhằm tìm kiếm mô hình, cơ chế phối hợp của mọi ngành, mọi cấp quản lý nhà nước, cộng đồng dân cư và doanh nghiệp trong quản lý phát triển và khách du lịch với mục tiêu là bảo tồn gìn giữ các di sản cho thế hệ mai sau, phát triển bền vững các di sản đồng thời phát huy giá trị các di sản văn hóa của nhân loại.

*Bảng 2: Tổng hợp đánh giá hoạt động khai thác du lịch tại các di sản văn hóa thế giới*

*(Phụ lục 1, trang 225)*

*Bảng 3: Tổng hợp các tiêu chí đánh giá hoạt động khai thác du lịch tại các di sản văn hóa thế giới*

*(Phụ lục 2, trang 230)*

### **3. Đánh giá của các chuyên gia**

Để có được một cái nhìn tổng quát hơn về việc khai thác giá trị di sản văn hóa thế giới tại miền Trung, đồng thời có được cơ sở đề xuất các giải pháp khai thác hợp lý các di sản văn hóa thế giới nhằm phát triển du lịch miền Trung, tác giả đã sử dụng phương pháp chuyên gia, qua trao đổi ý kiến với các chuyên gia trong lĩnh vực du lịch cũng như các chuyên gia điều hành và quản lý tại các nơi có di sản về cách đánh giá cho điểm dựa trên các tiêu chí khai thác hợp lý được đề xuất, thang điểm sử dụng từ 1 đến 5 cụ thể như sau:

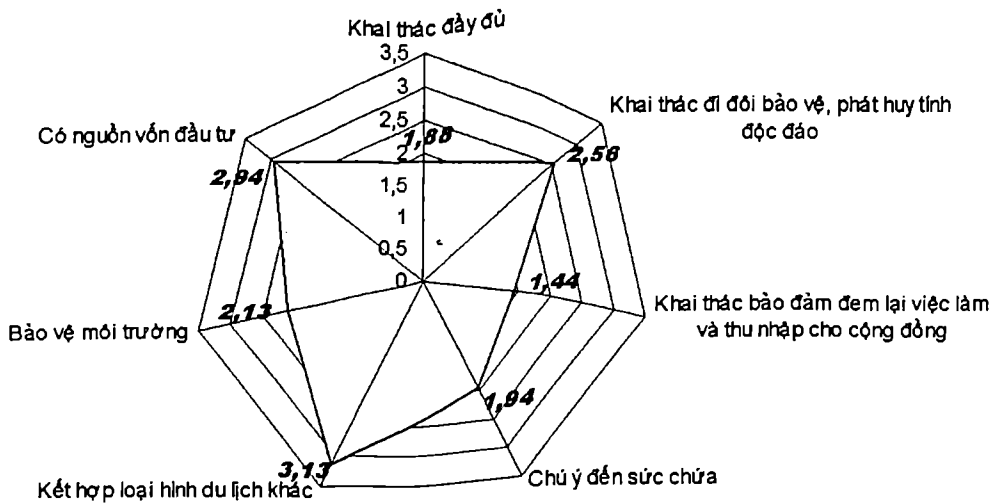
+ Về khai thác hợp lý giá trị di sản văn hóa thế giới đô thị cổ Hội

An: đánh giá và cho điểm, mỗi yếu tố đánh giá theo thang điểm từ 1 đến 5 (điểm cao nhất là 5 và thấp nhất là 1).

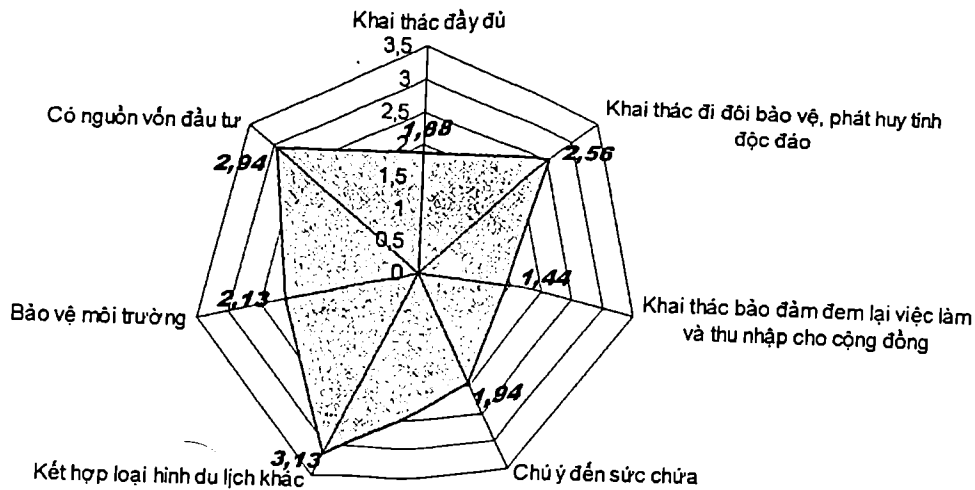
+ Về khai thác hợp lý giá trị di sản văn hóa thế giới Thánh địa Mỹ Sơn: đánh giá và cho điểm, mỗi yếu tố đánh giá theo thang điểm từ 1 đến 5 (điểm cao nhất là 5 và thấp nhất là 1).

+ Về khai thác hợp lý giá trị di sản văn hóa thế giới Quần thể di tích cố đô Huế: đánh giá và cho điểm, mỗi yếu tố đánh giá theo thang điểm từ 1 đến 5 (điểm cao nhất là 5 và thấp nhất là 1).

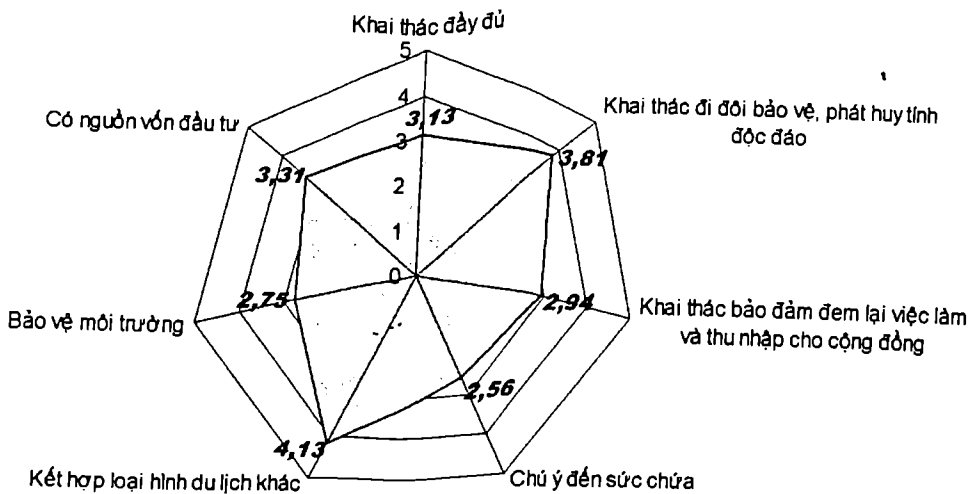
Kết quả đánh giá của các chuyên gia được biểu diễn qua các biểu đồ sau:



*Biểu đồ 2.1. Đánh giá về khai thác hợp lý di sản văn hóa thế giới đô thị cố Hội An*



*Biểu đồ 2.2. Đánh giá về khai thác hợp lý di sản văn hóa thế giới Thánh địa Mỹ Sơn*



*Biểu đồ 2.3. Đánh giá về khai thác hợp lý di sản văn hóa thế giới Quần thể di tích cố đô Huế*

Đối với hoạt động khai thác giá trị di sản văn hóa thế giới Thành nhà Hồ, đây là di sản được UNESCO công nhận gần đây, hoạt động khai thác vẫn chưa được chú trọng nhiều. Ông Đỗ Quang Trọng, Giám đốc trung tâm Bảo tồn di sản Thành nhà Hồ cho rằng hiện nay hoạt động khai thác du lịch tại di sản này còn manh mún, nhỏ lẻ, cơ sở hạ tầng còn thiếu thốn, dịch vụ còn nghèo nàn, nguồn nhân lực du lịch chưa có, quản lý nhà nước về du lịch còn hạn chế. Hình ảnh về du lịch

Thành nhà Hồ còn mờ nhạt với các đối tượng khách du lịch, chưa tạo được dấu ấn riêng. Hiện Thành nhà Hồ vẫn đang trong quá trình nghiên cứu và có thêm nhiều phát hiện có giá trị. Nhìn chung di sản này đang ở trong giai đoạn đầu của quá trình khai thác, vấn đề khai thác hợp lý hiện chưa được quan tâm nhưng sẽ được cân nhắc xem xét trong thời gian đến.

# CÁC ĐIỀU KIỆN KHAI THÁC DU LỊCH TẠI MIỀN TRUNG

## 1. Điều kiện về tự nhiên, kinh tế, xã hội

Với vị trí địa lý nằm ở Trung Bộ đất nước, có nhiều dạng địa hình làm cho nơi đây có tiềm năng du lịch phong phú và đa dạng về các loại hình du lịch như du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, du lịch biển để có thể xây dựng nhiều chương trình du lịch phong phú, đa dạng và độc đáo để phục vụ cho các đối tượng khách. Có nhiều nơi có đủ các dạng địa hình như núi, rừng, sông, biển, đầm, phá. Miền Trung lại nằm trong khu vực có thời tiết khắc nghiệt, thường gặp nhiều thiên tai, bão lũ, ảnh hưởng đến hoạt động du lịch. Do có đèo Hải Vân chắn ngang ở phía Bắc nên khí hậu Trung Trung Bộ ít chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc và gió Lào tây nam. Đặc điểm này là một thuận lợi của du lịch các tỉnh trong khu vực này, hoạt động du lịch có thể kéo dài nhiều tháng trong năm và thích hợp đối với các loại hình nghỉ ngơi, giải trí, thuận lợi cho việc xây dựng và thực hiện các chương trình du lịch của các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành. Khu vực miền Trung được thiên nhiên ban tặng cho một kho tàng phong phú các tài nguyên thiên nhiên, tạo nên lợi thế trong việc thu hút khách du lịch. Với thế mạnh về du lịch biển, đảo, du lịch lịch sử, văn hóa, những tiềm năng này góp phần nâng cao sức hấp dẫn của khu vực so với các vùng du lịch khác. Du lịch miền Trung có điều kiện thuận lợi với bờ biển dài, các bãi biển đẹp, các món ăn mang đặc trưng hương vị biển và những con người miền Trung hiền hòa mến khách. Hơn nữa, các di sản văn hóa thế giới hầu như tập trung hết ở khu vực miền Trung là lợi thế lớn. Tiềm năng du lịch văn hóa phong phú, đa dạng với các di sản văn hóa thế giới độc đáo, các di tích quốc gia, các lễ hội đặc sắc là yếu tố cốt lõi để phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù đã thúc đẩy sự tăng trưởng lượng khách du lịch đến miền Trung. Tuy

nhiên, sức cạnh tranh của du lịch miền Trung chưa đủ lớn để thu hút khách bởi vì tình hình khai thác du lịch trong thời gian qua còn nhỏ lẻ, chưa thực sự tương xứng với tiềm năng.

Bên cạnh đó, kinh tế có vai trò quan trọng và quyết định đối với hoạt động kinh doanh du lịch của miền Trung. Du lịch miền Trung đang đứng trước vận hội mới, vị thế đang dần được nâng lên. Việc gia nhập vào Tổ chức kinh tế thế giới WTO thúc đẩy việc cải thiện và mở rộng các mối quan hệ kinh tế song phương, đa phương giữa Việt Nam và thế giới nói chung, giữa miền Trung với các nước nói riêng. Từ đó góp phần giúp môi trường đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực du lịch ngày một thông thoáng hơn, cạnh tranh tự do và bình đẳng hơn. Đây cũng là điều kiện thúc đẩy các thành phần kinh tế tham gia vào các hoạt động kinh doanh và phát triển du lịch. Tuy nhiên, do tình hình lạm phát của Việt Nam gia tăng đã làm cho giá các dịch vụ gia tăng, điều đó cũng có những ảnh hưởng nhất định đến hoạt động khai thác thị trường khách và kinh doanh du lịch tại Việt Nam nói chung và tại miền Trung nói riêng. Hơn nữa, ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới đã có ảnh hưởng đến du lịch miền Trung, làm số lượng khách du lịch quốc tế giảm sút, do khách du lịch gặp những khó khăn, thu nhập hạn chế nên không đủ khả năng thanh toán cho nhu cầu du lịch. Điều này cũng đã làm cho các đơn vị kinh doanh du lịch phải đối mặt với nhiều thách thức trong quá trình hoạt động. Cuộc khủng hoảng cũng đã làm cho việc thu hút các nhà đầu tư bị chững lại. Tuy nhiên, sau khi tình hình phát triển kinh tế trên thế giới và trong khu vực dần dần được ổn định, cuộc khủng hoảng lắng xuống đã có những ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của ngành du lịch. Cùng với sự tăng lên của nền kinh tế, đời sống của nhân dân phần nào cũng được cải thiện. Số lượng người dân Việt Nam đi du lịch ngày càng tăng lên, chi tiêu cho du lịch cũng nhiều hơn. Miền Trung là địa chỉ đang thu hút nhiều khách du lịch trong nước và quốc tế. Khi hoạt động kinh doanh du lịch ngày càng phát triển, đời sống của cộng đồng cư dân địa phương ngày càng khá hơn do sự tham gia của người dân vào ngành kinh tế này. Người dân có được công ăn việc làm để ổn định kinh tế, tăng thu nhập, từng bước xóa đói giảm nghèo. Ổn định về kinh tế là tiền đề để thực hiện tốt mục tiêu phát triển bền vững.

Hoạt động du lịch tạo thuận lợi cho sự giao lưu văn hóa giữa các

dân tộc khác nhau. Chính sự khác nhau về văn hóa tạo nên nét đặc trưng thu hút của mỗi nền văn hóa. Mỗi dân tộc đều muốn tìm hiểu về phong tục tập quán, truyền thống văn hóa của các dân tộc khác. Việt Nam có một nền văn hóa vô cùng đa dạng và phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc. Nền văn hóa này có sức thu hút mạnh mẽ đối với người dân ở các nước phương Tây. Những giá trị văn hóa luôn có sức hấp dẫn lâu đời, không có gì tác động làm thay đổi. Khu vực miền Trung là nơi tồn tại những di tích của nền văn hóa Sa Huỳnh, Chăm-pa, Trung Quốc, Nhật Bản. Miền Trung được ưu đãi nhiều bởi con người và thiên nhiên nên các di sản thế giới tập trung gần như hầu hết ở khu vực miền Trung, đây cũng là những nhân tố tiền đề kích thích động cơ du lịch của du khách. Họ muốn tìm về những giá trị truyền thống lâu đời và độc đáo để mở mang thêm kiến thức cũng như thoả mãn nhu cầu hiểu biết của mình. Ngoài ra các làng quê còn nguyên vẹn nét hoang sơ, những làng nghề thủ công truyền thống luôn là những nơi được du khách tìm đến tham quan, chiêm ngưỡng, khám phá, và nâng cao nhận thức của mình. So với các khu vực khác, miền Trung có lợi thế là có một nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, người dân cũng chịu ảnh hưởng rất nhiều từ nền văn hóa ấy nên con người ở đây rất thân thiện, hòa đồng và rất hiếu khách. Điều đó đã tạo điều kiện thuận lợi trong việc khai thác vì chính con người cũng là một yếu tố để thu hút và hấp dẫn khách du lịch. Vốn quý nhất và cũng là thế mạnh của miền Trung chính là con người cần cù thông minh, có ý chí vượt khó để vươn lên, có ý thức kỉ luật, có niềm hăng say lao động và đam mê sáng tạo. Đây là tiềm năng và lợi thế lớn, nhưng cần có chính sách phát triển phù hợp mới phát huy thế mạnh, tạo cơ sở để chuyên sang kinh tế tri thức, sáng tạo, có giá trị gia tăng ngày càng cao.

Cùng với sự phát triển như vũ bão của công nghệ thông tin, việc ứng dụng các thành tựu của khoa học công nghệ vào du lịch đã góp phần làm tăng trưởng nhanh chóng ngành công nghiệp không khói này. Hầu hết các khách sạn, hãng lữ hành ở miền Trung đều sử dụng nối kết mạng với nhau để tạo điều kiện thuận lợi trong việc đặt giữ chỗ cho khách. Mạng lưới thông tin CRS (hệ thống đặt giữ chỗ trung tâm) đã thực sự phát triển nhờ vào hệ thống máy tính, giúp cho việc đặt giữ chỗ trở nên dễ dàng hơn. Thương mại điện tử ra đời giúp du khách dễ dàng

hơn trong việc lựa chọn chuyến đi cũng như tiện nghi khác trong suốt quá trình đi du lịch phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng và sở thích. Số lượng du khách đặt chỗ qua mạng Internet ngày càng tăng vì đây là một công cụ hữu ích giúp cho việc đi du lịch của du khách được hiệu quả hơn. Chính sự tiện lợi này đã đem lại nhiều lợi ích to lớn cho khách du lịch. Kinh doanh du lịch trực tuyến là một xu hướng mới trong thời đại bùng nổ thông tin ngày nay. Hơn nữa, nhờ hệ thống máy vi tính làm cho việc lưu trữ dữ liệu tại các doanh nghiệp du lịch cũng dễ dàng hơn, tạo mối quan tâm giữa đơn vị với du khách nhờ hệ thống thông tin được lưu giữ trên máy.

Chính phủ và Nhà nước cũng đã ban hành Luật Du lịch và nhiều văn bản hướng dẫn tạo ra một môi trường pháp lý rõ ràng hơn trong hoạt động kinh doanh du lịch. Đây là một trong những yếu tố thuận lợi cơ bản cho công tác quản lý và định hướng phát triển du lịch của đất nước, đưa du lịch Việt Nam ngang tầm với các nước trong khu vực. Việt Nam còn là một nước an toàn nhất khu vực nên du khách luôn lựa chọn đây là điểm đến của họ. Chính trị ổn định được xem như là một tiền đề tốt để phát triển hoạt động kinh doanh du lịch. Sự bền vững về chính trị luôn là một yếu tố tốt đối với bất cứ quốc gia nào trong bảng đánh giá xếp hạng. Quốc gia nào càng ổn định thì càng có nhiều cơ hội để phát triển.

## **2. Điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch**

Trong những năm gần đây, du lịch miền Trung có những bước phát triển vượt bậc. Lượng khách du lịch đến miền Trung luôn tăng với tốc độ tăng bình quân là 9,7%/năm. Có được thành tích đó là nhờ sự cố gắng nỗ lực của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trong khu vực đã chủ động trong khai thác các thị trường khách. Lực lượng kinh doanh du lịch phát triển mạnh ở miền Trung, với cơ chế mới đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thực hiện hoạt động kinh doanh mang lại hiệu quả. Số lượng khách sạn ở miền Trung chiếm tỷ lệ 23,52% với các cơ sở có chất lượng phục vụ cao, các trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, cung cấp các dịch vụ tuyệt hảo giúp du khách thỏa mãn nhu cầu trong chuyến đi. Ngoài ra, các đơn vị kinh doanh lữ hành ở miền Trung có quan hệ với nhiều trung gian trong và ngoài nước để thuận tiện trong việc trao đổi

khách và giới thiệu khách. Các đơn vị kinh doanh lữ hành lớn có cả các văn phòng đại diện tại nước ngoài, ngoài việc mở rộng thị trường còn có cả mục đích thiết lập và duy trì mối quan hệ với các thị trường khách, tạo cơ hội cho việc giao thương cũng như nâng cao chất lượng của các sản phẩm du lịch, tạo sự dị biệt và góp phần vào công cuộc phát triển du lịch của đất nước. Đề khai thác được thị trường khách, vai trò của các trung gian phân phối là rất quan trọng. Tuy các khách hàng có thể liên hệ trực tiếp với các đơn vị cung ứng dịch vụ du lịch riêng lẻ như khách sạn, các hãng vận chuyển nhưng các đại lý du lịch vẫn là trung gian phân phối chính trong du lịch. Đại lý du lịch thực chất là một loại hình doanh nghiệp lữ hành thực hiện với chức năng chính là làm trung gian bán các chương trình du lịch cho T.O<sup>(1)</sup> và các đơn vị cung ứng dịch vụ riêng lẻ khác để hưởng hoa hồng, đại lý du lịch được xem như là một mắt xích trong kênh phân phối trong du lịch. Tuy nhiên hiện nay, số lượng đại lý du lịch hoạt động ở miền Trung không nhiều, chủ yếu vẫn là các đơn vị kinh doanh lữ hành vừa xây dựng, vừa bán và thực hiện chương trình du lịch cho khách, chưa có sự tách biệt rạch ròi giữa chức năng của T.O và đại lý du lịch mà vẫn còn rất nhập nhằng, do đó kênh phân phối du lịch tại miền Trung chưa rõ ràng và số lượng trung gian phân phối còn hạn chế.

Bên cạnh đó, miền Trung còn có hệ thống giao thông khá thuận tiện, có các cửa khẩu quốc tế đường không, đường bộ và các cảng biển đã tạo điều kiện thuận lợi cho du khách, vì thế lượng khách đến với khu vực ngày càng tăng. Với các lợi thế đã có, du lịch miền Trung đã chú trọng thu hút khách du lịch văn hóa với các di sản văn hóa thế giới, các lễ hội đặc sắc ở các địa phương đã thu hút được khách du lịch văn hóa lễ hội, với di sản thiên nhiên thế giới Phong Nha Kẻ Bàng, rừng quốc gia Bạch Mã, khu du lịch Bà Nà Hills thu hút được khách du lịch sinh thái, ngoài ra còn thu hút được một số lượng lớn khách du lịch biển với bờ biển dài và các bãi biển đẹp dọc miền Trung.

### **3. Điều kiện về sự đồng thuận của cộng đồng cư dân địa phương**

Sự phát triển du lịch tại một địa phương, một khu vực làm cuộc

---

(1) T.O: Tour Operator, công ty lữ hành chuyên sản xuất và thực hiện các chương trình du lịch.

sống của người dân ở đây cũng tăng trưởng theo. Và ngược lại, cộng đồng người cũng có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển du lịch của địa phương đó, khu vực đó. Một môi trường dân cư tiến bộ, có nhận thức tốt về xã hội sẽ là chất xúc tác tạo điều kiện nâng cao chất lượng của các sản phẩm du lịch. Du lịch chỉ có thể được phát triển, nâng cao sức cạnh tranh so với các khu vực khác khi và chỉ khi có được sự đồng thuận của người dân và họ cũng thấy được lợi ích do du lịch mang lại cho họ. Chính vì nhận thức được những lợi ích mang lại cho cuộc sống của mình mà người dân miền Trung luôn có thái độ thân thiện, hiếu khách, điều đó đã tạo một hình ảnh khó quên trong lòng du khách. Người dân luôn đồng lòng hưởng ứng các chủ trương của địa phương trong phát triển du lịch.

# **CÁC CƠ HỘI, THÁCH THỨC, ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU TRONG KHAI THÁC DU LỊCH MIỀN TRUNG**

## **1. Các cơ hội trong khai thác du lịch miền Trung**

Miền Trung đang đứng trước những vận hội lớn để phát triển du lịch khi Việt Nam đã trở thành thành viên của Tổ chức thương mại thế giới WTO. Các mối quan hệ đa phương, song phương ngày càng được mở rộng trong các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội cũng là cơ hội lớn cho du lịch miền Trung.

Thứ hai, nhờ tiếng vang của việc gia nhập WTO và tổ chức thành công Hội nghị cấp cao APEC tại Hà Nội, dòng khách du lịch từ khắp nơi về đây để được chứng kiến sự chuyển mình của đất nước Việt Nam. Bên cạnh đó một lượng lớn khách cũng đến đây để tìm kiếm cơ hội đầu tư và hợp tác kinh doanh, nhiều dự án lớn về du lịch được ký kết. Số lượng khách du lịch MICE (Meeting – Incentive – Conference - Event) không ngừng tăng lên và được coi là thị trường trọng điểm cần phải hướng tới. Nhiều đoàn khách đã chuyển địa điểm tổ chức du lịch, hội nghị từ Thái Lan, Malaysia sang Việt Nam vì mối quan tâm đến thị trường này. Đó là do Việt Nam là một trong những điểm đến an toàn và thân thiện nhất trong khu vực. Ngoài các nhà đầu tư lớn về du lịch quan tâm, hàng loạt các tập đoàn tài chính, ngân hàng, bảo hiểm đang tích cực, bước đầu thâm nhập thị trường du lịch đầy tiềm năng này. Hiện nay Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn quan tâm tới việc tạo môi trường đầu tư thông thoáng, tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích các thành phần kinh tế có thể tham gia đầu tư vào lĩnh vực du lịch, cạnh tranh lành mạnh và bình đẳng trước pháp luật. Cơ hội phát triển du lịch đang mở ra trước mắt đối với các nhà quản lý du lịch ở miền Trung trên nền tảng phát triển du lịch Việt Nam.

Thứ ba, với vị trí nằm ở trung độ đất nước, có các cơ sở hạ tầng tương đối thuận lợi với hệ thống sân bay, cảng biển, nhà ga được đầu tư đồng bộ. Hệ thống giao thông nằm trên tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây cũng là cơ hội kết nối mạng lưới giao thông nước ta với giao thông các nước nằm trên trục đường xuyên Á. Nhờ đó tạo cho du lịch những bước phát triển đáng kể nhất là du lịch quốc tế bằng đường bộ. Thời gian vừa qua có rất nhiều đoàn khách Canavan vào Việt Nam thông qua cửa ngõ quốc tế này. Miền Trung cũng đã rút ngắn khoảng cách với các nước trong khu vực, từ đó tạo nên một sản phẩm du lịch đặc sắc của thế giới, là điểm dừng chân lý tưởng cho du khách gần xa. Đảng và Nhà nước đã và đang quan tâm tới phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội, trong đó đặc biệt là hạ tầng giao thông vận tải, thông tin, dịch vụ du lịch, nơi vui chơi giải trí, văn hóa... đây chính là sự quan tâm tạo những điều kiện cần thiết để phát triển du lịch.

Thứ tư, sự cạnh tranh trong hội nhập là cơ hội để các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực du lịch vươn lên tự khẳng định và hoàn thiện mình, phải có ý thức nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ và đa dạng hóa sản phẩm du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu trong nước và quốc tế.

Thứ năm, hội nhập kinh tế quốc tế là cơ hội để Việt Nam có thể tiếp cận được với các nước trên thế giới về đào tạo nguồn nhân lực du lịch có trình độ quốc tế, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của thị trường trong nước và theo kịp trình độ quốc tế về du lịch.

Qua phân tích cho thấy các cơ hội trong khai thác du lịch miền Trung như sau:

- Đảng và Nhà nước luôn quan tâm tới việc tạo môi trường đầu tư thông thoáng.

- Đảng và Nhà nước quan tâm tới phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội.

- Sự cạnh tranh trong hội nhập là cơ hội để các doanh nghiệp kinh doanh du lịch vươn lên tự khẳng định mình.

- Hội nhập kinh tế quốc tế là cơ hội để tiếp cận được các nước trên thế giới về đào tạo nguồn nhân lực du lịch.

- Chính trị ổn định trong thời gian dài.

## **2. Các thách thức trong khai thác du lịch miền Trung**

Mặc dầu có được một tiềm năng du lịch vô cùng phong phú như vậy nhưng thực sự hiệu quả mà du lịch đem lại cho sự phát triển của miền Trung chưa lớn. Du lịch Việt Nam đang trong giai đoạn ban đầu gia nhập WTO, cho nên phải vừa hợp tác, vừa tìm hiểu cơ chế và luật chơi quốc tế. Các quy định pháp lý về quản lý du lịch chưa đầy đủ và còn không ít bất cập đối với hoạt động kinh doanh du lịch. Vì vậy có nhiều hạn chế và khó khăn trong khi hệ thống luật pháp chưa hoàn chỉnh. Các doanh nghiệp kinh doanh du lịch phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trong hoàn cảnh Việt Nam còn nhiều khó khăn hạn chế, như: hệ thống cơ sở hạ tầng còn kém phát triển, hệ thống giao thông đường bộ, hàng không, cầu cảng còn lạc hậu, chất lượng thấp. Năng lực cạnh tranh của du lịch nước ta còn thấp bởi dịch vụ chưa đa dạng, cơ sở hạ tầng không theo kịp tốc độ phát triển, chất lượng dịch vụ còn kém, giá cả cao, sản phẩm du lịch chưa đa dạng và không phong phú. Vì thế du lịch Việt Nam vẫn chưa giữ chân được khách, thời gian lưu trú thấp, tỷ lệ du khách quay lại lần hai còn hạn chế. Lượng khách đến miền Trung và đến các di sản vẫn chỉ là một con số khiêm tốn. Du lịch miền Trung vẫn chưa phát triển tương xứng với tiềm năng. Bên cạnh đó, lực lượng lao động đang là một vấn đề còn nhiều bất cập, lao động còn thiếu và yếu, thiếu lao động quản lý giỏi, thiếu lao động có chuyên môn nghiệp vụ cao và lao động còn yếu về tay nghề, yếu về ngoại ngữ và còn thiếu kinh nghiệm. Chất lượng lao động chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của ngành, nhân viên thường xuyên tiếp xúc với khách hàng còn kém về kỹ năng giao tiếp, quảng bá và giới thiệu sản phẩm, do đó chưa đáp ứng được nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

Hơn nữa ý thức của người dân còn hạn chế phần nào cũng đã ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch nơi đây. Việc tự ý tăng giá dịch vụ vào mùa cao điểm đã ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách, làm cho khách không quay trở lại ở những lần sau.

Sự phát triển không ngừng của du lịch đã kéo theo sự ô nhiễm và suy thoái môi trường. Lượng chất thải từ sinh hoạt của khách du lịch, lượng nước thải tăng gây ô nhiễm nguồn nước. Ô nhiễm tiếng ồn và

ô nhiễm không khí tại các đô thị do tập trung một lượng lớn du khách là một thách thức đặt ra cho miền Trung trên con đường phát triển du lịch. Hơn nữa, quá trình mở cửa, hội nhập du lịch cũng có thể gây ảnh hưởng và làm phức tạp hóa một số vấn đề liên quan đến an ninh, trật tự xã hội, giữ gìn thuần phong mỹ tục Việt Nam. Du lịch miền Trung còn chịu ảnh hưởng nặng nề của tình hình khủng hoảng kinh tế, tài chính, bất ổn chính trị, xung đột, khủng bố, dịch bệnh diễn ra ở các nước trong khu vực cũng như tại các thị trường trọng điểm. Biến đổi khí hậu ngày càng gây ra những hậu quả nghiêm trọng ảnh hưởng lớn đến hoạt động du lịch hiện nay.

Các thách thức trong khai thác du lịch miền Trung:

- Các doanh nghiệp kinh doanh du lịch cạnh tranh với nhau rất gay gắt trong thời kỳ hội nhập kinh tế.
- Hội nhập tạo nguy cơ phá hoại môi trường và cảnh quan.
- Quá trình mở cửa hội nhập gây ảnh hưởng và làm phức tạp hóa một số vấn đề liên quan đến an ninh, trật tự xã hội, giữ gìn thuần phong mỹ tục.

### **3. Các điểm mạnh trong khai thác du lịch miền Trung**

Từ việc phân tích thực trạng về hoạt động khai thác du lịch tại khu vực miền Trung thời gian qua cho thấy các điểm mạnh trong khai thác du lịch:

- Có bãi biển đẹp, có các di sản văn hóa thế giới có giá trị.
- Con người thân thiện, vui vẻ, hiếu khách.
- Cơ sở hạ tầng phát triển đồng bộ, được quan tâm và đầu tư đúng mức.
- Các doanh nghiệp kinh doanh du lịch có số lượng lớn, đa dạng về hình thức sở hữu, đa dạng về các loại hình dịch vụ như khách sạn, vận chuyển, nhà nghỉ, nhà khách, khu nghỉ dưỡng, khu du lịch, khu vui chơi giải trí, lễ hành.

### **4. Các điểm yếu trong khai thác du lịch miền Trung**

Trong quá trình khai thác kinh doanh du lịch tại miền Trung còn

*có những điểm yếu:*

- Các doanh nghiệp kinh doanh du lịch hiện nay có quy mô nhỏ, chất lượng dịch vụ hạn chế, năng lực quản lý thấp, khả năng cạnh tranh quốc tế yếu.

- *Đội ngũ nhân lực phục vụ ngành du lịch được đào tạo cơ bản ít, trình độ còn hạn chế, thiếu kinh nghiệm.*

- Công tác xúc tiến chưa được đầu tư đúng mức, hình thức quảng bá chưa phong phú, thiếu tính chuyên nghiệp.

- Sản phẩm chưa đa dạng, chưa có nhiều nghiên cứu xây dựng các sản phẩm mới.

# TÌNH HÌNH DU LỊCH TRÊN THẾ GIỚI, TẠI VIỆT NAM VÀ Ở MIỀN TRUNG

## 1. Tình hình du lịch trên thế giới

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, du lịch là một trong những ngành công nghiệp có mức tăng trưởng nhanh nhất trong nửa sau của thế kỷ XX đến đầu thế kỷ XXI. Du lịch được xem như ngành chủ lực để phát triển kinh tế ở cả quốc gia đã phát triển cũng như quốc gia đang phát triển và là giải pháp nhanh nhất, dễ nhất trong việc chống lại sự suy yếu của nền kinh tế. Ngày càng có nhiều quốc gia lựa chọn phát triển và xúc tiến các nguồn lực của mình để thu hút khách du lịch nhiều hơn. Điều này tạo nên sự cạnh tranh và thách thức mới cho các quốc gia để đạt được mục tiêu của mình trong thời gian tới. Theo Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO), du lịch là ngành tạo ra nhiều việc làm nhất trên thế giới, với 207 triệu việc làm trực tiếp hoặc gián tiếp; 75% hành khách của ngành hàng không quốc tế là du khách; du lịch toàn cầu mỗi năm mang lại thu nhập hơn 514 tỉ USD; tại 83% nước trên thế giới, du lịch là một trong năm nguồn thu ngoại tệ lớn nhất, riêng tại các nước vùng Caribê, 50% GDP là từ du lịch. Trong những năm qua, tình hình du lịch thế giới và khu vực có sự tăng trưởng liên tục nhưng khác nhau ở từng giai đoạn. Số lượng khách du lịch quốc tế đạt 940 triệu lượt (năm 2010), 983 triệu lượt (năm 2011) và chạm mốc 1 tỷ lượt (năm 2012). Trong đó, tính đến năm 2011, châu Âu vẫn là thị trường thu hút nhiều khách du lịch quốc tế nhất (504 triệu lượt), tiếp theo là châu Á và Thái Bình Dương (217 triệu lượt). Tổng thu du lịch quốc tế đạt 928 tỷ USD (năm 2010) và 1.030 tỷ USD (năm 2011). Theo dự báo của UNWTO, đến năm 2030, tổng số khách du lịch quốc tế trên toàn cầu sẽ đạt 1,8 tỷ. Sự tăng trưởng này sẽ tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế, bền vững về xã hội và bền vững về môi trường.

## **2. Tình hình du lịch tại Việt Nam**

Theo báo cáo của Tổng Cục Du lịch Việt Nam, Việt Nam hiện nằm trong top 5 điểm đến hàng đầu khu vực ASEAN và top 100 điểm đến hấp dẫn của du lịch thế giới. Mặc dù đạt tốc độ tăng trưởng cao trong năm 2010 (34,8%) và năm 2011 (19,1%) nhưng mức tăng tuyệt đối của Việt Nam vẫn chưa bằng Thái Lan và Singapore. Thị trường nguồn của du lịch Việt Nam (năm 2012) theo khu vực là: Đông Bắc Á (46%), ASEAN (20%), châu Âu (13%), Bắc Mỹ (8%), Thái Bình Dương (5%) và thị trường khác (8%). Mục đích chuyến đi của khách quốc tế đến Việt Nam (năm 2012) là: du lịch, nghỉ ngơi (61%), công việc (17%), thăm thân nhân (17%) và các mục đích khác (5%). Ngoài ra, theo kết quả nghiên cứu của Hội đồng du lịch và lữ hành Thế giới (WTTC) phối hợp với Oxford Economic Forecasting (OEF) thì dự báo Việt Nam xếp hạng 6 trong top 10 các nước phát triển du lịch và lữ hành tốt nhất trong thời gian từ 2007 đến 2016. Năm 2012, Việt Nam được vinh danh trong danh sách nhận Giải thưởng do độc giả bình chọn năm 2012 của Conde Nast Traveler Hoa Kỳ, trong đó phố cổ Hội An được lọt vào danh sách 10 thành phố du lịch hàng đầu châu Á cùng với các thành phố khác như Bangkok, Hong Kong và Kyoto. Như vậy, từ chỗ đứng ở nhóm các nước kém phát triển nhất, ngành du lịch Việt Nam đã từng bước vươn lên hàng trung bình trong khu vực, vượt qua Philippines, chỉ còn sau 4 nước phát triển du lịch hàng đầu trong khu vực là Thái Lan, Singapore, Malaysia và Indonesia. Năm 2012, cả nước đón trên 6,8 triệu khách quốc tế, tăng 13,8% so với năm 2011 và 32,5 triệu khách du lịch nội địa, tăng 8,33% so với năm 2011, doanh thu đạt 160.000 nghìn tỷ đồng, tăng hơn 23% so với năm trước. Đó là dấu ấn quan trọng và ấn tượng, đánh dấu sự lớn mạnh của ngành du lịch, đóng góp vào sự phát triển và tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Du lịch Việt Nam đã bước vào giai đoạn phát triển mới, giai đoạn nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng quan hệ, hợp tác và hội nhập toàn diện với hoạt động du lịch khu vực và thế giới.

## **3. Tình hình du lịch ở miền Trung**

Trong những năm qua, miền Trung đặc biệt chú trọng phát triển du lịch dựa trên các lợi thế về tiềm năng, đặc biệt là các di sản văn hóa thế

giới có giá trị đặc sắc trở thành yếu tố quan trọng trong thu hút khách. Lượng khách quốc tế đến các địa phương có di sản đóng góp một tỷ lệ lớn trong tổng số này, trong khi đó lượng khách nội địa còn chiếm tỷ lệ thấp. Số khách nội địa đến các tỉnh Quảng Nam và Thừa Thiên Huế chỉ chiếm tỷ lệ khoảng 4% so với cả nước, trong khi đó lượng khách nội địa đến Thanh Hóa chiếm tỷ lệ đến 11,11%, ngược lại lượng khách quốc tế đến Thanh Hóa chiếm tỷ lệ rất thấp. Chính quyền các địa phương nơi có các di sản luôn quan tâm nhiều đến việc khai thác hợp lý giá trị các di sản văn hóa thế giới, đặc biệt là tăng cường phát huy giá trị của các di sản văn hóa thế giới tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế do tại một số nơi khai thác sai mục đích và khai thác vượt quá khả năng cho phép, công tác giữ gìn, bảo vệ, trùng tu và tôn tạo các di tích cũng được chú ý nhưng chưa chuyên nghiệp, việc đảm bảo hoạt động khai thác đem lại lợi ích cho cộng đồng đã được quan tâm nhưng phần lợi ích này vẫn còn hạn chế, tuy đã có quan tâm đến bảo vệ môi trường nhưng tại các di sản vẫn còn tình trạng bị ô nhiễm do nước thải, nước đọng. Hoạt động truyền thông về di sản vẫn chưa được chú trọng. Quá trình khai thác giá trị các di sản văn hóa thế giới tại miền Trung đã lộ ra nhiều bất cập, phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Do đó cần thiết phải đề xuất các giải pháp khai thác hợp lý giá trị các di sản văn hóa thế giới nhằm phát triển du lịch miền Trung.

#### **4. Xu hướng du lịch văn hóa hiện nay**

Trong những năm gần đây, hoạt động du lịch ngày càng đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế của nhiều quốc gia. Du lịch là một hiện tượng toàn cầu, tác động trên nhiều mặt đến nền kinh tế, đến xã hội và đến con người. Đối với nhiều quốc gia đang phát triển, du lịch được xem là cứu cánh để phát triển kinh tế, giảm nghèo cho đất nước. Trong tiến trình hội nhập và phát triển kinh tế của một nước thì truyền thống văn hóa và các tiềm năng du lịch chính là động lực quan trọng góp phần thúc đẩy quá trình phát triển, đưa du lịch nhanh chóng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Có thể nói rằng loại hình du lịch văn hóa đã và đang trở thành một loại hình thu hút được sự chú ý của nhiều đối tượng khách vì nó giúp mọi người trên thế giới hiểu nhau hơn, xích lại gần nhau hơn. Cùng với sự phát triển kinh tế, xu thế du lịch văn hóa cũng đã tăng nhanh trên phạm vi toàn cầu. Du khách các nước đặc biệt quan tâm

nhiều đến các địa danh du lịch giàu tài nguyên văn hóa, nơi họ sẽ được khám phá những giá trị văn hóa đặc sắc của các dân tộc. Nhờ đó du khách có thể cảm nhận được giá trị văn hóa của mỗi quốc gia, của mỗi dân tộc cũng như tìm hiểu về những tinh hoa, những bí ẩn của những nền văn minh khác nhau. Mỗi nền văn hóa luôn chứa đựng những giá trị khác biệt mà không nơi nào có, làm cho họ có cảm giác thích thú và mong muốn được khám phá. Chính sự đa dạng văn hóa là yếu tố cơ bản để thu hút khách. Đặc biệt mỗi quốc gia lại chứa đựng trong lòng những tài nguyên du lịch vô cùng phong phú, đặc biệt là các di sản văn hóa thế giới của nhân loại là nhân tố chính để thu hút du khách trên khắp năm châu. Xu hướng hiện nay trên thế giới người ta lại ưa chuộng hình thức du lịch văn hóa nhiều hơn, nhờ có loại hình này mà người ta có thể được mở mang kiến thức, nâng cao tầm hiểu biết, được khám phá về những nền văn hóa khác lạ với nơi mình sinh sống, những điệu ca, giọng hát, những lễ hội, lịch sử, những phong tục tập quán và cả những di sản văn hóa nhân loại được giữ gìn và truyền lại qua bao đời. Nhờ đó mà hoạt động du lịch được phát triển, góp phần mở rộng giao lưu, cải thiện đời sống tinh thần cho nhân dân, phát triển nền kinh tế xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, đáp ứng yêu cầu đổi mới của đất nước. Đặc biệt việc bảo tồn và phát huy các thế mạnh văn hóa truyền thống đã giúp cho các địa phương tạo được nét hấp dẫn riêng của mình.

# **CÁC ĐỊNH HƯỚNG KHAI THÁC HỢP LÝ CÁC DI SẢN VĂN HÓA THẾ GIỚI VẬT THỂ TẠI MIỀN TRUNG**

## **1. Định hướng khai thác du lịch văn hóa nhằm phát triển du lịch miền Trung**

- Hình thành các sản phẩm du lịch đặc trưng của miền Trung như du lịch văn hóa, du lịch văn hóa di sản, gắn liền các giá trị văn hóa hữu hình và các giá trị văn hóa vô hình làm tăng khả năng hấp dẫn khách du lịch đến miền Trung.

- Hình thành các tuyến du lịch gắn kết các di sản với nhau.

- Đầu tư cho việc trùng tu, tôn tạo, bảo vệ các di sản, di tích, phát huy giá trị di sản, khôi phục lễ hội, các làng nghề.

- Thực hiện chương trình truyền thông quảng bá về di sản đến khách hàng mục tiêu.

- Chú trọng xây dựng môi trường du lịch hấp dẫn.

- Phát triển nguồn nhân lực du lịch để có đủ nguồn cung lao động cung cấp cho ngành du lịch trong khu vực, nâng cao chất lượng của đội ngũ lao động trong du lịch.

## **2. Định hướng khai thác hợp lý các di sản văn hóa thế giới vật thể tại miền Trung**

- Chú trọng tăng cường giá trị của các di sản văn hóa thế giới để tăng tính hấp dẫn của các sản phẩm du lịch văn hóa tại miền Trung, đặc biệt thông qua các hoạt động quảng bá, tuyên truyền để giúp du khách hiểu rõ hơn về các giá trị đặc sắc, đồng thời giáo dục ý thức bảo vệ các giá trị đó.

- Tăng cường huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước cho hoạt động trùng tu, tôn tạo và bảo vệ các di tích tại di sản.

- Xác định rõ trách nhiệm của chủ thể quản lý và khai thác giá trị các di sản văn hóa thế giới.

- Quan tâm đến hoạt động bảo vệ môi trường tại di sản.

### **3. Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam**

Ngành du lịch đã góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa, bảo vệ môi trường du lịch. Tiềm năng du lịch của Việt Nam rất phong phú đa dạng nhưng cho đến nay sự phát triển ấy vẫn chưa tương xứng với tiềm năng. Các tài nguyên du lịch chưa được đánh giá đúng mức và khai thác hiệu quả. Các sản phẩm du lịch nghèo nàn, đơn điệu, không có tính đặc sắc, chất lượng thấp và khả năng cạnh tranh kém. Mười năm qua từ khi có Chiến lược phát triển du lịch đầu tiên 2001-2010 cũng là giai đoạn gắn liền với sự nghiệp đổi mới, mở cửa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước, có nhiều thuận lợi nhưng không ít khó khăn và thách thức. Ngành Du lịch đã có nhiều tiến bộ và đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Lượng khách du lịch quốc tế và nội địa không ngừng tăng cao. Đầu tư của Nhà nước và khu vực tư nhân vào cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, hệ thống khu du lịch và sự lớn mạnh không ngừng của hệ thống doanh nghiệp du lịch đã làm thay đổi căn bản diện mạo ngành Du lịch. Vì thế, vai trò của ngành Du lịch từ đó đã được xác định là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn trong Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VIII, IX của Đảng và thể chế hóa trong Luật Du lịch năm 2005.

Ngày 30/12/2011, Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân đã ký Quyết định số 2473/QĐ-TTg phê duyệt “Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”. Chiến lược đề ra với những nội dung chủ yếu quan điểm, mục tiêu, giải pháp và chương trình hành động cụ thể.

Quan điểm của ngành là phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu GDP, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; theo hướng chuyên nghiệp, có trọng

tâm; phát triển song song du lịch nội địa và du lịch quốc tế; gắn chặt với việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, tập trung huy động mọi nguồn lực cả trong và ngoài nước cho sự phát triển du lịch.

Mục tiêu tổng quát của ngành du lịch là đến năm 2020, du lịch cơ bản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có tính chuyên nghiệp, có hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối đồng bộ, hiện đại; sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, cạnh tranh được với các nước trong khu vực và thế giới. Phấn đấu đến năm 2030, Việt Nam trở thành quốc gia có ngành du lịch phát triển.

Mục tiêu cụ thể là: năm 2015, thu hút 7 - 7,5 triệu lượt khách quốc tế; phục vụ 35 - 37 triệu lượt khách nội địa; năm 2020, thu hút 10-10,5 triệu lượt khách quốc tế; phục vụ 47 - 48 triệu lượt khách nội địa; năm 2030, thu hút 18 triệu lượt khách quốc tế; phục vụ 70 - 72 triệu lượt khách nội địa. Thu nhập từ du lịch năm 2020 là 18 - 19 tỷ USD và năm 2030 là gấp khoảng 2 lần 2020. Tạo thêm việc làm cho trên 3 triệu lao động, góp phần xóa đói giảm nghèo và bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa Việt Nam.

# XÁC ĐỊNH KHÁCH HÀNG MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH VỊ HÌNH ẢNH CỦA DU LỊCH MIỀN TRUNG

## 1. Xác định khách hàng mục tiêu

Trong những năm gần đây, du lịch miền Trung đã có những bước phát triển mạnh mẽ. Lượng khách đến du lịch miền Trung chiếm một tỷ trọng đáng kể trong tổng số khách đến Việt Nam và với tốc độ tăng 11%/năm. Do có những thuận lợi về giao thông nên du khách có thể dễ dàng đến miền Trung bằng nhiều phương tiện khác nhau như máy bay, ô tô, tàu lửa, tàu biển. Hệ thống nhà ga, sân bay, bến cảng trong khu vực luôn được chú ý đầu tư nâng cấp, cải tạo và phát triển để đáp ứng nhu cầu của khách. Do đó cũng đã góp phần đáng kể vào việc thu hút khách du lịch, tăng tốc độ phát triển du lịch và đưa du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn của cả khu vực.

Lượng khách đến với miền Trung chủ yếu là Tây Âu, Đông Bắc Á và Bắc Mỹ, Australia và các nước ASEAN. Lượng khách du lịch nội địa đến khu vực này cũng tăng nhanh trong thời gian qua. Trong số đó, phần lớn du khách đều có nhu cầu về du lịch văn hóa, lịch sử, tham quan thắng cảnh và công vụ. Vì thế, trong thời gian tới, để mở rộng thị trường cần chú ý đến các thị trường truyền thống và cần phải có những nỗ lực trong việc thu hút khách ở các thị trường mục tiêu. Cần đặc biệt chú ý đến các thị trường Canada và các nước Bắc Âu vì đây là những thị trường đầy tiềm năng và triển vọng, là những thị trường lớn mà du lịch Việt Nam cần phải thâm nhập trong thời gian tới.

Các thị trường khách du lịch quốc tế có các đặc điểm rất khác nhau, do đó cần phải nắm vững từng đặc điểm của mỗi thị trường để định vị. Đối với thị trường khách châu Âu họ rất quan tâm và muốn tìm

hiểu nền văn hóa phương Đông, khám phá những nét khác biệt về văn hóa, đặc biệt những nét hấp dẫn về lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật luôn có sức cuốn hút đối với những du khách ở thị trường này. Khu vực miền Trung với công trình kiến trúc đặc sắc, độc đáo gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của Việt Nam luôn là sự lựa chọn chủ yếu của du khách. Họ chủ yếu đi theo đoàn với mục đích du lịch thuần túy và rất thích loại hình du lịch văn hóa. Họ có khả năng chi trả cao, yêu cầu về chất lượng dịch vụ cao.

Còn đối với thị trường Đông Bắc Á thì Việt Nam là nước luôn có sức hấp dẫn đối với họ vì đây là nước được đánh giá là có độ an toàn cao. Đây là những nước chịu ảnh hưởng sâu sắc của nền văn hóa Trung Hoa cũng như Việt Nam. Tuy vậy sự giao lưu văn hóa và mua bán từ lâu đời là gốc rễ cho những chuyến du lịch. Miền Trung có thương cảng Hội An một thời tấp nập với ghe thuyền của các thương gia Nhật Bản, Trung Quốc. Hiện nay ở Hội An vẫn còn khu phố Nhật và khu phố Trung Hoa lưu lại những nét cổ kính ở Hội An, gợi trí tò mò cho du khách đến chiêm ngưỡng. Do đó những di tích có liên quan đến người Nhật, người Trung Quốc ở nước ngoài luôn thu hút họ. Họ có yêu cầu cao về an toàn, vệ sinh và tiện nghi du lịch, đặc biệt họ rất thích mua sắm hàng lưu niệm.

Đối với các du khách thuộc khối ASEAN ngày nay việc đi du lịch trở nên dễ dàng hơn vì giữa Việt Nam và các nước trong khối như Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Singapore, Philippines đã bãi bỏ thị thực nhập cảnh nhằm tăng cường mối quan hệ giao lưu giữa các nước thành viên với nhau. Hơn nữa, với Hành lang Kinh tế Đông Tây, số lượng khách đi du lịch bằng đường bộ thông qua các cửa khẩu quốc tế như Cầu Treo, Lao Bảo ngày càng đông, đặc biệt là miền Trung là nơi được đón tiếp khách nhiều nhất vì đây chính là cửa ngõ vào Việt Nam. Khách du lịch sang Việt Nam chủ yếu với mục đích du lịch, tìm hiểu thị trường.

Khách du lịch Mỹ đến với miền Trung với mục đích chủ yếu là thăm lại chiến trường xưa vì nơi đây là chiến trường đã từng diễn ra nhiều cuộc chiến đấu ác liệt trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, có nhiều địa danh nổi tiếng. Họ cùng với con cái và người thân tìm đến những nơi mà họ đã đóng quân lúc trước để ôn lại những kỷ niệm xưa

đồng thời để cho người thân họ biết đến một đất nước nhỏ bé mà ảnh hưởng được nhắc đến nhiều ở Mỹ. Ngày nay, nhờ những chính sách ưu đãi của nhà nước Việt Nam, nhiều thương gia Mỹ cũng đã tìm đến khu vực miền Trung để tìm kiếm cơ hội làm ăn, ký kết hợp đồng giao thương với các tổ chức và các doanh nghiệp, bởi vì người ta tìm thấy ở đây một thị trường đầy tiềm năng và có nhiều cơ hội thuận lợi. Còn đối với khách du lịch Úc đến Việt Nam với mục tiêu nghiên cứu, tham quan, nghỉ ngơi, giải trí và công vụ. Họ cũng có nhu cầu du lịch văn hóa, được đến tham quan, tìm hiểu về các di tích lịch sử văn hóa, tham gia các lễ hội, thăm các làng, bản của các dân tộc.

Có thể thấy rằng trong thời gian qua, lượng khách du lịch đến từ các nước Tây Âu, Đông Bắc Á và Bắc Mỹ, Australia và các nước ASEAN chiếm một tỷ trọng đáng kể trong tổng lượt khách đến với miền Trung. Đây là thị trường truyền thống mà ngành du lịch miền Trung cần phải giữ vững và chú trọng khai thác trong thời gian tới, đồng thời những thị trường mục tiêu cần phải hướng đến trong thời gian tới là thị trường Canada và các nước Bắc Âu.

## **2. Định vị hình ảnh du lịch miền Trung trong thị trường khách mục tiêu**

Có thể thấy rằng với một tiềm năng phong phú cùng với những thế mạnh vốn có của vùng là điều kiện tiên quyết để thu hút khách du lịch đến với khu vực này. Tuy nhiên đối với mỗi thị trường khách mục tiêu khác nhau thì cần phải có những định vị khác nhau nhằm gây những ấn tượng tốt lên tâm trí khách hàng. Với hình ảnh những bãi biển cát vàng, các di sản văn hóa thế giới, các khu rừng quốc gia, các chiến trường xưa đầy máu lửa đều có sức thu hút mạnh đối với du khách. Tuy nhiên do mỗi du khách đều có những nhu cầu riêng khác nhau và đặc biệt đối với mỗi thị trường khách đều có những động cơ khác nhau cho việc đi du lịch của mình. Vì vậy đối với mỗi thị trường khách mục tiêu việc định vị sản phẩm là cần thiết.

Đối với thị trường châu Âu được định vị là sự khác biệt văn hóa đem đến những bất ngờ thú vị. Thị trường Đông Bắc Á được định vị là sự tương đồng văn hóa với những di tích cũ của thời giao lưu buôn bán. Thị trường các nước ASEAN được định vị là khu vực có nhiều tiềm

năng và cơ hội để đầu tư. Thị trường Mỹ và Canada được định vị là có nền văn hóa độc đáo đa dạng, có khả năng để đầu tư, còn đối với thị trường Úc được định vị là nơi có các di sản thế giới đặc sắc và những điểm du lịch thuận lợi cho nghỉ ngơi giải trí.

# DỰ BÁO SỐ LƯỢT KHÁCH ĐẾN MIỀN TRUNG VÀ DOANH THU DU LỊCH

## 1. Dự báo số lượt khách du lịch đến miền Trung

Để làm cơ sở đề ra các giải pháp có tính khả thi, việc dự báo số lượt khách đến miền Trung trong thời gian tới rất quan trọng. Để dự báo, tác giả đã sử dụng phần mềm EVIEWS 7.0 và ứng dụng mô hình dự báo dưới dạng “Mô hình kinh tế lượng theo hàm xu thế được làm trơn dưới dạng hàm mũ” với dạng hàm phi tuyến (hàm mũ theo mô hình Holt- Winter). Mô hình dự báo theo phương pháp làm trơn Holt- Winter được xây dựng dựa trên 3 phương trình chính: phương trình ước lượng giá trị trung bình; phương trình ước lượng giá trị xu thế và phương trình dự báo giai đoạn.

Các bước phân tích và chọn lựa mô hình để dự báo được tiến hành cho hai chuỗi dữ liệu:

- + Chuỗi dữ liệu về lượng khách du lịch quốc tế (KDLQT) đến miền Trung.
- + Chuỗi dữ liệu về lượng khách du lịch nội địa (KDLND) đến miền Trung.

Sử dụng mô hình dự báo khách du lịch theo phương pháp làm trơn hàm mũ **Holt-Winter**:

Gồm 3 phương trình như sau :

1- Ước lượng giá trị trung bình hiện tại:

$$\hat{Y}_t = \alpha Y_t + (1-\alpha)(\hat{Y}_{t-1} + T_{t-1})$$

2- Ước lượng xu thế (độ dốc):

$$T_t = \beta(\hat{Y}_t - \hat{Y}_{t-1}) + (1 - \beta)T_{t-1}$$

3- Dự báo cho thời kỳ (t+p) :

$$\hat{Y}_{t+p} = \hat{Y}_t + pT_t$$

Trong đó :

$\hat{Y}_t$  : Giá trị làm trơn mũ mới (hoặc giá trị ước lượng trung bình hiện tại)

$\alpha$  : Hệ số san mũ của giá trị trung bình ( $0 < \alpha < 1$ )

$\beta$  : Hệ số san mũ của giá trị xu thế ( $0 < \beta < 1$ )

$Y_t$  : Giá trị quan sát hoặc giá trị thực tế tại thời điểm t

$T_t$  : Giá trị ước lượng xu thế

P : Thời đoạn làm trơn kế tiếp( hoặc dự báo trong tương lai)

$\hat{Y}_{t+p}$  : Giá trị làm trơn cho đến giai đoạn p (hoặc dự báo cho p giai đoạn trong tương lai)

*Bảng 1: Mô hình hồi quy Holt-Winter cho KDLQT  
đến miền Trung*

Ngày thực hiện: 03/22/13 Thời gian: 08:49

Mẫu: 1995 2012

Số quan sát: 18

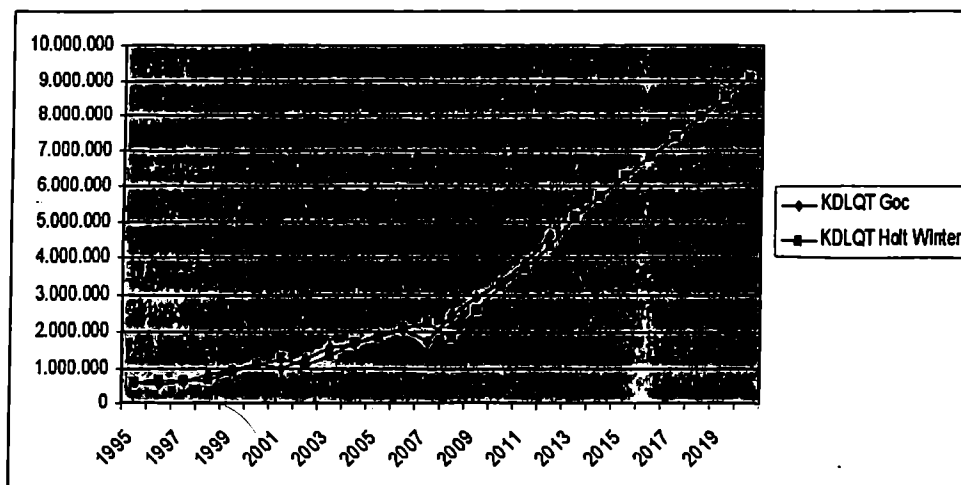
Phương pháp: Holt-Winters No Seasonal

Chuỗi giá trị gốc: KDLQT

Chuỗi giá trị dự báo: KDLQTSM

Tham số:	Alpha	0.8400
	Beta	0.4300
Tổng độ lệch bình phương		1.07E+12
Sai số tiêu chuẩn		244152.1
Cuối dãy thời gian:	Trung bình	4568631.
	Xu hướng	564317.3

*Nguồn: Xử lý của tác giả theo phần mềm EViews 7.0*



*Đồ thị 1: Đồ thị biểu diễn dự báo số lượt khách quốc tế đến miền Trung bằng hàm mũ Holt Winter*

*Bảng 2: Mô hình hồi quy Holt-Winter cho KDLNĐ đến miền Trung*

Ngày thực hiện: 03/22/13 Thời gian: 09:12

Mẫu: 1995 2012

Số quan sát: 18

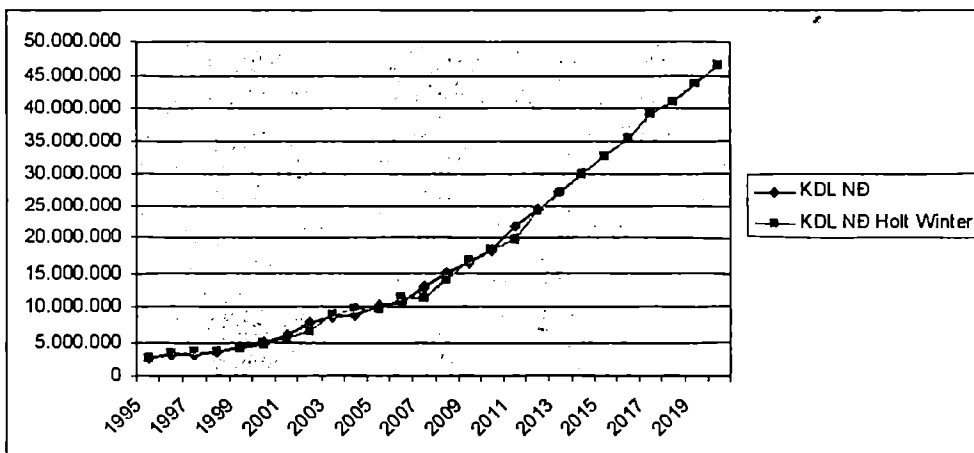
Phương pháp: Holt-Winters No Seasonal

Chuỗi giá trị gốc: KDLND

Chuỗi giá trị dự báo: KDLNDSM

Tham số:	Alpha	0.9000
	Beta	0.5500
Tổng độ lệch bình phương		1.00E+13
Sai số tiêu chuẩn		746949.4
Cuối dãy thời gian	Trung bình	24392575

*Nguồn: Xử lý của tác giả theo phần mềm EViews 7.0*



*Đồ thị 2: Đồ thị biểu diễn dự báo số lượt khách du lịch nội địa đến miền Trung bằng hàm mũ Holt Winter*

*Bảng 3. Bảng tổng hợp kết quả dự báo khách du lịch đến miền Trung thời kỳ 2015 – 2020*

*Đơn vị tính: lượt khách*

	Năm 2012	Năm 2015	Năm 2020
Khách du lịch quốc tế	4.616.482	6.261.583	9.083.170
Khách du lịch nội địa	24.422.927	32.672.978	46.473.649

*Nguồn: Tác giả tự tính dựa vào mô hình dự báo*

## **2. Dự báo doanh thu du lịch miền Trung**

Du khách trong thời gian đi du lịch sẽ chi tiêu cho nhiều dịch vụ khác nhau nhằm để thỏa mãn nhu cầu trong chuyến đi như lưu trú, ăn uống, vận chuyển, mua sắm hàng lưu niệm và các dịch vụ bổ sung khác như karaoke, spa, massage. Để kích thích chi tiêu của du khách cần có các sản phẩm du lịch phong phú, đa dạng, hấp dẫn, đảm bảo chất lượng. Trong những năm tới, lượng khách du lịch đến miền Trung tăng và khi các sản phẩm du lịch được quan tâm sẽ góp phần gia tăng thu nhập du lịch cho miền Trung. Theo dự báo của Viện nghiên cứu Phát triển du lịch, chi tiêu bình quân/ngày/ khách du lịch quốc tế đến miền Trung giai đoạn 2011-2020 là 96,5 USD năm 2015 và 112 USD năm 2020 và chi tiêu bình quân/ngày/ khách du lịch nội địa đến miền Trung giai đoạn

2011-2020 là 38 USD năm 2015 và 51 USD năm 2020. Thời gian lưu lại bình quân của khách quốc tế là 3,44 ngày năm 2015 và 3,49 ngày năm 2020, thời gian lưu lại bình quân của khách nội địa là 1,65 ngày năm 2015 và 1,70 ngày năm 2020. Do đó dựa trên mức chi tiêu bình quân của du khách, số ngày lưu trú bình quân, lượng khách du lịch dự báo sẽ đến du lịch miền Trung, dự báo doanh thu du lịch được tính như sau:

Doanh thu du lịch = Chi tiêu bình quân ngày khách X Số khách X số ngày lưu lại bình quân

*Bảng 4: Dự báo doanh thu du lịch miền Trung đến năm 2020*

*Đơn vị tính: Triệu USD*

Chi tiêu	Năm 2015	Năm 2020
Doanh thu từ khách du lịch quốc tế	2.078,60	3.550,43
Doanh thu từ khách du lịch nội địa	2.049,596	4.029,27
Tổng cộng	4.128,196	7.579,70

*Nguồn: Tác giả tự tính*

# PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU KHAI THÁC GIÁ TRỊ CÁC DI SẢN VĂN HÓA THẾ GIỚI VẬT THỂ NHẪM PHÁT TRIỂN DU LỊCH MIỀN TRUNG

## 1. Phương hướng

Trong những năm qua, du lịch miền Trung có sự phát triển vượt bậc, đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội của cả khu vực nói riêng, cả nước nói chung. Tuy nhiên, sự phát triển đó vẫn còn hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng. Du lịch miền Trung chưa tạo ra được các sản phẩm du lịch đặc sắc và hấp dẫn, mang thế mạnh cạnh tranh riêng của khu vực. Chất lượng phục vụ du lịch còn hạn chế phần nào cũng đã ảnh hưởng tới khả năng thu hút khách của khu vực này. Để du lịch sẽ giữ vai trò là một trong những ngành kinh tế chủ lực của các tỉnh miền Trung và là động lực đẩy mạnh phát triển du lịch của cả nước, trong thời gian tới cần có định hướng và mục tiêu cụ thể để đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Thế mạnh của du lịch miền Trung là dựa trên tiềm năng về văn hóa, với các di sản văn hóa thế giới hấp dẫn mang nhiều đặc trưng riêng, ngoài ra cùng với nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc với các làng quê, làng nghề truyền thống, các lễ hội, văn hóa nghệ thuật dân gian truyền thống cũng là những vốn quý để phát triển du lịch. Với tam giác Huế - Hội An - Mỹ Sơn sẽ gia tăng lượng khách du lịch đến khu vực nếu như có những giải pháp khai thác hợp lý các di sản văn hóa thế giới tại đây. Hơn nữa, các tỉnh miền Trung đều có bờ biển kéo dài nên cũng có lợi thế để phát triển du lịch biển. Bãi biển Mỹ Khê của Đà Nẵng được tạp chí Forbes công nhận là một trong sáu bãi biển đẹp nhất hành tinh năm 2005 lại trở thành một điểm thu hút vô cùng hấp dẫn đối với các du khách trong và ngoài nước. Bãi biển khu vực miền Trung từ Đà Nẵng trở vào được xem là một trong những nơi đẹp nhất trong khu

vực. Tại đây, hàng loạt khu nghỉ dưỡng đạt tiêu chuẩn quốc tế đã mọc lên nhanh chóng tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển du lịch của khu vực. Bên cạnh đó các khu vui chơi giải trí ven biển có đẳng cấp quốc tế cũng sẽ có giá trị thu hút khách rất lớn. Việc khai thác du lịch cần gắn liền với việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản, phát triển du lịch bền vững, nâng cao lợi thế cạnh tranh của khu vực.

Tuy vậy, để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách du lịch, cần chú ý đến cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho du lịch. Hiện nay chất lượng phục vụ tại các cơ sở lưu trú vẫn chưa đảm bảo chất lượng, chưa đáp ứng được nhu cầu cho du khách. Vì vậy trong thời gian tới cần đầu tư cả về chất và lượng để nâng cao hơn nữa khả năng phục vụ khách hàng, đáp ứng nhu cầu của khách cả trong mùa cao điểm. Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng là yếu tố tiên quyết để thu hút khách, vì vậy cần có sự đầu tư đúng đắn để phát triển cơ sở hạ tầng, nguồn vốn đầu tư được hỗ trợ từ Nhà nước và các tổ chức trong và ngoài nước. Các tuyến đường giao thông như đường bộ, đường sắt, đường hàng không, đường biển cần được chú trọng để nối giữa khu vực với các khu vực khác trong nước và trên thế giới. Ngoài ra cần chú trọng đến việc giữ gìn và bảo vệ môi trường sinh thái nhằm gia tăng thêm yếu tố hấp dẫn cho điểm đến này.

## **2. Mục tiêu**

### **2.1. Mục tiêu chung**

Miền Trung có lợi thế về du lịch biển, du lịch văn hoá - lịch sử, du lịch sinh thái, đặc biệt là các di sản văn hóa thế giới đặc sắc nên rất có thế mạnh trong phát triển du lịch. Trên cơ sở những thế mạnh này sẽ tạo điều kiện đẩy mạnh sự phát triển du lịch của khu vực này.

Trong thời gian tới, việc phát triển du lịch cần chú trọng tới việc khai thác luôn đi đôi với việc phát huy và bảo vệ các giá trị văn hóa đặc sắc của dân tộc, đặc biệt chú trọng khai thác hợp lý các di sản văn hóa thế giới, tăng khả năng thu hút khách đến miền Trung, từng bước đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của khu vực và của cả nước.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

Đến năm 2015 khu vực miền Trung đón khoảng 6,2 triệu lượt khách du lịch quốc tế và khoảng 32,7 triệu lượt khách du lịch nội địa.

Đến năm 2020, khu vực miền Trung đón khoảng 9,1 triệu lượt khách du lịch quốc tế và khoảng 46,5 triệu lượt khách du lịch nội địa (theo dự báo của tác giả).

Doanh thu du lịch từ khách du lịch quốc tế đạt 2.078,6 triệu USD năm 2015 và 3.550,43 triệu USD năm 2020, doanh thu du lịch từ khách du lịch nội địa năm 2015 đạt 2.048,6 triệu USD và năm 2020 là 4.029 triệu USD (theo dự báo của tác giả).

# MỘT SỐ GIẢI PHÁP KHAI THÁC HỢP LÝ GIÁ TRỊ CÁC DI SẢN VĂN HÓA THẾ GIỚI VẬT THỂ NHẪM PHÁT TRIỂN DU LỊCH

## 1. Nhóm các giải pháp tăng cường phát huy giá trị của các Di sản văn hóa thế giới

### 1.1. Giải pháp khai thác giá trị đi đôi với trùng tu và bảo vệ các di sản văn hóa thế giới

Mục tiêu của giải pháp: Mặc dù có những bất cập trong quá trình khai thác giá trị các di sản văn hóa thế giới thời gian qua nhưng cũng đã phần nào thúc đẩy du lịch miền Trung phát triển. Do đó, để tiếp tục dựa vào nguồn lực vô giá để khai thác phục vụ khách du lịch cần đảm bảo tính nguyên vẹn của các di sản, tiếp tục truyền lại cho các thế hệ mai sau.

Cách thức thực hiện:

\* Thứ nhất: Chú ý đến hoạt động trùng tu tôn tạo bảo vệ di sản

Các di sản văn hóa thế giới là những tài nguyên vô giá của nhân loại, vì vậy cần phải nhận thức được tầm quan trọng, giá trị và ý nghĩa của di sản để từ đó có những cách thức quản lý khai thác một cách đúng đắn và hiệu quả nhằm phát triển du lịch theo mục tiêu bền vững. Vì thế đối với mỗi di sản văn hóa thế giới phải xác định được những giá trị đích thực của nó. Đây là những giá trị mang tính lâu đời, được gìn giữ từ đời này sang đời khác. Để những giá trị này phải được tồn tại mãi mãi cùng thời gian và không bị mất đi qua quá trình khai thác, các chủ thể khai thác du lịch, đặc biệt là các nhà quản lý phải hết sức chú trọng đến việc bảo vệ, trùng tu di sản đi đôi với việc khai thác, có kế hoạch phát huy có hiệu quả các giá trị di sản để phục vụ cho việc phát triển du lịch. Nhờ đó thế hệ tương lai vẫn còn có cơ hội chiêm ngưỡng cũng như nhận

được những lợi ích nhất định từ đó. Các giá trị di sản được khai thác một cách tối ưu trong mối tương quan giữa văn hóa và du lịch; giữa văn hóa du lịch và phát triển kinh tế; giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, sinh thái... mà ở đó sự tôn vinh các giá trị văn hóa cùng chuẩn mực khai thác và bảo tồn có chung mục đích và trách nhiệm đối với cả quá khứ, hiện tại và tương lai. Một vấn đề nữa đặt ra là để thực hiện khai thác hợp lý các di sản văn hóa thế giới cần có sự bắt tay giữa ngành văn hóa và ngành du lịch. Chính sự liên kết giữa hai ngành này giữ một vai trò nòng cốt để phát huy có hiệu quả các giá trị vốn có của bản thân di sản và nhân rộng, nâng cao những giá trị đó thông qua sự hiểu biết, nhận thức đúng đắn và đầy đủ về di sản trong lòng du khách.

Ở miền Trung hiện nay có được lợi thế về tiềm năng các di sản văn hóa thế giới được UNESCO công nhận, đây là những tài nguyên phục vụ cho việc phát triển du lịch của miền Trung và của đất nước nhưng việc khai thác vẫn còn nhiều lãng phí, chưa xem trọng các “mỏ vàng” này, các giá trị của nó chưa được phát huy một cách tương xứng. Với nguồn tài nguyên độc đáo, đa dạng với số lượng di tích phong phú nhưng số lượng di tích tại các di sản được đưa vào khai thác với một tỷ lệ quá nhỏ. Vì thế trong thời gian tới cần xem xét đánh giá một cách kỹ lưỡng giá trị của các di tích, có kế hoạch tôn tạo cụ thể để đưa vào khai thác phục vụ phát triển du lịch. Tại Hội An các di tích miếu Thần Nông, miếu Hà Tân, Văn Thánh, miếu Cẩm Phô, miếu Xuân Quang, miếu Ngũ Hành Cẩm Phô, mộ Chu Kỳ Sơn, mộ Trần Ngọc Sơn, Hội An Tiên tự..., kể cả những di tích ngoài khu phố cổ là những di tích đặc sắc cần được đưa vào khai thác nhằm đa dạng hóa các sản phẩm du lịch ở Hội An, đồng thời giảm tải bớt lượng khách du lịch tập trung quá đông trong khu phố cổ, đưa tỷ lệ các di tích được khai thác so với tổng số di tích đạt ít nhất là 50%. Một thách thức đặt ra trong quá trình trùng tu, tôn tạo, bảo vệ các di tích đó là phải đảm bảo tính chân thực của các di tích. Vật liệu để trùng tu cần phải đảm bảo về chất lượng, số lượng và quy cách, kích thước vật liệu, có như vậy mới không ảnh hưởng đến tính nguyên vẹn của các di tích. Vấn đề quan trọng trong bảo tồn ở Hội An là phải giữ được phần hồn của di sản, để di sản thực sự là một di sản sống.

Đối với khu di sản Mỹ Sơn, để thực hiện tốt việc trùng tu, cần phải nghiên cứu một cách kỹ lưỡng về cấu trúc, chất liệu làm nên tháp sẽ

góp phần quan trọng trong việc trùng tu tôn tạo. Ngoài ra cần phải lập kế hoạch tôn tạo, sửa chữa các tháp hiện đang được khai thác, trùng tu lại các tháp đang có nguy cơ sụp đổ trong thời gian trước mắt để không ảnh hưởng đến sự tồn tại của các tháp cổ này. Các tháp hiện nay đang đứng trước nguy cơ sụp đổ không thể phục vụ cho việc tham quan phải được thực hiện trùng tu ngay như các tháp E7, E3, B3, F1. Cần tổ chức các cuộc hội thảo có quy mô lớn quy tụ các nhà khoa học để đưa ra các phương án hữu hiệu để cứu tháp cổ. Ngoài ra cũng cần có sự hỗ trợ về mặt kỹ thuật của các tổ chức quốc tế, các chuyên gia khảo cổ, các kiến trúc sư để thực hiện trùng tu cho khu di sản.

Tại di sản Cố đô Huế cần chú ý đến bảo tồn và phục hồi các công trình mang giá trị cao như di tích hồ quyền, điện Voi Ré, hồ Tịnh Tâm. Đây là những di tích đang bị phé tích hóa, nếu không được chú trọng trùng tu bảo vệ sẽ bị đi vào quên lãng. Bên cạnh đó cũng phải luôn chú ý đến tình trạng của các di tích đang được khai thác để nhanh chóng có những biện pháp kịp thời khi có những tình huống xấu xảy ra ảnh hưởng đến chất lượng của các di tích.

Hơn nữa tại di sản văn hóa thế giới Thành nhà Hồ cần có chương trình nghiên cứu cụ thể các giá trị độc đáo của di sản để xây dựng tiến độ trùng tu, tôn tạo di sản này.

Hiện tại, công việc bảo tồn đã được các địa phương quan tâm và hình thành bộ máy chuyên trách bảo tồn và phát huy giá trị di sản như Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế, Trung tâm bảo tồn di tích, di sản tỉnh Quảng Nam, Ban Quản lý di tích và du lịch Mỹ Sơn, Trung tâm quản lý bảo tồn di tích Hội An, Trung tâm Bảo tồn di sản Thành nhà Hồ. Các Trung tâm này đã lập các dự án kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước, các tổ chức quốc tế hỗ trợ về mặt chuyên gia, tài chính để triển khai công tác bảo tồn các di sản một cách hiệu quả hơn. Tuy nhiên, hiệu quả khai thác di sản sẽ cao hơn khi tổ chức Ủy ban di sản thế giới Việt Nam chịu trách nhiệm chung trong việc quản lý, bảo tồn các di sản văn hóa, đưa ra các quy định cụ thể về công tác bảo tồn và phát triển du lịch, nhằm tránh những sai phạm hiện có như sử dụng vật liệu mới, xây dựng thêm các công trình phục vụ kinh doanh du lịch. Sự phối hợp giữa địa phương với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban UNESCO

Việt Nam và các bộ, ngành liên quan là cần thiết, để điều chỉnh lại mô hình tổ chức quản lý phát triển du lịch ở các di sản thế giới, đồng thời xây dựng mới các chính sách và hệ thống qui định pháp luật phù hợp với đặc điểm cụ thể của khu vực di sản.

\* Thứ hai, có các hoạt động kêu gọi các nguồn vốn trong và ngoài nước để trùng tu tôn tạo và bảo vệ các di tích tại các di sản văn hóa thế giới.

Trong quá trình khai thác nếu như không chú ý đến việc bảo vệ thì những tài nguyên này sẽ dễ dàng bị hư hỏng, bị phá hủy và bị mai một do những tác động khác nhau của con người, của điều kiện thời tiết, của những phản ứng hóa học. Hơn nữa quá trình khai thác không được làm lu mờ bản sắc văn hóa dân tộc đã được thể hiện qua các công trình kiến trúc, các điệu nhạc đã được lưu truyền qua nhiều thế hệ, việc khai thác còn không được làm ảnh hưởng đến lợi ích của các thế hệ mai sau. Mặc dù với khó khăn rất lớn đặt ra hiện nay là còn hạn chế về mặt kinh phí, do đó cần tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế về vốn, về kỹ thuật trong việc trùng tu, tôn tạo và bảo vệ các di sản độc đáo này. Nguồn vốn được dùng để trùng tu và tôn tạo các di sản hiện nay được trích từ kinh phí của địa phương, chủ yếu là từ doanh thu bán vé tham quan tuy nhiên rất hạn chế, chưa đủ cho việc thực hiện trùng tu. Vì thế, để nâng cao hơn nữa ý thức của các doanh nghiệp du lịch trong vấn đề khai thác và bảo tồn các di sản văn hóa thế giới, trước hết cần yêu cầu các doanh nghiệp lữ hành có đưa khách đến tham quan di sản trích một phần lợi nhuận của mình đóng góp vào quỹ bảo tồn di sản. Các doanh nghiệp lữ hành du lịch, các công ty, các đơn vị cung ứng dịch vụ cho du lịch cần đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, để mang lại hiệu quả trong hoạt động. Ngoài ra, tranh thủ nguồn vốn từ các tổ chức phi chính phủ, từ các đơn vị, các cá nhân trong và ngoài nước, và để có được nguồn vốn này cần có các đề án có tính khả thi cao để dễ dàng trong việc thuyết phục các nhà đầu tư.

Đối với các di sản văn hóa thì việc trùng tu tôn tạo và bảo vệ là vấn đề cần thiết đối với địa phương bởi vì chính di sản là nét hấp dẫn của địa phương để thu hút khách du lịch. Để nét hấp dẫn luôn tồn tại mãi thì chỉ có việc khai thác giá trị di sản đi đôi với gìn giữ và bảo vệ, ngăn chặn

tình trạng xuống cấp của di sản thì vẻ đẹp ấy mới trường tồn.

### ***1.2. Giải pháp đa dạng hóa các sản phẩm du lịch tại các di sản***

Mục tiêu của giải pháp: đưa ra hệ thống các sản phẩm du lịch phong phú, đa dạng tại các di sản nhằm tăng tính hấp dẫn của điểm đến, điểm thu hút, đồng thời tạo ra sự đa dạng văn hóa giúp khách có được những hiểu biết sâu sắc về di sản, có được kinh nghiệm du lịch sau mỗi cuộc viếng thăm.

Cách thức thực hiện: Hiện nay, việc khai thác giá trị các di sản mới chỉ khai thác ở mặt bề nổi. Mỗi di sản đều mang những vẻ đẹp riêng, nét độc đáo riêng là yếu tố cơ bản thúc đẩy động cơ đi du lịch của du khách. Tuy nhiên, bên cạnh việc chọn di sản đến để tham quan thì việc bổ sung thêm các sản phẩm du lịch mới lạ sẽ làm tăng mức độ hài lòng của khách. Khách đến các di sản ngoài việc tham quan tìm hiểu còn muốn tham gia các hoạt động khác như nghe nhạc, lễ hội, thưởng thức ẩm thực, thăm làng nghề. Do đó, tại các di sản nên bổ sung thêm các sản phẩm du lịch có sự kết hợp giữa văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể tại mỗi địa phương, các du khách sẽ có thêm hứng thú khi đến với di sản, chẳng hạn cho du khách tham gia vào lớp học một điệu nhạc cung đình miễn phí, hoặc học hát các bài hát Chăm hay học cách sử dụng các loại nhạc cụ. Với các sản phẩm trọn gói được xây dựng bài bản sẽ là động lực để khách đến, gia tăng chi tiêu, từ đó sẽ thúc đẩy du lịch phát triển. Ngoài ra đối với các lễ hội nên được xem là những nhân tố chính để hình thành nên các sản phẩm để thu hút du khách, vì vậy cần xem xét chấn chỉnh từ nội dung kịch bản đến các thành phần tham gia, đặc biệt phải lấy người dân bản địa, là nơi cộng đồng phát sinh-hình thành lễ hội phải là chủ thể tổ chức mới có điều kiện duy trì và phát triển bền vững. Mỗi di sản đều có các lễ hội đặc sắc nên việc đưa lễ hội vào khai thác thường xuyên, định kỳ, xem như là sản phẩm du lịch độc đáo sẽ rất thu hút khách. Ngoài ra, nên tổ chức các lớp học nấu ăn dành cho du khách giúp họ có thể tiếp cận với văn hóa ẩm thực độc đáo của Việt Nam nói chung, của Huế hay của Quảng Nam nói riêng và đây được xem là thành phần không thể thiếu trong chuyến đi của du khách.

Bên cạnh đó, các công ty lữ hành cần đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, chú trọng đến các chương trình đưa khách đến tham quan di

sản, tăng cường và nâng cao chất lượng các dịch vụ để đảm bảo thỏa mãn tối đa nhu cầu của du khách. Các tuyến du lịch Hội An – Mỹ Sơn, Huế - Hội An - Mỹ Sơn, Thành nhà Hồ - Huế, Thành nhà Hồ - Huế - Hội An - Mỹ Sơn cần được chú trọng nghiên cứu để xây dựng các chương trình du lịch với các chủ đề hấp dẫn sẽ là yếu tố quan trọng để thu hút khách du lịch đến miền Trung.

### ***1.3. Giải pháp thực hiện quy hoạch tại các di sản văn hóa thế giới***

Mục tiêu của giải pháp: Để có thể phát triển bền vững các di sản văn hóa thế giới, việc quy hoạch là vấn đề trọng tâm cần đặt lên hàng đầu. Quy hoạch là việc làm cần thiết để hoàn thành mục tiêu phát triển du lịch. Mục đích của quy hoạch tại các di sản văn hóa thế giới là phát huy tối đa việc sử dụng tài nguyên du lịch một cách khoa học, hợp lý, hài hoà, giảm thiểu các tác động tiêu cực của du lịch nhằm đạt được các mục tiêu phát triển du lịch, từ đó góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội chung của miền Trung.

Cách thức thực hiện: Trên cơ sở quy hoạch, các nhà đầu tư có thể quyết định đầu tư cái gì và như thế nào, các nhà quản lý có thể quản lý sự phát triển của hoạt động du lịch trong hiện tại và tương lai. Nếu như không có quy hoạch du lịch thì không thể tổ chức kinh doanh du lịch một cách tập trung, ổn định và vững chắc. Nếu không theo quy hoạch, du lịch dễ phát triển tự phát, lộn xộn dẫn tới việc tàn phá cảnh quan thiên nhiên, môi trường, làm xói mòn các giá trị văn hóa và mất ổn định xã hội. Hơn nữa, sự phát triển này còn làm ảnh hưởng đến tính bền vững trong phát triển du lịch, đe dọa đến lợi ích của thế hệ tương lai trong việc sử dụng tài nguyên du lịch. Để du lịch phát triển có định hướng, vừa có lợi ích về kinh tế, vừa bảo vệ môi trường và giữ gìn các giá trị văn hoá xã hội, quy hoạch phát triển du lịch cần được xác định như viên gạch đặt nền móng cho sự phát triển bền vững du lịch. Đây là việc quan trọng nhằm đưa du lịch phát triển đúng hướng, đúng kế hoạch, đầu tư đúng hướng, giảm đi các tác động tiêu cực đến di sản. Để tạo điều kiện cho du lịch phát triển mạnh mẽ và bền vững, sớm hòa vào xu thế phát triển chung của thế giới thì trong tổ chức quy hoạch cần chú ý xúc tiến đến các dự án du lịch ở những điểm du lịch trọng điểm, đặc biệt là đối

với các di sản văn hóa thế giới. Quy hoạch sai, bố trí các công trình kém khoa học làm phong cảnh bị ô nhiễm do những kiến trúc phản cảm làm mất mỹ quan, sử dụng quá nhiều các phương tiện quảng cáo xấu sẽ ảnh hưởng đến vẻ đẹp của các di sản. Khi thực hiện quy hoạch tại các di sản văn hóa thế giới, cần đặc biệt quan tâm đến việc quy hoạch không được ảnh hưởng gì đến cảnh quan của di sản và giá trị của di sản. Trong quá trình xây dựng quy hoạch cần phải lường trước được những yếu tố biến động có ảnh hưởng bất lợi đến phát triển du lịch. Cần có bản quy hoạch tổng thể để việc quản lý tôn tạo, phát triển mới chặt chẽ và đem lại hiệu quả thiết thực. Các dự án quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết phải được thông qua các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hơn nữa căn cứ vào đặc điểm riêng có của các di sản mà đề ra cách thức quy hoạch cho phù hợp.

Đối với đô thị cổ Hội An, chính quyền thành phố chịu trách nhiệm trong việc đề xuất quy hoạch trong khu vực phố cổ đảm bảo mục tiêu bảo tồn di sản và phát triển du lịch bền vững. Trong không gian phố cổ thì tuyệt đối không được xây dựng mới, không được đập dỡ và phá bỏ các công trình kiến trúc hiện có. Các đường phố trong khu phố cổ được giữ nguyên trạng, không cho các loại phương tiện giao thông qua lại, chỉ cho phép người đi bộ, xe ngựa phục vụ khách du lịch. Các khu vực lân cận phố cổ thì thực hiện quy hoạch để tạo một cảnh quan mới. Khu vực này được phép điều chỉnh, xây dựng mới nhưng có mức độ, công trình được quan tâm đó là công viên văn hóa để hỗ trợ cho khu phố cổ, tạo vùng đệm chuyển tiếp giữa khu phố cổ và khu vực xây dựng. Còn đối với khu vực ngoại vi thì nên đầu tư mở rộng và xây dựng mới, nhất là nhà ở để giảm dòng dân cư trong khu phố cổ. Chú ý đến việc đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng như điện chiếu sáng, cấp thoát nước, cây xanh và môi trường đô thị. Đặc biệt, hệ thống thoát nước cần được chú trọng nhiều nhất vì không những cần phải khơi dòng chảy không để tình trạng nước, ngập gây ô nhiễm môi trường, mặt khác còn để cho các di tích cổ không bị ngập nhiều trong nước lũ khi mùa mưa đến, gây ảnh hưởng đến sự tồn tại của các di tích cổ xưa này.

Đối với Mỹ Sơn, một di tích ở trong lòng thung lũng, một số khu đền vẫn còn nguyên vẹn sau thời gian dài chiến tranh. Quy hoạch Mỹ Sơn cần có sự đồng ý của tỉnh Quảng Nam, của Chính phủ và thông

qua Ủy ban di sản thế giới. Đối với Mỹ Sơn việc quy hoạch chủ yếu ở khu vực vành đai, tạo cảnh quan thông thoáng để thuận lợi cho việc ngắm cảnh, ngoài ra trong khu du lịch nên quy hoạch các khu nhà chờ thuận tiện cho du khách nghỉ chân trong quá trình tham quan, tránh trường hợp khách vào nghỉ chân trong các tháp như hiện nay. Khu rừng nguyên sinh gần di tích thì không nên phá bỏ mà vẫn nên duy trì để tạo không khí trong lành cho khu di sản. Mặt khác, ngoài việc tiếp tục phát huy những giá trị độc đáo của khu đền tháp cổ thì việc bố trí lại đường đi cho hợp lý và chú ý đến không gian và môi trường khu đền tháp cổ. Chú trọng đưa các bảng chỉ dẫn rõ ràng thuận lợi cho du khách tham quan di sản.

Tại cố đô Huế nên xác định không gian kiến trúc văn hóa truyền thống đô thị để tạo thành một tổng thể thống nhất, chú ý quy hoạch không phá vỡ không gian cổ kính vốn có. Hiện nay do có những sai lầm trong quy hoạch đã dẫn đến những dự án xây dựng làm phá vỡ không gian này, do đó cần tuyệt đối loại bỏ những quy hoạch đi ngược với quá trình phát triển du lịch bền vững. Đặc biệt, trong khu vực nội thành không được phép xây dựng các nhà cao tầng. Chú ý đến việc quy hoạch các khu nhà vườn nhằm tạo vùng đệm cho các khách du lịch khi đi tham quan các khu di tích cổ.

Nhờ được quy hoạch, du lịch văn hoá tại miền Trung sẽ phát triển nhanh, thu hút nhiều khách du lịch đặc biệt khách quốc tế đến các di tích văn hoá tìm hiểu về truyền thống lịch sử dân tộc, đồng thời giảm thiểu những tác động tiêu cực đến cộng đồng địa phương xung quanh.

Do quy hoạch đóng vai trò như kim chỉ nam cho công tác quản lý, đầu tư du lịch nên quy hoạch phải được xây dựng chính xác, cụ thể, chi tiết. Khi quy hoạch du lịch cũng phải tính đến nhu cầu và thị hiếu của khách du lịch thông qua việc nghiên cứu nhu cầu của thị trường tiềm năng. Quy hoạch để đáp ứng được nhu cầu và thu hút được lượng khách hàng mong muốn, tạo ra được các sản phẩm phù hợp và làm thỏa mãn nhu cầu của khách hàng. Việc nghiên cứu tốt nhu cầu thị trường để hiểu rõ những đặc điểm của khách hàng mục tiêu còn là yếu tố tiên quyết để đảm bảo tính khả thi cho việc quy hoạch du lịch. Thời gian thực hiện quy hoạch tổng thể du lịch rất khác nhau kéo dài 5 năm, 10,

15 thậm chí 20 năm. Đối với những quy hoạch dài hạn, nên có những chiến lược, kế hoạch, chương trình, giải pháp ngắn hạn nhằm thực hiện mục tiêu tổng thể. Thực hiện tốt quy hoạch du lịch chính là yếu tố quan trọng hàng đầu cho sự thành công của phát triển du lịch bền vững. Bên cạnh đó, cũng cần có sự phân cấp trong quản lý xây dựng và thực hiện quy hoạch, đặc biệt là nâng cao vai trò của cơ quan quản lý du lịch địa phương, có sự phối hợp của các bộ, ngành liên quan. Ngoài cơ quan thực hiện quy hoạch, cũng cần phải có cơ quan giám sát việc thực hiện quy hoạch ở cấp quốc gia, địa phương và có biện pháp chế tài trong trường hợp vi phạm.

## **2. Nhóm các giải pháp tăng cường lợi ích kinh tế từ di sản văn hóa thế giới cho cộng đồng**

### ***2.1. Giải pháp nâng cao nhận thức của cộng đồng***

Việc phát triển du lịch có những lợi ích nhất định, nhờ có du lịch mà nhiều khu vực địa phương trở nên nổi tiếng hơn, bộ mặt địa phương được thay đổi nhiều hơn, nền kinh tế phát triển và giải quyết được công ăn việc làm cho dân cư tại địa phương đó. Hơn nữa, nhờ có du lịch mà nhiều khách sạn, nhiều khu du lịch, nhiều nhà hàng được xây dựng, các khu di sản không bị hoang phế, đổ nát. Những lợi ích do du lịch mang lại cho cộng đồng là điều hiển nhiên có thể thấy được. Vì thế việc khai thác du lịch cần dựa vào cộng đồng, phải tạo phương tiện và động cơ để họ quan tâm và gìn giữ di sản. Việc thu hút sự tham gia hợp tác của đại diện địa phương, những người bảo tồn, những nhà điều hành du lịch, những người làm chính sách, những người làm quy hoạch phát triển quốc gia và những người quản lý khu di sản là cần thiết để có được một ngành du lịch bền vững và tăng cường bảo vệ nguồn di sản cho các thế hệ tương lai.

Mục tiêu của giải pháp: nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư để họ hiểu được giá trị đặc sắc của di sản, hiểu được các di sản đem lại cho họ các điều kiện để phát triển kinh tế đồng thời nhận ra được trách nhiệm của cộng đồng trong việc duy trì nguồn tài nguyên, để dân cư địa phương có thái độ đúng đắn đối với khách du lịch.

Cách thức thực hiện:

Đề khai thác hợp lý di sản văn hoá thế giới cũng cần phải nâng cao nhận thức của cộng đồng về giá trị di sản văn hóa thế giới tại miền Trung. Thông qua các hoạt động được tổ chức thường xuyên như các cuộc thi tìm hiểu về di sản, cung cấp thông tin về giá trị di sản thông qua các cuộc họp định kỳ của dân cư, từ đó giúp cộng đồng hiểu thêm về trách nhiệm và sứ mệnh to lớn trong việc gìn giữ và bảo tồn văn hóa. Bên cạnh đó, thông qua các diễn đàn, các trang mạng xã hội như Facebook, Twitter hay trên các phương tiện thông tin đại chúng cũng có thể truyền đạt thông tin về việc bảo vệ di sản hay về trách nhiệm của người dân cho những đóng góp lớn trong việc bảo vệ một khu di sản. Nhờ vậy, cộng đồng dân cư tại nơi có di sản có thể nhận thức được rõ hơn giá trị và tầm quan trọng của các di sản trong việc đóng góp vào sự phát triển kinh tế, xã hội và mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương. Việc này sẽ mang lại lợi ích cho cả đôi bên, địa phương sẽ bảo tồn nguyên vẹn các di sản, cộng đồng địa phương sẽ đảm bảo được đời sống kinh tế của mình thông qua các nguồn thu từ hoạt động du lịch. Bằng việc xây dựng mối quan hệ đối tác với cộng đồng địa phương sẽ tăng cường hơn nữa nhận thức của họ đối với việc giữ gìn, bảo vệ và phát triển bền vững các di sản, ngăn chặn sự phát triển du lịch có ảnh hưởng tiêu cực đến di sản. Nhờ đó mà các di sản văn hóa được bảo vệ tốt hơn, góp phần phát triển bền vững di sản, thúc đẩy du lịch phát triển. Mục đích của việc tuyên truyền còn là góp phần duy trì di sản văn hóa sống, biến nó thành nguồn lực trong việc khai thác khi chính người dân cũng tham gia vào việc cung cấp một không gian du lịch hoàn hảo, giúp du khách có thêm những hiểu biết về giá trị đặc sắc của các di sản, giúp họ có thêm trải nghiệm du lịch khi khám phá chính cuộc sống ngày thường của người dân. Cộng đồng địa phương chính là yếu tố được sử dụng mang tính khả thi có thể đưa được nhiều thông tin nhất đến cho các khách du lịch, bởi vì sự gắn kết giữa cộng đồng và di sản đã có từ lâu, vì thế họ sẽ hiểu rõ hơn về di sản và sẽ giúp cho du khách hiểu thêm về văn hóa tại địa phương. Nhờ đó cơ hội trao đổi văn hóa giữa cộng đồng địa phương và các du khách sẽ được tăng cường hơn. Tuy nhiên việc thương mại hóa các giá trị văn hóa là điều cần tránh bởi vì sẽ làm tầm thường hóa các giá trị văn hóa của cộng đồng.

Bên cạnh đó cộng đồng địa phương nên tham gia vào việc lập kế

hoạch quản lý và giới thiệu ý nghĩa của di sản. Việc xây dựng kế hoạch tổng thể nhằm đảm bảo các di sản văn hoá được khai thác nhưng không ảnh hưởng đến lợi ích của thế hệ tương lai. Đồng thời cũng cần xây dựng bộ luật ứng xử đối với du lịch văn hóa bao gồm những quy tắc ứng xử dành cho khách du lịch khi thăm các điểm văn hóa. Chương trình giáo dục này được xây dựng và triển khai không những nhằm nâng cao nhận thức của người dân về du lịch, về các di sản văn hóa thế giới, có những hiểu biết về tầm quan trọng của du lịch đối với đời sống, mà còn biết được cách ứng xử đúng đắn đối với khách du lịch. Chương trình này được tuyên truyền rộng rãi thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua hệ thống đào tạo ở các trường phổ thông trung học tại khu vực.

Ngoài ra lực lượng cộng tác viên chính là cộng đồng cư dân địa phương cũng giúp ích rất lớn cho sự phát triển du lịch tại địa phương. Lực lượng này cũng cần được quan tâm bồi dưỡng kiến thức giáo dục cho họ nâng cao ý thức trong sự nghiệp phát triển du lịch bền vững của địa phương và đặc biệt là đối với việc khai thác hợp lý và phát triển bền vững các khu di sản. Mặc dù đội ngũ này không thuộc sự quản lý của doanh nghiệp du lịch nhưng chính chất lượng của họ góp phần rất lớn vào sự thành công của du lịch. Vì thế cần phải làm cho họ nhận thức được rõ vai trò của mình và có những chính sách khen thưởng xứng đáng khi họ có những đóng góp đáng kể.

## ***2.2. Giải pháp đảm bảo lợi ích và thu nhập cho cộng đồng địa phương***

Mục tiêu của giải pháp: Việc phát triển du lịch dựa vào khai thác hợp lý giá trị các di sản văn hóa thế giới là một vấn đề quan trọng trong giai đoạn hiện nay nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, duy trì sự bền vững về môi trường và xã hội. Tuy nhiên việc khai thác cần phải đảm bảo đem lại những lợi ích nhất định cho cộng đồng cư dân địa phương, xem đây là một công cụ xóa đói giảm nghèo hiệu quả. Vì thế trong quá trình khai thác hợp lý giá trị các di sản văn hóa thế giới cũng cần phải chú ý đến điều này, đảm bảo khai thác các sản phẩm du lịch có giá trị độc đáo đem lại nguồn thu nhập đảm bảo cho đời sống của cộng đồng. Quá trình khai thác và phát triển du lịch tại nơi có di sản cũng cần dựa

vào cộng đồng cư dân địa phương tại nơi đó bởi vì họ cũng là đối tượng tham gia vào việc tạo ra chuỗi giá trị du lịch, cung cấp các dịch vụ hoàn hảo cho du khách, giúp du khách thoải mái được nhu cầu.

Cách thức thực hiện: Việc tạo ra việc làm để phục vụ trong du lịch là điều cần thiết giúp người dân ổn định cuộc sống, cải thiện thu nhập, góp phần vào sự phát triển du lịch và tăng trưởng kinh tế, đưa người dân ra khỏi những khó khăn hiện tại. Để đảm bảo lợi ích kinh tế mà du lịch mang lại cho cộng đồng cần lôi cuốn cộng đồng địa phương xung quanh nơi có di sản cùng tham gia vào quá trình cung ứng dịch vụ, cung cấp các dịch vụ phục vụ cho du khách trong quá trình tham quan di sản như tham gia vào việc chuyên chở khách, cung cấp nơi ăn nghỉ cho khách, người dân cũng có thể làm việc tại các nhà hàng, khách sạn. Bên cạnh đó, một số người dân có thể sản xuất các đồ thủ công mỹ nghệ và đồ lưu niệm để bán cho du khách, tổ chức các tour ngắn đi vòng quanh di sản, cung cấp dịch vụ lưu trú homestay hoặc trở thành một hướng dẫn viên di sản. Thông qua các hoạt động này, người dân tại các nơi có di sản có thể cải thiện được tình hình kinh tế, đồng thời gia tăng khả năng thu hút khách du lịch. Đây là cơ hội-kinh tế cho các gia đình trong cộng đồng có được nhờ phát triển du lịch thông qua khai thác giá trị các di sản văn hóa thế giới tại địa phương. Và để cho nguồn thu này lâu dài và bền vững, bản thân cộng đồng cư dân địa phương cũng cần có những nỗ lực trong việc bảo vệ và bảo toàn các di sản. Chính điều này sẽ đảm bảo lợi ích cho cộng đồng cư dân địa phương. Tuy nhiên nếu hoạt động này do mỗi người dân thực hiện một cách đơn lẻ và độc lập với nhau thì không bao giờ mang lại hiệu quả như mong đợi. Vì thế cần có một tổ chức, một đơn vị được xem là đầu tàu đứng ra kết nối các hoạt động này lại với nhau tạo thành một thể thống nhất, thực hiện theo một mục tiêu chung, thông qua đó sẽ thu hút được một lượng lớn khách và góp phần phát triển kinh tế của địa phương, nhờ đó cộng đồng cùng hưởng lợi từ di sản mang lại.

Tại Hội An cần chấn chỉnh lại hoạt động của các cửa hàng trong khu vực phố cổ, tránh làm mất mỹ quan và ảnh hưởng đến cảm nhận của khách khi tham quan di sản. Cần đưa ra các quy định cụ thể về thái độ phục vụ, chất lượng phục vụ, chất lượng sản phẩm, vệ sinh môi trường... yêu cầu các chủ cửa hàng phải tuân thủ, có như vậy mới đem

lại lợi ích bền vững cho người dân. Ngoài ra các làng nghề hiện nay như làng mộc Kim Bồng, làng rau Trà Quế, làng gốm Thanh Hà luôn là địa chỉ thu hút rất đông khách du lịch viếng thăm, tuy nhiên cần tiếp tục kêu gọi sự đồng thuận của cộng đồng, lôi cuốn cộng đồng cùng tham gia giới thiệu cho du khách, tạo cơ hội giao lưu văn hóa giữa khách và người dân, tăng thu nhập của người dân thông qua khoản chi tiêu của du khách cho các hoạt động tại làng như cùng tham gia với người dân trồng rau, làm đồ mộc, làm đồ gốm, cung cấp bữa ăn nhẹ cho khách tại làng, cho khách thuê xe đạp để đi xung quanh làng. Hơn nữa, các công ty du lịch nên có chương trình và các hoạt động cụ thể mỗi khi đưa khách đến tham quan làng.

Đối với Mỹ Sơn cần phục hồi lại các lễ hội, thường xuyên tổ chức các buổi biểu diễn nhạc truyền thống của dân tộc Chăm cho khách thưởng thức khi tham quan di sản. Ngoài ra cần tổ chức các tour ngắn như đi bộ quanh di sản, đạp xe đạp tham quan các làng nghề truyền thống như làng gốm sứ La Tháp, làng bánh tráng Duy Châu, hoặc tour chèo thuyền kayak cá trên hồ Thạch Bàn. Những hoạt động này sẽ góp phần hỗ trợ phát triển kinh tế cho dân nghèo trong làng Mỹ Sơn nói riêng, huyện Duy Xuyên nói chung.

Đối với di sản cố đô Huế cần có sự chấn chỉnh kịp thời các dịch vụ, tạo một môi trường du lịch có văn hóa. Trong khu vực Đại Nội, tại các lăng tẩm, các hàng quán trưng bày và kinh doanh các mặt hàng lưu niệm nên được tổ chức một cách quy củ, chặt chẽ, có quy hoạch rõ ràng. Người dân tham gia kinh doanh dịch vụ này phải có những cam kết như đảm bảo hoạt động kinh doanh công bằng, không có sự cạnh tranh không lành mạnh, bảo vệ môi trường, góp phần tuyên truyền các giá trị về di sản cho du khách. Ngoài ra, thường xuyên tổ chức các buổi biểu diễn nghệ thuật truyền thống phục vụ du khách. Hơn nữa, tại đây còn có nền nghệ thuật âm thực sâu sắc, độc đáo, do đó âm thực cung đình cần được tái hiện rõ nét, dịch vụ này nếu được đầu tư cụ thể sẽ mang lại nhiều lợi ích. Việc đầu tư xây dựng nhà hàng cung đình là cần thiết. Hơn nữa, tại các di tích ở Cố đô Huế đều có diện tích rộng, vì thế nên có thêm dịch vụ đi xe điện nhằm tạo thuận lợi cho du khách khi đi du lịch. Tổ chức khai thác các dịch vụ liên quan đến nghi lễ truyền thống về nông nghiệp của Huế, tạo thành sản phẩm du lịch đặc trưng. Tổ chức

các dịch vụ có liên quan đến nghi lễ dâng hương và tham quan tại di tích Đền Nam Giao. Các dịch vụ được triển khai cần có được sự hưởng ứng tích cực từ cộng đồng, cho cộng đồng thấy rõ được những gì họ sẽ hưởng từ các hoạt động du lịch sẽ là động lực để họ có những đóng góp nhất cho quá trình khai thác du lịch tại di sản.

Tại Thành nhà Hồ nên tổ chức các khu vực bán hàng lưu niệm. Ngoài ra tổ chức các tour đi bộ quanh làng, đi xe đạp quanh làng. Dịch vụ lưu trú homestay sẽ là yếu tố thu hút du khách, thông qua đó người dân sẽ có điều kiện cải thiện thu nhập, nâng cao đời sống.

### **3. Nhóm các giải pháp liên quan đến bảo vệ môi trường**

#### ***3.1. Giải pháp cải thiện môi trường du lịch để đảm bảo phát triển du lịch bền vững***

Mục tiêu của giải pháp: Đảm bảo việc phát triển du lịch không gây ra những tác động đến cuộc sống của người dân địa phương cũng như ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, đảm bảo chất lượng cuộc sống người dân, chú ý xây dựng môi trường du lịch lành mạnh để đảm bảo sự phát triển bền vững.

Cách thức thực hiện:

Thứ nhất, phải hạn chế ô nhiễm môi trường tại các di sản. Du lịch phát triển làm lượng nước thải, rác thải tăng lên, ô nhiễm không khí là điều không thể tránh khỏi, dịch bệnh lan truyền nhanh hơn, gây ảnh hưởng đến sức khoẻ của du khách và nhân dân, ô nhiễm tiếng ồn cũng gây những bất lợi lớn cho cư dân địa phương và các du khách khác... Trong quá trình phát triển du lịch ở Hội An cũng đã nảy sinh nhiều bất cập từ môi trường. Chùa Cầu được xem là biểu tượng bao đời của Hội An nhưng nước dưới chân chùa Cầu lại ô nhiễm trầm trọng. Vì thế cần phải xử lý hệ thống thoát nước, tránh tình trạng nước ứ, đọng. Ngoài ra yêu cầu các khách sạn, nhà hàng cần phải xử lý nước trước khi thải ra môi trường, như vậy mới đảm bảo được tính bền vững cho phát triển du lịch. Cần xử lý nghiêm khắc các doanh nghiệp vi phạm khi thải nước bẩn ra môi trường. Hơn nữa, để đảm bảo cho đường phố luôn sạch, cần lắp đặt thùng rác nơi công cộng và có biện pháp xử phạt nặng đối với người có hành vi vứt rác nơi công cộng. Tại Mỹ Sơn cũng cần chú trọng

đến việc giữ vệ sinh môi trường trong khu di sản, khai thông dòng chảy của Khe Thè, tránh ứ đọng nước gây mùi hôi, không cho du khách xả rác thải xuống nước, tại các khu vực qua lại có các thùng rác công cộng để thu rác. Hệ thống thoát nước cần được thường xuyên nạo vét và cải tạo, tránh tình trạng di sản bị ngập trong nước vào mùa mưa lũ, làm hư hỏng các di tích còn sót lại. Môi trường nước tại Khu di sản Huế cũng là vấn đề đáng báo động nên cần có các biện pháp hạn chế người dân xả nước thải, nạo vét các cống rãnh, các hào lộ thiên hoặc hệ thống cống ngầm, khơi thông các dòng chảy, tránh bị tắc đường dẫn và thoát nước. Mặt khác, tại các làng và tại các điểm du lịch trong Kinh thành Huế cần có các thùng rác để thu gom rác từ khách du lịch, tránh tình trạng vứt rác bừa bãi như hiện nay, góp phần bảo vệ môi trường cảnh quan, đảm bảo duy trì sự toàn vẹn của di sản. Tại Thành nhà Hồ nên di dời bãi rác ra khỏi khu vực cần được bảo vệ.

Thứ hai, đối với người dân ở gần các di sản cũng cần được tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục nhận thức bảo vệ môi trường tại các di sản, để thực hiện tốt luật bảo vệ môi trường, thực hiện nếp sống văn minh, không xả rác nơi công cộng, không xả nước thải ra ngoài môi trường, xử lý nghiêm khắc những người vi phạm. Ngoài ra cần thực hiện tuyên truyền đối với các công ty du lịch tại địa phương để có họ trách nhiệm phổ biến lại cho các du khách về ý thức bảo vệ môi trường.

Thứ ba, cần chú ý xây dựng khu vực vệ sinh công cộng tại khu di sản và đảm bảo tình trạng vệ sinh của khu vực này vừa góp phần hạn chế ô nhiễm môi trường đồng thời vừa đem lại sự hài lòng cho du khách.

Thứ tư, cần tăng cường hệ thống thông tin để hướng dẫn du khách thực hiện việc bảo vệ môi trường trong các di sản, có các bảng thông báo ở những nơi dễ thấy cho du khách biết, tăng cường nhận thức cá nhân về trách nhiệm bảo vệ di sản, nhờ đó môi trường sẽ được đảm bảo hơn.

Thứ năm, tại Huế, môi trường du lịch cần nhiều vấn đề cần được chú trọng, tình trạng bán hàng rong quá nhiều ảnh hưởng đến ấn tượng của du khách khi đến Huế, vì thế cần phải có chủ trương dẹp bỏ tình trạng này. Thay vào đó là các kios bán hàng lưu niệm tại những khu vực

dùng chân đế du khách dễ dàng tiếp cận và mua sắm.

Trước những tác động tích cực hay tiêu cực của việc phát triển du lịch lên môi trường tự nhiên cũng như môi trường xã hội và nhân văn cho thấy rằng việc phát triển du lịch bền vững là tất yếu. Nói cách khác, hoạt động phát triển du lịch có bền vững hay không phụ thuộc rất quan trọng vào tình trạng môi trường. Nếu không quan tâm đến môi trường và không có biện pháp để bảo vệ môi trường sẽ dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng như suy thoái môi trường và sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển bền vững. Vì vậy khai thác hợp lý các di sản, chú trọng đến môi trường du lịch là vấn đề sống còn của địa phương nơi có di sản, đảm bảo cho sự phát triển du lịch bền vững của địa phương đó.

### ***3.2. Xác định sức chứa tại các di sản văn hóa thế giới***

Mục tiêu của giải pháp: Trong hoạt động khai thác du lịch, việc quản lý môi trường bằng công cụ sức tải là một yếu tố quan trọng cần được quan tâm. Hiện nay các điểm du lịch đều đang quá tải do có số lượng người tham quan đông, dẫn đến những tác động môi trường khó kiểm soát được. Vì vậy, để khai thác hợp lý các di sản văn hóa thế giới, cần tính toán số du khách cực đại tham quan di sản văn hóa thế giới trong cùng một thời gian nhưng không làm giảm chất lượng môi trường, không ảnh hưởng đến sự thỏa mãn nhu cầu của du khách (theo UNWTO).

Cách thức thực hiện: Chú ý đến vấn đề sức chứa tại di sản sẽ tránh tình trạng du khách tập trung quá đông ảnh hưởng đến tính bền vững.

Việc tập trung du khách quá đông trong cùng một thời điểm sẽ gây ra rất nhiều hậu quả xấu cho di sản. Do đó sắp xếp thời gian hợp lý để giãn dòng du khách trong giờ cao điểm, bố trí thời gian hợp lý để hạn chế số lượng khách quá đông vào những giờ cao điểm này. Hiện nay ở Hội An, mật độ kinh doanh quá đông trong khu phố cổ cần phải được chấn chỉnh lại, hạn chế số lượng các gian hàng là điều cần thiết để tạo nên một môi trường du lịch thông thoáng. Tại Mỹ Sơn, các công trình xây dựng để phục vụ du lịch làm chiếm không gian, ảnh hưởng đến tính mỹ quan của khu di sản nên phải hạn chế việc xây dựng mới trong khu di sản, các công trình xây dựng chỉ được ở vùng ven, không

nằm trong không gian được bảo vệ. Ngoài ra cần tính toán giờ giấc và thời gian tham quan cho các đoàn khách, tránh tình trạng tập trung quá đông trong khu di sản.

#### **4. Nhóm các giải pháp khác**

##### ***4.1. Phát huy vai trò của chính quyền trong khai thác, quảng bá các di sản văn hóa thế giới***

Trong thời gian qua, vai trò của chính quyền địa phương trong việc khai thác bền vững các di sản là rất quan trọng. Không thể phủ nhận vai trò của chính quyền địa phương bởi đây chính là đầu mối quan trọng trong chỉ đạo và hướng dẫn đối với hoạt động khai thác bền vững, bảo vệ và phát huy giá trị di sản. Chính quyền địa phương nên tổ chức bộ máy để quản lý di sản và phân chia trách nhiệm rõ ràng cho các bộ phận để thực hiện các hoạt động tu bổ tôn tạo di sản, bảo vệ cảnh quan di sản. Ngoài ra để thu hút được nhiều đối tượng khách du lịch đến với địa phương thì chính quyền cũng cần phải thực hiện quảng bá cho di sản, lúc đó mới có thể làm cho di sản được nổi tiếng hơn và được nhiều người biết đến. Việc xúc tiến quảng bá đòi hỏi phải có nguồn kinh phí lớn để có thể xây dựng được chiến dịch đưa tên tuổi di sản ra thế giới, tác động đến khách du lịch làm họ nảy sinh nhu cầu và họ sẽ tìm đến các di sản văn hóa của Việt Nam để chiêm ngưỡng những vẻ đẹp kỳ thú ở đây. Xúc tiến quảng bá đi đến được thực hiện đến từng đối tượng khách hàng mục tiêu. Internet, các bài viết trên báo, tạp chí, các quảng cáo trên báo và tạp chí trong và ngoài nước cũng có những ảnh hưởng nhất định đến lựa chọn của du khách. Các nguồn cung cấp thông tin chủ yếu cho du khách là đại lý du lịch và hãng lữ hành và trên máy bay. Do đó, phương tiện sử dụng để thực hiện hoạt động truyền thông là các tờ rơi, tập gấp, các sách hướng dẫn du lịch được đặt tại nhà ga, sân bay tại các thị trường mục tiêu. Việc tham gia các triển lãm và hội chợ du lịch tại các thị trường cũng là một cách thức để chuyển tải hình ảnh của du lịch miền Trung nói chung, của các di sản văn hóa thế giới nói riêng đến các khách du lịch quốc tế. Sách, báo, tạp chí cũng là một công cụ truyền thông hiệu quả nên cũng nên tăng cường quảng bá cho các di sản văn hóa thế giới, chẳng hạn quảng bá qua tạp chí du lịch Việt Nam, qua tạp chí của Vietnam Airlines. Bên cạnh đó, việc tổ chức các sự kiện tại các

địa phương nơi có di sản cũng góp phần quảng bá hình ảnh của di sản. Đặc biệt với các sự kiện mang tầm quốc tế được tổ chức sẽ chuyển tải được hình ảnh của di sản đến với các khách du lịch quốc tế, qua đó việc quảng bá di sản sẽ được thực hiện thông qua các kênh truyền hình nước ngoài. Tuy nhiên hiệu quả quảng bá sẽ cao hơn khi có một mối liên kết giữa chính quyền địa phương nơi có di sản và chính quyền và các doanh nghiệp du lịch, các công ty lữ hành, các khách sạn, cơ sở đào tạo, cơ quan truyền thông, văn hóa tại các thị trường mục tiêu.

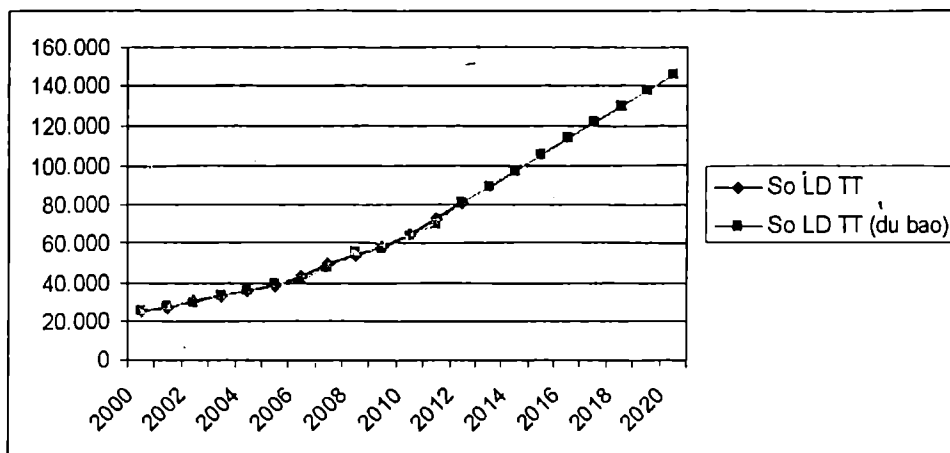
Hơn nữa, chính quyền địa phương còn là đầu mối trong việc triển khai hoạt động marketing cho điểm đến. Ngoài việc quan tâm đến xúc tiến quảng bá thì chính quyền địa phương cần phải quan tâm đến mọi mặt của đời sống như tổ chức các dịch vụ phục vụ khách du lịch với chất lượng cao, đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại và đồng bộ, chú ý đến môi trường sinh thái và nhất là đảm bảo tình hình an ninh trật tự nơi có các di sản. Chính nhờ sự quan tâm của chính quyền địa phương sẽ tạo điều kiện cho việc khai thác tốt giá trị các khu di sản, đưa di sản vào phục vụ khách du lịch và đóng góp vào sự phát triển bền vững của các khu di sản.

#### ***4.2. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch***

Để nâng cao năng lực cạnh tranh của du lịch miền Trung, cần phải có sự quan tâm đến nguồn nhân lực du lịch. Dự báo đến năm 2015, số lượng lao động trực tiếp trong ngành du lịch miền Trung là 105.401 người và đến năm 2020 là 146.044 người, tăng 1,8 lần so với năm 2012.

Phát triển nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch là một trong những đòi hỏi cấp thiết đảm bảo cho sự phát triển lâu dài trong tương lai. Để góp phần khai thác hợp lý di sản văn hóa thế giới thì ngành du lịch cần chú trọng đến đội ngũ lao động trong du lịch, bởi vì đây chính là nhân tố quan trọng góp phần vào sự thành công của hoạt động kinh doanh du lịch. Lao động trong ngành du lịch không những phải có trình độ chuyên môn nghiệp vụ mà còn phải có kỹ năng giao tiếp, ứng xử và thuyết phục khách hàng. Khả năng giao tiếp tốt, thái độ niềm nở, chân tình sẽ gây được ấn tượng tốt và tạo được niềm tin đối với khách hàng. Vì thế việc đào tạo và nâng cao chất lượng đội ngũ

cán bộ cần phải được quan tâm xem xét. Do đó, trong thời gian tới, cần đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực du lịch miền Trung ở các cấp độ, đặc biệt đào tạo chính quy về du lịch trình độ đại học và trên đại học để tạo nên lực lượng quản lý nòng cốt. Hơn nữa cần có các chương trình nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên ngành du lịch cho cán bộ trẻ bằng cách cho tham gia vào các lớp đào tạo ở nước ngoài cũng như thực tập tại các cơ sở thực tế trong và ngoài nước. Việc tăng cường hợp tác trao đổi kinh nghiệm thông qua các chuyến công tác, khảo sát và tham gia hội nghị, hội thảo khoa học ở các nước có ngành du lịch phát triển cũng là tiền đề góp phần phát triển sự nghiệp du lịch của khu vực.



*Đồ thị 1: Dự báo lao động trực tiếp trong ngành du lịch tại miền Trung đến năm 2020 bằng hàm mũ Holt Winter*

Đối với đội ngũ tiếp xúc trực tiếp với khách thì cần đào tạo chuyên môn, nâng cao tay nghề và đặc biệt là trang bị kỹ năng tiếp xúc với khách hàng. Đặc biệt đối với hướng dẫn viên du lịch, lực lượng được coi là chìa khóa thành công của ngành du lịch cần được quan tâm bồi dưỡng nhất là các kiến thức về kinh tế, văn hóa, giáo dục, văn học, nghệ thuật, địa lý và tâm lý khách du lịch. Khi có được các kiến thức cần thiết, các hướng dẫn viên sẽ truyền tải được những giá trị của các di sản văn hóa đến với khách du lịch, giúp du khách cảm nhận được các giá trị về văn hóa nghệ thuật và truyền thống của các di sản. Bên cạnh đó, đội ngũ hướng dẫn viên phải còn là người am hiểu cặn kẽ về di sản mới có thể giới thiệu tường tận cho du khách những giá trị này. Cần chú ý đến đội ngũ hướng dẫn viên với nhiều thứ tiếng để đáp ứng nhu cầu của các

khách du lịch với nhiều quốc tịch khác nhau. Việc đào tạo có thể được thực hiện theo nhiều hình thức, đào tạo tại nơi làm việc như cho những hướng dẫn viên có kinh nghiệm đi theo trong một số chuyến đi để giúp cho những hướng dẫn viên trẻ tuổi học tập kinh nghiệm, bên cạnh đó cần yêu cầu ý thức tự đào tạo, học tập của đội ngũ này. Ngoài ra còn có thể đào tạo ngoài nơi làm việc như cho đội ngũ hướng dẫn viên theo học một số trường lớp và các khóa học liên quan đến nghề nghiệp của mình.

Đối với lực lượng hướng dẫn viên tại điểm cần được cập nhật thường xuyên các kiến thức về bảo tồn di sản để thường xuyên truyền truyền cho du khách, rèn luyện các kỹ năng truyền tải để giúp cho du khách có được sự cảm nhận sâu sắc về giá trị của di sản mà họ viếng thăm, đảm bảo những trải nghiệm có ý nghĩa cho du khách.

### **4.3. Liên kết du lịch các tỉnh miền Trung để khai thác hợp lý các di sản văn hóa thế giới**

Để việc liên kết du lịch được triển khai và thực hiện đồng bộ đòi hỏi phải có sự tham gia của các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương. Nhưng trước mắt cần phải có sự định hướng rõ ràng từ các nhà quản lý. Đối với du lịch miền Trung cần chú trọng đến các lợi thế đặc thù của khu vực như du lịch lịch sử văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch biển và đặc biệt là du lịch văn hóa được coi như là nền tảng để phát triển du lịch dựa trên cơ sở những tiềm năng nổi trội đó chính là các di sản văn hóa thế giới. Bên cạnh đó đa dạng hóa sản phẩm du lịch bằng cách đưa vào khai thác kết hợp với các loại hình du lịch khác như du lịch sinh thái, du lịch chèo thuyền, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng nhằm kéo dài thời gian lưu trú của khách và tăng mức chi tiêu của khách. Nhưng vấn đề cùng liên kết khai thác để phát triển du lịch thì các địa phương cần hạn chế đến mức thấp nhất sự trùng lặp về sản phẩm. Để có được điều đó thì ngành du lịch phải có một quy hoạch chung mang tính toàn khu vực. Trên cơ sở thế mạnh nổi trội của từng vùng du lịch, các tỉnh sẽ đẩy mạnh liên kết với nhau nhằm tạo ra các chương trình du lịch đặc sắc, hấp dẫn, không những liên kết trong khu vực mà còn chú trọng liên kết với các trung tâm du lịch khác trong cả nước và với các nước trong khu vực ASEAN, mở rộng để nối tour du lịch để dễ dàng trong việc tiêu

thụ các sản phẩm du lịch.

Hơn nữa, để việc liên kết đạt kết quả tốt cần phải có một quy hoạch chung mang tính liên vùng cao, có như thế mới có thể phát huy hết tiềm năng của từng vùng nhưng đồng thời làm giảm đi tính trùng lặp của sản phẩm trong khu vực, trên cơ sở cùng bàn bạc trao đổi và thống nhất về loại hình du lịch thế mạnh của từng địa phương sẽ được chú trọng khai thác. Nhờ đó sẽ đa dạng hóa sản phẩm du lịch của khu vực, tạo nên thế mạnh bền vững, tạo hình ảnh du lịch độc đáo đảm bảo thúc đẩy quá trình phát triển du lịch miền Trung.

Bên cạnh đó, nhằm phát huy tối đa nguồn lực của các địa phương thì cần chú ý đến phạm vi liên kết. Sự liên kết ở đây không những theo chiều dọc, chiều ngang về địa lý mà còn bao gồm cả chiều ngang lẫn chiều dọc giữa các ngành, các doanh nghiệp với nhau. Liên kết ngang là liên kết giữa các doanh nghiệp du lịch trong việc tổ chức khai thác và kinh doanh du lịch, vì thế cần xây dựng các sản phẩm du lịch mang hình ảnh chung của miền Trung, trên cơ sở đó các doanh nghiệp cùng nhau phối hợp nhau để thực hiện, cung cấp các dịch vụ đảm bảo chất lượng và phù hợp cho du khách trong hành trình, cũng ứng chuỗi giá trị tuyệt hảo đem lại sự hài lòng cao nhất cho khách du lịch. Bên cạnh đó không thể thiếu sự liên kết theo ngành dọc, liên kết các lĩnh vực liên quan như thương mại, tài chính, ngân hàng, giao thông, hải quan, ngoại giao, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kinh doanh du lịch đồng thời tạo đà cho sự liên kết phát triển, tổ chức sự kiện và quảng bá du lịch.

Tuy nhiên điều quan trọng nhất là cần có một cơ quan điều phối chung đứng ra chịu trách nhiệm chính trong việc thực hiện liên kết, do đó việc thành lập Cơ quan quản lý du lịch khu vực miền Trung sẽ là đơn vị trung tâm đề xuất các hoạt động trọng tâm hướng tới mục tiêu chung, kêu gọi sự tham gia của các tổ chức, các đơn vị trong quá trình khai thác giá trị các tài nguyên du lịch nói chung, giá trị các di sản văn hóa thế giới nói riêng, phối hợp liên kết với nhau trong việc bảo tồn, phát huy giá trị tài nguyên du lịch, bảo vệ môi trường góp phần gia tăng tốc độ phát triển du lịch của khu vực. Với tiềm năng các di sản văn hóa thế giới tại miền Trung sẽ là cơ sở tiền đề tạo động lực cho phát triển du lịch nếu có những cách thức liên kết đúng đắn của các địa phương có đi

khách du lịch với nhiều quốc tịch khác nhau. Việc đào tạo có thể được thực hiện theo nhiều hình thức, đào tạo tại nơi làm việc như cho những hướng dẫn viên có kinh nghiệm đi theo trong một số chuyến đi để giúp cho những hướng dẫn viên trẻ tuổi học tập kinh nghiệm, bên cạnh đó cần yêu cầu ý thức tự đào tạo, học tập của đội ngũ này. Ngoài ra còn có thể đào tạo ngoài nơi làm việc như cho đội ngũ hướng dẫn viên theo học một số trường lớp và các khóa học liên quan đến nghề nghiệp của mình.

Đối với lực lượng hướng dẫn viên tại điểm cần được cập nhật thường xuyên các kiến thức về bảo tồn di sản để thường xuyên tuyên truyền cho du khách, rèn luyện các kỹ năng truyền tải để giúp cho du khách có được sự cảm nhận sâu sắc về giá trị của di sản mà họ viếng thăm, đảm bảo những trải nghiệm có ý nghĩa cho du khách.

#### ***4.3. Liên kết du lịch các tỉnh miền Trung để khai thác hợp lý các di sản văn hóa thế giới***

Để việc liên kết du lịch được triển khai và thực hiện đồng bộ đòi hỏi phải có sự tham gia của các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương. Nhưng trước mắt cần phải có sự định hướng rõ ràng từ các nhà quản lý. Đối với du lịch miền Trung cần chú trọng đến các lợi thế đặc thù của khu vực như du lịch lịch sử văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch biển và đặc biệt là du lịch văn hóa được coi như là nền tảng để phát triển du lịch dựa trên cơ sở những tiềm năng nổi trội đó chính là các di sản văn hóa thế giới. Bên cạnh đó đa dạng hóa sản phẩm du lịch bằng cách đưa vào khai thác kết hợp với các loại hình du lịch khác như du lịch sinh thái, du lịch cuối tuần, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng nhằm kéo dài thời gian lưu trú của khách và tăng mức chi tiêu của khách. Nhưng vấn đề cùng liên kết khai thác để phát triển du lịch thì các địa phương cần hạn chế đến mức thấp nhất sự trùng lặp về sản phẩm. Để có được điều đó thì ngành du lịch phải có một quy hoạch chung mang tính toàn khu vực. Trên cơ sở thế mạnh nổi trội của từng vùng du lịch, các tỉnh sẽ đẩy mạnh liên kết với nhau nhằm tạo ra các chương trình du lịch đặc sắc, hấp dẫn, không những liên kết trong khu vực mà còn chú trọng liên kết với các trung tâm du lịch khác trong cả nước và với các nước trong khu vực ASEAN, mở rộng để nối tour du lịch để dễ dàng trong việc tiêu

thụ các sản phẩm du lịch.

Hơn nữa, để việc liên kết đạt kết quả tốt cần phải có một quy hoạch chung mang tính liên vùng cao, có như thế mới có thể phát huy hết tiềm năng của từng vùng nhưng đồng thời làm giảm đi tính trùng lặp của sản phẩm trong khu vực, trên cơ sở cùng bàn bạc trao đổi và thống nhất về loại hình du lịch thế mạnh của từng địa phương sẽ được chú trọng khai thác. Nhờ đó sẽ đa dạng hóa sản phẩm du lịch của khu vực, tạo nên thế mạnh bền vững, tạo hình ảnh du lịch độc đáo đảm bảo thúc đẩy quá trình phát triển du lịch miền Trung.

Bên cạnh đó, nhằm phát huy tối đa nguồn lực của các địa phương thì cần chú ý đến phạm vi liên kết. Sự liên kết ở đây không những theo chiều dọc, chiều ngang về địa lý mà còn bao gồm cả chiều ngang lẫn chiều dọc giữa các ngành, các doanh nghiệp với nhau. Liên kết ngang là liên kết giữa các doanh nghiệp du lịch trong việc tổ chức khai thác và kinh doanh du lịch, vì thế cần xây dựng các sản phẩm du lịch mang hình ảnh chung của miền Trung, trên cơ sở đó các doanh nghiệp cùng nhau phối hợp nhau để thực hiện, cung cấp các dịch vụ đảm bảo chất lượng và phù hợp cho du khách trong hành trình, cung ứng chuỗi giá trị tuyệt hảo đem lại sự hài lòng cao nhất cho khách du lịch. Bên cạnh đó không thể thiếu sự liên kết theo ngành dọc, liên kết các lĩnh vực liên quan như thương mại, tài chính, ngân hàng, giao thông, hải quan, ngoại giao, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kinh doanh du lịch đồng thời tạo đà cho sự liên kết phát triển, tổ chức sự kiện và quảng bá du lịch.

Tuy nhiên điều quan trọng nhất là cần có một cơ quan điều phối chung đứng ra chịu trách nhiệm chính trong việc thực hiện liên kết, do đó việc thành lập Cơ quan quản lý du lịch khu vực miền Trung sẽ là đơn vị trung tâm đề xuất các hoạt động trọng tâm hướng tới mục tiêu chung, kêu gọi sự tham gia của các tổ chức, các đơn vị trong quá trình khai thác giá trị các tài nguyên du lịch nói chung, giá trị các di sản văn hóa thế giới nói riêng, phối hợp liên kết với nhau trong việc bảo tồn, phát huy giá trị tài nguyên du lịch, bảo vệ môi trường góp phần gia tăng tốc độ phát triển du lịch của khu vực. Với tiềm năng các di sản văn hóa thế giới tại miền Trung sẽ là cơ sở tiền đề tạo động lực cho phát triển du lịch nếu có những cách thức liên kết đúng đắn của các địa phương có di

sản. Vì vậy cần tránh việc phát triển du lịch theo tình trạng cát cứ, mạnh ai nấy làm hiện nay. Cơ quan quản lý du lịch này sẽ là đầu tàu để thực hiện việc kết nối giữa các địa phương nhằm hoàn thiện lại Con đường di sản miền Trung. Việc liên kết không chỉ được thực hiện giữa các địa phương có di sản mà được mở rộng đối với tất cả các tỉnh thành trong khu vực miền Trung. Hơn nữa, việc liên kết còn được thực hiện giữa các ngành thương mại, du lịch, dịch vụ nhằm tạo ra các sản phẩm du lịch phong phú, đa dạng, góp phần gia tăng khả năng thu hút khách đến miền Trung. Cơ quan quản lý du lịch sẽ chịu trách nhiệm gánh vác và duy trì hoạt động của Con đường di sản miền Trung trên cơ sở các sản phẩm du lịch hiện có, đặc biệt là các di sản văn hóa thế giới, từ đó sẽ thúc đẩy sự phát triển du lịch miền Trung. Ngoài ra, để tạo đà cho sự phát triển, cần có liên kết trong triển khai các chương trình hành động của mỗi tỉnh gắn kết với các tỉnh khác trong khu vực miền Trung về phát triển hạ tầng du lịch và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch tạo sự đồng nhất trong chất lượng phục vụ. Điều đó sẽ tạo sức mạnh trong liên kết, gia tăng lợi thế cạnh tranh của du lịch miền Trung.

## **5. Một số kiến nghị**

### **5.1. Đối với chính phủ**

Cần có các chính sách rõ ràng, tạo cơ chế quản lý cũng như hệ thống các tiêu chuẩn riêng cho hoạt động khai thác giá trị các di sản văn hóa thế giới. Đồng thời cần có sự hỗ trợ về kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ đào tạo để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch tại các địa phương có di sản. Hơn nữa cần có sự giúp đỡ các địa phương có di sản thực hiện quảng bá cho các di sản, xây dựng hình ảnh cho các di sản để có những tác động cụ thể đến du khách trong và ngoài nước. Khuyến khích các thành phần tham gia hoạt động du lịch nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế của các địa phương nơi có di sản, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Ngoài ra trước mắt cần sớm xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển du lịch cho từng khu vực với sự tham gia của các Bộ, ngành có liên quan làm căn cứ cho các địa phương tổ chức khai thác một cách có hiệu quả giá trị các di sản văn hóa thế giới.

### **5.2. Đối với các tỉnh**

Căn cứ và các chính sách chung của nhà nước, ban hành các quy

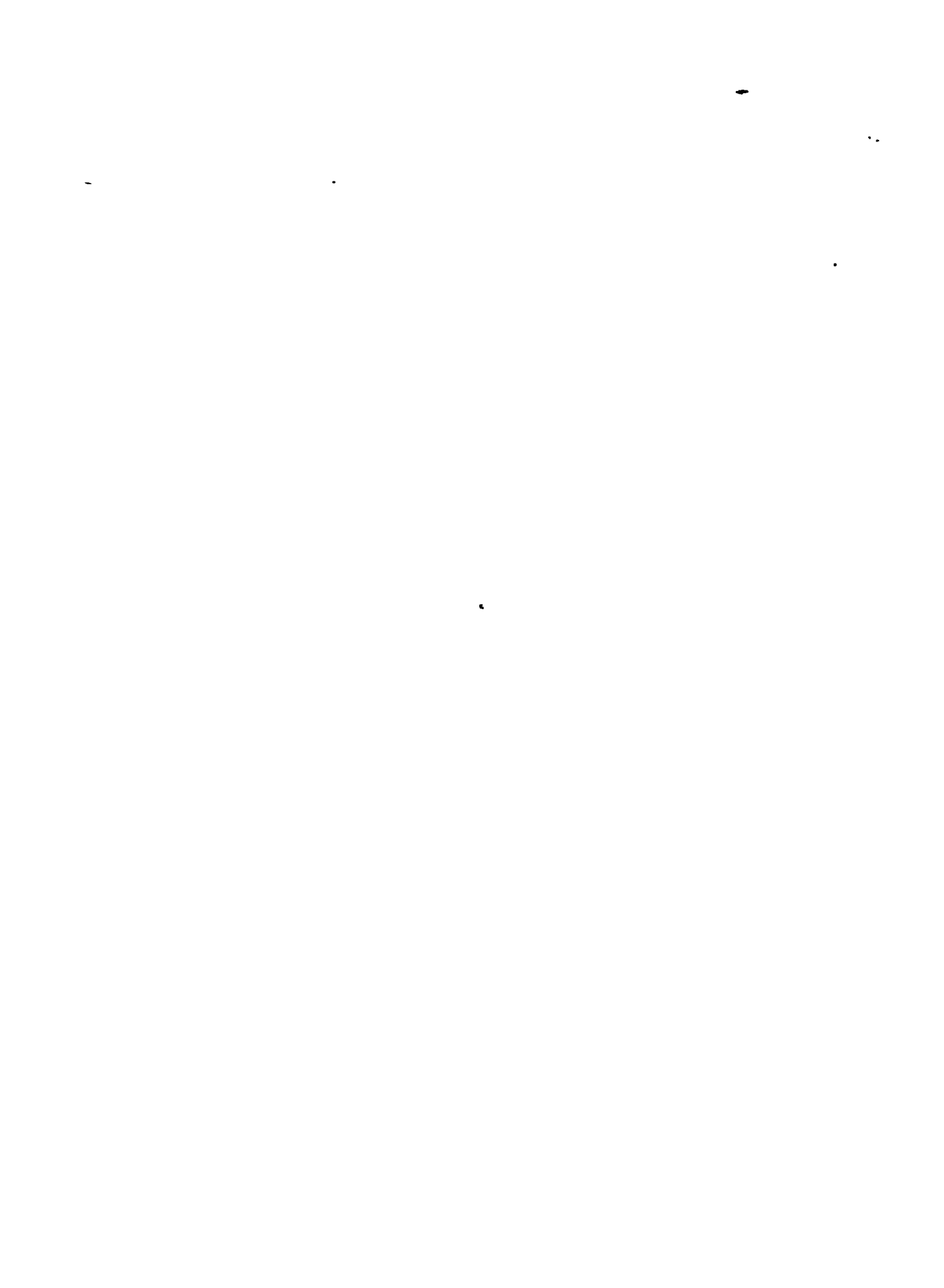
định trong việc khai thác các giá trị đi đôi với việc bảo tồn các di sản văn hóa thế giới, bên cạnh đó cần chú trọng đến bảo vệ môi trường và cảnh quan xung quanh, tuân thủ nghiêm túc các cam kết với Ủy ban Di sản thế giới về khai thác, bảo vệ, trùng tu và tôn tạo các di sản.

### ***5.3. Đối với các doanh nghiệp lữ hành du lịch, các cơ sở cung ứng dịch vụ du lịch***

Cần phối hợp với cộng đồng địa phương, với chính quyền, với Ban quản lý các di tích, di sản tổ chức khai thác hợp lý các di sản văn hóa thế giới. Hơn nữa, cần tạo ra nhiều sản phẩm du lịch văn hóa có chất lượng phục vụ nhu cầu của du khách, gắn với việc khai thác cần có sự phối hợp đào tạo huấn luyện các nghiệp vụ du lịch cho người lao động, góp phần khai thác hợp lý giá trị các di sản văn hóa thế giới theo hướng bền vững.

### ***5.4. Đối với người dân và cộng đồng địa phương***

Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động du lịch để chia sẻ lợi ích với các doanh nghiệp. Khi tham gia vào hoạt động chung ngoài việc giúp cải thiện cuộc sống, tạo công ăn việc làm, còn thúc đẩy cộng đồng phát triển góp phần bảo vệ và khôi phục các di sản văn hóa thế giới.



# PHẦN PHỤ LỤC

r

s

## PHỤ LỤC 1

*Bảng 2: Tổng hợp đánh giá hoạt động khai thác du lịch tại các di sản văn hóa thế giới*

Các tiêu chí	Ưu điểm	Nhược điểm
<b>Tại di sản văn hóa thế giới đô thị cổ Hội An</b>		
1. Khai thác đầy đủ di sản văn hóa thế giới	Số lượng các công trình di tích nhiều, đa dạng, phong phú	Số lượng các di tích khai thác còn hạn chế
2. Khai thác đi đôi bảo vệ di sản văn hóa thế giới, phát huy tính độc đáo	Việc trùng tu, tôn tạo và bảo vệ các di tích được chú trọng, Khai thác các công trình kiến trúc độc đáo, có giá trị văn hóa lâu đời	Các công trình di tích trong khu phố cổ sử dụng sai mục đích, nhà cổ bị sử dụng làm nơi buôn bán, bị chuyển nhượng, Hội An đang mất dần các tập quán, lối sống truyền thống, các không gian sinh hoạt và không gian linh thiêng trong nhà cổ
3. Có nguồn vốn đầu tư	Có nhiều nguồn vốn đầu tư để bảo vệ di sản	
4. Khai thác đảm bảo đem lại việc làm và thu nhập cho cộng đồng	Chính quyền thành phố Hội An trong thời gian qua đã có cách khai thác riêng và ra sức khôi phục di sản, đảm bảo hoạt động du lịch đem lại lợi ích cho dân cư địa phương thông qua các hoạt động phục vụ du lịch	
5. Kết hợp loại hình du lịch khác	Du lịch văn hoá kết hợp với lễ hội, sinh thái làng quê, sông nước, làng nghề, du lịch nghỉ dưỡng	
6. Chú ý đến sức chứa		Chưa tính đến vấn đề sức chứa

7. Bảo vệ môi trường		Người dân thường xuyên xả rác và các loại chất thải, thiếu thùng rác tại các nơi công cộng, kênh Chùa Cầu bị ô nhiễm trầm trọng, bốc mùi.
<b>Tại di sản văn hóa thế giới Thánh địa Mỹ Sơn</b>		
1. Khai thác đầy đủ di sản văn hóa thế giới		Không thể khai thác một số tháp do xuống cấp trầm trọng, có nguy cơ sụp đổ
2. Khai thác di sản văn hóa thế giới đi đôi bảo vệ, Phát huy tính độc đáo	Việc bảo tồn hiện nay chỉ mới dừng ở việc thu thập cứ liệu, Các đền tháp mang nhiều phong cách khác nhau	Các phương án trùng tu tôn tạo di tích này vẫn chưa thể thực hiện được do chưa thể nghiên cứu được về cách xây dựng, loại gạch sử dụng, chất lượng và phương pháp kiến trúc xây tháp của người Champa cổ, chưa có được lời giải về bí mật xây dựng đền tháp nên việc phát huy tính độc đáo của di sản này còn gặp nhiều khó khăn
3. Có nguồn vốn đầu tư	Có nguồn vốn để đầu tư bảo vệ	Nguồn vốn thu từ bán vé không đủ mà cần phải huy động thêm từ nhiều nguồn khác
4. Khai thác đảm bảo đem lại việc làm và thu nhập cho cộng đồng		Cách khai thác vẫn chưa phù hợp, chưa đem lại lợi ích cho cộng đồng cư dân địa phương

5. Kết hợp loại hình du lịch khác	Kết hợp với du lịch văn hóa lễ hội, du lịch làng nghề	Việc kết hợp chưa được quan tâm đúng mức
6. Chú ý đến sức chứa		Vấn đề sức chứa chưa được bàn đến
7. Bảo vệ môi trường		Môi trường của di sản bị ô nhiễm do sự phát triển du lịch, sự tập trung quá đông người trong mùa lễ hội
<b>Tại di sản văn hóa thế giới đô thị cổ cố đô Huế</b>		
1. Khai thác đầy đủ di sản văn hóa thế giới	Số lượng di tích không lồ	Số lượng di tích được khai thác không nhiều, nhiều nơi đã trở thành phế tích
2. Khai thác đi đôi bảo vệ di sản văn hóa thế giới		Có nhiều đơn vị, ban, ngành liên quan đến công việc quản lý và bảo vệ di sản, nhưng lại thiếu sự phối hợp và sự điều phối chung
3. Có nguồn vốn đầu tư	Có chủ trương trong đầu tư bảo vệ di sản	Nguồn vốn còn hạn chế
4. Khai thác đảm bảo đem lại việc làm và thu nhập cho cộng đồng	Vẻ đẹp Huế không nơi nào có được và những giá trị của nó là độc nhất vô nhị, không có gì thay thế được	Chưa phát huy hết giá trị vốn có để xem đây là thế mạnh để khai thác phục vụ du lịch, chưa chú trọng khai thác các nét đặc sắc, tinh tế và những giá trị văn hóa, lịch sử, nghệ thuật, kiến trúc, khai thác còn tùy tiện, khai thác chưa chú trọng đem lại lợi ích cho cộng đồng

5. Kết hợp loại hình du lịch khác	Kết hợp với ca Huế, ẩm thực, nhã nhạc cung đình, nghệ thuật dân gian truyền thống, du lịch làng nghề, du lịch tâm linh và du lịch sinh thái	
6. Chú ý đến sức chứa		Vấn đề này vẫn còn bỏ ngỏ
7. Bảo vệ môi trường		Môi trường du lịch không tốt, để lại ấn tượng xấu cho khách hàng
<b>Tại di sản văn hóa thế giới Thành nhà Hồ</b>		
1. Khai thác đầy đủ di sản văn hóa thế giới		Khu di tích Thành nhà Hồ còn nhiều công trình ở dạng phế tích nên chưa thể khai thác đầy đủ
2. Khai thác đi đôi bảo vệ di sản văn hóa thế giới, Phát huy tính độc đáo	Chú trọng khai thác, giữ gìn tính nguyên vẹn của di sản, nghiên cứu các giá trị độc đáo của di sản	
3. Có nguồn vốn đầu tư		Nguồn vốn còn hạn chế
4. Khai thác đảm bảo đem lại việc làm và thu nhập cho cộng đồng		Chưa đem lại lợi ích kinh tế cho cộng đồng cư dân địa phương
5. Kết hợp loại hình du lịch khác		Kết hợp với các loại hình du lịch khác chưa triệt để

6. Chú ý đến sức chứa		Chưa quan tâm đến vấn đề sức chứa
7. Bảo vệ môi trường		Môi trường chưa được đảm bảo do nơi tập kết rác ở trong thành

## PHỤ LỤC 2

*Bảng 3: Tổng hợp các tiêu chí đánh giá hoạt động khai thác du lịch tại các di sản văn hóa thế giới*

Các chỉ tiêu cơ bản	Mức độ	Đánh giá
<b>Tại di sản văn hóa thế giới Đô thị cổ Hội An</b>		
<b>1. Các chỉ tiêu tăng cường giá trị của các di sản văn hóa thế giới</b>		
Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ các di tích được khai thác trên tổng số lượng các di tích được thống kê	10%	Khai thác chưa hợp lý
Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ di tích được đầu tư tôn tạo trong tổng số di tích được khai thác	132,35% (kể cả nhà ở không khai thác du lịch)	Khai thác hợp lý
Chỉ tiêu 3: Số lượng các di tích trong khu di sản được quy hoạch cho đầu tư bảo tồn và phát huy giá trị	1252/1360 được quy hoạch bảo tồn	Khai thác hợp lý
Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ doanh thu du lịch được trích phục vụ bảo vệ trùng tu tôn tạo bảo vệ di sản văn hóa thế giới	75%	Khai thác hợp lý
<b>2. Các chỉ tiêu đảm bảo lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa phương</b>		
Chỉ tiêu 5: Số lượng các cơ sở dịch vụ phục vụ du lịch tăng thêm	751 cửa hàng, 84 khách sạn, 5 khu dịch vụ homestay	Khai thác hợp lý
Chỉ tiêu 6: Sự tăng trưởng doanh thu du lịch	12,86%	Khai thác hợp lý
Chỉ tiêu 7: Lực lượng hướng dẫn viên được sử dụng tại địa phương	100 hướng dẫn viên, không sử dụng người dân làm hướng dẫn viên	Khai thác chưa hợp lý
Chỉ tiêu 8: Mức độ đa dạng hóa của sản phẩm du lịch tại địa phương có di sản	Kết hợp nhiều loại hình du lịch	Khai thác hợp lý

<b>3. Các chỉ tiêu chỉ môi trường</b>		
Chỉ tiêu 9: Sức chứa tại các di sản văn hóa thế giới		
Chỉ tiêu 10: Tác động tiêu cực đến xã hội từ du lịch	Lượng khách quá đông gây quá tải trong khu phố cổ	Khai thác chưa hợp lý
Chỉ tiêu 11: Tình hình ô nhiễm môi trường tại các khu di sản	Ô nhiễm do nước thải, do tiếng ồn	Khai thác chưa hợp lý
Chỉ tiêu 12: Giáo dục nâng cao nhận thức của khách du lịch tôn trọng và bảo vệ môi trường tại di sản văn hóa thế giới	Có chương trình giáo dục cho học sinh các cấp	Khai thác hợp lý
Chỉ tiêu 13: Mức độ hài lòng của du khách	Tỷ lệ khách hài lòng chưa cao	Khai thác chưa hợp lý
<b>Tại di sản văn hóa thế giới Thánh địa Mỹ Sơn</b>		
<b>1. Các chỉ tiêu tăng cường giá trị của các di sản văn hóa thế giới</b>		
Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ các di tích được khai thác trên tổng số lượng các di tích được thống kê	28%	Khai thác chưa hợp lý
Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ di tích được đầu tư tôn tạo trong tổng số di tích được khai thác	Chưa thể tôn tạo do chưa tìm hiểu hết về cấu tạo, cấu trúc đền tháp	Khai thác chưa hợp lý
Chỉ tiêu 3: Số lượng các di tích trong khu di sản được quy hoạch cho đầu tư bảo tồn và phát huy giá trị	20/20	Khai thác chưa hợp lý
Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ doanh thu du lịch được trích phục vụ bảo vệ trùng tu tôn tạo bảo vệ di sản văn hóa thế giới	Doanh thu quá thấp	Khai thác chưa hợp lý

<i>2. Các chỉ tiêu đảm bảo lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa phương</i>		
Chỉ tiêu 5: Số lượng các cơ sở dịch vụ phục vụ du lịch tăng thêm	Không có cơ sở dịch vụ phục vụ du lịch tại di sản	Khai thác chưa hợp lý
Chỉ tiêu 6: Sự tăng trưởng doanh thu du lịch	1,9%	Khai thác chưa hợp lý
Chỉ tiêu 7: Lực lượng hướng dẫn viên được sử dụng tại địa phương	12 hướng dẫn viên, không sử dụng lực lượng tại địa phương vào mùa cao điểm	Khai thác chưa hợp lý
Chỉ tiêu 8: Mức độ đa dạng hóa của sản phẩm du lịch tại địa phương có di sản	Kết hợp du lịch lễ hội	Khai thác chưa hợp lý
<i>3. Các chỉ tiêu về môi trường</i>		
Chỉ tiêu 9: Sức chứa tại các di sản văn hóa thế giới		
Chỉ tiêu 10: Tác động tiêu cực đến xã hội từ du lịch	Nguy cơ biến dạng di tích cao	Khai thác chưa hợp lý
Chỉ tiêu 11: Tình hình ô nhiễm môi trường tại các khu di sản	Ô nhiễm môi trường do khách đông	Khai thác chưa hợp lý
Chỉ tiêu 12: Giáo dục nâng cao nhận thức của khách du lịch tôn trọng và bảo vệ môi trường tại di sản văn hóa thế giới	Chưa quan tâm đến tài liệu tuyên truyền	Khai thác chưa hợp lý
Chỉ tiêu 13: Mức độ hài lòng của du khách	Tỷ lệ khách hài lòng chưa cao	Khai thác chưa hợp lý

<i>Tại di sản văn hóa thế giới Cố đô Huế</i>		
<i>1. Các chỉ tiêu tăng cường giá trị của các di sản văn hóa thế giới</i>		
Chi tiêu 1: Tỷ lệ các di tích được khai thác trên tổng số lượng các di tích được thống kê	54%	Khai thác hợp lý
Chi tiêu 2: Tỷ lệ di tích được đầu tư tôn tạo trong tổng số di tích được khai thác	52,17%	Khai thác hợp lý
Chi tiêu 3: Số lượng các di tích trong khu di sản được quy hoạch cho đầu tư bảo tồn và phát huy giá trị	80 di tích được quy hoạch bảo tồn	Khai thác chưa hợp lý (còn quá ít so với số lượng di tích được thống kê)
Chi tiêu 4: Tỷ lệ doanh thu du lịch được trích phục vụ bảo vệ trùng tu tôn tạo bảo vệ di sản văn hóa thế giới	80%	Khai thác hợp lý
<i>2. Các chỉ tiêu đảm bảo lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa phương</i>		
Chi tiêu 5: Số lượng các cơ sở dịch vụ phục vụ du lịch tăng thêm	310 khách sạn, thuyền phục vụ ca Huế, quầy bán hàng lưu niệm	Khai thác hợp lý
Chi tiêu 6: Sự tăng trưởng doanh thu du lịch	23,83%	Khai thác hợp lý
Chi tiêu 7: Lực lượng hướng dẫn viên được sử dụng tại địa phương	Hướng dẫn viên ở nơi khác dẫn đoàn đến Huế là phổ biến	Khai thác chưa hợp lý
Chi tiêu 8: Mức độ đa dạng hóa của sản phẩm du lịch tại địa phương có di sản	Đa dạng hóa	Khai thác hợp lý

<b>3. Các chỉ tiêu về môi trường</b>		
Chỉ tiêu 9: Sức chứa tại các di sản văn hóa thế giới		
Chỉ tiêu 10: Tác động tiêu cực đến xã hội từ du lịch	Lực lượng bán hàng rong đông, làm mất ấn tượng	Khai thác chưa hợp lý
Chỉ tiêu 11: Tình hình ô nhiễm môi trường tại các khu di sản	Nhà vệ sinh tại các di tích không đảm bảo	Khai thác chưa hợp lý
Chỉ tiêu 12: Giáo dục nâng cao nhận thức của khách du lịch tôn trọng và bảo vệ môi trường tại di sản văn hóa thế giới	Chưa quan tâm đến tài liệu tuyên truyền	Khai thác chưa hợp lý
Chỉ tiêu 13: Mức độ hài lòng của du khách	Tỷ lệ khách hài lòng chưa cao	Khai thác chưa hợp lý
<b>Tại di sản văn hóa thế giới Thành nhà Hồ</b>		
<b>1. Các chỉ tiêu tăng cường giá trị của các di sản văn hóa thế giới</b>		
Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ các di tích được khai thác trên tổng số lượng các di tích được thống kê	Tỷ lệ thấp do chi còn bức tường thành	Khai thác chưa hợp lý
Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ di tích được đầu tư tôn tạo trong tổng số di tích được khai thác	Chưa có	Khai thác chưa hợp lý
Chỉ tiêu 3: Số lượng các di tích trong khu di sản được quy hoạch cho đầu tư bảo tồn và phát huy giá trị	Chưa có	Khai thác chưa hợp lý

Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ doanh thu du lịch được trích phục vụ bảo vệ trùng tu tôn tạo bảo vệ di sản văn hóa thế giới	Doanh thu quá thấp	Khai thác chưa hợp lý
<i>2. Các chỉ tiêu đảm bảo lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa phương</i>		
Chỉ tiêu 5: Số lượng các cơ sở dịch vụ phục vụ du lịch tăng thêm	Không có	Khai thác chưa hợp lý
Chỉ tiêu 6: Sự tăng trưởng doanh thu du lịch	Doanh thu thấp tăng chậm	Khai thác chưa hợp lý
Chỉ tiêu 7: Lực lượng hướng dẫn viên được sử dụng tại địa phương	Không sử dụng hướng dẫn viên tại địa phương, chỉ có 4 nhân viên hướng dẫn	Khai thác chưa hợp lý
Chỉ tiêu 8: Mức độ đa dạng hóa của sản phẩm du lịch tại địa phương có di sản	Chưa kết hợp với các loại hình du lịch khác	Khai thác chưa hợp lý
<i>3. Các chỉ tiêu về môi trường</i>		
Chỉ tiêu 9: Sức chứa tại các di sản văn hóa thế giới		
Chỉ tiêu 10: Tác động tiêu cực đến xã hội từ du lịch	Chưa có tác động tiêu cực	
Chỉ tiêu 11: Tình hình ô nhiễm môi trường tại các khu di sản	Ô nhiễm do rác thải sinh hoạt	Khai thác chưa hợp lý

<p>Chi tiêu 12: Giáo dục nâng cao nhận thức của khách du lịch tôn trọng và bảo vệ môi trường tại di sản văn hóa thế giới</p>	<p>Chưa quan tâm đến tài liệu tuyên truyền</p>	<p>Khai thác chưa hợp lý</p>
<p>Chi tiêu 13: Mức độ hài lòng của du khách</p>		

# Mục lục

- <i>Lời mở đầu</i>	5
- Những vấn đề cơ bản về du lịch và phát triển du lịch	7
- Du lịch văn hóa và du lịch di sản văn hóa	13
- Những vấn đề cơ bản về Di sản văn hóa thế giới	17
- Khai thác hợp lý giá trị Di sản văn hóa thế giới vật thể để phát triển du lịch	24
- Các tiêu chí và chỉ tiêu đánh giá khai thác hợp lý giá trị Di sản văn hóa thế giới vật thể để phát triển du lịch	31
- Kinh nghiệm khai thác giá trị Di sản văn hóa thế giới ở một số nước	54
- Các lợi thế phát triển du lịch miền Trung Việt Nam	66
- Tình hình phát triển du lịch tại miền Trung Việt Nam	73
- Hoạt động xúc tiến du lịch và liên kết du lịch tại miền Trung	84
- Tình hình khai thác thị trường khách tại các Di sản văn hóa thế giới	89
- Đánh giá tính hợp lý trong khai thác giá trị Đô thị cổ Hội An nhằm phát triển du lịch	100
- Đánh giá tính hợp lý trong khai thác giá trị Di sản văn hóa thế giới Khu đền tháp Mỹ Sơn nhằm phát triển du lịch	125

Đánh giá tính hợp lý trong khai thác giá trị	
- Di sản văn hóa thế giới Quần thể di tích Cố đô Huế nhằm phát triển du lịch	139
Đánh giá tính hợp lý trong khai thác giá trị	
- Di sản văn hóa thế giới Thành nhà Hồ nhằm phát triển du lịch	156
Đánh giá hoạt động khai thác giá trị các Di	
- sản văn hóa thế giới vật thể nhằm phát triển du lịch	162
Các điều kiện khai thác du lịch tại miền	
- Trung	169
Các cơ hội, thách thức, điểm mạnh, điểm	
- yếu trong khai thác du lịch miền Trung	175
Tình hình du lịch trên thế giới, tại Việt Nam	
- và ở miền Trung	180
Các định hướng khai thác hợp lý các Di sản	
- văn hóa thế giới vật thể tại miền Trung	184
Xác định khách hàng mục tiêu và định vị	
- hình ảnh của du lịch miền Trung	187
Dự báo số lượt khách đến miền Trung và	
- doanh thu du lịch	191
Phương hướng và mục tiêu khai thác giá trị	
- các Di sản văn hóa thế giới vật thể nhằm phát triển du lịch miền Trung	196
Một số giải pháp khai thác hợp lý giá trị các	
- Di sản văn hóa thế giới vật thể nhằm phát triển du lịch	199
- <i>Phụ lục 1</i>	225
- <i>Phụ lục 2</i>	230

**PHÁT TRIỂN DU LỊCH TRÊN CƠ SỞ KHAI THÁC  
HỢP LÝ GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA THẾ GIỚI VẬT THỂ  
TS. NGUYỄN THỊ THỐNG NHẤT**

---

**NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG**

Lô 103 đường 30 tháng 4, Hòa Cường Bắc, Đà Nẵng  
ĐT: 0511.3797814 - 3797823 ; Fax: 0511.3797875  
www.nxbdanang.vn ; xuatban@nxbdanang.vn

**Chịu trách nhiệm xuất bản:**

Giám đốc TRƯƠNG CÔNG BÁO

**Chịu trách nhiệm nội dung:**

Tổng Biên tập NGUYỄN KIM HUY

**Biên tập, trình bày:** TRƯƠNG ĐĂNG KHUÊ

**Biên tập:** STAR BOOKS

**Sửa bản in:** TS. NGUYỄN THỊ THỐNG NHẤT

In và đóng sách 1000 cuốn, khổ 16x24 cm, tại Cty in Văn hóa Sài Gòn

Địa chỉ: 754 Hàm Tử, phường 10, Quận 5, Tp. HCM

Xác nhận đăng ký xuất bản số: 576 - 2016/CXBIPH/04 - 27/ĐaN

Quyết định xuất bản số: 111/QĐ-NXBĐaN, ngày 9/3/2016

ISBN: 978-604-903-546-3

In xong và nộp lưu chiểu quý 2 năm 2016